Tuần: Tiết: VĂN BẢN	BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN (Trích "Dế mèn phiêu lưu kí " –Tô Hoài)	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1.Kiến thức.

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một văn bản truyện viết cho thiếu nhi.
- Dế Mèn : một hình ảnh đẹp của tuổi trẻ sôi nổi nhưng tính tình bồng bột và kiêu ngạo.
- Một số biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc trong đoạn trích.

2.Kĩ năng :

- Văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả.
- Phân tích được các nhân vật trong đoạn trích.
- Vận dụng được các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa khi viết văn miêu tả.

Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục:

- Tự nhận thức và xác định cách ứng xử: sống khiêm nhường, biết tôn trọng người khác.
- Giao tiếp, phản hồi/lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ/ý tưởng, cảm nhận của bản thân về những giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện.

3. Thái độ :

- Yêu thích truyện Tô Hoài.
- Biết bảo vệ môi trường sống xung quanh: thiên nhiên cây cỏ và những loài côn trùng

4. Phẩm chất và năng lực.

- Năng lực tự học
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực sáng tạo
- Năng lực giao tiếp
- Năng lực hợp tác

-Năng lực giao tiếp cảm thụ thẩm mĩ tác phẩm.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Nghiên cứu sgk, sgv, soạn giáo án, BGĐT
- Tài liệu về tác giả và tác phẩm.
- Tranh ảnh chân dung nhà văn Tô Hoài.

2. Học sinh

- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1. Ổn định tổ chức.

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ, ...

Bước 2. Kiểm tra bài cũ:

- Kiểm tra sách vở bài soạn của HS, nhận xét rút kinh nghiệm

Bước 3. Tổ chức dạy học bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp

*** Phương pháp:** Quan sát, vấn đáp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật :** Động não.

*** Thời gian:** 1'.

Hoạt động của thầy	Hoạt đông của trò	Chuẩn KTKN cần đạt

Trên thế giới và nước ta có những nhà văn nổi tiếng gắn bó cả cuộc đời viết cho đề tài trẻ em, một trong những đề tài khó khăn và thú vị bậc nhất. Tô Hoài là một trong những tác giả như thế. - Truyện đồng thoại đầu tay của Tô Hoài: Dế Mèn phiêu lưu kí (1941). Nhưng Dế Mèn là ai? Chân dung và tính nết nhân vật này như thế nào, bài học đường đời đầu tiên mà anh ta nếm trải ra sao? đó chính là nội dung bài học đầu tiên của học kì hai này?	- Hs nghe và ghi tên bài	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu**:

+ Học sinh nắm được các giá trị của văn bản.

+ Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác...

+ Định hướng phát triển năng lực tự học, giao tiếp, chia sẻ và năng lực cảm thụ tác phẩm truyện ....

*** Phương pháp:** Đọc diễn cảm, thuyết trình, vấn đáp, phân tích, giảng bình, thảo luận nhóm.

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:** 25- 28’.

Hoạt động của thầy	Hoạt đông của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
HĐ I: ĐỌC HIỂU CHÚ THÍCH - Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà và những hiểu biết của em, hãy giới thiệu đôi nét về nhà văn Tô Hoài? GV: **Bút danh Tô Hoài: Để kỉ niệm và ghi nhớ về quê hương của ông: sông Tô Lịch và huyện Hoài Đức** - Em hãy nêu vị trí của đoạn trích trong tác phẩm?	- HS giới thiệu đôi nét về nhà văn Tô Hoài. - HS nêu vị trí của đoạn trích. Trích chương I của “ Dế Mèn phiêu lưu kí**”** - In lần đầu năm 1941 có 3 chương, hoàn thành năm 1954 với 10 chương	**I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH** **1. Tác giả.** - Tên thật: Nguyễn Sen - Sinh năm: 1920 - 2014 - Quê: Hà Nội. **2. Tác phẩm** **a. Xuất xứ.** Trích chương I của “ Dế Mèn phiêu lưu kí**”** - In lần đầu năm 1941 có 3 chương, hoàn thành năm 1954 với 10 chương.
GV bổ sung: "Dế Mèn phiêu lưu kí" là một tác phẩm nổi tiếng đầu tay của nhà văn Tô Hoài được sáng tác khi ông 21 tuổi dựa vào những kỉ niệm tuổi thơ vùng bưởi quê ông. Tác phẩm có 10 chương. Chương đầu kể về lai lịch và bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. Hai chương tiếp theo kể chuyện Dế Mèn bị bọn trẻ con đem đi chọi nhau với các con dế khác. Dế Mèn trốn thoát. Trên đường về nhà gặp chị Nhà Trò bị sa vào lưới bọn Nhện độc ác. Dế Mèn đã đánh tan bọn Nhện cứu thoát chị Nhà Trò yếu ớt. Bẩy chương còn lại kể về cuộc phiêu lưu của Dế Mèn. - Tác phẩm được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới, được tặng bằng khen của Hội đồng Hoà bình thế giới.		
- GV hướng dẫn cách đọc văn bản: Đọc to, rõ ràng, giọng đầy kiêu hãnh khi	- Đọc văn bản - HS nghe và theo dõi vào	

miêu tả về vẻ đẹp của Dế Mèn. Đoạn trêu chị Cốc đọc với giọng hách dịch, khi kể về cái chết của chị Cốc đọc với giọng buồn, hối hận. - GV đọc mẫu một đoạn, gọi h/s đọc tiếp. - Nhận xét bạn đọc bài?	sgk. - Cá nhân HS nhận xét bạn đọc bài.	
-Tổ chức cho hs thực hiện KT " hỏi chuyên gia" để giải thích từ khó (2`) - Em hãy kể tóm tắt đoạn trích theo các sự việc chính? - Em nhận xét phần kể tóm tắt của bạn?	- HS chơi trò chơi " hỏi chuyên gia" ->phát triển năng lực giao tiếp Các sự việc chính: - Miêu tả Dế Mèn: - Tả hình dáng. Tả hành động thói quen. - Kể về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. Dế Mèn coi thường Dế Choắt. Dế Mèn trêuchị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt	**b. Chú thích**
Có thể chia văn bản làm mấy phần? Nội dung từng phần.?	- Phần 1: Từ đầu -> thiên hạ: Miêu tả hình dáng, tính cách Dế Mèn. - Phần 2: Còn lại. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.	**c. Bố cục của văn bản** Chia làm 2 phần
Văn bản được viết theo thể loại và phương thức biểu đạt nào?		**d. Thể loại và ptbđ** - Thể loại truyện ngắn - Ptbđ: miêu tả
HĐ II: ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN * GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm(3') các vấn đề sau. - Nhân vật chính trong truyện là ai? Truyện được kể theo ngôi thứ mấy? Nêu rõ tác dụng của ngôi kể? - Phương thức biểu đạt: Tự sự, kết hợp với miêu tả và biểu cảm. - Nhân vật chính: Dế Mèn.	- HS thảo luận nhóm (3'). Đại diện một vài nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS làm việc theo nhóm bàn (2'). Đại diện một vài nhóm báo cáo, một vài nhóm bổ sung nhận xét.	**II: ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN** **1. Hình dáng, tính cách của Dế Mèn.**

- Ngôi kể: Thứ nhất. Trong đoạn văn bản vừa đọc, tác giả đã giới thiệu Dế Mèn với người đọc qua những khía cạnh nào?	- Hs nhận xét về nghệ thuật	
Mở đầu văn bản, nhà văn Tô Hoài đã giới thiệu như thế nào về hình dáng của Dế Mèn? * GV giao cho HS làm việc theo cặp đôi (2'). Dựa vào văn bản, em hãy tìm những chi tiết miêu tả hình dáng, hành động của Dế Mèn?	- HS quan sát trả lời. - Đôi càng mẫm bóng, vuốt cứng, nhọn hoắt, cánh dài, răng đen nhánh, râu dài uốn cong, hùng dũng.... - Đạp phanh phách, nhai ngoàm ngoạm, trịnh trọng vuốt râu.	- Hình dáng : Chàng Dế khỏe mạnh, cường tráng, trẻ trung, yêu đời.
Quan sát vào các chi tiết trong đoạn văn miêu tả đã làm hiện lên hình ảnh một chàng dế như thế nào trong tưởng tượng của em? GV: **Các em thấy nhà văn Tô Hoài vừa miêu tả những đặc điểm chung, vừa miêu tả những nét riêng của nhân vật, vừa miêu tả hình dáng đường nét màu sắc, vừa miêu tả hành động của nhân vật.**	=> Kiêu căng, tự phụ, hống hách, cậy sức bắt nạt kẻ yếu.	- Tính cách : Kiêu căng, tự phụ, hống hách, cậy sức bắt nạt kẻ yếu.
Tự ý thức được vẻ bề ngoài và sức mạnh của mình, Dế Mèn đã cư xử với mọi người như thế nào? Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ của tác giả?		=> Lần lượt miêu tả từng bộ phận cơ thể của Dế Mèn; gắn liền miêu tả hình dáng với hành động.
Qua các chi tiết ấy đã bộc lộ tính cách gì của Dế Mèn? Vì sao Dế Mèn lại có thái độ như vậy?		
Dế Mèn lấy làm "hãnh diện với bà con" về vẻ đẹp của mình. Theo em Dế Mèn có quyền "hãnh diện" như thế không? **GV**: **Đằng sau các từ ngữ, hình ảnh ta thấy hiện ra những nét tính cách nổi bật của Dế Mèn có cả những nét đẹp lẫn nét chưa tốt**	- Hs tự bộc lộ + Có, vì đó là tình cảm chính đáng. + Không, vì nó tạo thành thói tự kiêu, có hại cho Dế Mèn sau này. - Hs nghe	

trong nhận thức và hành động của một chàng dế thanh niên trước ngưỡng cửa của tuổi trưởng thành. Nhà văn Tô Hoài đã chọn được những chi tiết thật đắt để bộc lộ rõ tính cách nhân vật. Kiểu bài miêu tả các em sẽ được tìm hiểu kĩ hơn trong các tiết học sau. Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ, các biện pháp nghệ thuật, trình tự miêu tả của tác giả về nhân vật Dế Mèn?	- HS tự do phát biểu	-> Sử dụng nhiều tính từ, động từ mạnh, biện pháp nghệ thuật nhân hoá, trí tưởng tượng phong phú.
Tính cách đó gợi em liên tưởng tới lứa tuổi nào? Thông qua nhân vật Dế Mèn, em tự rút ra cho mình bài học gì? **GV : Đây là một đoạn văn mẫu mực về miêu tả loài vật. Ông đã sử dụng các từ ngữ có sự lựa chọn chính xác, đặc sắc. Phải chăng cái tài của Tô Hoài là qua việc miêu tả ngoại hình còn bộc lộ được tính nết, thái độ của nhân vật.** Qua đoạn truyện giúp em hiểu gì về nhà văn Tô Hoài? **(Hết tiết 1)**	+ Không nên hung hăng hống hách, coi thường kẻ khác. - Hs nêu cảm nghĩ + Ông có tài quan sát tinh tế, óc nhận xét sắc sảo, hóm hỉnh và có một tình yêu sự sống. + Ông là nhà văn của thiếu nhi. Ông đã thành công khi dựng lên cả một thế giới loài vật trong trắng, ngây thơ, ngộ nghĩnh khao khát và say mê lý tưởng rất phù hợp với tâm lí tuổi thơ.	**2. Dế Mèn trêu chị Cốc gây cái chết cho Dế Choắt** a. Hình ảnh của Dế Choắt qua cái nhìn của Dế Mèn
2. Dế Mèn trêu chị Cốc gây cái chết cho Dế Choắt **Gv: Mang tính kiêu căng vào đời, Dế Mèn đã gây ra nhữngchuyện gì để phải ân hận suốt đời?**	- HS dựa vào sgk trả lời. + Khinh thường Dế Choắt, gây sự với chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.	
Tìm những chi tiết miêu tả hình ảnh, tính nết của Dế Choắt trong con mắt của Dế Mèn ?	- HS dựa vào sgk trả lời. + Như gã nghiện thuốc phiện. + Cánh ngắn ngủn, râu một mẩu, mặt mũi ngẩn ngơ. + Hôi như cú mèo. + Có lớn mà không có khôn - Hs nhận xét, đánh giá	- DC Rất yếu ớt, xấu xí, lười nhác, đáng khinh. - DM tỏ thái độ, chê bai, trịch thượng, , kẻ cả coi thường Dế Choắt

	- gọi "chú mày"	-Không giúp đỡ Dế choắt đào hang sâu
Lời Dế Mèn xưng hô với Dế Choắt có gì đặc biệt? Nhận xét gì về cách xưng hô đó?	- + Dế Mèn gọi Dế Choắt là " chú mày" mặc dù trạc tuổi nhau. => DC rất yếu ớt, xấu xí, lười nhác, đáng khinh. DM tỏ thái độ, chê bai, trịch thượng, kẻ cả coi thường Dế Choắt	
Như thế, dưới mắt Dế Mèn, Dế Choắt hiện ra như thế nào? Em đánh giá gì về nhân vật Dế Mèn.		=> Không sống chan hòa ; ích kỉ, hẹp hòi ; Vô tình, thờ ơ, không rung động, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.
Trước lời cầu xin của Dế Choắt nhờ đào ngách thông hang. Dế Mèn đã hành động như thế nào? Chi tiết đó đã tô đậm thêm tính cách gì của Dế Mèn? **GV bổ sung**: **Dế Mèn tự hào về vẻ đẹp cường tráng của mình bao nhiêu thì cũng tỏ ra coi thường Dế Choắt ốm yếu, xấu xí bấy nhiêu. Tệ hại hơn nữa, Dế Mèn còn coi Dế Choắt là đối tượng để thoả mãn tính tự kiêu của mình bằng cách lên giọng kẻ cả, ra vẻ "ta đây".**	->Không sống chan hòa ; ích kỉ, hẹp hòi ; Vô tình, thờ ơ không rung động, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.	
- Hết coi thường Dế Choắt, Dế Mèn lại gây sự với Cốc. Vì sao Dế Mèn dám gây sự với Cốc to lớn hơn mình? Việc Dế Mèn dám gây sự với chị Cốc khỏe hơn mình gấp bội có phải là hành động dũng cảm không? Vì sao? Phân tích diễn biến tâm lí và thái độ của Dế Mèn trong việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt? **- Cho hs thảo luận nhóm 4 em (2 phút)**	- HS suy nghĩ trả lời + Muốn ra oai với Dế Choắt, muốn chứng tỏ mình sắp đứng đầu thiên hạ. + Không dũng cảm mà là sự liều lĩnh, ngông cuồng thiếu suy nghĩ: vì nó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng cho Dế Choắt.	b. Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt - Hát véo von trêu chị Cốc - Chị Cốc trút giận lên Dế Choắt - Gây ra cái chết thảm cho Dế Choắt
Diễn biến tâm lí DM: **GV: định hướng cho HS lúc Dế Mèn bỏ mặc bạn bè trong cơn nguy hiểm…hèn**	- HS trao đổi nhóm 4 (2'). Đại diện trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung./ Rèn	

nhát, không dám nhận lỗi -> Thể hiện thái độ xấc xược, ác ý, chỉ nói cho sướng miệng mà không hề nghĩ đến hậu quả. ->sự hèn nhát, sợ hãi, " miệng hùm gan sứa", mạnh mồm, ác ý trêu chọc chị Cốc gây họa cho bạn rồi bỏ mặc bạn trong cơn nguy hiểm…. **Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn** Dế Mèn trêu chị Cốc đã gây ra hậu quả gì? Hậu quả của việc trêu chị Cốc là cái chết của Dế Choắt, song Dế Mèn có chịu hậu quả nào không? Nếu có thì là hậu quả gì? *** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm (2').** Tâm trạng của Dế Mèn có sự thay đổi ra sao trước cái chết của Dế Choắt? Sự hối hận bộc lộ qua hành động nào? . Qua hành động của Dế Mèn, em có nhận xét gì về sự thay đổi tâm lí của Dế Mèn? Theo em sự thay đổi đó có hợp lí không và nhận xét nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của tác giả? **GV: ở đây có sự biến đổi tâm lý :từ thái độ kiêu ngạo, hống hách sang ăn năn, hối hận.** **Sự thay đổi đó bất ngờ song hợp lý bởi cái chết của Dế Choắt đã tác động mạnh mẽ tới suy nghĩ của Dế Mèn, vì Dế Mèn sốc nổi**	kĩ năng hợp tác nhóm + Lúc đầu thì hênh hoang ra oai trước Dế Choắt + Trêu trọc, gây sự với chị Cốc qua câu hát:… Vặt lông cái Cốc cho tao Tao nấu tao nướng tao xào tao ăn. + Mèn trêu xong chui tọt ngay vào hang, nằm khểnh vắt chân chữ ngũ...-> đắc ý + thấy chị Cốc mổ Dế Choắt, Dế Mèn nằm im thin thít.Khi thấy chị Cốc đi khỏi Dế Mèn mới mon men bò ra khỏi hang đã - HS trả lời - Gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt. Kẻ phải trực tiếp chịu hậu quả của trò đùa này là Dế Choắt. + Mất bạn láng giềng. + Bị Dế Choắt dạy cho bài học nhớ đời. + Suốt đời phải ân hận vì lỗi lầm của mình gây ra. -HS thảo luận nhóm (2'). Đại diện một vài nhóm báo cáo, các nhóm khác nghe, nhận xét. + Dế Mèn thể hiện ân hận, hối lỗi. + Nâng đầu Dế Choắt vừa thương, vừa ăn năn tội mình, chôn xác Dế Choắt vào bụi cỏ um tùm HS nghe - HS nêu cảm nhận	=> hèn nhát tham sống sợ chết bỏ mặc bạn bè, không dám nhận lỗi .... **3. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn** - Dế Mèn ân hận - Hành động: nâng đầu Dế Choắt vừa thương, vừa ăn năn tội mình, chôn xác Dế Choắt vào bụi cỏ um tùm. -> Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, hợp lí

song không ác ý. **+ Qua đó ta thấy được tài năng nắm bắt nội tâm nhân vật tài tình tinh tế của tác giả**. Chính sự ăn năn ấy giúp ta hiểu thêm về tính cách Dế Mèn, đó là tính cách nào? Theo em sự hối hận của Dế Mèn có cần thiết không và có thể tha thứ được không? Vì sao? Cuối truyện là hình ảnh Dế Mèn đứng lặng hồi lâu trước nấm mồ bạn. Em thử hình dung tâm trạng Dế Mèn lúc này? Sau tất cả các sự việc trên, nhất là sau khi Choắt chết, Dế Mèn đã tự rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình. Theo em, đó là bài học gì? **GV: Kẻ kiêu căng có thể làm hại người khác, khiến mình phải ân hận suốt đời.** **- Nên biết sống đoàn kết với mọi người, đó là bài học về tình thân ái. Đây là 2 bài học để trở thành người tốt từ câu chuyện của Dế mèn** **III. TỔNG KẾT**	- HS suy nghĩ trả lời + Còn có tình cảm đồng loại ; biết hối hận, biết hướng thiện. -HS tự ý thức về thái độ sống, thái độ cư xử khiêm tốn, chan hòa + Cần vì kẻ biết lỗi sẽ tránh được lỗi. + Có thể tha thứ vì tình cảm của Dế Mèn rất chân thành. + Cần nhưng khó tha thứ vì hối lỗi không thể cứu được mạng người đã chết… + Cay đắng vì lỗi lầm của mình, xót thương Dế Choắt, mong Dế Choắt sống lại, nghĩ đến việc thay đổi cách sống của mình. + Bài học về cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác + Bài học về tình thân ái, chan hòa +... **1. Giá trị nội dung** Bài văn miêu tả Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của tuổi trẻ nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi. Do bày trò trêu chọc chị Cốc nên đã gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra được bài học đường đời cho mình **2. Giá trị nghệ thuật** - Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn - Nghệ thuật miêu tả loài vật	- Bài học " ở đời có thói hung hăng, bậy bạ có óc mà không biết nghĩ sớm muộn cũng mang vạ vào mình." => Bài học về cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác **III. Ghi nhớ/ sgk/11**

	sinh động, đặc sắc - Ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng.
- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, chia sẻ

*** Thời gian**: 10- 12 phút.

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp,

*** Kỹ thuật:** Động não

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKNcần đạt
IV. HD HS Luyện tập **Chiếu máy BTTN** - Đọc kĩ yêu cầu của bài tập, lựa chọn đáp án Đ	**HS Luyện tập** - HS đọc yêu cầu của bài tập , lựa chọn đáp án Đ	**IV. Luyện tập:** **Bài tập trắc nghiệm:**

Bảng phụ (trắc nghiệm):

1 / Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn là gì?

a. Không bao giờ nên bắt nạt người yếu kém hơn mình .

b. Không thể hèn nhát, run sợ trước kẻ mạnh hơn mình.

c. Không nên ích kỉ chỉ biết mình, chỉ nói suông mà chẳng làm gì để giúp đỡ những người cần giúp đỡ.

d. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ sớm muộn rồi cũng rước hoạ vào mình.

2 / Đoạn trích"Bài học Đường đời đầu tiên" có những đặc sắc trong nghệ thuật gì?

A-Nghệ thuật miêu tả B-Nghệ thuật kể chuyện

C-Nghệ thuật sử dụng từ ngữ D-Nghệ thuật tả người

3/ Trước cái chết thương tâm của Dế Choắt, Dế Mèn có thái độ như thế nào?

A. Sợ hãi B. Hối hận C. Buồn phiền D. Xúc động

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Nhập vai nhân vật Dế Mèn. Viết đoạn văn 4 - 5 câu bộc lộ tâm trạng khi đứng trước nấm mồ Choắt? GV giành thời cho HS viết đoạn văn và gọi HS đọc bài rồi nhận xét, chữa. ***Lưu ý: Có thể hướng dẫn HS về nhà thực hiện**	+ Suy nghĩ cá nhân + trình bày tâm trạng.... + Lớp nhận xét, bổ sung	**Bài tập 2:** Nhập vai nhân vật Dế Mèn. Viết đoạn văn 4 - 5 câu bộc lộ tâm trạng khi đứng trước nấm mồ Choắt?

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:1'**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài tập 3 Theo em, có đặc điểm nào của con người được gán cho con vật trong truyện này? Em biết tác phẩm nào có cùng cách viết tương tự như thế? **Bài tập 4**: Từ văn bản, liên hệ, rút ra bài học bổ ích cho bản thân; trao đổi với bạn bè, người thân; lắng nghe sự góp ý để tự điều chỉnh mỗi hành vi của mình trong giao tiếp với bạn bè và mọi người xung quanh. *** Lưu ý: Hướng dẫn HS về nhà thực hiện**	(+Tụ quan sát, liên hệ, trao đổi, trình bày....**Rèn kĩ năng tự nhận thức điều chỉnh hành vi của bản thân.**	**Bài tập 3** + Dế Mèn kiêu căng, nghịch ranh nhưng biết hối lỗi. + Dế Choắt yếu đuối nhưng biết tha thứ. + Chị Cốc tự ái, nóng nảy. * Các truyện: Đeo nhạc cho Mèo, Hươu và Rùa... **Bài tập 4** -Nhận thức điều chỉnh hành vi..... Dựa vào kiến thức trọng tâm của bài

Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà(2 phút)

1. Bài cũ:

- Học nắm vững nội dung ý nghĩa, nghệ thuật đặc sắc của văn bản .
- Đóng vai một trong các nhân vật sau anh cò, anh Gọng Vó, Chị Cào Cào... kể lại câu chuyện Mèn ngỗ nghịch trêu chị Cốc dẫn tới cái chết oan của Dế Choắt (Viết khoảng một trang giấy.

2. Bài mới:

- Đọc kĩ các ngữ liệu và trả lời đầy đủ câu hỏi bài **Phó từ**.

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**PHÓ TỪ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1.Kiến thức.

- Khái niệm phó từ.

+ Ý nghĩa khái quát của phó từ.

+ Đặc điểm ngữ pháp của phó từ (khả năng kết hợp của phó từ, chức vụ ngữ pháp của phó từ)

- Các loại phó từ.

2. Kĩ năng :

- Nhận biết phó từ trong văn bản.
- Phân biệt các loại phó từ.
- Sử dụng phó từ để đặt câu.

3. Thái độ:

- Có ý thức vận dụng từ loại trong khi nói và viết cho thích hợp.

4. Phẩm chất và năng lực.

- Năng lực tự học
- Năng lực giải quyết vấn đề

-Năng lực sáng tạo

- Năng lực hợp tác

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Nghiên cứu sgk, sgv, soạn giáo án

2. Học sinh

- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1. Ổn định tổ chức.

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ, ...

Bước 2. Kiểm tra bài cũ:

*** Mục tiêu:** Kiểm tra việc học bài ở nhà và chuẩn bị bài mới của học sinh.

*** Thời gian:** 5’.

*** Phương án:** Kiểm tra trước khi vào tìm hiểu bài mới

- Dòng nào sau đây là cụm danh từ? Phân tích cấu tạo của cụm DT

A. Một lâu đài nguy nga
B. Đang nổi sóng mù mịt
C. Không muốn làm nữ hoàng
D.Lại nổi cơn thịnh nộ

- Những dòng còn lại tại sao không phải là cụm danh từ? Đó là cụm từ gì?

Bước 3. Tổ chức dạy học bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp

*** Phương pháp:** Thuyết trình.

*** Kỹ thuật :** Động não.

*** Thời gian:** 1’.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Chúng ta đã tìm hiểu về cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. Để cấu tạo nên các cụm ĐT, cụm TT cần có một từ loại	- Hs nghe. - Nghe giới thiệu	

luôn đi kèm, kết hợp với ĐT, TT bổ sung ý nghĩa, đó là phó từ. Vậy phó từ là gì? Vai trò của nó như thế nào hôm nay ta sẽ hiểu.	và ghi tên bài.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:**

+ Học sinh tìm hiểu phó từ và các loại phó từ.
+ Rèn cho học sinh kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.
+ Định hướng phát triển năng lực tự học, giao tiếp, chia sẻ

*** Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, thảo luận, phân tích mẫu.

*** Kỹ thuật**: Động não, BĐTD, phiếu học tập

*** Thời gian**: 17-20 phút.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
I. HS HS TÌM HIỂU BÀI **1. HD HS tìm hiểu phó từ là gì?** - GV đưa ví dụ, yêu cầu HS đọc ví dụ. Quan sát vào các ví dụ, hãy cho biết những từ in đậm bổ sung ý nghĩa cho những từ ngữ nào? Các từ được bổ sung ý nghĩa thuộc từ loại nào? GV: Các từ in đậm chuyên đi kèm ĐT, TT và bổ sung ý nghĩa cho ĐT, TT gọi là phó từ. ? Phó từ thường đứng ở vị trí nào trong câu? Nó có khả năng gọi tên sự vật, hoạt động, tính chất không? ? Phó từ là gì? 2**. HD HS tìm hiểu Các loại phó từ:** GV giao việcnhóm 4 (2ph) - GV đưa phiếu học tập điền các phó từ vào bảng phân loại? - Gv nhận xét, chốt kiến thức ? Ngoài những phó từ trên em hãy kể thêm một	**1. Phó từ là gì?** - HS đọc ví dụ a. đã đi, cũng ra, vẫn chưa thấy, thật lỗi lạc b. soi (gương) được, rất ưa (nhìn), to ra, rất bướng **- HS trao đổi trong bàn (2'). Đại diện một vài bàn trả lời, các bàn khác nhận xét, bổ sung.** - HS trả lời + Phó từ thường đứng ở vị trí phụ trước hoặc phụ sau trong cụm động từ, hoặc cụm tính từ không thể trực tiếp làm vị ngữ trong câu. + Phó từ không có chức năng gọi tên mà chỉ có tác dụng bổ sung ý nghĩa cho các ĐT, TT ấy. **2. HS tìm hiểu Các loại phó từ:** - Cá nhân HS đọc ví dụ - cả lớp theo dõi. **- HS thảo luận nhóm (2 ph) điền vào bảng phân loại** - HS kể	**I. TÌM HIỂU BÀI** **1. Phó từ là gì?** **a. Ví dụ/ sgk/ 12** **b. Nhận xét:** a. đã đi, cũng ra, vẫn chưa thấy, thật lỗi lạc b. soi (gương) được, rất ưa(nhìn), to ra, rất bướng => từ in đậm bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ gọi là phó từ **2. Các loại phó từ:** **a. Ví dụ/sgk/13** **Phó từ đứng trước** | **Phó từ đứng sau** đã, đang, từng, sắp | rất, hơi | lắm, quá cũng, vẫn, cứ, đều | không, chưa, chẳng | đừng, hãy, |

số phó từ mà em biết? ? Phó từ đứng trước bổ sung ý nghĩa gì ĐT, TT? ? Phó từ đứng sau bổ sung ý nghĩa gì cho động từ, tính từ? ? Qua bảng trên ta thấy có mấy loại phó từ? Thường bổ sung ý nghĩa gì cho ĐT, TT? ? Bài học hôm nay cần ghi nhớ những đơn vị kiến thức gì? **- Cho hs khái quát kiến thức bằng sơ đồ tư duy** **II. TỔNG KẾT.**	- HS dựa vào ghi nhớ nhắc lại kiến thức của bài. - 2 loại" **• Phó từ đứng trước ĐT, TT bổ sung ý nghĩa:** - Quan hệ thời gian. - Mức độ. - phủ định. - cầu khiến **• Phó từ đứng sau bổ sung ý nghĩa**: - Mức độ - Khả năng - Kết quả, hướng - HS đọc ghi nhớ sgk - HS vẽ sơ đồ tư duy	chớ | | vào, được, ra, lên, xuống…. **b. Nhận xét:** 2 loại lớn: **- Phó từ đứng trước ĐT, TT bổ sung ý nghĩa:** + Quan hệ thời gian. + Mức độ. + phủ định. + cầu khiến **- Phó từ đứng sau bổ sung ý nghĩa:** + Mức độ + Khả năng + Kết quả, hướng **II. GHI NHỚ: SGK/ 12**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu**: Tìm các phó từ trong câu và xác định ý nghĩa của phó từ. Thuật lại một số sự việc chỉ ra phó từ trong đoạn văn đó và cho biết mục đích của việc sử dụng phó từ.

Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, chia sẻ

*** Phương pháp :** Đàm thoại, Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm

*** Kĩ thuật** : Động não.

*** Thời gian**: 15 -20'

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
III.HDHS làm bài tập **Bài 1** - Đọc yêu cầu của bài tập? - Tìm phó từ trong các câu văn và cho biết các phó từ bổ sung ý nghĩa động từ, tính từ? b. Phú từ: đó (chỉ thời gian) **Bài 3**:- GV đọc chính tả - Cho hs soát lỗi trong bàn, báo cáo kết quả - Gv đánh giá, nhận xét	**III.HSLuyện tập.** **Bài 1** - HS đọc yêu cầu của bài tập. - Làm việc cá nhân - HS viết chính tả, soát lỗi	**III. Luyện tập.** **1. Bài 1** a. Câu 1: Đã (Chỉ quan hệ thời gian). Câu 2: Không (Sự phủ định) còn (Sự tiếp diễn) Câu 4: đã (chỉ thời gian) Câu 6: Đương, sắp : chỉ thời gian lại (chỉ sự tiếp diễn) ra (chỉ kết quả và hướng) Câu 7: cũng : tiếp diễn sắp : (thời gian) Câu 8: đã (chỉ thời gian) Câu 9: Cũng (chỉ sự tiếp diễn) sắp : chỉ thời gian. **Bài 3:** Viết chính tả

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não,

*** Thời gian: 5'**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 2: Thuật lại sự việc Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thảm thương của Dế Choắt bằng một đoạn văn ngắn từ ba đến năm câu. Chỉ ra một phó từ được dùng trong đoạn văn ấy và cho biết em dùng phó từ đó để làm gì. - Yêu cầu HS làm vào vở và 2 em lên bảng	**Bài 2:** - Đọc yêu cầu của bài tập và làm bài - nghiên cứu, trao đổi, trình bày....	**Bài 2:** Một hôm, Dế Mèn nhìn thấy chị Cốc đang rỉa cánh gần hang mình(1). Dế Mèn rủ Choắt trêu trọc chị cho vui (2). Choắt rất sợ, chối đây đẩy(3). Mèn ta hát cạnh khoé khiến chị Cốc nổi giận truy tìm thủ phạm(4). Chị Cốc đã lầm tưởng đó là Dế Choắt trêu trọc (6). Chị mổ Choắt những cú trời giáng khiến cậu ta gẫy quẹo sống lưng rồi tắt thở.(7) - PT: + Đã, đang: thời gian + Rất : mức độ

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:** 2’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Em hãy đọc lại 2 câu cuối của Bài tập 1 : “Mùa xuân xinh đẹp đã về! Thế là các bạn chim đi tránh rét cũng sắp về!” - Theo em có thể bỏ từ cũng trong câu thứ hai được không? - Nếu bỏ từ cũng thì nội dung câu “Thế là các bạn chim đi tránh rét sắp về” khác gì vói câu “Thế là các bạn chim đi tránh rét cũng sắp về” ? *** Lưu ý: Hướng dẫn HS về nhà thực hiện**	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, trình bày....)	**Bài tập** Cũng là một phó từ nêu ý so sánh. Ở đây so sánh hoạt động trở về của “các bạn chim đi tránh rét” với việc “mùa xuân đã về” đã nói ở câu trước. Nếu bỏ từ cũng thì ý so sánh này không còn nữa.

Bước 4. Giao bài và hướng dẫn HS học bài, chuẩn bị bài ở nhà (2').

1. Bài cũ:

Học nắm vững kiến thức cần ghi nhớ sgk

- Làm các bài tập vào vở BT Ngữ văn.

2. Bài mới:

- Soạn bài:

b)Tìm hiểu chung về văn miêu tả.

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN MIÊU TẢ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1.Kiến thức.

- Mục đích của miêu tả.
- Cách thức miêu tả.

2.Kĩ năng :

- Nhận diện được đoạn văn, bài văn miêu tả.
- Bước đầu xác định được nội dung của một đoạn văn hay bài văn miêu tả,xác định đặc điểm nổi bật của đối tượng miêu tả trong đoạn văn hay bài văn miêu tả.

3. Thái độ:

- Hiểu được những tình huống dùng văn miêu tả, có ý thức dùng văn miêu tả trong nói viết.

4. Năng lực, phẩm chất

-Năng lực tự học
-Năng lực giải quyết vấn đề
-Năng lực giao tiếp
- Năng lực hợp tác

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Soạn bài
- Đọc sách giáo viên và sách bài soạn.
- Bảng phụ viết VD và bài tập

2. Học sinh

- Chuẩn bị bài soạn, ôn lại kiến thức văn miêu tả ở tiểu học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1. Ổn định tổ chức.

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ, ...

Bước 2. Kiểm tra bài cũ:

* **Mục tiêu:** Kiểm tra việc học bài ở nhà và chuẩn bị bài mới của học sinh.
* **Thời gian:** 5’.
*** Phương án:** Kiểm tra trước khi vào tìm hiểu bài mới
Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh
-Nêu các nội dung miêu tả đã học ở tiểu học?

-Đáp án

- Lớp 4 : miêu tả đồ vật, cây cối, loài vật, phong cảnh.
- Lớp 5 : tả người, tả cảnh sinh hoạt.

? Em hiểu gì về văn miêu tả ?

Bước 3. Tổ chức dạy học bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp
* **Phương pháp:** Thuyết trình.
*** Kỹ thuật :** Động não.
* **Thời gian:** 1’.

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần dạt
- Đọc đoạn văn trong văn bản Bài học đường đời đầu tiên của nhà văn Tô Hoài. Đoạn văn các	HS nghe, ghi bài	

em vừa đọc là một đoạn văn đặc sắc về nghệ thuật miêu tả mà ta học tập từ đó rất nhiều. Hôm nay ta cùng tìm hiểu rõ hơn qua bài học "Tìm hiểu..."		

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

*** Mục tiêu:**

- Học sinh nắm được thế nào là văn miêu tả ,mục đích của văn miêu tả
- Rèn kỹ năng làm việc cá nhân.

-Định hướng phát triển các năng lực cho học sinh:Năng lực tự học. Năng lực giải quyết vấn đề.Năng lực giao tiếp. Năng lực hợp tác

- Các năng lực riêng:Năng lực giao tiếp cảm thu thẩm mĩ.

*** Thời gian:** 15- 17 phút.

*** Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình. Đàm thoại, thảo luận nhóm

*** Kỹ thuật:** Động não. cặp đôi chia sẻ

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần dạt
HDI: HDHS tìm hiểu thế nào là văn miêu tả GV chiếu các tình huống trên bảng - Gọi Hs đọc các tình huống ? Trong các tình huống trên em phải làm như thế nào để giúp cho người hỏi nhận ra đối tượng ***GV giao việc cho các nhóm hoạt động.** - Nhóm 1: tình huống 1. - Nhóm 2: tình huống 2. - Nhóm 3: tình huống 3. **- Rèn kĩ năng trao đổi, trình bày ý kiến** ? Vì sao cả ba tình huống phải dùng văn miêu tả? ? Trong các tình huống trên, em đã phải dùng văn miêu tả, hãy nêu lên một số tình huống khác tương tự ? ? Khi nào người ta dùng văn miêu tả? ? Mục đích của văn miêu	- HS theo dõi tình huống **- HS thảo luận nhóm (2'). Đại diện một vài nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.** - HS giải thích - Căn cứ vào hoàn cảnh và mục đích giao tiếp HS nêu một số tình huống cần miêu tả - HS trả lời - Miêu tả cho bạn biết một danh lam thắng cảnh - Miêu tả vườn hoa lan đẹp - Miêu tả con mèo nhà em -Nhân ngày 20/11, trường em có tổ chức hội thi cắm hoa. Hãy tả lại bình hoa mà em hoặc lớp em đã cắm để dự thi. - Khi cần giới thiệu , tái hiện về sự vật - Nhằm giúp người đọc, người nghe hình dung những	**I. TÌM HIỂU BÀI** **1. Thế nào là văn miêu tả?** **a. Các tình huống /sgk/15** + Tình huống 1: Em cần miêu tả về vị trí, lối rẽ, hình dáng hay đặc điểm riêng biệt của nhà em với các nhà xung quanh + Tình huống 2: Miêu tả về màu sắc, vị trí, hình thức kiểu dáng. + Tình huống 3: Miêu tả nét mặt, hình dáng, cơ bắp của người lực sĩ.

tả? Tìm hiểu 2 đoạn văn	đặc điểm, tính chất nổi bật của đối tượng được miêu tả, người đọc không chỉ nắm được hình dáng bên ngoài mà cả bản chất bên trong của đối tượng.	**b. Văn bản " Bài học đường đời đầu tiên"**
* GVcho đọc lại 2 đoạn văn miêu tả trong văn bản **Bài học đường đời đầu tiên** của Tô Hoài *** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm bàn (2') các vấn đề sau:** - Hai đoạn văn giúp em hình dung đặc điểm gì nổi bật của hai chú dế ? - Tìm những chi tiết nói về điều đó?	**- HS thảo luận nhóm bàn (2`)** - HS trình bày **Dế Mèn: Khỏe mạnh, cường tráng.** - Đôi càng mẫm bóng. -Những cái vuốt cứng, nhọn hoắt. - Đôi cánh thành cái áo dài kín - Đầu tôi to ra và nổi từng tảng rất bướng. - Hai răng đen nhánh -Đạp phanh phách **Dế Choắt** **ốm yếu- gầy người dài lêu ngêu như một anh chàng nghiện** -Đôi cánh ngắn ngủn đến giữa lưngnhư người ở trần mặc áo gi - lê. - Đôi càng bè bè, nặng nề, râu ria cụt một mẩu –Tính nết ăn xổi ở thì.Bới hang nông - HS suy nghĩ nhận xét.	*** Đoạn văn:** + Đoạn văn về Dế Mèn "Bởi tôi ăn uống điều độ....., vuốt râu" + Đoạn văn về Dế Choắt "cái chàng Dế Choắt... nhiều ngách như hang tôi" => Văn miêu tả:giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm , tính chất nổi bật một sự vật, sự việc , con người,phong cảnh,… làm cho những cái đó như hiện lên trước mắt người đọc , người nghe .
? Em có nhận xét gì về những chi tiết mà tác giả đã lựa chọn? Thể hiện năng lực gì của tác giả khi miêu tả? ?Vậy để người nghe, người đọc hình dung được đặc điểm, tính chất của sự vật, sự việc… thì người nói, người viết phải thể hiện rõ năng lực gì? ? Qua tìm hiểu các tình huống và các đoạn văn miêu	- HS trả lời. Biết quan sát và dẫn ra được hình ảnh cụ thể, tiêu biểu nhất cho sự vật, con người được miêu tả. Hs nghe Hs thảo luận 1' Nhóm 4 em.	-Một trong những năng lực cần thiết cho việc làm văn miêu tả là quan sát **II. GHI NHỚ/SGK/16**

tả, theo em hiểu văn miêu tả là gì? GV chốt . Cho Hs thảo luận 1' So sánh điểm khác nhau giữa văn miêu tả và tự sự? GV chốt kiến thức.		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu** :Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập.

- Tìm hiểu đoạn văn miêu tả trong những văn bản, xác định nội dung đoạn văn, đặc điểm của đối tượng được miêu tả. Tìm được những chi tiết tiêu biểu khi miêu tả một đối tượng cụ thể.Tìm hiểu tác dụng của các chi tiết miêu tả trong một đoạn văn cụ thể.

*** Phương pháp** : đàm thoại, thảo luận nhóm

*** Kĩ thuật** : Động não, trình bày một phút.

*** Thời gian**: 5'

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần dạt
III HD HS Luyện tập - Đọc yêu cầu của bài tập 1? **- Cho hs thảo luận nhóm (2 phút)** **?** Mỗi đoạn miêu tả ở trên tái hiện lại điều gì? Em hãy chỉ ra đặc điểm nổi bật của sự vật, con người và quang cảnh đã được miêu tả trong ba đoạn văn, thơ trên. - Gv nhận xét, chốt kiến thức Đoạn 3: Tái hiện cảnh một vùng bãi quanh hồ ao sau cơn mưa - một thế giới động vật sinh động, ồn ào, huyên náo(cua cá tấp nập...tận đâu cũng bay cả về, cãi cọ om sòm, bì bõm lội bùn) **Bài 2:** - Nếu phải viết cảnh mùa đông thì em cần nêu những đặc điểm nào? **- Cho hs thảo luận nhóm bàn (2`)** a. Cần chú ý đến sự thay đổi của trời, mây, cỏ,cây, gió mưa, không khí, con người…. b. Đặc điểm của khuôn mặt mẹ. + Nhìn những nét khái quát nhìn kĩ hơn ánh mắt, nụ cười, những nếp nhăn, vầng tráng…. -	**III. Luyện tập** - HS đọc bài, cả lớp theo dõi vào sgk. **- HS thảo luận nhóm (2 phút)** + Nhóm 1,2 : đoạn 1 +Nhóm 3,4 : đoạn 2 + Nhóm 5,6 : đoạn 3 - Đại diện các nhóm trình bày - Các nhóm nhận xét **- HS thảo luận, trình bày ý kiến** - Các nhóm bổ sung	**III. Luyện tập.** **Bài tập 1:** - Đoạn 1: Miêu tả tái hiện chân dung Dế Mèn - được nhân hoá Dế Mèn ở độ tuổi thanh niên cường tráng với đặc điểm khoẻ mạnh, đẹp đẽ, hùng dũng(đôi càng mẫm bóng, vuốt cứng dần và nhọn hoắt, co cẳng đạp phành phạch...) Đoạn 2: Đoạn thơ tái hiện hình ảnh chú bé liên lạc với những nét đặc biệt là nhỏ bé nhanh nhẹn, hồn nhiên vui tươi(loắt choắt, xinh xinh, chân thoăn thoắt, đầu nghênh nghênh, ca lô đội lệch, huýt sáo, nhảy) **Bài tập 2:** a. Đặc điểm nổi bật của mùa đông. - Thời tiết lạnh giá và khô hanh, gió bấc, mưa phùn - Đêm dài ngày ngắn - Bầu trời luôn âm u: như thấp xuống, ít thấy trăng sao, nhiều mây và sương mù,... - Cây cối trơ trọi, khẳng khiu, lá vàng rụng nhiều. - Mùa của hoa: đào , mai, quất, hồng ...chuẩn bị cho mùa xuân đến b. Khuôn mặt mẹ: nét nổi bật - Gương mặt sáng và đẹp - Ánh mắt hiền hậu - Vẻ mặt nghiêm nghị - Vui vẻ và lo âu, trăn trở

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Đọc văn bản : **Lá rụng mùa đông/17- sgk.** - Cảnh lá rụng mùa đông được miêu tả như thế nào?	- HS đọc văn bản và dựa vào đó trả lời. -HS quan sát đoạn phim và trả lời câu hỏi + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, trình bày.. ./ **Rèn năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo**	Bài tập *** Đọc thêm**: Lá rụng + Lá rụng mùa đông được miêu tả rất cụ thể, rất sinh động nhờ có biện pháp nghệ thuật nhân hoá và tưởng tượng rất thành công. + Cảm nhận riêng một đoạn văn hay, sống động, một thế giới sống động của cây cối, một thế giới huyền diệu ở xung quanh ta đó chính là hơi thở của cuộc sống.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Tìm đọc các câu văn, đoạn văn, bài văn miêu tả hay, ghi chép lại, đọc cho các bạn nghe và cùng trao đổi về nghệ thuật làm văn miêu tả của các tác giả đó. *** Lưu ý: Hướng dẫn HS về nhà**	tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, trình bày....)	Bài tập ..... Kiến thức trọng tâm của bài

Bài tập: Tìm đoạn văn miêu tả trong các đoạn văn sau:

a. Trăng đang lên. Mặt sông lấp loáng ánh vàng. Núi Trùm Cát đứng sừng sững bên bờ sông thành một khối tím thẫm uy nghi, trầm mặc. Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ lăn tăn gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát.

b. Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

c. Mùa xuân đã về trên cánh đồng. Bên kia đồi, tiếp với đồng, là rừng cây. Hoa cánh kiến vàng nở trên rừng, hoa nở và hoa kim anh trắng xóa. Những bầy ong từ rừng bay xuống đồng, cỏ ống cao lêu đêu đong đưa trước gió. Cỏ gà, cỏ mật, cỏ tương tư xanh nõn. Ban mai nắng dịu, chim hót líu lo. Gió ngọt ngào mùi thơm của mật và phấn hoa.

*** Bước 4: Giao bài và hướng dẫn HS học bài, chuẩn bị bài ở nhà (2').**

1. Bài cũ:

- Viết hoàn chỉnh một đoạn văn miêu tả khuôn mặt mẹ.

2. Chuẩn bị bài:

- Soạn bài : Sông nước Cà Mau, đọc trả lời câu hỏi sgk

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	**SÔNG NƯỚC CÀ MAU** (trích Đất rừng phương Nam) Đoàn Giỏi	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:Giúp học sinh:

- Sơ giản về tác giả, tác phẩm Đất rừng phương Nam
- Vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống con người một vùng đất phương Nam.
- Tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích

2. Kĩ năng:

- Nắm bắt nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố miêu tả kết hợp thuyết minh.
- Đọc diễn cảm phù hợp với nội dung văn bản.
- Nhận biết các nghệ thuật được sử dụng trong văn bản và vận dụng khi làm văn miêu tả cảnh thiên nhiên.

3. Thái độ: Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.

4. Định hướng phát triển năng lực:

Giúp học sinh phát triển một số năng lực:

- Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực cảm thụ thẩm mĩ.
- Năng lực xã hội: Năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.
- Năng lực đặc trưng bộ môn: Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

II.CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Nghiên cứu sgk, sgv, soạn giáo án, BGĐT
- Tài liệu về tác giả và tác phẩm.
- Tranh ảnh về vùng sông nước Cà Mau.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: Ổn định tổ chức (1').

Bước 2. Kiểm tra bài cũ

* **Mục tiêu:** Kiểm tra việc học bài ở nhà và chuẩn bị bài mới của học sinh.

* **Thời gian:** 5'.

* **Phương án:** Kiểm tra trước khi vào tìm hiểu bài mới

HS 1: Câu 1: Qua văn bản **Bài học đường đời đầu tiên**, em thấy nhân vật Dế Mèn không có tính cách nào?

A. Tự tin, dũng cảm B. Tự phụ, kiêu căng

C. Khệnh khạng, xem thường mọi người D. Hung hăng, xốc nổi.

Câu 2:Bài học đường đời đầu tiên của Dế mèn là gì? Hãy đọc một câu văn có ý nghĩa khái quát cho bài học đó.

HS 2: Câu 3Cảm nghĩ của em về nhân vật Dế Mèn? HS viết bảng.

Lớp nhận xét, chữa, bổ sung

Đáp án: Câu 1: A, Câu 2: "Ở đời mà có thói.... vào mình đấy."

Câu 3: Đáng yêu

Đáng trách (ghét)

Liên hệ một số thanh niên choai choai có hành động xốc nổi, bồng bột như Dế Mèn...

Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới (35' - 37').

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp
* **Phương pháp:** quan sát, vấn đáp, Thuyết trình.
* **Kỹ thuật :** Động não.
* **Thời gian:** 1'.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Cho Hs quan sát hình ảnh về vùng sông nước Cà Mau trên màn hình, nghe giai điệu bái hát " Rừng đất phương Nam", GV dẫn dắt vào bài: **Đất nước Việt Nam ta rất giàu và đẹp. Vẻ đẹp của vùng đất mũi Cà Mau hiện lên qua từng trang viết của nhà văn Đoàn Giỏi sinh động là một ví dụ cho sự giàu đẹp đó.**	- Hs quan sát lắng nghe - Học sinh ghi bài.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

* **Mục tiêu**:
+ Học sinh nắm được các giá trị của văn bản.
+ Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác...
+ Định hướng phát triển năng lực tự học, giao tiếp, chia sẻ và năng lực cảm thụ tác phẩm truyện ....
* **Phương pháp:** Đọc diễn cảm, thuyết trình, vấn đáp, phân tích, giảng bình, thảo luận nhóm.
* **Kỹ thuật:** Động não.
* **Thời gian:** 30'.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Gọi HS đọc chú thích * ở SGK/ trang 20,21. **+ Dựa vào chú thích sgk, giới thiệu vài nét về tác giả ?** - GV bổ sung thêm : Ông là nhà văn thường viết về thiên nhiên, cuộc sống và con người	- HS đọc chú thích *. - Đoàn Giỏi (1925 – 1989), quê ở Tiền Giang, viết văn từ thời kháng chiến chống thực dân Pháp.	**I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH** **1. Tác giả:** - Đoàn Giỏi (1925 – 1989), quê ở Tiền Giang. - Ông là nhà văn thường viết về thiên nhiên, cuộc sống và con người Nam Bộ.

Nam Bộ. **+ Văn bản "Sông nước Cà Mau" được trích từ đâu ?** - GV giới thiệu thêm về tác phẩm. - GV hướng dẫn đọc: Giọng đọc rõ ràng, diễn cảm, thay đổi giọng đọc cho phù hợp với từng nhân vật. - GV đọc một đoạn. - Gọi hs đọc tiếp theo văn bản cho đến hết. - Gọi HS nhận xét việc đọc bài của bạn. - GV nhận xét, uốn nắn. - Gọi HS đọc chú thích một số từ khó. **+ Bài văn miêu tả cảnh gì ?** **+ Hãy chia bố cục của văn bản ?** - Gọi HS nhận xét , bổ sung. - GV nhận xét, kết luận. **+ Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy ?** - GV bổ sung: Tác giả nhập vai người kể chuyện xưng "tôi" (Trong truyện " Đất rừng phương Nam" người kể chuyện là chú bé An). **+ Em hãy hình dung vị trí quan sát của người miêu tả?** **+ Ở vị trí quan sát ấy có thuận lợi gì khi miêu tả?** - GV nhận xét, kết luận	- Trích từ chương XVIII truyện "Đất rừng phương Nam". - Nghe. - Nghe hướng dẫn đọc. - Nghe. - Đọc văn bản. - Nhận xét việc đọc của bạn. - Đọc chú thích. - Bài văn miêu tả cảnh sông nước ở vùng Cà Mau. - Bố cục 3 đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu → "màu xanh đơn điệu.": Ấn tượng chung ban đầu về thiên nhiên vùng Cà Mau. + Đoạn 2: Tiếp theo → "ban mai": Cảnh kênh rạch và con sông Năm Căn rộng lớn hùng vĩ + Đoạn 3. Còn lại: Cảnh chợ Năm Căn đông vui, trù phú và nhiều màu sắc độc đáo. - Nhận xét, bổ sung. - Nghe, ghi bài. - Ngôi thứ nhất. - Vị trí quan sát của người miêu tả là trên con thuyền xuôi theo các kênh rạch. - HS trả lời: + Có thể trực tiếp quan sát cảnh sông nước Cà Mau trên con thuyền và trực tiếp miêu tả. + Khiến cảnh sông nước lần lượt hiện lên sinh động. +Người miêu tả có thể trực tiếp bộc lộ các phẩm chất : Quan sát, so sánh, liên	**2. Tác phẩm:** **a. Xuất xứ:** Văn bản được trích từ chương XVIII của truyện "Đất rừng phương Nam". **b. Chú thích** **c. Bố cục:** 3 đoạn. + Đoạn 1: Từ đầu… "trọng vọng" + Đoạn 2: Tiếp theo… "mong mỏi" + Đoạn 3: Còn lại

Văn bản được viết theo phương thức biểu đạt nào ? - GV kết luận : Phương thức biểu đạt : miêu tả	tưởng, cảm xúc ... 	**d. Thể loại và ptbđ** Thể loại: Truyện ngắn Ptbđ : miêu tả
Những dấu hiệu nào của thiên nhiên Cà Mau gợi cho con người nhiều ấn tượngkhi đi qua vùng đất này? **Các ấn tượng đó được diễn tả qua các giác quan nào của tác giả ?** **Em có nhận xét gì về các biện pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng để miêu tả?** - GV:Có khi người kể chuyện sử dụng lời nói cường điệu(chi chít, bất tận, không ngớt vọng về), sự xen cài của các lớp hình ảnh và hình thức kể, tả khiến cho ấn tượng chung về sông nước Cà Mau trở nên sống động hơn. **Qua miêu tả của tác giả, em có cảm nhận gì về thiên nhiên Cà Mau ?** - Yêu cầu HS theo dõi đoạn 2. **Cảnh sông ngoài, kênh rạch hiện ra với những hình ảnh độc đáo nào ?** **Đâu là những biểu hiện cụ thể làm nên sự độc đáo của tên sông, tên đất ở xứ sở này ?**	. - HS trả lời: + Sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. + Trời, nước, cây toàn một sắc xanh. + Tiếng sóng biển rì rào bất tận. - Thị giác (nhìn) và thính giác (nghe) - Biện pháp nghệ thuật: tả xen kẽ, liệt kê, điệp từ, đặc biệt là sử dụng tính từ chỉ màu sắc, trạng thái cảm giác. - Một thiên nhiên còn nguyên sơ, đầy hấp dẫn và bí ẩn. - Theo dõi đoạn 2. - HS trả lời: + Cách đặt tên sông, tên đất. + Dòng chảy Năm Căn. + Rừng đước Năm Căn. - Cứ theo đặc điểm riêng của nó mà gọi thành tên: + Rạch Mái Giầm : có nhiều cây mái giầm. + Kênh Bọ Mắt: Có nhiều con bọ mắt. + Kênh Ba Khía : có nhiều con ba khía.	**II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN** **1. Ấn tượng chung ban đầu về thiên nhiên Cà Mau:** - Sông ngòi , kênh rạch chằng chịt. - Trời, nước, cây toàn một sắc xanh. - Tiếng sóng biển rì rào bất tận. -> NT: tả xen kẽ, liệt kê, điệp từ, đặc biệt là sử dụng tính từ chỉ màu sắc, trạng thái cảm giác) => Thiên nhiên rộng lớn, còn nguyên sơ, đầy hấp dẫn và bí ẩn. **2/ Cảnh sông nước Cà Mau.** **a. Cách đặt tên sông, tên đất:** - Cách đặt tên sông, tên đất: kênh Bọ Mắt, kênh Ba Khía, rạch Mái Giầm, Năm Căn.

Em có nhận xét gì về cách đặt tên này ? - GV : Cách đặt tên không cầu kì theo kiểu Hán Việt. **Qua cách đặt tên đó, giúp em có thêm hiểu biết gì về cuộc sống, con người Cà Mau qua sự thuyết minh, giải thích về các địa danh đó ?** - GV giảng: Cách đặt tên gợi về một vùng đất hoang sơ, xa xôi, ít người biết đến. Người đọc nhận thấy sự giao thoa của nhiều nền văn hóa : không chỉ có văn hóa người Việt mà có cả văn hóa người Khơ-me, người Hoa. - Yêu cầu HS đọc thầm đoạn "Thuyền chúng tôi... ban mai". **Tìm những chi tiết miêu tả con sông Năm Căn và rừng đước?** **Trong đoạn văn miêu tả sông ngoài, kênh rạch Cà Mau, nghệ thuật gì được miêu tả ở đây ? Tác dụng ?** * Gợi ý: Những từ ngữ nào, biện pháp nào gợi tả vẻ đẹp của dòng sông, rừng đước ? **Từ đó em cảm nhận thiên nhiên ở vùng đất Cà Mau này mang vẻ đẹp ra sao ?** - GV kết luận, chuyển ý: Cà Mau không chỉ độc đáo ở cảnh thiên nhiên sông nước mà còn hấp dẫn ở cảnh sinh hoạt cộng đồng nơi chợ búa.	+ Năm Căn: Nhà năm gian. - Dân dã, mộc mạc, theo lối dân gian. - HS đọc thầm đoạn GV yêu cầu. - HS trả lời: + Con sông rộng hơn ngàn thước. + Nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác. + Cá dưới nước bơi hàng đàn. + Rừng đước dựng cao ngất như hai dãy trường thành vô tận. - HS trả lời: + Sử dụng các tính từ miêu tả, các động từ diễn tả hoạt động, các hình ảnh có tính chất so sánh, ví von được sử dụng chính xác. + Diễn tả màu xanh của rừng đước với ba mức độ sắc thái: màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ. - Thiên nhiên mang vẻ đẹp hùng vĩ, đầy sức sống hoang	-> Cách đặt tên độc đáo, dân dã, mộc mạc, giản dị.. => Cuộc sống , phong cảnh còn hoang dã, phong phú, con người sống gần gũi , gắn bó với thiên nhiên. **b. Dòng sông Năm Căn** - Dòng sông mênh mông, rộng hơn ngàn thước. + Nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác. + Cá bơi hàng đàn. + Rừng đước dựng cao ngất . -> Sử dụng các tính từ miêu tả, các động từ diễn tả hoạt động, các hình ảnh có tính chất so sánh, ví von được sử dụng chính xác. => Thiên nhiên mang vẻ đẹp hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã.

- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn cuối. **Quang cảnh chợ Năm Căn hiện lên qua những chi tiết nào ?** **Ở đoạn văn này, tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì ? Tác dụng như thế nào ?** - GV: Tác giả quan sát kĩ lưỡng, vừa bao quát cụ thể, chú ý các hình khối, màu sắc, âm thanh. Tất cả khiến cho chợ Năm Căn trở thành bức tranh độc đáo nhất trong những xóm chợ vùng rừng Cà Mau.	dã. - Đọc thầm theo yêu cầu. - HS trả lời: + Chợ Năm Căn rộng lớn, tấp nập, hàng hóa phong phú, thuyền bè san sát, những đống gỗ cao như núi, những bến vận hà nhộn nhịp dọc dài theo sông, những ngôi nhà bè ban đêm ánh đèn măng sông chiếu rực trên mặt nước như những khu phố nổi. + Chợ họp ngay trên sông. + Sự đa dạng về màu sắc, trang phục, tiếng nói. - Tác giả quan sát kĩ lưỡng, dùng phép so sánh.	**3/ Cảnh chợ Năm Căn:** - Rộng lớn, tấp nập. - Đông vui, trù phú ,độc đáo. - Đa dạng màu sắc, trang phục, tiếng nói. -> Tác giả quan sát kĩ lưỡng, dùng phép so sánh. => Cảnh tượng đông vui, hấp dẫn, tấp nập, trù phú, độc đáo
Qua bài văn này em cảm nhận được gì về vùng Cà Mau cực Nam của Tổ quốc? **Từ đó, em có nhận xét gì về tác giả qua văn bản này)** - GV kết luận, giảng thêm: Đoàn Giỏi là người rất tinh tế trong quá trình quan sát, đồng thời cho thấy được tình yêu thiên nhiên, đất nước của nhà văn. **Nghệ thuật của văn bản có gì đặc sắc ?**	- HS trả lời: + Thiên nhiên vùng sông nước Cà Mau có vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã. + Cuộc sống con người ở chợ Năm Căn tấp nập , trù phú, độc đáo. - Qua văn bản đã thể hiện sự am hiểu, tấm lòng gắn bó của nhà văn Đoàn Giỏi với thiên nhiên và con người vùng đất Cà Mau. - HS trả lời: + Miêu tả từ bao quát đến cụ thể. + Lựa chọn từ ngữ gọi hình chính xác kết hợp với việc sử dụng các biện pháp tu từ. Sử dụng ngôn ngữ địa phương. + Kết hợp miêu tả và thuyết	**1. Nội dung:** + Thiên nhiên vùng sông nước Cà Mau có vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã. + Cuộc sống con người ở chợ Năm Căn tấp nập, trù phú, độc đáo. + Tấm lòng gắn bó của nhà văn Đoàn Giỏi với thiên nhiên và con người vùng đất Cà Mau. **2. Nghệ thuật:** + Miêu tả từ bao quát đến cụ thể. + Lựa chọn từ ngữ gọi hình chính xác kết hợp với việc sử dụng các biện pháp tu từ. Sử dụng ngôn ngữ địa phương. + Kết hợp miêu tả và thuyết minh.

	minh.	**III. Ghi nhớ/sgk/23**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập
- Định hướng phát triển năng lực tự học, chia sẻ

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp,

*** Kĩ thuật:** Động não,

*** Thời gian: 5'**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Chiếu máy bài tập trắc nghiệm	Hoạt động cá nhân	**III. LUYỆN TẬP** Bài tập trắc nghiệm

1 . Dòng nào dưới đây nói không đúng ấn tượng chung của người miêu tả về cảnh quan thiên nhiên "Sông nước cà Mau"

A- Không gian rộng lớn B. Sông ngòi kênh rạch bủa giăng chi chít

C. Một màu xanh bao trùm D. Thuyền bè đi lại tấp nập

2. Ở vùng Cà Mau, người ta gọi tên đất, tên sông, kênh rạch theo cách nào?

A. Theo những danh từ mĩ lệ;

B. Theo những thói quen trong đời sống;

C. Theo cách của cha ông để lại;

D. Theo đặc điểm riêng biệt của nó mà gọi thành tên.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Đọc bài đọc thêm trong sgk? ? Nêu cảm nhận của em về vùng đất và con người Cà Mau? **-Hình thành :Năng lực tự quản bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng ,đất nước.**	**IV. Vận dụng.** - Cá nhân HS đọc bài, cả lớp theo dõi vào sgk. - Cá nhân HS suy nghĩ trả lời. **Rèn kĩ năng tư duy sáng tạo, tạo lập văn bản**	**IV. Vận dụng** - Nêu cảm nhận: Cà Mau là vùng đất cuối cùng phía Nam của Tổ Quốc, đó là một vùng đất giàu có, trù phú, thiên nhiên tươi đẹp và con người nơi đây cũng vui tươi, hồn hậu. Chúng ta rất tự hào về vẻ đẹp của quê hương và qua văn bản ta thêm yêu mến quê hương đất nước mình hơn.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án
*** Kỹ thuật:** Giao việc

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Sưu tầm tài liệu giới thiệu về vùng đất Cà Mau: thiên nhiên con người. - Cà Mau thiên nhiên tươi đẹp vừa hùng vĩ vừa thơ mộng nhưng trước sự biến đổicủa khí hậu toàn cầu, theo dự báo của Nha khí tượng quốc gia , ước tính đến năm 2050, Cà Mau bị nước biển xâm thực 60 % diện tích đất đai. Trước diễn biễn xấu đó, hãy trao đổi với các bạn xem ngaytừ bây giờ, mỗi chúng ta phải hành động như thế nào để giảm thiểu những rủi ro đó cho Cà Mau, cho đất nước VN tươi đẹp này. *** Lưu ý: Hướng dẫn HS về nhà thực hiện** **Tìm hiểu thêm về vùng đất Cà Mau thông qua bộ phim: Đất rừng Phương Nam.**	- quan sát, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, trình bày dự án..../ **Tích hợp môi trường sống**	**Bài tập 3** ..... Kiến thức trọng tâm của bài **Dự án:** - Giữ gìn nhà cửa, trường lớp sạch sẽ; không vứt rác bừa bãi - Phủ xanh đồi trọc - Xử lí rác thải, khí thải theo quy trình - Nghiêm cấm, xử phạt những hành vi làm ô nhiễm môi trường. - Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho mọi người cùng chung tay hành động…

*** Bước 4: Giao bài và hướng dẫn HS học bài, chuẩn bị bài ở nhà (2').**
1. Bài cũ:
- Học kĩ nội dung bài , vẽ bản đồ tư duy khái quát nội dung ý nghĩ và nghệ thuật đặc sắc của văn bản.
- Học thuộc ghi nhớ và
2.Bài mới:
- Soạn bài: **So sánh**

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**SO SÁNH**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1.Kiến thức.

- Cấu tạo của phép so sánh.
- Các kiểu so sánh thường gặp.

2.Kĩ năng :

- Nhận diện được phép so sánh.
- Nhận biết và phân tích được các kiểu so sánh đã dùng trong văn bản, chỉ ra được tác dụng của các kiểu so sánh.

3. Thái độ:

Nghiêm túc học tập, tích cực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.

4. Phát triển năng lực cho học sinh:

-Năng lực trình bày,nói ,viết

-Năng lực tạo lập văn bản

-Năng lực sáng tạo

-Năng lực hợp tác làm việc theo nhóm

III.CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

Nghiên cứu sgk, sgv, soạn giáo án; BGĐT .

2. Học sinh:

Soạn học bài theo hướng dẫn.

IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC

Bước 1. ổn định tổ chức lớp (1').

Bước 2. Kiểm tra bài cũ (3' - 5').

* **Mục tiêu:** Kiểm tra việc học bài ở nhà và chuẩn bị bài mới của học sinh.
* **Thời gian:** 5’.

*** Phương án:** Kiểm tra trước khi vào tìm hiểu bài mới

Lựa chọn đáp án đúng nhất.

Câu 1: Phó từ là gì?

A. Là những từ chuyên đi kèm động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ.

B. Là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật.

C. Là những từ chỉ ít hay nhiều của sự vật.

D. Là những từ dùng để trỏ vào sự vật, nhằm xác định vị trí của sự vật trong không gian hoặc thời gian.

Câu 2: Phó từ gồm mấy loại?

A. Hai. B. Ba. C. Bốn. C. Năm.

- Xác định phó từ trong đoạn đầu văn bản “ Bài học đường đời đầu tiên” và nêu ý nghĩa

Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Rèn kĩ năng tự tin giao tiếp
* **Phương pháp:** Thuyết trình. Vấn đáp

*** Kỹ thuật :** Động não.

* **Thời gian:** 1’.

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
HS quan sát một đoạn văn miêu tả có sử	-HS quan sát một	

dụng so sánh ,trích trong vb "Sông nước Cà Mau" ...Dòng sông Năm Căn mênh mông...đầu sóng trắng" **-Yêu cầu hs quan sát đoạn văn,chỉ ra cái hay của biện pháp nghệ thuật** **Ở bậc Tiểu học các em đã được học phép so sánh, để hiểu kĩ hơn về phép so sánh giờ học hôm nay ta cùng tìm hiểu.**	đoạn văn miêu tả có sử dụng so sánh ,trích trong vb "Sông nước Cà Mau" ... Hs nghe và ghi tên bài	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

*** Mục tiêu:**

- Nắm được khái niệm.
- Phát triển các năng lực cho học sinh: Năng lực sáng tạo.Năng lực hợp tác làm việc theo nhóm.Năng lực tiếp nhận phan tích thông tin

*** Thời gian:** 17- 20 phút.

*** Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật:** Động não.

Hoạt động của Thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần dạt**
		I. TÌM HIỂU BÀI **1. So sánh là gì?** **a. Ví dụ1,/sgk/24**
GV đưa 2 ví dụ a, b lên bảng - Gọi hs đọc ví dụ ? Em hãy tìm những tập hợp từ chứa hình ảnh so sánh trong các câu trên?	- Cả lớp theo dõi ví dụ trên bảng phụ. - Cá nhân HS trả lời. a. Trẻ em - Búp trên cành b. Rừng đước - Hai dãy trường thành vô tận.	**b. Nhận xét:**
? Trong mỗi ví dụ trên, những sự vật, sự việc nào được so sánh với nhau?	- HS suy nghĩ trả lời.	a. Trẻ em - Búp trên cành b. Rừng đước - Hai dãy trường thành vô tận.
?Dựa vào cơ sở nào để có thể so sánh như vậy? Giải thích cụ thể?	a. Trẻ em là mầm non của đất nước tương đồng với búp trên cành, mầm non của cây cối. Đây là sự tương đồng cả hình thức và tính chất, đó là sự tươi non, đầy sức sống, chan chứa hi vọng. b. Rừng đước giống như bức tường thành kéo dài như vô tận, sừng sững kỳ vĩ đứng hai bên bờ sông rất vững chắc.	- Dựa vào sự tương đồng, giống nhau về hình thức, tính chất, vị trí, giữa các sự vật, sự việc khác. - Tăng sức gợi cảm => So sánh là đối chiếu sự vật này với sự vật khác có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt
? So sánh giữa các sự vật như vậy nhằm mục đích gì?	+ Mục đích: Tạo ra hình ảnh mới mẻ cho sự vật, sự việc giúp người đọc hình dung một cách dễ dàng sự vật mà tác giả đang miêu tả.	
- Gọi hs đọc ví dụ 3 trong sgk? ? Con mèo được so	+ Con mèo được so sánh với con hổ.	

sánh với con gì? Hai con vật này có gì giống và khác nhau? ? So sánh trong câu này có gì khác với các câu trên? ? Em hãy lấy một số ví dụ về phép so sánh? ? Vậy em hiểu thế nào là so sánh? Mục đích của sự so sánh? **Hướng dẫn tìm cấu tạo của phép so sánh.** GV: Vế A: Sự vật được so sánh. Vế B: Sự vật dùng để so sánh. Phương diện so sánh: PD Từ so sánh: T **- ChoHs thảo luận nhóm bàn (2`)** **-Rèn kĩ năng giao tiếp, trao đổi trình bày ý kiến,phát triển các năng lực cho học sinh** : Năng lực sáng tạo.Năng lực hợp tác làm việc theo nhóm.Năng lực tiếp nhận phan tích thông tin ? Em có nhận xét gì về mô hình cấu tạo của phép so sánh? ? Hãy nhận xét : Phép so sánh đầy đủ có những yếu tố nào? Có nhất thiết phải sử dụng đầy đủ các yếu tố ? ? Theo em, những yếu	+ Giống nhau về hình thức - lông vằn + Khác nhau về tính cách: mèo hiền đối lập với hổ dữ. - Phép so sánh trong những câu trên là phép tu từ, có giá trị gợi hình gợi cảm. Phép so sánh ở VD3 là phép so sánh thông thường - HS nghe gv quy ước. - HS quan sát trên bảng. **Hs thảo luận nhóm bàn (2`)** - Đọc ví dụ và điền vào mô hình: - HS đại diện một vài nhóm trình bày **Nhận xét:** + Phương diện so sánh có thể lộ rõ nhưng có thể ẩn. + Có thể có từ so sánh hoặc không (dấu hai chấm). + Vế B có thể được đảo lên	**2. Cấu tạo của phép so sánh.** * Mô hình cấu tạo đầy đủ của phép so sánh. | Vế A (Sự vật được so sánh)	Phương diện so sánh	Từ so sánh	**Vế B (Sự vật dùng để so sánh)**
---	---	---	---
Lòng ta	Vui	như	hội , cờ bay
Trẻ em	tươi non)	như	búp trên cành
Rừng đước	dựng lên cao ngất	như	hai dãy trường thành vô tận
Con mèo vằn vào tranh	To	hơn cả	con hổ nhưng vô cùng dễ mến	 Cấu tạo của phép tu từ so sánh bao gồm bốn yếu tố: sự vật được so sánh, phương diện so sánh, từ so sánh, sự vật dùng để so sánh.

tố nào không thể thiếu ? Vì sao? ? Bài học cần nắm những kiến thức gì? **GV chốt kiến thức bằng bản đồ tư duy**	trước vế A. + Vế A và B có thể có nhiều vế.	**II. Ghi nhớ/sgk/24-25**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập
- Tìm ví dụ về so sánh đồng loại và so sánh khác loại.Hoàn chỉnh phép so sánh trong một số thành ngữ quen thuộc
- Rèn kĩ năng nhằm định hướng phát triển năng lực cho học sinh:

+ Năng lực giao tiếp,
+ Năng lực tạo lập văn bản
+ Năng lực sáng tạo
+ Năng lực hợp tác làm việc theo nhóm

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

*** Kỹ thuật:** Động não, giao việc

*** Thời gian**: 15- 17 phút.

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
*BT:Yêu cầu hs nhìn bức tranh đặt câu có sử dụng biện pháp so sánh - Cho hs đọc yêu cầu của bài tập 1 - **GV tổ chức cho HS chơi trò chơi tiếp sức trong 5 phút.** Gv chia hs thành hai đội, đội nào tìm được nhiều phép so sánh, đội đó thắng. **Bài 2:**- GV gọi mỗi em làm 1 câu - Gv chữa **Bài 3:** Nhóm 1: Bài học đường đời đầu tiên Nhóm 2: văn bản Sông	**III. Luyện tập.** - - HS đọc yêu cầu của bài tập. - **HS chơi trò chơi tiếp sức.** - So sánh vật với người: Đoạn văn viết về Dế Choắt - So sánh cái cụ thể với cái trừu tượng: Chí ta như núi Thiên Thai ấy Đỏ rực chiều hôm, dậy cánh đồng. (Tố Hữu) Đây ta như cây giữa rừng Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời . (Ca dao) - HS đọc và làm cá nhân bài tập 2 -HS làm nhóm tìm những phép so sánh trong một văn bản cụ thể - Các nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung	**III. Luyện tập.** **Bài tập 1:** **a. So sánh đồng loại:** Người là Cha, là Bác, là Anh Quả tim lớn lọc trăm ngàn máu nhỏ (Tố Hữu) Bao bà cụ từ tâm như mẹ Yêu quý con như đẻ con ra (Tố Hữu) Đêm nằm vuốt bụng thở dài Thở ngắn bằng trạch, thở dài bằng lươn (Ca dao) **b. So sánh khác loại:** -Mẹ già như chuối chín cây - Công cha như núi Thái Sơn - Thân em như giếng giữa đàng **Bài tập 2:** - Khoẻ như voi - Đen như cột nhà cháy - Trắng như ngó cần - Cao như cây sào **Bài tập 3:** - "Sông ngòi, kênh rạch càng bao vây chi chít như mạng nhện".

nước Cà Mau - Hai cái răng như hai lưỡi liềm - người gầy gò như gã nghiện ... - Các nhóm trình bày - Gv chữa **Bài 4: Viết chính tả** - Gv đọc chính tả - Gv đánh giá	- Hs viết chính tả - Đổi trong bàn, soát lỗi	- "Cá nước bơi hàng đàn... như người bơi ếch". **Bài 4:** Viết chính tả

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

* **Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức để giải quyết tõnh huống thực tiễn; rèn năng lực xử lí tình huống

*** Thời gian:** 3 phút

*** Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..

*** Kĩ thuật**: hợp tác,

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 4: Chọn 1 chủ đề yêu thích (mùa xuân, lễ thu „ Bao gạo nghĩa tình" , viết đoạn văn có dùng phép so sánh -Gọi 2 HS đọc bài, xác định câu có hình ảnh so sánh -Lớp nhận xét **GV hướng dẫn tìm đọc:** tre VN (Nguyễn Duy); Quê hương (Tế Hanh); Cây tre (Thép Mới); Đêm nay Bác không ngủ (Minh Huệ)....	Hs làm bài 5-7' **Rèn kĩ năng tạo lập văn bản/ tích hợp KNS yêu thiên nhiên, giá trị sống yêu thương**	**Bài 4:** Chọn 1 chủ đề yêu thích trong bài 1, viết đoạn văn 5-7 câu, gạch chân dưới các danh từ trong đoạn văn.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu** : rèn năng lực tự học, tích hợp mở rộng kĩ năng làm văn miêu tả.

*** Phương pháp:** gợi mở

*** Kĩ thuật:** giao việc

*** Thời gian**: 1'

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Tìm tòi quan sát các tác phẩm văn học, ghi lại tên những câu văn hay có sử dụng phép so sánh. Chỉ ra sự độc đáo trong cách so sánh của các nhà văn nhà thơ?	Hs làm bài 5-7' **Rèn kĩ năng tạo lập văn bản/ tích hợp KNS yêu thiên nhiên, giá trị sống yêu thương**	

Bước 4: Giao bài về nhà và hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài (3 phút)

1. Bài cũ:

- Tìm thêm các câu văn, câu thơ có sử dụng hình ảnh so sánh trong các văn bản đã học.
- Hoàn thiện bài tập chưa hoàn thành vào vở bài tập.

2. Bài mới:

- Soạn bài: Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.

+ Đọc các đoạn văn và trả lời câu hỏi trong sgk

+ Chuẩn bị bài 4 sgk

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**QUAN SÁT, TƯỞNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Mối quan hệ trực tiếp của quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn MT.
- Vai trò, tác dụng của quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn MT.

2. Kĩ năng:

- Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhân xét khi MT.
- Nhân diện và vận dụng được những thao tác cơ bản : quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét trong đọc và viết văn MT.

3. Thái độ:

- Học sinh có ý thức sử dụng tưởng tượng, so sánh trong khi viết bài miêu tả.

4. Những năng lực cụ thể của HS cần phát triển

-Năng lực tự học
-Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực giao tiếp/ tạo lập văn bản
- Năng lực hợp tác/ chia sẻ
-Năng lực giao tiếp cảm thu thẩm mĩ.

II/ CHUẨN BỊ

1.Giáo viên:

Soạn giáo án ĐT , sưu tầm tư liệu

2. Học sinh:

Chuẩn bị bài dưới sự hướng dẫn của GV như đọc văn bản hoặc ngữ liệu,làm các bài tập,chuẩn bị tài liệu và đồ dùng cần thiết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1. ổn định tổ chức : Kiểm tra sĩ số học sinh.

Bước 2. Kiểm tra bài cũ

* **Mục tiêu:** Kiểm tra việc học bài ở nhà và chuẩn bị bài mới của học sinh.
* **Phương án:** Kiểm tra trước khi vào bài mới.

? Phân biệt đặc điểm văn miêu tả với tự sự.

- Chiếu máy đoạn văn miêu tả chân dung của Dế Mèn với đoạn văn Dế Mèn rủ Dế Choắt trêu chị Cốc.
- Cho HS nhận diện đoạn văn miêu tả.

Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Rèn năng lực tự tin giao tiếp
* **Phương pháp:** Thuyết trình.
* **Kỹ thuật :Trò chơi tiếp sức**.
* **Thời gian:** 3’.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV chia lớp thành 3 nhóm: Thi tìm nhanh những câu văn câu thơ có sử dụng phép so sánh, nhân hóa trong các văn bản đã học và đọc thêm. - GV chiếu máy một số câu văn hay cho HS tham khảo. **GV bắt vào bài:** Để có thể viết được	HS thực hiện trò chơi tiếp sức 3’. - Hs quan sát, lắng nghe.lắng nghe - Ghi tên bài	

những câu văn hay, một bài văn miêu tả hay, nhất thiết người viết cần có năng lực so sánh. Ngoài ra, người viết cần phải có những năng lực gì khác nữa? Bài học hôm nay cô trò ta cùng tìm hiểu.		

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

*** Mục tiêu:**

- Giúp HS năm được năng lực quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét văn MT.

Rèn năng lực cho học sinh:

+ Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo

+ Năng lực giao tiếp,năng lực hợp tác

+ Năng lực giao tiếp cảm thu thẩm mĩ.

*** Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 25- 30 phút.

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
I. HD tìm hiểu quan sát, tưởng tượng và nhận xét trong văn miêu tả + Giáo viên đưa 3 ví dụ (sgk)? Gọi Hs đọc VD ? ? Những đoạn trên được trích trong văn bản nào? của tác giả nào? **- Gv Tổ chức cho Hs thảo luận nhóm (2`)** H1: Mỗi đoạn văn trên giúp cho em hình dung được những điểm nổi bật gì của sự vật và phong cảnh được miêu tả? H2: Những đặc điểm nổi bật đó thể hiện ở những từ ngữ hình ảnh nào? ? Để viết được những đoạn văn trên, người viết cần có năng lực gì? - Quan sát,tưởng tượng, so sánh, nhận xét… ? Tìm những câu văn có sự liên tưởng và so sánh trong mỗi đoạn ? So sánh như vậy có tác dụng gì?	- HS đọc VD - HS trả lời **HS thảo luận nhúm(2`)** **-Chia 3 nhốm , mỗi dãy là một nhúm/ rèn kĩ năng hợp tác, chia sẻ; giải quyết vấn đề** - Hs các nhóm trình bày + **Nhóm1- Đ1**: Chàng dế gầy, ốm yếu đáng thương: Gầy gò, lêu nghêu, bè bè, nặng nề… + **Nhóm 2 - Đ2**: Cảnh đẹp thơ mộng và hùng vĩ của sông nước Cà Mau: Giăng chi chít như mạng nhện, trời xanh, nước xanh, rừng xanh… **+ Nhóm 3 - Đ3:** Cảnh mùa xuân đẹp, vui náo nức như ngày hội: Chim ríu rít, tháp đèn khổng lồ, ngàn hoa lửa… **- Dự kiến HS:** + Đ1: Như gã nghiện thuốc phiện như người cửi trần mặc áo gi lê. + Đ2: Như mạng nhện,	**I. TÌM HIỂU BÀI** **1. Quan sát, tưởng tượng và nhận xét trong văn miêu tả** **a. Ví dụ/sgk/27** **b. Nhận xét.** - Quan sát, tưởng tượng, so sánh nhận xét… - Tác dụng: Các hình ảnh so sánh, tưởng tượng, liên tưởng trên đều rất đặc sắc vì nó thể hiện đúng, rõ hơn về đối t-

Tích hợp phòng chống ma túy, chất gây nghiệm: Theo em hiểu, nghiện thuốc phiện là như thế nào? Nó có tác hại gì? áo gilê là áo như thế nào? ? Sự tưởng tượng, so sánh ấy có gì độc đáo? **GV: Phải quan sát kĩ, lại có năng lực liên tưởng, tưởng tượng phong phú… các tác giả mới viết được hay, hấp dẫn như vậy.** **GV: cho học sinh đọc phần 3 (SGK)** ? So sánh với đoạn ở phần trên, chỉ ra đoạn này đã lược bỏ đi những gì? Những chữ bị bỏ đi đó có ảnh hưởng đến đoạn văn miêu tả này như thế nào? ? Vậy, muốn tả được, tả hay thì ,trước hết người tả phải cần có những yếu tố và năng lực gì? + Gv yêu cầu học sinh học ghi nhớ (SGK)	như thác, như ngời bơi ếch, như hay dãy trường thành… + Đ3: Như tháp đèn, như ngọn lửa, như hàng ngàn ánh nến trong xanh - So sánh đôi cánh ngắn củn của Dế Choắt với " người cởi trần mặc áo gi-lê" là một so sánh hay. Nó gợi lên trong lòng người đọc hình ảnh đôi cánh vừa ngắn hủn hoẳn vừa xấu của chú dế (sự so sánh chính xác của Tô Hoài) → Các hình ảnh so sánh tưởng tượng, liên tưởng trên đều rất đặc sắc vì nó thể hiện đúng, rõ hơn về ngoại hình gầy gò, ốm yếu, xấu xí của Dế choắt trong con mắt coi thường kẻ cả của Dế Mèn; hình ảnh còn gây bất ngờ, lí thú cho người đọc về thế giới sinh động của loài vật dưới ngòi bút miêu tả điêu luyện của nhà văn Tô Hoài. - Những từ bị bỏ đi đều là những hình ảnh so sánh, liên tưởng thú vị. Nếu không có những hình ảnh so sánh ấy, đoạn văn sẽ mất đi sự sinh động, không gợi trí tưởng tượng cho người đọc. - HS cá nhân **Định hương phát triển năng lực giao tiếp cảm thu thẩm mĩ.** HS đọc ghi nhớ	ượng và gây bất ngờ, lí thú cho người đọc. -Những nhận xét so sánh độc đáo tạo nên sự sinh động, giàu hình tượng, mang lại cho người đọc nhiều thú vị => Muốn miêu tả được trước hết cần phải biết quan sát rồi từ đó nhận xét, liên tưởng, tưởng tượng, ví von, so sánh-… để làm nổi bật lên những điểm tiêu biểu của sự vật **II. Ghi nhớ/SGK/28**

HOẠT ĐỘNG3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu**:

- Tìm những hình ảnh tiêu biểu, đặc sắc trong một đoạn văn miêu tả. Quan sát và ghi chép những đặc điểm nổi bật của một đối tượng miêu tả cụ thể. Liên tưởng, so sánh các hình ảnh,sự vật sao cho thích hợp hấp dẫn. Viết đoạn văn miêu tả trong đó nêu lên được những đặc điểm nổi bật của đối tượng miêu tả.
- Rèn năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác

*** Phương pháp**: Vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật** : động não.

*** Thời gian**: 10 phút

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò	Chuẩn KTKN cần đạt
II. HD luyện tập - GV: yêu cầu học sinh làm bài tập 1. sgk? **- Tổ chức giao việc cho HS điền phiếu học tập phần 1a** - Cá nhân trình bày. **- Phần 1 b, thảo luận nhóm bàn 1'**, - GV bổ sung, sửa chữa. ? bài tập 1 củng cố kiến thức và kĩ năng gì? - Củng cố và rèn kĩ năng nhận biết về chi tiết miêu tả trong một văn bản cụ thể. *GV củng cố: Khái quát bài học bằng bản đồ tư duy	**II. Luyện tập** **Bài tập 1** **- HS điền phiếu học tập** Cá nhân trình bày. **- Phần 1 b, thảo luận nhóm bàn 1'** cử đại diện trình bày - Cho HS nhận xét chéo	**II. Luyện tập** **Bài tập 1/ T 28 (SGK)** *Trả lời câu hỏi - Tác giả đã quan sát và lựa chọn được những hình ảnh rất tiêu biểu, đặc sắc. Những hình ảnh đó là: Mặt hồ sáng long lanh, cầu Thê Húc màu son ...Đền Ngọc Sơn, gốc đa già, Tháp Rùa... * Điền từ a. Gương bầu dục. b. Cong cong. c. Lấp ló. d. Cổ kính. e. Xanh um.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống; rèn năng lực xử lí tình huống, định hướng phát triển năng lực tự học,

*** Phương pháp:** gợi mở, vấn đáp, đánh giá

*** Kĩ thuật:** hợp tác, chia sẻ

*** Thời gian:** 5 phút

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài tập viết đoạn: viết đoạn văn từ 3-5 câu, đề tài mùa xuân, trong đoạn có vận dụng kĩ năng so sánh, nhận xét, liên tưởng, tưởng tượng	-Hs làm bài 5' -Đọc; lớp nhận xét chéo	**Bài tập viết đoạn**: viết đoạn văn từ 3-5 câu, đề tài mùa xuân, trong đoạn có vận dụng kĩ năng so sánh, nhận xét, liên tưởng, tưởng tượng

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu** : rèn năng lực tự học, tích hợp mở rộng vốn từ tiếng Việt ,tích hợp liên môn, xử lí thông tin

*** Phương pháp:** gợi mở

*** Kĩ thuật:** động não

*** Thời gian**: 1’

Quan sát và ghi chép những điều đã quan sát được trong giờ ra chơi ở sân trường em. Dùng kĩ năng so sánh, liên thưởng, tưởng tượng ghi lại những hình ảnh đó.

Bước 4. Giao bài và hướng dẫn HS học bài, chuẩn bị bài ở nhà (2').

1. Bài cũ:

2. Chuẩn bị bài:

- Làm các bài tập VBT
- Soạn bài : Bức tranh của em gái tôi.

Đọc tóm tắt, chia bố cục, trả lời câu hỏi phần đọc – hiểu văn bản.

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	**BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI** **Tạ Duy Anh**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Tình cảm của người em có tài năng đối với người anh
- Những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật và nghệ thuật kể chuyện.
- Cách thức thể hiện vấn đề giáo dục nhân cách của câu chuyện: không khô khan, giáo huấn mà tự nhiên, sâu sắc qua sự tự nhận thức của nhân vật chính.

2. Kĩ năng.

- Đọc diễn cảm, giọng đọc phù hợp với tâm lí nhân vật.
- Đọc - hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lí nhân vật.
- Kể tóm tắt câu chuyện trong một đoạn văn ngắn.

3. Thái độ

- Có Thái độ và cách ứng xử đúng đắn, biết chiến thắng sự ghen tị trước tài năng, thành công của người khác.

4. Những năng lực cụ thể của HS cần phát triển

- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản
- Năng lực đọc hiểu văn bản; cảm thụ, thưởng thức cái đẹp biểu hiện cụ thể
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

II. CHUẨN BỊ.

1 Giáo viên:

- Soạn bộ tranh dân gian - phiếu học tập.

+ Phương pháp / kỹ thuật : thuyết trình, đọc diễn cảm, động não, Bản đồ tư duy

- BGĐT

2. Học sinh:

- Đọc văn bản - soạn bài theo hướng dẫn
- Viết đoạn văn bộc lộ cảm nhận về lòng nhân ái quanh em
- Sưu tầm những truyện cổ tích có cùng chủ đề.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1. Ổn định tổ chức:

Bước 2. Kiểm tra bài cũ

* **Mục tiêu:** Kiểm tra việc học bài ở nhà và chuẩn bị bài mới của học sinh.

* **Phương án:** Kiểm tra trước khi vào bài mới.

Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới.

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp.

* **Phương pháp:** Định hướng phát triển năng lực giao tiếp, thuyết trình.

* **Kỹ thuật :** Động não.

* **Thời gian:** 1'.

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Trong các bài học trước, các em đó được học về những tác phẩm miêu tả - tự sự đầy cảm xúc. Hôm nay, ta lại làm quen với một cây bút trẻ mà nghệ thuật viết truyện cũng thật điêu luyện là Tạ Duy Anh.	- HS nghe, ghi tên bài	

Truyện ngắn "Bức tranh của em gái tôi" đó đoạt giải nhỡ trong cuộc thi viết truyện ngắn "Tương lai vẫy gọi" của Báo Thiếu Niên Tiền Phong. Đây là một câu chuyện lấy đề tài cũng khá bỡnh thường, thậm chí rất gần gũi với đời thường ở lứa tuổi thiếu niên song đó gợi cho ta nhiều suy nghĩ.		

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

* **Mục tiêu** : Cảm nhận về bước đầu văn bản qua việc đọc Trình bày suy nghĩ , ý tưởng, cảm nhận về ý nghĩa của các tình tiết; rèn kĩ năng lực giải quyết vấn đề, ; cảm thụ, thưởng thức cái đẹp biểu hiện cụ thể

* **Phương pháp:** Đọc diễn cảm, thuyết trình. kể tóm tắt- Vấn đáp tái hiện thông qua hoạt động tri giác ngôn ngữ, phân tích, bình giảng

* **Kỹ thuật:** Động não. Hỏi chuyên gia, thảo luận nhóm...

* **Thời gian:** 20 -25'.

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Hoạt động 1: Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu chung. - Nêu hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm? * GV: Bổ sung: Tạ Duy Anh là hội viên hội nhà văn VN; hiện công tác tại nhà xuất bản Hội Nhà văn. Ông đã từng nhận giải thưởng tuyện ngắn nông thôn do báo Văn nghệ, báo Nông nghiệp và Đài tiếng nói VN tổ chức; giải thưởng truyện ngắn của tạp chí Văn nghệ quân đội... - GV nêu yêu cầu đọc, đọc mẫu 1 đoạn. - Gọi HS đọc 4 chú thích trong SGK. * GV: Yêu cầu HS kể tóm tắt theo bố cục : ? Xác định bố cục của văn bản? ? Theo em truyện được kể theo ngôi thứ mấy? ? Nhân vật chính trong truyện là ai? vì sao em cho đó là nhân vật chính? GV: Trọng tâm chú ý của tác giả không phải là khẳng định năng khiếu	- HS trả lời - 2 HS mỗi em đọc 1 đoạn - HS đọc. - HS kể tóm tắt - Chuyện về hai anh em Mèo - Kiều Phương anh trai bực vì em nghịch. - Mèo bí mật học vẽ, tài năng hội hoạ bất ngờ được phát hiện. - Tâm trạng và thái độ của người anh trước sự việc ấy. - Em gái thành công, cả nhà mừng vui. - Người anh hối hận vô cùng. - P1: từ đầu đến "vui vẻ lắm"-> Tâm trạng của người anh trước khi tài năng của em được phát hiện P2: Tiếp đến " với cháu" -	**I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH** **1. Tác giả** : - Tạ Duy Anh sinh năm 1959 - Quê Chương Mỹ - Hà Tây **2. Tác phẩm:** **a. Xuất xứ** Là truyện ngắn đạt giải nhì trong cuộc thi viết " Tương lai vẫy gọi" của báo TNTP. **b. Chú thích** **c. Bố cục** 3 phần **d. Thể loại và ptbđ** Thể loại: truyện ngắn Ptbđ: Miêu tả

hay ca ngợi phẩm chất của cô em gái mà chủ yếu miêu tả, phân tích diễn biến tâm trạng của người anh trước thành công của em gái , và chủ yếu hướng người đọc tới sự tự thức tỉnh ở nhân vật người Như vậy hai anh em đều là nhân vật chính, nhưng người anh là nhân vật trung tâm, giữ vai trò chủ yếu trong việc thể hiện tưởng, chủ đề tác phẩm.	> Tâm trạng của người anh khi tài năng của em gái được phát hiện P3: Con lại: Tâm trạng của người anh trước bức tranh đạt giải nhất của em gái	**II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN.** **1. Nhân vật người anh.**
	- HS trả lời	
? Nhân vật người anh được miêu tả chủ yếu ở đời sống tâm trạng. Em thấy tâm trạng người anh diễn biến trong các thời điểm nào?	-Trong cuộc sống hàng ngày - Khi tài năng hội hoạ của em gái được phát hiện. - Khi lén xem tranh em gái đã vẽ. - Khi đứng trước bức tranh đoạt giải của em gái.	**a. Cuộc sống thường ngày** - Coi thường, bực bội: + Gọi em là Mèo +Bí mật theo dõi các việc làm của em. => Ngạc nhiên, xem đó là trò trẻ con, không mấy quan tâm.Thái độ vô tâm ngoài cuộc.
? Trong cuộc sống thường ngày, người anh đối xử với em gái như thế nào? ? Khi phát hiện em gái chế thuốc vẽ từ nhọ nồi, người anh nghĩ gì? ? ý nghĩ ấy cho em hiểu gì về tâm trạng của người anh? ? Qua phần một em có cảm nhận gì về nhân vật người anh?	- HS trao đổi nhóm trong 1 phút.	
? Sự biến đổi trong tâm trạng người anh diễn ra khi nào?		**b. Khi tài năng của em gái được phát hiện:**
? Khi phát hiện tài năng của Kiều Phương, thái độ của mọi người ntn?	- HS suy nghĩ trả lời. - Đẩy em ra	- Buồn, thấy mình bất tài.
?Vậy còn thái độ của anh thì sao?	-HS lí giải ,tìm dẫn chứng phân tích	
GV: Nhà văn đã nắm được nét tâm lý trẻ thơ: luôn có ý thức khẳng định mình, luôn muốn giành mọi sự quan tâm của người khác. ?Tại sao người anh lại lén xem tranh của em gái? Và tại sao người anh lại "lén trút tiếng thở dài" sau khi xem tranh? - Tò mò, muốn kiểm chứng. Đố kị, ghen tị.Hi vọng mơ hồ ở cậu:Phải chăng tài năng của Phương chỉ là điều ngộ nhận. Nhưng con mắt khách quan	-HS nhận xét -Bộc lộ suy nghĩ cá nhân	- Lén xem tranh của em. - Thở dài

tinh tường đã phản bội lại mong muốn của cậu,cái mong muốn hẹp hòi vị kỉ - Qua mấy bức vẽ ,cậu ngạc nhiên về tài năng của em,Cảm thấy mình kém cỏi, buồn nản, bất lực, cay đắng nhận ra sự thực, thầm cảm phụ ?Khi em gái bộc lộ thái độ chia vui, người anh có cử chỉ gì? Tại sao người anh có cử chỉ không thân thiện đó?	HS: -Ghen tị, đố kị, tức tối không thích em hơn mình -Tâm hồn cậu giống như quả bóng xì hơ. Mối quan hệ hai anh em trong gđ bị rạn nứt	- Gắt gỏng, xét nét với em một cách vô cớ.
? Đằng sau những cử chỉ và thái độ không bình thường ấy là tâm trạng gì của người anh? ? Em có suy nghĩ gì trước thái độ của người anh với em? **-Dùng tài năng để đảo lộn bậc thang giá trị ,nhất là để nó chi phối cái ghét cái yêu trong tình cảm tự nhiên của con người là điều đáng trách.Chính điều đó làm cậu hoang mang không để tâm vào chuyện học hành, ngồi vào bàn mà gục đầu xuống khóc thì thật đáng thương, nhưng gắt gỏng vô cớ với em dù chỉ là một lỗi nhỏ thì lại là điều đáng trách.** ? Nếu ở trong hoàn cảnh của người anh, em có tâm trạng như vậy không? ? Nhận xét nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật người anh? **GV: Không phải ai cũng đủ dũng cảm để gạt bỏ những tự ái và ghen tị khi thấy người khác tài năng còn mình kém cỏi, nhất là khi chúng ta chưa là người lớn, chưa đủ chín chắn để có được hành động đúng đắn. Điều đó góp phần thể hiện sự am hiểu và tinh tế của nhà văn khi miêu tả tâm lí nhân vật.** ?Nếu cần có một lời khuyên với người anh, theo em nên nói gì?	-Cách nghi nông cạn và gia trưởng ở cậu ta trong gia đình là anh dứt khoát phải hơn em,nay tình hình đảo ngược,cậu ta giận em và tủi phận,lần đầu cảm nhận sự cô đơn,vì bị mọi người quên lãng,bị đẩy ra ngoài vì vô tích sự - HS: - Nghệ thuật miêu tả tâm lí chân thực, tự nhiên. Đây là một biểu hiện dễ gặp ở ở mọi người nhất là ở lứa tuổi thiếu niên, đó là lòng tự ái và mặc cảm, tự ti khi thấy ở người khác có tài năng nổi bật.	- Không chịu được sự thành đạt của em, càng thấy mình thua kém em. => Tự ái, mặc cảm, đố kị với tài năng của em gái

?Tình huống nào trong truyện tạo nên điểm nút của diễn biến tâm trạng người anh? Tóm tắt và lí giải tâm trạng ấy?	HS tìm chi tiết trong văn bản trả lời HS trả lời	**c. Khi đứng trước bức tranh được giải của em gái:**
?Phân tích diễn biến tâm trạng của người anh: từ chỗ ngạc nhiên, hãnh diện, xấu hổ khi đứng trước bức tranh?	Hs phân tích thái độ của người anh Ngạc nhiên vì bé Phương lại vẽ mình,và sao bức tranh lại đẹp thế kia - Ngạc nhiên -> hãnh diện (Vì em lại vẽ chính mình với một vẻ đẹp hoàn hảo) ,lần đầu tiên tôi được hóa thân vào nghệ thuật, được giới thiệu với mọi người vẻ đẹp toàn vẹn"Không chỉ suy tư mà còn rất mơ mộng nữa", -> Xấu hổ (Tự nhận thấy mình yếu kém, ích kỉ, nhỏ nhen, không xứng đáng với lòng vịu tha và nhân hậu rất đỗi vô tư của em).Không xứng đáng với với sự biểu dương bằng những đường nét đẹp đẽ trong tranh, nhất là bức tranh còn được"đóng khung trong lồng kính"	- Ngạc nhiên -> hãnh diện -> xấu hổ, muốn khóc.
? Nhận xét nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật?	- Tất cả, quan trọng hơn là vì xấu hổ vì thấy mình tầm thường, ích kỉ, nhỏ nhen.... HS trình bày	-> Nghệ thuật: Miêu tả chân thực diễn biến tâm lí n/v.
? Em hiểu thế nào về đoạn kết của truyện (Tôi không trả lời mẹ ...lòng nhân hậu của em con đấy)? ? Qua đó em có cảm nghĩ gì về người anh? **- GV: Trong bản thân mỗi người, ai cũng có một thói xấu nào đó, có khi nó lấn át cả phần tốt đẹp song quan trọng là phải dũng cảm tự nhìn nhận và vượt lên để loại bỏ nó, như vậy**	- Xấu hổ đến ngượng ngùng vì day dứt lương tâm bởi vì cậu không xứng đáng với lòng nhân hậu của em gái.Trong lòng bé Phương,người anh vốn chưa hoàn thiện phải trở thành thần tượng như thế nào mới đủ sức rung cảm cho nghệ thuật thăng hoa.Và thêm nữa chú thích cho bức tranh lại là một dòng chữ yêu	- Bức tranh có sức cảm hóa: mục đích của nghệ thuật là tìm kiếm cái đẹp bồi dưỡng tâm hồn con người, hướng con người đến cái cao thượng... => Nhận ra những yếu kém của mình, hiểu tấm lòng trong sáng, nhân hậu của em gái.

chúng ta sẽ hoàn thiện hơn. ? Tại sao, nhân vật người anh phải trải qua một thời gian dài vật vã đấu tranh giằng co trong tư tưởng vậy mà chỉ trong khoảnh khắc đứng trước bức tranh của cô em gái thì bức tranh ấy lại có sức cảm hoá người anh trai đến vậy? GV: Nghệ thuật là món ăn tinh thần không thể thiếu được - Chúng nuôi dưỡng phần tốt đẹp trong mỗi con người, giúp ta sống đẹp, sống có ích hơn. GV chuyển: Người anh tuy có những thái độ không đúng với mình nhưng Kiều Phương vẫn luôn yêu quý anh, bằng trái tim nhân hậu và tình yêu thiết tha cuộc sống, cô đã cảm hóa được người anh , giúp hàn gắn những vết nứt trong tình cảm 2 anh em . Vậy Kiều Phương là ai? Tiết học này sẽ giúp các em hiểu rỏ hơn về cô bé ! ? Trong truyện này, nhân vật người em gái hiện lên với những nét đáng yêu, đáng quý nào về tính tình và tài năng? ? Theo em tài năng hay tấm lòng của cô em gái đã cảm hoá được người anh? ? Ở nhân vật này, điều gì khiến em cảm mến nhất? ? Tại sao tác giả lại để người em vẽ bức tranh người anh "hoàn thiện " đến thế? GV chốt ý: Cái gốc nghệ thuật là ở tấm lòng tốt đẹp của con người. Sứ mệnh của nghệ thuật là hoàn thiện vẻ đẹp của con người. Đây là một ý tưởng sâu sắc mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm này. Gv hướng dẫn hs tổng kết. **1. Giá trị nội dung** Qua câu chuyện về người anh và cô em gái có tài năng hội họa, truyện	mến chân thành làm cho cậu như bị thôi miên... - "Không phải..." -> ăn năn, hối hận sự tự nhận thức. Biết nhận lỗi, biết xấu hổ, người anh có thể trở thành người tốt. - Đáng trách song cũng đáng cảm thông. Những tính xấu trên chắc chắn chỉ nhất thời. Sự day dứt và hối hận chứng tỏ cậu là người biết sửa mình, muốn vươn lên. - Đó là nghệ thuật, mục đích của nghệ thuật là tìm kiếm cái đẹp bồi dưỡng tâm hồn con người, hướng con người đến cái cao thượng... Hs trả lời Hs trả lời - Cả tài năng và tấm lòng, nhất là tấm lòng trong sáng hồn nhiên độ lượng giành cho anh trai - Bức tranh là tình cảm tốt đẹp của em dành cho anh. Em muốn anh mình thật tốt đẹp). - Cái gốc của nghệ thuật là ở tấm lòng -> Sứ mệnh của nghệ thuật là hoàn thiện con người.	**2. Nhân vật người em** - Tính tình : hồn nhiên, trong sáng, độ lượng và nhân hậu - Tài năng : + vẽ sự vật có hồn + Vẽ những gì yêu quý nhất + Như con mèo theo nhận xét của anh => Tấm lòng trong sáng, đẹp đẽ giành cho người thân và nghệ thuật.

“Bức tranh của em gái tôi” cho thấy: Tình cảm trong sáng, hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em gái đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình **2. Giá trị nghệ thuật** - Ngôi kể thứ nhất tự nhiên, chân thật - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, sắc sảo		**III. Ghi nhớ/sgk/35**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

* **Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức đó học để giải quyết các bài tập; rốn năng lực tiếp nhận thông tin ,
* **Thời gian:** 5 phút
* **Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..
* **Kĩ thuật**: hợp tác, Vở luyện tập

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV chiếu máy bài tập trắc nghiệm	HS lựa chọn đáp án cá nhân	* **Bài tập TN:** **1. Ai là nhân vật chính trong truyện “ Bức tranh của em gái tôi”?** A. Người em gái B. Người em gái và người anh trai. C. bé Quỳnh D. Người anh trai **2. Truyện “ Bức tranh của em gái tôi” được kể bằng lời kể của ai?** A. Lời người anh, ngôi thứ nhất B. Lời người em, ngôi thứ hai C. Lời tác giả , ngôi thứ ba. D. Lời người dẫn truyện, ngôi thứ hai. **2. Dòng nào diễn đạt đúng thái độ của người anh khi thoạt đầu thấy em gái thích vẽ và tự chế màu vẽ?** A. Bực bội vì em hay lục lọi B. Kẻ cả, cho là em nghịch ngợm. C. Lấy làm lạ và bí mật theo dõi em. D. Ngăn cản không cho em nghịch ngợm.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

* **Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức để giải quyết tõnh huống thực tiễn; rèn năng lực xử lí tình huống ; định hướng phát triển tự học, hợp tác, chia sẻ.
* **Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..
* **Kĩ thuật**: hợp tác,
* **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt

2. Theo em, tài năng nghệ thuật hay tấm lòng của cô bé Kiều Phương đã cảm hoá được người anh? 3.Trong cuộc sống, trong giao tiếp có rất nhiều những rắc rối. Vậy để giải quyết tốt các vấn đề đó, em phải chuẩn bị cho mình hành trang gì? **(HS có thể về nhà làm câu 3)**	Bài 2: **tranh luận 2'/ Rèn kĩ năng tư duy phê phán**	*** Sức cảm hóa tâm hồn người anh** -Tấm lòng trong sáng, nhân hậu, yêu thương của cô em gái. - Sức mạnh của nghệ thuật chân chính. ***Hành trang cuộc sống:** **-** Sống nhân hậu yêu thương, phê phán góp ý trên tinh thần xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp. - ươm mầm tài năng, sở thích...

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu** : rèn năng lực tự học, tích hợp mở rộng vốn từ tiếng Việt ,tích hợp liên môn, xử lí thông tin

*** Phương pháp:** gợi mở

*** Kĩ thuật:** hợp tác

*** Thời gian**: 1'

Hoạt động của Thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
? Em đã học văn bản nào, nhân vật cũng nói nên tấm lòng nhân hậu yêu thương, giúp đỡ người nghèo và tài năng nghệ thuật đã tạo nên một hình ảnh nhân vật cổ tích đẹp sống mãi với thời gian, với thiếu nhi các dân tộc trên thế giới? **(Cây bút thần- Mã Lương)** ? Hình dung và tả lại thái độ của những người xung quanh khi có một ai đó đạt thành tích xuất sắc. **(HS có thể về nhà làm câu 3)**	Bài 2: **tranh luận 2'/ Rèn kĩ năng tư duy phê phán**	**.....**

Bước 4. Giao bài và hướng dẫn HS học bài, chuẩn bị bài ở nhà (2').

1.Bài cũ:

- Phân tích quá trình tự nhận thức và thay đổi trong tâm trạng và tính cách của người anh.

2. Chuẩn bị:

Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**LUYỆN NÓI VỀ QUAN SÁT, TƯỞNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức;

- Những yêu cầu cần đạt đối với việc luyện nói.
- Những kiến thức đã học về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.
- Những bước cơ bản để lựa chọn các chi tiết hay, đặc sắc khi miêu tả đối tượng cụ thể.

2. Kĩ năng:

- Sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí.
- Đưa các hình ảnh có phép tu từ so sánh vào bài nói.
- Nói trước tập thể lớp thật rõ ràng, mạch lạc, biểu cảm, nói đúng nội dung, tác phong tự nhiên.

3. Thái độ:

- Chững chạc, tự tin khi diễn đạt trình bày ý kiến trước tập thể
- Yêu thích , giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

4. Những năng lực cụ thể của HS cần phát triển

- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra
- Năng lực tự học. Năng lực tự quản bản thân
- Năng lực tư duy sáng tạo.
- Năng lực hợp tác
- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt/ Năng lực giao tiếp cảm thu thẩm mĩ.

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

BGĐT, giáo án.

2. Chuẩn bị của học sinh

Trả lời các câu hỏi, lập dàn ý; thống nhất chung lập dàn ý đề được giao vào giấy khổ to.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

*** Bước 1**: **Ổn định tổ chức**

*** Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

-HS kiểm tra chéo

-GV nghe báo cáo việc chuẩn bị dàn ý chung của các nhóm, nhận xét rút kinh nghiệm

*** Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới**

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp.

* **Phương pháp:** Định hướng phát triển năng lực giao tiếp, thuyết trình.

* **Kỹ thuật :** Động não.

* **Thời gian:** 1’.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
? Nhắc lại kiến thức cơ bản về năng lực cần thiết để làm tốt bài văn miêu tả. **GV chốt, dẫn vào bài:** Văn miêu tả là loại văn rất quan trọng trong chương trình	- Hs trình bày cá nhân -HS lắng nghe	**Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình**

Ngữ Văn 6. Văn miêu tả thể hiện tài năng rõ rệt của nhà văn. Muốn làm bài văn miêu tả hay ta phải biết quan sát, liên tưởng, so sánh để đưa ra những hình ảnh sát hợp để truyền tải tới người đọc. Vậy để có những kĩ năng đó ta phải làm gì? Bài học hôm nay chúng ta hiểu điều đó sâu sắc hơn thông qua tiết luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.	Ghi tên bài	

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

***Mục tiêu**: Nắm chắc kĩ năng quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhân xét trong văn MT

*** Thời gian**: 10'

*** Phương pháp, kĩ thuật**: Đọc, quan sát, nhận biết

*** Kĩ năng:** Quan sát, trình bày, giao tiếp

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
I. HS thống nhất dàn ý luyện nói Bài tập 1,3: Sử dụng hình thức chia nhóm. ? Gọi hs đọc bài tập? ? Lập dàn ý ra giấy nháp? **Giao việc 3 nhóm:** Lập dàn ý **Nhóm 1: nhân vật Kiều Phương** **Nhóm 2: nhân vật người anh** **Nhóm 3: Tả cho các bạn nghe về anh chị hoặc em của mình.** ? Giáo viên bổ sung, sửa chữa Yêu cầu : Bằng quan sát, so sánh, liên tưởng , tượng tượng và nhận xét làm nổi bật những đặc điểm chính,	HS thảo luận nhóm lớn 5-7' + Một học sinh đọc yêu cầu bài một. + Lập dàn ý ra nháp, thống nhất ý kiến trong nhóm	**I. Thống nhất dàn ý luyện nói** **Bài tập 1a: Nhân vật Kiều Phương.** - Là người có tài năng về hội hoạ, rất hồn nhiên và nhân hậu. + **Hình dáng:** Gầy, thanh mảnh, mặt lọ lem, mắt sáng, miệng rộng, răng khểnh, có hai cái bím tóc ngoe nguẩy... + **Tính cách:** nghịch ngợm, hồn nhiên; thương yêu anh trai; có tài năng hội họa; trong sáng, nhân hậu, độ lượng, ... **Bài tập 1b: Nhân vật người anh.** + **Hình dáng:** nhỏ nhắn, thông minh, mắt sáng. + **Tính cách:** Ghen tị, nhỏ nhen, mặc cảm; biết ân hận, ăn năn hối lỗi. → Hình ảnh người anh thật và người anh trong bức tranh khác nhau. - Hình ảnh người anh trong bức tranh do người em gái vẽ thể hiện bản chất, tính cách của người anh qua cảm nhận trong sáng, nhân hậu của em gái. **Bài tập 3: Tả cho các bạn nghe về anh chị hoặc em của mình.** *1.* **Mở bài:** giới thiệu về đối tượng được tả. *2.* **Thân bài:** • Chọn tả vài nét tiêu biểu về ngoại hình như thân, mặt mũi, đầu tóc... • Tả về tính cách diụ dàng hay nghiêm khắc , nhút nhát hay tinh nghịch... • Tả một vài cử chỉ hành động của nhân

		vật *3.* **Kết bài:** tình cảm đối với người thân đó.
Nhắc lại kiến thức cơ bản về năng lực cần thiết để làm tốt bài văn miêu tả. **Bài tập 3** (SGK): Sử dụng hình thức chia 2 nhóm lớn, mỗi nhóm 1 bài, mỗi mhoms lớn chia 2 nhóm nhỏ. + Yêu cầu học sinh lập dàn ý. - Nhận xét. - Quan sát. - So sánh, tưởng tượng. **Bài tập 4**: (SGK) ?Yêu cầu học sinh lập dàn ý chứ không viết thành văn.	- HS nhắc lại kiến thức cũ - Hs thảo luận nhóm bàn , lập dàn ý + Lập dàn ý ra nháp, thống nhất ý kiến trong nhóm + Học sinh lập dàn ý theo bố cục 3 phần.	**Bài tập 3:** **a. MB:** Giới thiệu đêm trăng (Thời gian, địa điểm, ấn tượng). **b. TB:** Miêu tả cụ thể đêm trăng (Theo trình tự hợp lí). + Lúc trăng bắt đầu lên: - Bầu trời chi chít sao, không gian: yên ả, thanh bình. - Vầng trăng tròn vành vạnh, sáng trong dịu hiền - Cây cối được tắm vàng ngời lên dưới trăng... - Đường làng ngõ xóm như được bao phủ một màn sương bàng bạc.... - Những ngôi nhà như dát bạc lung linh.... + Trăng lên cao: sáng hơn, ánh sáng chuyển thành màu trắng bạc, soi tỏ cảnh vật, mặt đất chập chờn đung đưa nhưng bóng trăng lấp loáng.... + Trăng sắp lặn: nhỏ dần, nghiêng về phía chân trời.... **c. KB:** Cảm tưởng về đêm trăng. ***Bài tập 4:** - Mặt trời đội biển nhô màu mới. - Bầu trời như một tấm gương không chút bụi. - Mặt biển êm ả, sóng gợn lăn tăn vỗ vào bờ cát. - Bãi cát phẳng phiu. - Sóng vỗ nhẹ vào bờ cát.... - Mặt trời đội biển... - Những con thuyền: nằm gối đầu lên bờ cát, thấp thoáng những cánh buồm như những con bướm khổng lồ đang băng băng về phía trước.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

* **Mục tiêu** : Rèn kĩ năng nói trước nhóm, tổ, tập thể lớp .
* **Phương pháp** : Vấn đáp , nêu vấn đề, thuyết trình .
* **Kĩ thuật** : KT động não .
* **Thời gian** : 20 -25 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
II. Luyện nói * Cử học sinh làm trưởng nhóm, mỗi thành viên nói không quá 3 phút, ghi chép	**II. Luyện nói** * Lần lượt các thành viên trong nhóm trình bày: nhóm trưởng điều hành.	**II. Luyện nói** * **yêu cầu khi luyện nói trước lớp** + Nội dung

tóm tắt bài bạn nói. *. GV nêu yêu cầu khi luyện nói trước lớp: - Phát âm rõ, đủ nghe. - Đảm bảo đủ nội dung, không dài dòng. - Khi nói mắt cần hướng vào mọi người tạo cảm giác gần gũi. * GV yêu cầu nhóm nhận xét đánh giá bài nói của HS theo các tiêu chí - Gv nhận xét, bổ sung, cho điểm động viên	+ Các thành viên trong nhóm nghe ghi tóm tắt bài nói của bạn, nhận xét, cắt cử chuẩn bị nói trước lớp. + Cử đại diện trình bày trước lớp. * Nhận xét đánh giá bài nói của bạn	+ Ngữ điệu. + Giọng văn. + Ngôn từ. + Tư thế, tác phong 1. Luyện nói trước tổ: 10’ 2. Luyện nói trước lớp: 15’

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

* **Mục tiêu** : vận dụng kiến thức đã học rút ra những bài học cần thiết cho bản thân; rèn năng lực tư duy sáng tạo.

* **Phương pháp** : Vấn đáp , nêu vấn đề, thuyết trình .

* **Kĩ thuật** : KT động não .

* **Thời gian** : 5 phút

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
Bài 1: Qua bài luyện nói văn miêu tả, em rút ra được kinh nghiệm, bài học gì để bổ sung cho kĩ năng làm văn miêu tả, cho kĩ năng giao tiếp trước đám đông? **GV chiếu máy, chốt nội dung của bài học** **Bài 2:** Viết đoạn văn ngắn miêu tả lại cảnh đêm trăng sáng, trong đoạn có sử dụng kĩ năng so sánh, liên tưởng tưởng tượng. **Bài 3:** Qua bài luyện nói em rút ra được kinh nghiệm , bài học gì về cách làm văn miêu tả, cách rèn kĩ năng nói? - Cách làm bài văn tả cảnh, cách quan sát, nhận xét, miêu tả những đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Hs trình bày ý kiến cá nhân HS tích cực viết/ đọc trình bày/ lớp nhận xét, rút kinh nghiệm - HS tự cảm nhận và rút ra bài học/ Rèn năng sáng tạo	**Bài 1: Bài học vận dụng:** - Cách làm bài văn tả người, tả cảnh; - Cách quan sát, lựa chọn những đặc điểm nổi bật của đối tượng. - Kĩ năng quan sát, nhận xét, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng - Kĩ năng giao tiếp, trình bày tự tin trước đám đông. **Bài 2:** Viết đoạn văn ngắn miêu tả lại cảnh đêm trăng sáng, trong đoạn có sử dụng kĩ năng so sánh, liên tưởng tưởng tượng. **Tư liệu tham khảo bài viết của Vũ Tú Nam** **Bài 3: Bài học vận dụng** - Cách miêu tả Cách rèn kĩ năng nói

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

* **Mục tiêu**: rèn năng lực tự học; tích hợp mở rộng

* **Thời gian:** 3 phút

* **Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..

*** Kĩ thuật**: hợp tác,

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Yêu cầu học sinh tìm đọc những đoạn văn miêu tả hay, ghi chép sổ tay văn học -Đọc cho các bạn nghe, tham khảo Sưu tầm những câu văn hay, bài văn hay tả về đêm trăng, chép lại những câu văn, đoạn văn yêu thích trong sổ tay văn học. Trao đổi với các bạn về kĩ năng miêu tả của các nhà văn.	Tự học, tự sưu tầm	

Bước 4 : Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà(3ph)

1. Bài cũ

- hoàn thiện bài 3,4,5

2. Bài mới

- Soạn bài: Vượt thác

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	**VƯỢT THÁC** Võ Quảng	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Tình cảm của tác giả đối với cảnh vật quê hương, với người lao động.
- Một số phép tu từ được sử dụng trong văn bản nhằm miêu tả thiên nhiên và con người.

2. Kĩ năng:

- Đọc diễn cảm: giọng đọc phải phù hợp với sự thay đổi trong cảnh sắc thiên nhiên.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng con người và thiên nhiên trong đoạn trích

3. Thái độ:

- Yêu quí thiên nhiên và con người.

4. Những năng lực cụ thể của HS cần phát triển

- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản
- Năng lực đọc hiểu văn bản; cảm thụ, thưởng thức cái đẹp biểu hiện cụ thể
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

Soạn giáo án,

2. Chuẩn bị của học sinh:

Chuẩn bị bài theo câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

*** Bước 1. ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số.

*** Bước 2. Kiểm tra bài cũ:**

*** Mục tiêu:** Kiểm tra việc học bài ở nhà và chuẩn bị bài mới của học sinh.

*** Phương án:** Kiểm tra trước khi vào bài mới.

HS 1- Phân tích diễn biến tâm trạng người anh trong "Bức tranh của em gái tôi" để thấy được quá trình tự nhận thức và thay đổi tính cách của nhân vật người anh trai?

HS 2- Nhân vật Kiều Phương để lại trong em những gì?

***Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp.

*** Phương pháp:** Định hướng phát triển năng lực giao tiếp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật :** Động não.

*** Thời gian:** 1'.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Thiên nhiên quê hương đất nước Việt Nam ta rất phong phú, đa dạng. Ở bài 19 ta đó tìm hiểu được một vùng thiên nhiên rộng lớn ở cực Nam Tổ quốc qua bài " Sông nước Cà Mau". Còn hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về thiên nhiên và con người ở miền Trung qua văn bản " Vượt thác".	Hs lắng nghe và ghi tên bài	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

* **Mục tiêu** : Cảm nhận về bước đầu văn bản qua việc đọc Trình bày suy nghĩ , ý tưởng, cảm nhận về ý nghĩa của các tình tiết; rèn kĩ năng lực giải quyết vấn đề, ; cảm thụ, thưởng thức cái đẹp biểu hiện cụ thể

* **Phương pháp:** Đọc diễn cảm, thuyết trình. kể tóm tắt- Vấn đáp tái hiện thông qua hoạt động tri giác ngôn ngữ, phân tích, bình giảng

* **Kỹ thuật:** Động não,

* **Thời gian:** 20 -25'.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
		I. ĐỌC-HIỂU CHÚ THÍCH
	- HS đọc chú thích *.	**1. Tác giả:**
- Gọi HS đọc chú thích * ở SGK/ trang 39..	- HS trả lời:	- Võ Quảng (1920–2007), quê ở Quảng Nam.
Dựa vào chú thích * hãy nêu những hiểu biết của em về tác giả và xuất xứ văn bản "Vượt thác"?	+ Tác giả: • Võ Quảng (1920–2007), quê ở Quảng Nam. • Là nhà văn chuyên viết truyện cho thiếu nhi.	- Là nhà văn chuyên viết truyện cho thiếu nhi.
		2.Tác phẩm:
- GV nhận xét, và giới thiệu thêm về tác phẩm.	+ Tác phẩm: Xuất xứ: Trích chương XI truyện "Quê nội".	**a Xuất xứ:**
		Trích từ chương XI truyện "Quê nội".
- GV hướng dẫn đọc: Giọng đọc to, rõ ràng , diễn cảm , thay đổi giọng đọc cho phù hợp với nội dung từng đoạn.	- Nghe hướng dẫn đọc.	
		b. Chú thích
- GV đọc một đoạn.	- Nghe.	
- Gọi hs đọc tiếp theo văn bản cho đến hết.	- Đọc văn bản.	
- Gọi HS nhận xét việc đọc bài của bạn.	- Nhận xét việc đọc của bạn.	
- GV nhận xét, uốn nắn.	- Nghe.	
- GV yêu cầu HS giải thích từ khó. Giải thích từ khó : Chú ý các thành ngữ "chảy đứt đuôi rắn" "nhanh như cắt", từ HV "hiệp sĩ".	- HS giải thích từ khó.	
- GV nêu vấn đề: Văn bản "Vượt thác" là một bài văn miêu tả có bố cục 3 phần nội dung : 1. Cảnh dòng sông và 2 bên bờ trước khi vượt thác 2. Cuộc vượt thác của Dượng Hương Thư 3. Cảnh dòng sông và 2 bên bờ sau khi vượt thác	- Bố cục: 3 phần 1. Từ đầu → ... "thác nước". 2. Tiếp → ... "Cổ Cò". 3. Còn lại - HS trả lời: + Vị trí quan sát : Trên con thuyền đang di động và vượt thác. + Thuận lợi: quan sát toàn cảnh và cảnh hai bên bờ sông, đồng thời có thể quan sát rõ hình ảnh người lao động (dượng Hương Thư) điều khiển con thuyền vượt thác.	**c. Bố cục**: 3 phần a/ Từ đầu → ... "thác nước". b/ Tiếp → ... "Cổ Cò". c/ Còn lại
Em hãy chỉ rõ ba phần nội dung đó trên Văn bản ? **Quan sát văn bản em hãy xác định vị trí quan sát để miêu**		

tả cảnh của tác giả, vị trí quan sát có thích hợp không ? Vì sao ? (Trình tự, không gian, điểm, nhìn miêu tả.) - Gọi HS nhẫn xét, bổ sung. - GV nhận xét, kết luận. **Phương thức biểu đạt của văn bản trên là gì?** - GV khẳng định. **Truyện được kể theo ngôi thứ mấy ?** **+ Nhân vật chính trong văn bản này là ai?)** - GV kết luận, chuyển ý. ? Có mấy cảnh thiên nhiên được miêu tả trong văn bản? (Hình ảnh thiên nhiên, hình ảnh con người) ?Hành trình con thuyền bắt đầu trong khung cảnh nào ? ?Tìm chi tiết miêu tả hình ảnh con thuyền? ?Phát hiện các chi tiết nghệ thuật? Những chi tiết ấy gợi cho em điều gì? ? Hãy tìm các chi tiết miêu tả dòng sông và hai bên bờ theo từng đoạn? - vùng đồng bằng? (Trước khi có thác dữ) - Càng ngược dòng sông? - Đoạn có nhiều thác dữ? - Qua thác dữ?	- Miêu tả + tự sự - Ngôi thứ nhất. - Dượng Hương Thư. HS suy nghĩ, trả lời 2 cảnh: + Cảnh dòng sông. + Cảnh 2 bên bờ. -HS : Gió nồm mát mẻ, cánh buồm rẽ sóng lướt bon bon, nhẹ nhàng, khoan thai, thoải mái - hướng về đích. HS + Đồng bằng: Sông hiền hoà thơ mộng, thuyền bè tấp nập, hai bên bờ rộng rãi trù phú. - Càng ngược dòng sông: vườn tược um tùm, những chòm cổ thụ đứng trầm ngâm, núi cao. - Đoạn sông có nhiều thác dữ: nước từ trên cao phóng xuống giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn. - Chảy quanh co, những cây to...như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước, đồng ruộng lại mở ra.	**d. Thể loại và ptbđ** - Thể loại: truyện ngắn - Phương thức biểu đạt: Miêu tả + tự sự - Ngôi kể: ngôi thứ nhất. **II.ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN** **1.Bức tranh thiên nhiên:** **a-Hình ảnh con thuyền** -Chi tiết: +Cánh buồm:Căng phồng +Thuyền lướt bon bon như... -Nghệ thuật :So sánh nhân hóa ->Tư thế mạnh mẽ sẵn sàng chinh phục thác dữ **b-Hình ảnh dòng sông và quang cảnh hai bên bờ sông**. + Trước khi đến chân thác,cảnh vật êm đềm thơ mộng hiền hòa +Dòng sông khi có thác dữ :Dữ dội hiểm trở hùng vĩ. + Dòng sông khi Vượt qua đoạn thác dữ: Hùng vĩ đẹp thơ mộng.

? Nhận xét của em về nghệ thuật miêu tả của tác giả? (dùng từ, dùng biện pháp tu từ) Tác dụng? ? Tác giả miêu tả những cây cổ thụ ở đầu và cuối bài văn bởi những cách chuyển nghĩa khác nhau. Nêu ý nghĩa của từng trường hợp? ?Qua miêu tả của tác giả, em cảm nhận được vẻ đẹp nào của thiên nhiên nơi đây? ? Nhận xét ngòi bút miêu tả của tác giả? **- GV**: Võ Quảng là nhà văn của quê hương Quảng Nam. Những kỉ niệm sâu sắc về dòng sông Thu Bồn đã khiến ông tả cảnh sinh động, đầy sức sống. Từ đây chúng ta thấy: muốn tả cảnh sinh động, ngoài tài quan sát, tưởng tượng, còn phải có tình với cảnh. ?Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên gợi cho em tình cảm gì? (Phát triển năng lực: -**Năng lực giao tiếp cảm thu thẩm mĩ.** **Giáo viên chuyển ý** ? Người lao động được miêu tả là dượng Hương Thư. Hình ảnh của DHT được miêu tả trong hoàn cảnh nào? ? Hình ảnh thác nước được miêu tả qua chi tiết nào? Qua	- Hs nhận xét HS trả lời :Sông Thu Bồn hiện lên sinh động, hấp dẫn. + "Chòm cổ thụ đứng trầm ngâm dáng mãnh liệt" vừa như báo trước về khúc sông dữ, vừa như mách bảo con người dồn nén sức mạnh chuẩn bị vượt thác. + "Những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom như cụ già vung tay hô đám con cháu về phía trước" thể hiện tâm trạng hào hứng phấn chấn, mạnh mẽ của con người khi đã vượt qua được nhiều thác ghềnh nguy hiểm. -> Thiên nhiên đa dạng, giàu sức sống, tươi đẹp, rộng lớn, hùng vĩ, nguyên sơ. - Hs trả lời HS tìm chi tiết và phân tích Nước từ trên cao phóng giữa 2 vách đá dựng đứng. Thuyền vùng vằng cứ chực tụt xuống. - Khó khăn, nguy hiểm, đòi	-> Từ láy gợi hình, so sánh, nhân hoá. -> Thiên nhiên đa dạng, giàu sức sống, tươi đẹp, rộng lớn, hùng vĩ, nguyên sơ. **2.Cảnh vượt thác của dượng Hương Thư:** - Hoàn cảnh: khó khăn, đầy nguy hiểm, cần sự dũng cảm câu con người.

những chi tiết đó gợi khung cảnh lao động như thế nào? ? Hình ảnh con thuyền được miêu tả qua từ ngữ nào? Từ đó gợi cho ta cảm nhận được điều gì? ? Hình ảnh dượng Hương Thư khi vượt thác được miêu tả qua chi tiết nào? **(Gợi ý :Tìm những chi tiết miêu tả ngoại hình,hành động của dượng Hương Thư trong cuộc vượt thác ?** ? Tác giả sử dụng nghệ thuật nổi bật trong đoạn văn là gì? Phân tích cái hay của nghệ thuật trên? ? Em có suy nghĩ gì về hình ảnh so sánh Dượng Hương Thư Giống như một hiệp sĩ Trường Sơn oan linh hùng vĩ. ? So sánh DHT lúc vượt thác và DHT lúc ở nhà "hiền lành nhu mì..."có tác dụng gì? ? Nêu cảm nhận của em về Dượng Hương Thư ?	hỏi con người phải có lòng dũng cảm. HS: Sự dữ dội của thác nước, càng làm nổi bật tư thế vững vàng của người chèo lái con thuyền. HS xác định chi tiết miêu tả hình ảnh người lao động + Ngoại hình: Cởi trần, như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa. + Động tác: co người phóng chiếc sào xuống lòng sông, chiếc sào dưới sức chống bị cong lại, thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt, ghì trên ngọn sào. - Hs xác định nghệ thuật và phân tích - HS: Sử dụng nghệ thuật so sánh (lúc như hiệp sĩ, lúc như một pho tượng đồng đúc). - Hs - Có thể nói đây là hình ảnh so sánh đẹp nhất độc đáo, nếu như hình ảnh so sánh Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng thể hiện vẻ đẹp ngoài hình gân guốc, vững chắc của nhân vật thì hình ảnh so sánh này lại thể hiện vẻ đẹp dũng mãnh, tư thế hào hùng của con người trước thiên nhiên, con người có sức mạnh ngang tầm với thiên nhiên hùng vĩ. HS Hình ảnh Dượng Hương Thư mang sức mạnh phi thường của người anh hùng trong huyền thoại xưa, đồng thời mang tinh thần nghị lực của người lao động mới. DHT vừa là người đứng mũi chịu sào quả cảm, vừa là người chỉ huy dày dạn kinh	- Hình ảnh Dượng Hương Thư: + Ngoại hình: cởi trần, như một pho tượng đồng đúc.... + Động tác: co người phóng chiếc sào xuống lòng sông, chiếc sào dưới sức chống bị ... -> Dùng nhiều ĐT mạnh, TT gợi tả, từ láy, hình ảnh so sánh. => Con người rắn chắc, dũng mãnh, quả cảm, vượt lên gian khó → Đề cao người lao động, tình cảm tác giả quý trọng người lao động.

	ngiệm, có khả năng thể chất và tinh thần vượt lên gian khó.	
?Em có nhận xét gì về sự kết hợp giữa nghệ thuật miêu tả và kể chuyện của nhà văn?	- Hs - Thống nhất chặt chẽ giữa kể việc và miêu tả chân dung con người trong lao động với 2 nghệ thuật phổ biến là so sánh và nhân hoá. Đoạn văn có sức gợi tả cao. Hình ảnh DHT với công việc nặng nhọc, khẩn trương, sự cố gắng chống chọi của con người, sự ngang ngược của dòng thác, khó bảo của con thuyền. Tất cả được hiện lên sinh động, cụ thể.	
?Qua phân tích, em hiểu gì về thái độ của nhà văn đối với người lao động?	- Ngợi ca, tự hào về hình ảnh đất nước, con người Việt Nam trong cuộc đổi mới xây dựng đất nước.	
?Qua bài văn, em có cảm nhận ntn về thiên nhiên và con người lao động đã được miêu tả? - GV kết luận: Bài văn miêu tả dòng sông Thu Bồn và cảnh hai bên bờ theo hành trình của con thuyền qua những vùng địa hình khác nhau, tập trung vào cảnh vượt thác. Qua đó làm nổi bật vẻ hùng dũng và sức mạnh của con người trên nền cảnh thiên nhiên hùng vĩ.	- HS suy nghĩ, trả lời: + Dòng sông Thu Bồn và quang cảnh hai bên bờ theo hành trình của con thuyền qua những vùng địa hình khác nhau có những vẻ đẹp khác nhau. + Con người với vẻ đẹp hùng dũng và sức mạnh to lớn trước thiên nhiên rộng lớn, hung vĩ, đầy nguy hiểm.	
? Nghệ thuật miêu tả trong bài văn có gì nổi bật? - GV kết luận. - Gọi HS đọc ghi nhớ sgk/41	- Sử dụng nhiều từ ngữ gợi tả (từ láy), cách nhân hóa, nhất là sử dụng những hình ảnh so sánh rất độc đáo đã tạo sự sinh động cho bài văn. - Đọc ghi nhớ sgk/41.	**III. Ghi nhớ/sgk/41**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức đó học để giải quyết các bài tập; rốn năng lực tiếp nhận thụng tin , định hướng phát triển tự học chia sẻ.

*** Thời gian:** 5-7 phút

*** Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..

*** Kĩ thuật**: hoạt động cá nhân

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKn cần đạt

Qua bài văn, em cảm nhận ntn về thiên nhiên và con người lao động đã được miêu tả? ?Qua đó, tác giả muốn thể hiện tình cảm gì? **GV: Bài văn tả cảnh, tả người toát lên t/c yêu quí của t/g đối với cảnh vật quê hương, nhất là t/c trân trọng dành cho người lao động. Bài văn là bài ca lao động của con người. Từ đó đã kín đáo biểu hiện t/y đất nước, dân tộc của nhà văn.**	- Cá nhân HS làm bài - Cá nhân HS suy nghĩ trả lời.	**1 Cảm nhận:** Thiên nhiên, hoang sơ, hùng vĩ. Con người lao động khiêm tốn, quả cảm, dũng mãnh, quyết liệt trong công việc. **2 Tình cảm của tác giả :** - Yêu thiên nhiên, trân trọng người lao động, yêu quê hương.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

* **Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống thực tiễn;

***Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..

* **Kĩ thuật**: hoạt động cá nhân

* **Thời gian:** 3 phút

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
?Em học tập được gì từ nghệ thuật miêu tả của tác giả? - Chọn vị trí quan sát thuận lợi, có trí tưởng tượng phong phú, có cảm xúc với đối tượng miêu tả.	**Rèn năng lực làm văn miêu tả**	**Rèn năng lực làm văn miêu tả**

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI MỞ RỘNG

* **Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức đó học để giải quyết các bài tập; rốn năng lực tiếp nhận thụng tin , định hướng phát triển tự học, hợp tác, chia sẻ.

* **Thời gian:** 5-7 phút

* **Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..

* **Kĩ thuật**: hợp tác, Vở luyện tập

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKn cần đạt
Giáo viên yêu cầu học sinh làm bài tập sau: “ Hai bài Sông nước Cà Mau và bài Vượt Thác đều miêu tả cảnh sông nước. Em hãy nêu những nét đặc sắc của phong cảnh thiên nhiên được miêu tả ở mỗi bài và nghệ thuật miêu tả của tác giả.	Gv hướng dẫn học sinh làm bài tập, Hs suy nghĩ làm bài, Gv nhận xét kết luận.	**Hai bài Sông nước Cà Mau và Vượt thác** tuy đều miêu tả cảnh sông nước nhưng phong cảnh thiên nhiên ở mỗi bài lại có những nét riêng và nghệ thuật miêu ả của mỗi nhà văn cũng vậy. **Cảnh Sông nước Cà Mau** có vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ, gợi về cái sức sống đầy hoang dã. Cảnh sông ngòi chằng chịt và cảnh chợ nổi Năm Căn tấp nập, trù phú cũng là những nét riêng về phong cảnh trong tác phẩm này. Những trang văn Sông nước Cà Mau cho thấy bút pháp miêu tả đặc sắc của nhà văn Đoàn Giỏi. Cảnh vật, con người và cuộc sống biến ảo không ngừng. Nó hiện lên vừa cụ thể lại vừa bao quát dưới ngòi bút của nhà văn. **Vượt thác** lại tập trung miêu tả vẻ đẹp hũng dũng của người lao động trên nền cảnh thiên nhiên hoành tráng và hùng vĩ. Giọng văn trong sáng, tươi đẹp, lúc thì mạnh mẽ hào hùng, lúc thì hồn nhiên thơ mộng.

Bước 4. Giao bài và hướng dẫn HS học bài, chuẩn bị bài ở nhà (2').

1. Bài cũ:

-Nêu ý nghĩa của phép tu từ được sử dụng trong bài khi miêu tả cảnh thiên nhiên.

- Viết đoạn văn phân tích nét đặc sắc của phong cảnh thiên nhiên được miêu tả trong Sông nước Cà Mau và Vượt thác

2. – Bài mới

Chuẩn bị bài mới: So sánh (tt)

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**SO SÁNH (tt)**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1.Kiến thức:

- Các kiểu so sánh cơ bản và tác dụng của so sánh trong nói và viết.

2. Kĩ năng:

- Phát hiện sự giống nhau giữa các sự vật để tạo ra được những so sánh đúng, so sánh hay.
- Đặt câu có sử dụng phép tu từ so sánh theo hai kiểu cơ bản.

3. Thái độ.

-Có ý thức vận dụng so sánh trong văn nói và viết của bản thân.

4. Những năng lực cụ thể của HS cần phát triển

-Năng lực tự học

-Năng lực giải quyết vấn đề

-Năng lực giao tiếp

- Năng lực hợp tác

-Năng lực giao tiếp Tiếng Việt/ Năng lực giao tiếp cảm thu thẩm mĩ.

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

Soạn giáo án, BGĐT

2. Chuẩn bị của học sinh

Trả lời câu hỏi sgk, tìm những thành ngữ, tục ngữ, câu thơ câu văn có sử dụng so sánh và phân tích tác dụng

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

*** Bước 1. ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số.

*** Bước 2. Kiểm tra bài cũ:**

*** Mục tiêu:** Kiểm tra việc học bài ở nhà và chuẩn bị bài mới của học sinh.

*** Phương án:** Kiểm tra trước khi vào bài mới.

HS 1: - So sánh là gì? Cho 1 ví dụ trong các văn bản đã học?

HS 2: - Đặt 1 câu có so sánh. Nêu cấu tạo của mô hình so sánh trong câu em đặt.

*** Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu**:tạo sự chú ý và tâm thế cho hs ; rèn kĩ năng tự tin giao tiếp

*** Thời gian**: 2'

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp,

*** Kĩ thuật**: trò chơi, động não

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
- GV tổ chức cho Hs trò chơi tiếp sức Thi tìm nhanh nhưng thành ngữ, tục ngữ có chứa hình ảnh so sánh **GV dẫn vào bài**: Ở tiết trước, các em đã được học và nắm được khái niệm, cấu tạo của phép so sánh. Trò chơi vừa rồi ta đã làm quen với kiểu so sánh ngang bằng, vậy còn có những kiểu so sánh nào khác nữa, tiết học hôm nay, các em sẽ tìm hiểu về các các kiểu so sánh và tác dụng của phép so sánh	- Hs nghe và ghi tên bài	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

(Đọc, quan sát và **phân tích**, giải thích các ví dụ, **khái quát** khái niệm**)**

*** Mục tiêu**: Giúp HS nắm được có hai kiểu so sánh (ngang bằng, không ngang bằng) và tác dụng của phép tu từ so sánh,.. rèn năng lực giải quyết vấn đề, Năng lực giao tiếp, Năng lực hợp tác**,** chia sẻ , năng lực cảm thụ văn học

*** Phương pháp**: Vấn đáp. thuyết trình, Thảo luận nhóm

*** Kĩ thuật** : Động não , Bản đồ tư duy

*** Thời gian**: 15 – 17 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
		I. TÌM HIỂU BÀI **1. Các kiểu so sánh:** **a. Ví dụ/sgk/41**
Phương tiện được dùng trong phép so sánh là gì? Cho một số ví dụ ?) - Gọi hs đọc ví dụ ở sgk/41 và trả lời các câu hỏi:	- Phương diện so sánh là: Hình thức, tính chất, vị trí, chức năng...	b. Nhận xét
Tìm phép so sánh trong câu ca dao ở ví dụ? Chỉ ra các từ so sánh trong phép so sánh đó? - Gv nhận xét, kết luận.	- Đọc ví dụ và trả lời câu hỏi: - HS trả lời: + Những ngôi sao thức ngoài kia/ Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con. + Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.	
Em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa vế A và vế B trong phép so sánh có chứa các từ so sánh: "Chẳng bằng, là" ? Gọi tên các phép so sánh có các từ so sánh trên	- HS trả lời: + "chẳng bằng": Vế A không bằng vế B. => So sánh không ngang bằng. + "là" : Vế A bằng vế B. => So sánh ngang bằng.	
Em hãy lập mô hình của những kiểu so sánh trên?	- HS trả lời: + A là,(...) B + A chẳng là,(...) B	
Em hãy kể thêm một số từ ngữ so sánh được dùng trong phép so sánh ngang bằng và phép so sánh không ngang bằng?	- HS trả lời: + So sánh ngang bằng : như, là, y như, giống như, tựa,… + So sánh không ngang bằng: hơn hẳn, không giống như, kém hơn, chẳng bằng, hơn là, khác là…	Có 2 kiểu so sánh: - So sánh ngang bằng (như, là, y như, giống như, tựa,…) - So sánh không ngang bằng (hơn hẳn, không giống như, kém hơn, chẳng bằng, hơn là, khác là…)
Vậy qua ví dụ theo em có mấy kiểu so sánh? - GV chốt kiến thức, giảng thêm: + So sánh ngang bằng là sự vật, sự việcở vế A, vế B có những nét tương đồng ngang nhau. + So sánh không ngang bằng là	- Có hai kiểu so sánh: So sánh ngang bằng và so sánh không ngang bằng. - Nghe, nhớ.	

sự vật, sự việcở vế A, vế B có những nét tương đồng ngang nhau nhưng hơn kém nhau về một phương diện nào đó. - GV cho hs áp dụng làm yêu cầu 1,2 của BT1/43: **Tìm các phép so sánh trong các khổ thơ? Cho biết chúng thuộc kiểu so sánh nào?** * Gợi ý: Căn cứ vào đâu em x/định được kiểu so sánh ? - Gọi HS nhận xét, bổ sung. - Gv nhận xét, sửa chữa. - GV treo bảng phụ có ghi đoạn văn ở sgk/42. - Gọi HS đọc đoạn văn. **Tìm những câu văn có sử dụng phép so sánh?** **Trong những câu văn trên, đối tượng nào được đem ra so sánh với đối tượng nào? Và được so sánh trong hoàn cảnh nào?** **Như vậy phép so sánh có tác dụng gì trong đoạn trích ?**	- HS thực hiện yêu cầu: a. - Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè → so sánh ngang bằng. b. - Con đi trăm núi…chưa bằng muôn nỗi…lòng bầm → so sánh không ngang bằng. - Con đi …chưa bằng khó nhọc…sáu mươi → so sánh không ngang bằng. c. - Anh đội viên…như nằm trong giấc mộng → so sánh ngang bằng. - Bóng Bác cao…ấm hơn ngọn lửa hồng → so sánh không ngang bằng. - Nhận xét, bổ sung. - Nghe, sửa chữa. - Quan sát bảng phụ. - Đọc đoạn văn sgk/42. - Những câu văn dùng phép so sánh: + Có chiếc lá tựa mũi tên nhọn… + Có chiếc lá như con chim lảo đảo trên không mấy vòng… + Có chiếc lá nhẹ nhàng, khoan khoái…như thầm bảo… + Có chiếc lá như sợ hãi. - Những chiếc lá rụng được so sánh với những biểu hiện tình cảm của con người trong phút biệt li. - HS trả lời : + Những chiếc lá rụng, mỗi chiếc có cách rụng khác nhau → cụ thể, sinh động. + Những chiếc lá rụng - Vật vô tri được so sánh → tạo sự gợi cảm: sự vật như được thổi hồn vào đó, chiếc lá lìa cành cũng có những tâm trạng như	**2. Tác dụng của phép so sánh** **a. Ví dụ/sgk/42** **b. Nhận xét**

- Gọi HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, kết luận: Những phép so sánh trên tạo ra những lối nói hàm súc, giúp người đọc (người nghe) dễ nắm bắt tư tưởng, tình cảm của người viết (người nói). Đồng thời thể hiện quan niệm của tác giả về sự sống và cái chết. **Qua phân tích cho thấy phép so sánh có tác dụng gì?** - GV bổ sung, chốt kiến thức. - Gọi HS đọc ghi nhớ 2 ở SGK	con người trong phút chia li => biểu lộ suy nghĩ và cảm nhận của người viết. - Nhận xét, bổ sung. - Vừa có tác dụng gợi hình, giúp cho sự vật, sự việc miêu tả được cụ thể và sinh động; vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng, tình cảm sâu sắc. - Theo dõi.	 - Gợi hình, giúp cho sự vật, sự việc miêu tả được cụ thể và sinh động. - Biểu hiện tư tưởng, tình cảm sâu sắc. **II. Ghi nhớ/sgk/42**

HOẠT ĐỘNG 3:LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu** : Xác định phép so sánh trong văn bản, chỉ ra các kiểu so sánh được sử dụng và phân tích tác dụng của phép tu từ so sánh. Tìm các câu văn so sánh trong một đoạn văn bản đã học. Đặt câu văn miêu tả có sử dụng các kiểu so sánh đã học. Rèn năng lực vận dụng kiến thức để xử lí bài tập, hợp tác chia sẻ...

*** Phương pháp**: Vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật** : động não,

*** Thời gian**: 10-15 phút

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
HD luyện tập **Bài 1:** Cho hs đọc bài 1. Tìm phép so sánh? - Phân tích: "Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè". + Tâm hồn: sự vật trừu tượng, phi vật thể, không định lượng được, khó định tính. + Một buổi trưa hè: khái niệm tương đối cụ thể, có thể hình dung bằng kinh nghiệm sống, có cảm xúc, gắn với những kỉ niệm. Đó là một thời gian cụ thể, một không gian đầy nắng, gió, tiếng ve và rực rỡ hoa phượng đỏ...Tất cả giúp cho ta hiểu rằng tâm hồn tôi là một tâm hồn nhạy cảm, phong phú, đa dạng, rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên và không khỏi bồi hồi với những hoài niệm của một thời trai trẻ, hồn nhiên, vô tư	**HS Luyện tập** HS đọc, xđ yêu cầu. - HS suy nghĩ làm bài. - HS sửa chữa.	**III. Luyện tập.** **Bài 1:** a. Tâm hồn tôi là...hè ->so sánh ngang bằng. b. Con đi...sáu mươi. -> so sánh không ngang bằng. c. + Anh đội viên...giấc mộng. -> so sánh ngang bằng. + Bóng Bác...lửa hồng. -> so sánh không ngang bằng. **Bài 2:** a, Những câu văn có sử

- **Bài 2** Tìm phép so sánh trong văn bản "Vượt thác"? GV chia nhóm. Yêu cầu HS phân tích cảm nhận thông qua hình ảnh so sánh. b, Hình ảnh Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc… Trí tưởng tượng của tác giả rất phong phú, sâu sắc, hiện lên một nhân vật khoẻ, đẹp, hào hùng. Thể hiện sức mạnh và khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người.	- HS đọc yêu cầu bài 2. - Học sinh thảo luận nhóm, cử đại diện trả lời trước lớp	dụng phép so sánh. - Thuyền rẽ sóng… như đang nhớ núi rừng… - Núi cao như đột ngột hiện ra… - Những động tác thả sào, rút sào nhanh như cắt. - Dượng Hương Thư như một pho tượng… - Dọc sườn núi, những cây to như những cụ già…

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

* **Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống thực tiễn; năng lực xử lý tình huống

*** Thời gian:** 5 phút

*** Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..

*** Kĩ thuật**: động não, tích cực viết

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
Bài 3 Viết đoạn văn 3 – 5 câu chủ đề về mùa xuân , có sử dụng so sánh. Chỉ ra kiểu so sánh và phân tích tác dụng của so sánh + GV chữa đoạn văn.	- HS viết cá nhân 5' - Hs trình bày, nhận xét chéo	**Bài 3**:Viết đoạn văn 3 – 5 câu chủ đề về mùa xuân có sử dụng so sánh. Chỉ ra kiểu so sánh và phân tích tác dụng của so sánh đó

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

* **Mục tiêu**: rèn năng lực tự học; tích hợp mở rộng vốn từ tiếng Việt

*** Phương pháp :** Gợi mở

*** Kỹ thuật**: giao việc,

*** Thời gian**: 1'

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
* Giao việc:Về nhà sưu tầm, ghi chép lại những hình ảnh so sánh hay vào trang sổ tay văn học, đọc cho các bạn nghe tham khảo để vận dụng một cách sáng tạo vào bài làm văn của mình.	- HS viết cá nhân 5' - Hs trình bày, nhận xét chéo	* Gợi ý: Tìm đọc văn của các nhà văn: Tô Hoài, Phạm Hổ, Thép Mới, Ngô Văn Phú...

Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà(2'):

1. Bài cũ

Viết đoạn văn có sử dụng cả 2 phép so sánh , nội dung tả cảnh chợ hoa ngày tết.

2. Bài mới

- Chuẩn bị: Chương trình địa phương (Phần tiếng việt)

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (PHẦN TIẾNG VIỆT)**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức :

- Rèn luyện viết chính tả, sửa một số lỗi chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

2. Kĩ năng :

Phát hiện và sửa chữa một số lỗi chính tả do ảnh hưởng cách phát âm địa phương .

3. Thái độ :

Giáo dục ý thức khắc phục lỗi chính tả.

4. Năng lực, phẩm chất:

Năng lực: tư duy, sáng tạo, làm việc hợp tác.

Phẩm chất: tự lực, tự chủ, giữ gìn sự trong sáng của tiếng việt

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Giáo án, SGK,

+ Bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh

Sách vở, đồ dùng học tập

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

*** Bước 1**: **Ổn định tổ chức**

*** Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

*** Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới**

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý

- Phương pháp: vấn đáp, thuyết trình.

- Kĩ thuật: Động não.

- Thời gian: 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV giới thiệu bài mới	**Hình thành thuyết trình** - Nghe, suy nghĩ, trao đổi - 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới	**Kĩ năng thuyết trình**

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu** :HS nắm nhận biết được những nguyên âm và phụ âm dễ mắc lỗi của các tỉnh miền bắc và các tỉnh miền nam

/ rèn năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác**;** tích hợp môi trường yêu thiên nhiên làng cảnh Việt Nam.

*** Phương pháp:** Đọc, thuyết trình, vấn đáp, phân tích, khái quát

*** Kỹ thuật:** Động não, kĩ thuật giao việc, thảo luận

*** Thời gian:** 25-30’.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv đưa ra một số quy tắc về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của chương trình. Với mỗi quy tắc, gv yêu cầu hs lấy ví dụ từ mình biết, rồi nhận xét, bổ sung Gv đưa ra một số quy tắc về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của x/s. Với mỗi quy tắc, gv yêu cầu hs lấy ví dụ từ mình biết, rồi nhận xét, bổ sung Gv giới thiệu một số quy tắc về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của 3 âm này. Với mỗi quy tắc, gv yêu cầu hs lấy ví dụ từ mình biết, rồi nhận xét, bổ sung Gv giới thiệu một số quy tắc kết hợp của l/n.	Hs lấy ví dụ minh họa Hs lấy ví dụ minh họa Hs lấy ví dụ minh họa Hs lấy ví dụ minh họa	**I. TÌM HIỂU BÀI** **1. Đối với các tỉnh miền Bắc** a. **Phân biệt ch / tr :** - Khả năng tạo từ láy của **tr** hạn chế hơn **ch**. **Tr** tạo kiểu láy âm là chính (trắng trẻo), còn **ch**cấu tạo vừa láy âm, vừa láy vần (**chông chênh, chơi vơi**) (**tr** chỉ xuất hiện trong một vài từ láy vần :**trẹt lét, trọc lóc, trụi lũi**). - Những danh từ (hay đại từ) chỉ quan hệ thân thuộc trong gia đình chỉ viết với **ch** (không viết **tr): cha, chú, cháu, chị , chồng, chàng, chút, chắt,...** - Những danh từ chỉ đồ vật thường dùng trong nhà chỉ viết với **ch : chạn, chum, chén, chai, chõng, chiếu, chăn, chảo, chổi,...** - Từ có ý nghĩa phủ định chỉ viết với **ch: chẳng, chưa, chớ, chả,...** - Tên cây, hoa quả; tên các món ăn; cử động, thao tác của cơ thể, động tác lao động chân tay phần lớn viết với **ch.** - Tiếng trong từ Hán Việt mang thanh nặng(.) và huyền (\) viết **tr.** b. **phân biệt x / s :** - **X** xuất hiện trong các tiếng có âm đệm (**xuề xoà, xoay xở, xoành xoạch, xuềnh xoàng,...), s** chỉ xuất hiện trong một số ít các âm tiết có âm đệm như: **soát, soạt, soạn, soạng, suất.** - **X** và **s** không cùng xuất hiện trong một từ láy. - Nói chung, cách phân biệt **x/s** không có quy luật riêng. Cách sửa chữa lỗi duy nhất là nắm nghĩa của từ, rèn luyện trí nhớ bằng cách đọc nhiều và viết nhiều. **c. Phân biệt r/d/gi** - **Gi** và **d** không cùng xuất hiện trong một từ láy. - Những từ láy vần, nếu tiếng thứ nhất có phụ âm đầu là **l** thì tiếng thứ hai có phụ âm đầu là **d(lim dim, lò dò, lai dai, líu díu,...)** - Từ láy mô phỏng tiếng động đều viết **r (róc rách, rì rào, réo rắt,...)** - **Gi** và **r** không kết hợp với các tiếng có âm đệm. Các tiếng có âm đệm chỉ viết với **d (duyệt binh, duy trì, doạ nạt, doanh nghiệp,...)** - Tiếng có âm đầu **r** có thể tạo thành từ láy với tiếng có âm đầu **b, c, k** (**gi** và **d** không có khả năng này) (VD**: bứt rứt, cập rập,...)** - Trong từ Hán Việt, tiếng có thanh ngã (~), nặng (.) viết **d**; mang thanh hỏi (?), sắc (/) viết với **gi.** **d. Phân biệt l/n** - L xuất hiện trong các tiếng có âm đệm (VD: loan,

Với mỗi quy tắc, gv yêu cầu hs lấy ví dụ từ mình biết, rồi nhận xét, bổ sung Gv giới thiệu hướng dẫn cách viết. Với mỗi quy tắc, gv yêu cầu hs lấy ví dụ từ mình biết, rồi nhận xét, bổ sung	Hs lấy ví dụ minh họa Hs lấy ví dụ minh họa Hs lấy ví dụ minh họa	luân, loa,...) / N không xuất hiện trong các tiếng có âm đệm (trừ 2 âm tiết Hán Việt: noãn, noa). - Trong cấu tạo từ láy: + L/n không láy âm với nhau. + L có thể láy vần với nhiều phụ âm khác (VD: lệt bệt, la cà, lờ đờ, lò dò, lạnh lùng,..) + N chỉ láy âm với chính nó (no nê, nợ nần, nao núng,...) **2. Đối với các tỉnh miền Trung, miền Nam** *** Viết đúng một số cặp phụ âm cuối dễ mắc lỗi.** a. c/t Lác đác mưa rơi, xuôi ngược, man mác khí trời, bạc ác, chan chát, ngơ ngác, khao khát, man mác, lệch lạc, nhàn nhạt, xao xác, tan nát, phờ phạc, tẻ nhạt, chan chát, ban phát, lưu loát, bạc bẽo. Phía trước bóng ai. Lướt thớt áo dài. Tư vương lưu luyến Mượn gió gọi hoài b. n/ ng lang thang, man mác, miên man, chan chát, tơ vương, lảng đảng, lãng đảng. *** Thanh hỏi/ thanh ngã** Dễ dãi. Lảng đảng. Lãng đãng. Quang cảnh. Buổi sáng sớm. Biển lặng. Cảm tưởng. Nhớ mãi. Giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Một trận bão. Đứng giữa nhà. Đặc điểm nổi bật. hình ảnh. Ngọn lửa hồng. thổn thức cả nỗi lòng. Đứt quãng. Chuyển đổi cảm giác. Những ngọn cỏ gãy rạp. vững chắc. **Viết đúng phụ âm đầu v/ d** Vấn đề, công việc, giải quyết về việc, cây viết, văn bản, cảnh vật, tôn vinh, động viên, đội viên. Sư vật. vui vẻ. **II. GHI NHỚ/SGK/**

HOẠT ĐỘNG 3:LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu** : Vận dụng kiến thức để giải bài tập

*** Phương pháp**: Vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật** : động não,

*** Thời gian**: 10-15 phút

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
Gv yêu cầu hs làm một số bài tập. Điền tiếng có chứa phụ âm đầu l /n: a) ... trường Tam Đảo chạy quanh quanh Dòng ... qua nhà lấp ... xanh	Gv hd hs làm bài tập. Hs suy nghĩ làm Hs làm bài tập,	a) nông, nước, lánh, lượn, non, lành. b) lan, lờ, lặng, làn, nàn, náo.

Bãi cỏ xa nhấp nhô sóng ... Đàn cừu ... gặm cỏ yên ... (Vĩnh Mai) b) Trăng toả ... từng ánh vàng dìu dịu. Những cụm mây trắng lững ... trôi. Đầu phố, những cây dâu da đang thầm ... ban phát từng ... hương ngọt ngào vào đêm yên tĩnh. Càng về khuya, hoa càng nồng ..., ... nức.	trình bày kết quả Hs khác nhận xét, bổ sung	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

* **Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống thực tiễn; năng lực xử lý tình huống

*** Thời gian:** 5 phút

*** Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..

*** Kĩ thuật**: động não, tích cực viết

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Giáo viên yêu cầu hs làm bài tập Điền tiếng chứa **ch / tr:** Miệng và chân .... cãi rất lâu,...nói : - Tôi hết đi lại ..., phải... bao điều đau đớn, nhưng đến đâu, cứ có gì ngon là anh lại được xơi tất. Thật bất công quá! Miệng từ tốn ... lời: - Anh nói ...mà lạ thế! Nếu tôi ngừng ăn, thì liệu anh có bước nổi nữa không nào?	- HS viết cá nhân 5’ - Hs trình bày, nhận xét chéo	tranh, chân, chạy, chịu, trả, chi.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

* **Mục tiêu**: rèn năng lực tự học; tích hợp mở rộng vốn từ tiếng Việt

*** Phương pháp :** Gợi mở

*** Kỹ thuật**: giao việc,

*** Thời gian**: 1’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Giáo viên yêu cầu hs làm bài tập Tìm 5 từ láy có phụ âm đầu **s**; 5 từ láy có phụ âm đầu **x**; 5 từ ghép có phụ âm đầu **s**đi với **x.** Gv hướng dẫn học sinh làm bài tập,	- HS viết cá nhân 5’ - Hs trình bày, nhận xét chéo	- Sạch sẽ, sụt sịt, sửng sốt, sù sì, sì sụp, sù sụ, so sánh, sinh sôi, sáng sủa, san sát, sặc sỡ,... - Xót xa, xù xì, xấu xa, xì xào, xao xác, xinh xắn, xao xuyến, xào xạc, xa xôi, xấp xỉ,... - Xứ sở, sản xuất, xuất sắc, xác suất, xoay sở, xổ số, sâu xa, soi xét,...

Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà(2'):

1. Bài cũ

Viết đoạn văn có sử dụng cả 2 phép so sánh , nội dung tả cảnh chợ hoa ngày tết.

2. Bài mới

- Chuẩn bị: Phương pháp tả cảnh

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**PHƯƠNG PHÁP TẢ CẢNH** **Viết bài văn tả cảnh (làm ở nhà)**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Yêu cầu của bài văn tả cảnh
- Bố cục, thứ tự miêu tả, cách xây dựng đoạn văn và lời văn trong bài văn tả cảnh.

2. Kĩ năng:

- Quan sát cảnh vật.
- Trình bày những điều đã quan sát về cảnh vật theo một trình tự hợp lí.

3 Thái độ:

- Có hứng thú trong lao động – học tập.

4. Những năng lực cụ thể của HS cần phát triển

+Năng lực làm chủ và phát triển bản thân

-Năng lực tự học

-Năng lực giải quyết vấn đề/ Năng lực sáng tạo

+Năng lực xã hội:

-Năng lực giao tiếp

- Năng lực hợp tác

+ Các năng lực riêng: Năng lực cảm thu thẩm mĩ; tạo lập văn bản.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- Bảng phụ: Trình tự làm bài văn tả cảnh.
- Đề bài tập làm văn tả cảnh

2. Học sinh

: Đọc lại các bài đã học và chuẩn bị bài về văn tả cảnh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1. ổn định lớp: 1'

Bước 2. Kiểm tra bài cũ: 5'

* **Mục tiêu:** Kiểm tra việc học bài ở nhà và chuẩn bị bài mới của học sinh.

* **Phương án:** Kiểm tra trước khi vào bài mới.

H1- Muốn tả hay ta cần chú ý những gì?

H2- Tả cảnh buổi sáng em cần chọn những chi tiết, hình ảnh nào?

- **Đáp án:**

H1: Chú ý kĩ năng quan sát, nhận sét, so sánh, liên tưởng...

H2: Bầu trời, mây , ông mặt trời, không khí, cây cối, chim chóc, hoạt động của con người...(Tùy vào giới hạn không gian của cảnh để chọn tả những nét tiêu biểu đặc trưng của cảnh.)

Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp.

* **Phương pháp:** quan sát, vấn đáp, thuyết trình.

* **Kỹ thuật :** trò chơi, Động não.

* **Thời gian:** 1'.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Trong văn miêu tả, người miêu tả cần phải	- Hs lắng nghe	

biết quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét về đối tượng miêu tả. Ngoài các yếu tố trên, người viết cần còn phải biết cách trình bày sắp xếp theo một trình tự hợp lí… Bài học này chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về điều đó.	Ghi tờn bài	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

(**Đọc**, quan sát và **phân tích**, giải thích các ví dụ, **khái quát** khái niệm)

* **Mục tiêu** :HS nắm được đặc điểm của phương pháp tả cảnh; Bố cục bài văn tả cảnh / rèn năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác**;** tích hợp môi trường yêu thiên nhiên làng cảnh Việt Nam.

*** Phương pháp:** Đọc, thuyết trình, vấn đáp, phân tích, khái quát

* **Kỹ thuật:** Động não, kĩ thuật giao việc

*** Thời gian:** 25-30’.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Gọi HS đọc đoạn trích a, SGK/ 45. **Đoạn văn (a) miêu tả điều gì?** **Tại sao có thể nói, qua hình ảnh dượng Hương Thư ta có thể hình dung được những nét tiêu biểu của cảnh sắc ở khúc sông có nhiều thác dữ ?** - GV: Không phải ngẫu nhiên mà tác giả miêu tả dượng Hương Thư " hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra ...hùng vĩ " mà qua đó thấy được cảnh sắc của khúc sông có nhiều thác dữ, nước chảy mạnh.	- Đọc. - Miêu tả hình ảnh của nhân vật dượng Hương Thư - Vì tác giả dùng những động từ mạnh mẽ tả các hoạt động của Dương thượng thư: Thả sào, rút nhanh như cắt, bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt…→ Tiêu biểu cảnh sắc khúc sông có nhiều thác dữ.	**I. TÌM HIỂU BÀI** **1. Phương pháp tả cảnh:** **a. Ví dụ/sgk/45**
- Gọi HS đọc đoạn văn (b). **Đoạn văn (b) tả cảnh gì ?** **Người viết miêu tả cảnh trên theo thứ tự nào ?** - GV: Có thể thấy tác giả quan sát và tả lại theo thứ tự từ dưới sông lên trên bờ cũng là từ gần đến xa. **Qua việc phân tích các ví dụ em hãy cho biết, để làm được một bài văn tả cảnh em cần thực hiện những bước nào?**	- Đọc . - Tả quang cảnh dòng sông Năm Căn và rừng đước: - Miêu tả từ gần đến xa (Từ dưới sông lên trên bờ). Rút ra kết luận	- Muốn tả cảnh: + Xác định đối tượng miêu tả. + Quan sát lựa chọn những ảnh hưởng tiêu biểu. + Trình bày những điều quan sát được theo một trình tự.
- Gọi HS đọc đoạn văn (c). - GV giới thiệu: Đoạn văn trên là một văn bản có đầy đủ bố cục 3 phần : Mở bài, Thân bài, kết bài **Hãy chỉ ra bố cục 3 phần và**	- Đọc - Ba phần của bài văn: + Từ đầu… “màu của luỹ” → giới thiệu khái quát lũy tre làng.	**b. Bố cục bài văn tả cảnh** - Bố cục bài văn tả cảnh thường gồm 3

nêu ý chính của mỗi phần trong đoạn văn (c)? **Tác giả đã miêu tả luỹ tre theo thứ tự nào ?** - GV nhận xét tổng kết các ý kiến của HS. **Từ việc tìm hiểu trên, em hãy cho biết muốn tả cảnh ta cần phải tiến hành những bước nào?)** - GV chốt kiến thức. **Dựa vào đoạn văn (c), theo em bố cục bài văn tả cảnh gồm mấy phần? Nhiệm vụ của mỗi phần là gì ?(TB)** - Gọi hs đọc ghi nhớ sgk/47.	+ Tiếp … "không rõ" → Mô tả cụ thể 3 vòng luỹ tre làng. + Còn lại → PBCN và nhận xét về loài tre. - Trình tự: ngoài → trong. Khái quát → cụ thể. - Theo dõi. - HS trả lời : + Xác định đối tượng miêu tả. + Quan sát lựa chọn những ảnh hưởng tiêu biểu. + Trình bày những điều quan sát được theo một trình tự. - Nghe, ghi bài. - Gồm 3 phần: + Mở bài: giới thiệu cảnh được tả. + Thân bài: Tả cảnh vật chi tiết theo một trình tự. + Kết bài: Phát biểu cảm tưởng về cảnh - Đọc ghi nhớ sgk/47.	phần: + Mở bài: giới thiệu cảnh được tả. + Thân bài: Tả cảnh vật chi tiết theo một trình tự. + Kết bài: Phát biểu cảm tưởng về cảnh. **II. Ghi nhớ/sgk/47**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức đó học để giải quyết các bài tập; rốn năng lực tiếp nhận thông tin , định hướng phát triển tư duy mở rộng vốn từ, hợp tác, chia sẻ.

*** Thời gian:** 5-7 phút

*** Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..

*** Kĩ thuật**: hoạt động cá nhân

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Gọi HS đọc các bài tập 1 ở SGK/ 47. -GV yêu cầu HS hoạt động nhóm theo hướng dẫn của - Yêu cầu trình bày ý kiến	- Đọc. - Hình ảnh tiêu biểu: - Nhận xét, bổ sung.	*** Bài tập 1/SGK 47:** Tả quang cảnh lớp học trong giờ viết tập làm văn: - Hình ảnh tiêu biểu: + Thầy, cô giáo(vào lớp, phát đề hoặc chép đề, quan sát học sinh làm bài, thu bài). + Không khí lớp học. + Quang cảnh chung của phòng học. + Các bạn: Tư thế, thái độ. + Cảnh viết bài, cảnh ngoài sân. - Thứ tự miêu tả : thời gian, không gian.
- Gọi HS đọc các bài tập 2 ở SGK/ 47. -GV yêu cầu HS hoạt động nhóm theo hướng dẫn của - Yêu cầu trình bày ý kiến	- Đọc. - Hình ảnh tiêu biểu: - Nhận xét, bổ sung. - Nhận xét, bổ sung.	*** Bài tập 2/SGK 47:** Tả cảnh giờ ra chơi thì phần thân bài sẽ miêu tả theo: - Trình tự không gian: Xa – gần, bên trái – bên phải. - Trình tự thời gian: + Hết tiết 3 báo giờ ra chơi

	- Nghe, sửa chữa. - Ghi đề bài kiểm tra. - Nghe và thực hiện.	+ HS các lớp ùa ra…, các trò chơi quen thuộc… + Trống vào lớp, HS vào lớp
- Gọi HS đọc các bài tập 1 ở SGK/ 47. -GV yêu cầu HS hoạt động nhóm theo hướng dẫn của - Yêu cầu trình bày ý kiến	- Hình ảnh tiêu biểu: - Nhận xét, bổ sung. - Nhận xét, bổ sung. - Nghe, sửa chữa. - Ghi đề bài kiểm tra. - Nghe và thực hiện.	*** Bài tập 3/SGK 47:** Lập dàn ý: - Mở bài: tên văn bản "Biển đẹp". - Thân bài: Tả vẻ đẹp và màu sắc của biển ở nhiều thời điểm: + Buổi sáng:… + Buổi chiều:Chiều lạnh, nắng tắt sớm. Nắng mát dịu. + Buổi trưa:… + Ngày mưa rào:… + Ngày nắng:… - Kết bài: "Biển đẹp" → "ánh sáng tạo nên": Nhận xét và suy nghĩ về sự đổi thay cảnh sắc của biển.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống thực tiễn; rèn năng lực xử lí tình huống

*** Thời gian:** 5 phút

*** Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..

*** Kĩ thuật**: tích cực viết

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
Đọc kĩ đoạn văn và trả lời: Từ chỗ vệt rừng đen xa tít đó, chim cất cánh tua tủa bay lên, giống hệt đàn kiến từ lòng quả đất chui ra, bò li ti đen ngòm lên da trời. Càng đến gần, khi bóng chim chưa hiện rõ hình đôi cánh, thì quang cảnh đàn chim bay lên giống như đám gió bốc tro tiền, tàn bay liên tri hồ điệp." **(Đất rừng phương Nam- Đoàn Giỏi)** ?Tác giả đã vận dụng kĩ năng nào để miêu tả cảnh sân chim? Đoạn văn gợi cho em suy nghĩ gì về cảnh thiên nhiên sân chim?	HS đọc diễn cảm, trình bày cá nhân/ **Tích hợp thiên nhiên môi trường**	• **Kĩ năng:** Tưởng tượng/ so sánh/ nhận xét/ liên tưởng • **Ấn tượng/ xúc cảm :** - thú vị trước vẻ đẹp phong phú của rừng sân chim Mong mọi người có ý thức bảo vệ thiên nhiên môi trường
Cho HS **Vẽ bản đồ tư duy** khái quát nội dung bài học Gv chốt: chiếu máy	**HS tích cực vẽ 5'**	
Bài 4: viết đoạn văn -Gọi 2 HS đọc bài, xác định những cảnh được chọn tả, trỡnh tự miêu tả -Lớp nhận xột (Hs có thể về nhà làm)	Hs làm bài 5-7' **Rèn kĩ năng tạo lập văn bản**	**Bài 4:** Cho chủ đề về thiên nhiên môi trường , viết đoạn văn 5-7 câu, gạch chân dưới các câu có sử dụng kĩ năng so sánh, liên tưởng trong đoạn văn.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu**: rèn năng lực tự học; tích hợp mở rộng kĩ năng làm văn miêu tả

*** Phương pháp:** Gợi mở,

*** Kĩ thuật**: hợp tác,

*** Thời gian**: 1'

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
* Tìm đọc tham khảo bài văn tả cảnh biển , cảnh mặt trời mọc, cảnh đêm trăng... * Quan sát lại cảnh đón giao thừa của gia đình em, ghi lại những nét tiêu biểu của cảnh (Hs có thể về nhà làm)	Hs làm bài 5-7' **Rèn kĩ năng tạo lập văn bản**	- Tham khảo đoạn văn tả cảnh mặt trời mọc trong văn bản **Cô Tô** của Nguyễn Tuân " Sau trận bão, ...trên muôn thưở biển Đônng" SGK T2 Ngữ văn 6

Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà(2'):

1. Bài cũ

Học bài, học thuộc ghi nhớ, hoàn thiện bài tập

2. Bài mới

- Chuẩn bị: Buổi học cuối cùng

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	**BUỔI HỌC CUỐI CÙNG** **(An-phông-xơ Đô-đê)**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Nắm được cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời đối thoại và lời độc thoại trong tác phẩm.
- ý nghĩa, giá trị của tiếng nói dân tộc.
- Tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong truyện.

2. Kĩ năng:

- Kể tóm tắt truyện.
- Tìm hiểu, phân tích nhân vật cậu bé Phrăng và thầy giáo Ha-men qua ngoại hình, ngôn ngữ, cử chỉ, hành động.
- Trình bày được suy ngĩ của bản thân về ngôn ngữ dân tộc nói chung và ngôn ngữ dân tộc mình nói riêng.

Tích hợp kỹ năng sống: Nói viết chuẩn mực tiếng Việt

3. Thái độ:

- Yêu quý, tự hào về tiếng nói dân tộc.

4. Những năng lực cụ thể của HS cần phát triển

+ Năng lực làm chủ và phát triển bản thân:Năng lực tự học. Năng lực giải quyết vấn đề Năng lực sáng tạo.Năng lực tự quản bản thân
+ Năng lực xã hội:Năng lực giao tiếp. Năng lực hợp tác

***Các năng lực riêng:** Năng lực giao tiếp Tiếng Việt.Năng lực cảm thụ thẩm mĩ những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu đặc sắc của văn bản.

* Tích hợp liên môn: Địa lí, Lịch sử

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo vên:

Soạn giáo án ĐT, chuẩn bị ảnh chân dung tác giả, bản đồ nước Pháp, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh:

Đọc, soạn bài, giấy, bút để thảo luận nhóm

III. TIẾ TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1. ổn định tổ chức 1'

Bước 2. Kiểm tra bài cũ: 5'

* **Mục tiêu:** Kiểm tra việc học bài ở nhà và chuẩn bị bài mới của học sinh.Tích hợp môn địa lí.

* **Phương án:** Kiểm tra trước khi vào bài mới.

Câu 1: Văn bản Vượt thác của ai? Viết về dòng sông nào ở đâu?

Câu 2: Em có cảm nhận gì về cảnh sắc thiên nhiên và hình ảnh con người miền Trung qua văn bản "Vượt thác" của Võ Quảng?

Đáp án:

Câu 1: 3 đ - Tác giả : Võ Quảng; viết về dòng sông Thu Bồn ở miền Trung Trung bộ

Câu 2: 7 đ - HS dựa vào nội dung ghi nhớ của bài học sgk.

Bước 3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp.

* **Phương pháp:** quan sát, vấn đáp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật :** trò chơi, Động não.

*** Thời gian:** 1'.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Lòng yêu nước là một tình cảm thiêng liêng đối với mỗi người và nó có rất nhiều cách biểu hiện khác nhau. Trong tác phẩm "Buổi học cuối cùng", lòng yêu nước của người dân nước Pháp được biểu hiện cụ thể như thế nào qua một câu chuyện cảm động của chú bé Phrăng trong cuộc chiến tranh Pháp Phổ hồi thế kỉ thứ XVIII? Bài học hôm nay , cô và các em cùng tìm hiểu?	- Hs nghe và ghi tên bài	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu** :Cảm nhận về bước đầu văn bản qua việc đọc Trình bày suy nghĩ , ý tưởng, cảm nhận về ý nghĩa của các tình tiết; rèn kĩ năng lực giải quyết vấn đề, ; cảm thụ, thưởng thức cái đẹp biểu hiện cụ thể qua những chi tiết nghệ thuật đặc sắc

*** Phương pháp:** Đọc diễn cảm, thuyết trình. kể tóm tắt- Vấn đáp tái hiện thông qua hoạt động tri giác ngôn ngữ, phân tích, bình giảng

*** Kỹ thuật:** Động não. Hỏi chuyên gia, thảo luận nhóm...

*** Thời gian:** 25 -30'.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Gọi HS đọc chú thích * ở SGK/ 54 **Tác giả của truyện là ai ? Hãy giới thiệu**? - GV khẳng định lại. - Là nhà văn hiện thực lớn của Pháp ở nửa cuối thế kỷ XIX. Ông sinh ra tại làng Lăng gơ đốc thuộc miền Nam nước Pháp. - Trong một gia đình kinh doanh tơ lụa - Sau đó gia đình ông đến thành phố Li ông - Đô đê là một học trò rất thông minh ham đọc sách - Năm 15 tuổi ông đã cặm cụi làm thơ viết tiểu thuyết	- Đọc. - An-phông-xơ Đô-đê (1840 –1897), nhà văn viết truyện ngắn nổi tiếng của Pháp TK XIX. - HS trả lời:	**I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH** **1. Tác giả:** An-phông-xơ Đô-đê (1840 –1897), nhà văn viết truyện ngắn nổi tiếng của Pháp TK XIX.
Câu chuyện được kể diễn ra trong hoàn cảnh thời gian, địa điểm nào? **Em hiểu như thế nào về tên truyện "Buổi học cuối cùng"** - Tên truyện gợi lên một nỗi xót xa phẫn uất, đồng thời cũng gợi lên sự trân trọng thiêng liêng, vì đây là một buổi học	+ Địa điểm: tại trường + Hoàn cảnh: Sau chiến tranh Pháp- Phổ (1870), Pháp thua trận, phải cắt vùng An-dát và Lo-ren giáp biên giới Phổ vào cho Phổ. - Vì các trường học ở 2 vùng An-dát, Lo-ren theo lệnh của chính quyền Phổ không	**2.Tác phẩm:** **a. Xuất xứ** - Viết về buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở một trường làng thuộc vùng An-dát. - Kể theo ngôi thứ nhất qua lời kể của Phrăng – học trò thầy Ha-men.

cuối cùng bằng tiếng Pháp- tiếng dân tộc mình rồi sau đó những người dân nơi đây phải nói học theo tiếng Đức- tiếng của kẻ thù xâm lược. - GV nêu cách đọc: đọc, chậm, xót xa, cảm động, lời nói của thầy đọc giọng dịu dàng, buồn. - GV đọc mẫu 1 đoạn , gọi hs đọc tiếp. - Gọi HS nhận xét việc đọc của bạn. - GV nhận xét, uốn nắn. - Yêu cầu hs kể tóm tắt. - GV yêu cầu HS đọc 1 số chú thích. **Truyện được kể theo lời của nhân vật nào? Thuộc ngôi thứ mấy?** **Câu chuyện có thể chia thành mấy phần? Nêu ý nghĩa từng phần?** **Truyện được viết thể thể loại và ptbđ nào?** - GV bổ sung, nêu ý, ghi bảng. ? Hãy giới thiệu vài nét về chú bé Phrăng? ? Câu chuyện xoay quanh tâm trạng của nhân vật chú bé Phrăng. Tâm trạng của chú bé được biểu hiện trong những thời điểm nào? ? Vào sáng hôm diễn ra buổi học cuối cùng, chú bé Phrăng đã có ý định gì? Qua chi tiết đó , em thấy chú bé là người HS như thế nào? ? Cũng chính vào buổi sáng hôm ấy, chú bé nhận thấy có nhiều điều khác lạ. Hãy tìm những chi tiết trong văn bản miêu tả những điều đó trong	được tiếp tục dạy tiếng Pháp => tác giả đặt tên truyện "Buổi học cuối cùng". Hs đọc văn bản -Truyện kể: ngôi thứ nhất qua lời kể của Phrăng học trò của thầy Hamen. -Bố cục 3 phần: +Phần 1: Từ đầu… "mà vắng mặt con" → Phrăng trên đường tới trường. + Phần 2: Tiếp … "Buổi học cuối cùng này" → Diễn biến buổi học cuối cùng. + Phần 3: Còn lại → Cảnh kết thúc buổi học. - Theo dõi. (Là một chú bé ở vùng An-dát, vùng đất đã bị Phổ chiếm đóng, cậu ham chơi, lười học). HS : a. Trước buổi học b. Trong buổi học c. Kết thúc buổi học - Hs :Định trốn học nhưng cưỡng lại được. => chưa chăm, lười học	**b. Chú thích** **c. Bố cục** - Bố cục: 3 phần. **d. Thể loại và ptbđ** thể loại: truyện ngắn ptbđ: Miêu tả + biểu cảm **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN** **1. Nhân vật Phrăng.** **a/ Trước buổi học:** - Định trốn học nhưng cưỡng lại được. => chưa chăm, lười học - Trên đường đến trường: Sau xưởng cưa, lính phổ đang tập. Nhiều người đang đọc cáo thị của nước Đức. - Quang cảnh ở trường: bình lặng y như một buổi sáng chủ nhật. - Không khí trong lớp học: lặng ngắt, thầy Ha-men dịu

các thời điểm sau: + Trên đường đến trường + Quang cảnh ở trường + Không khí trong lớp học ? Những khác lạ đó khiến cho Phrăng có tâm trạng gì? ? Nếu được giải thích cho chú bé , em hãy chỉ rõ những điều báo hiệu việc xảy ra khác thường, hệ trọng đó là gì ? **GV bình giảng**: Một cậu bé vốn lười học, ham chơi, nay cũng thấy ngạc nhiên khó hiểu trước những bất thường đang diễn ra xung quanh của buổi sáng chủ. Điều báo hiệu bất thường, hệ trọng đó đã chi phối đến tâm trạng của chú bé trong suốt buổi học cuối cùng ngày hôm đó.	- Hs giải thích -> Ngạc nhiên, khó hiểu. - Hs thảo luận nhóm đôi, 3'/ **Rèn kĩ năng hợp tác, chia sẻ**	dàn - Tất cả những điều khác thường trên đã báo hiệu một cái gì nghiêm trọng, khác thường : +Vùng An dat của Pháp đã rơi vào tay nước Đức; +Việc học tập không còn như trước nữa, +Tiếng Pháp sẽ không còn được dạy.
? Từ khi buổi học bắt đầu, diễn biến tâm trạng của Phăng diễn ra như thế nào? Hãy phân tích. **Gợi ý: dựa vào các mốc thời điểm**:	- Khi biết đây là buổi học cuối cùng - Khi thầy gọi đọc bài - Khi nghe thầy giảng bài tiếng Pháp + Khi biết đây là buổi học cuối cùng Choáng váng khi nghe thầy thông báo đây là buổi học tiếng Pháp cuối cùng (cùng từ lúc này trong cậu dấy lên những tình cảm hết sức đặc biệt – Cậu ân hận – tự giận mình chỉ mải chơi để vào giờ học cuối cùng mà mình chỉ mới biết viết tập toạng - Khi thầy gọi đọc bài : Càng thấm thía, xấu hổ khi hôm nay, cậu không thuộc bài mà thầy không la mắng ,không phạt như mọi ngày chỉ nhẹ nhàng " Con bị trừng phạt thế là đủ rồi, tai hoạ lớn của xứ An dát chúng ta là bao giờ cũng hoãn việc học đến ngày mai. Giờ đây những kẻ kia có quyền bảo ta rằng: "	**b/ Trong buổi học:** - Khi biết đây là buổi học cuối cùng: Choáng váng, sững sờ khi biết đó là buổi học tiếng Pháp cuối cùng. - Khi thầy gọi đọc bài: Ân hận và tiếc nuối vì đã lười nhác, ham chơi; Xấu hổ vì đã không thuộc bài. - Khi nghe thầy giảng bài tiếng Pháp: Kinh ngạc vì chưa bao giờ thấy mình hiểu bài đến thế.

	Thế nào! các ngươi tự nhận mình là dân Pháp, vậy mà các người chẳng biết đọc, biết viết tiếng của các người...” - Khi nghe thầy giảng về tiếng Pháp: mới thấy được sức mạnh, vẻ đẹp và ý nghĩa của tiếng Pháp; kinh ngạc vì chưa bao giờ thấy mình hiểu bài đến thế. => Chú bé hồn nhiên, chân thật; -HS bộc lộ cảm nghĩ cá nhân	=> Chú bé hồn nhiên, chân thật; biết căm thù quân xâm lược; biết yêu lẽ phải; tình yêu tiếng Pháp; trân trọng biết ơn người thầy giáo...
?Trong số các chi tiết đó, chi tiết nào gợi cho em nhiều cảm nghĩ nhất về chú bé Phrăng. Vì sao? ? Qua các chi tiết miêu tả diễn biến tâm trạng đó đã làm hiện lên hình ảnh một chú bé như thế nào ? **GV gợi ý**: trong mối quan hệ với quân xâm lược, với tiếng Pháp dân tộc, với thầy giáo.... **Nhân vật Phrăng khi kết thúc buổi học:** ? Hình ảnh thầy Ha-men có tác động như thế nào đến Phrăng lúc kết thúc buổi học ? ? Nhờ đâu Phrăng có sự biến đổi trong suy nghĩ và tình cảm? ? Trong số các chi tiết miêu tả Phrăng, chi tiết nào gợi cho em nhiều cảm nghĩ nhất? ? Nhân vật Phrăng được miêu tả ở phương diện nào? ? Nhận xét NT miêu tả tâm lí nhân vật? **GV:** Tâm trạng của Phrăng biến đổi sâu sắc, hợp lí. Cậu đã hiểu ý nghĩa thiêng liêng của việc học tiếng Pháp và tha thiết muốn trau dồi, học tập. Đó là tình yêu tiếng nói dân tộc, một biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước ở Phrăng. **Gv: Chuyển** ? Theo em, trong truyện, ngoài chú bé Frăng, còn có nhân vật chính nào giữ vai trò quan trọng trong việc thể hiện tư tưởng chủ đạo tác phẩm?(thầy	- Hs phân tích diễn biến tâm trạng của Phrăng - Phrăng xúc động trước hình ảnh lớn lao, đẹp đẽ, cao cả của thầy Ha-men. - Hs nêu cảm nhận cá nhân - Hs giải thích - Diễn biến, tâm trạng, suy nghĩ	*** Kết thúc buổi học:** - Phrăng xúc động trước hình ảnh lớn lao, đẹp đẽ, cao cả của thầy Ha-men. -> Miêu tả diễn biến tâm lý tinh tế, chân thực. => Hồn nhiên, chân thật, biết lẽ phải; yêu nước, yêu tiếng nói dân tộc; quý trọng, biết ơn thầy. **2. Thầy giáo Ha -men**

Hamen) - Cho hs theo dõi phần văn bản kể về thầy Ha men, đọc một số đoạn văn 1. Thầy Ha-men được khắc họa qua những phương diện nào? (phân tích để thấy được vẻ đẹp nhân cách, phẩm chất đáng kính của thầy qua : -Trang phục: - Thái độ với học sinh, với bài giảng: - Lời nói về tiếng Pháp: - Thái độ: -Cử chỉ,hành động cuối buổi học: ? Cho biết những chi tiết được lựa chọn miêu tả trên giúp em cảm nhận gì về hình ảnh thầy Ha men? **GV: HS quan sát đọc diễn cảm đoạn "Phrăng ạ...chốn lao tù".** - Thầy giáo Ha-men đã nói gì về việc học tiếng Pháp **"Khi một dân tộc bị...lao tù".** ? ?Tác giả sử dụng nghệ thuật gì trong đoạn văn này? Ý nghĩa của câu nói đó của thầy Ha-men? ? Những câu nói đó giúp em hiểu thêm gì về tình cảm của thầy Ha-men với tiếng nói của dân tộc ,với nước Pháp? ? Cho một lời bình của em về cử chỉ, hành động của thầy Hamen trong giây phút cuối cùng của buổi học. **GV bình:** Quả thật, trong phút giây cuối cùng của buổi học này, hình ảnh thầy Hamen thật lớn lao, bởi giây phút này thể hiện rõ nhất nỗi xúc động nghẹn ngào, niềm đau đớn tái tê của thầy khi phải dời bỏ vùng Andát, dời bỏ ngôi trường	-hs trả lời - HS đọc diễn cảm Lời nói: + Tai họa lớn nhất là bao giờ cũng hoãn việc học đến ngày mai. + Tiếng Pháp là ngôn ngữ hay nhất, trong sáng nhất, phải giữ lấy nó và đừng bao giờ quên lãng nó. + Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù. - HS nêu cảm nhận - Hs : So sánh, ngôn ngữ biểu cảm - Tác dụng :: ca ngợi được vẻ đẹp- giá trị thiêng liêng và sức mạnh to lớn của tiếng nói dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập tự do khi đất nước bị xâm lăng. -> Lòng yêu nước sâu sắc thông qua biểu hiện cụ thể tình yêu tiếng nói dân tộc . Khẳng định niềm tin vào tương lai tự do. - Hs nêu cảm nhận tự do	*** Trang phục**: Trang trọng: áo rơ-đanh-gốt diềm lá sen, mũ bằng lụa thêu ren. *** Thái độ**: dịu dàng ân cần, nhẹ nhàng với HS; nhiệt tình, say sưa giảng dạy bài học tiếng Pháp. *** Lời nói:** - Tình cảm yêu nước sâu đậm, tự hào về tiếng nói của dân tộc mình. *** Hành động, cử chỉ:** - Người tái nhợt, nghẹn ngào, không nói hết câu. -> Đau đớn, nỗi xúc động lên tới cực điểm. - "Nước Pháp muôn năm!" -> Khẳng định niềm tin vào tương lai tự do, lòng yêu nước sâu sắc => Một người thầy đáng kính say mê, yêu trẻ, yêu nghề dạy học và có tấm lòng yêu nước sâu sắc thông qua biểu hiện cụ thể yêu tiếng nói dân tộc.

với những buổi dạy tiếng mẹ đẻ thiêng liêng mà hơn 40 năm trời thầy gắn bó. Và trong phút giây đau đớn, tái tê ấy, tình yêu nước và niềm tin vào tự do của dân tộc đã tỏa sáng rực rỡ chói lòa qua dòng chữ**: Nước Pháp muôn năm** khiến thầy vụt trở nên lớn lao, đẹp đẽ. Và có lẽ, chính hình ảnh của thầy trong buổi học cuối cùng này đã có sức cảm hóa nâng đỡ tâm hồn chú bé Frăng khiến cậu trở nên kính yêu ngưỡng mộ thầy; yêu tiếng Pháp. Và hơn hết, thầy như truyền cho tất cả chúng ta tình yêu tiếng Việt- tiếng nói của dân tộc mình, để ta phải biết trân trọng, nâng niu, giữ gìn và bảo vệ thứ vũ khí kì diệu đó trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước VN.		
? Hãy nêu suy nghĩ của em về hình ảnh thầy Ha-men trong văn bản?	- Một người thầy đáng kính say mê, yêu trẻ, yêu nghề dạy học và có tấm lòng yêu nước sâu sắc thông qua biểu hiện cụ thể yêu tiếng nói dân tộc.	
? Em nhận thấy có gì khác trong cách miêu tả của tác giả về hai nhân vật Phrăng và thầy Ha-men? **GV: Đó chính là một phương pháp tả người, phương pháp xây dựng nhân vật mà các em sẽ được học ở những bài sau.** ? Việc miêu tả các nhân vật từ chú bé Frăng đến nhân vật thầy giáo Ha-men và sau cùng là dân làng An-dát say sưa, thành kính trong buổi học cuối cùng ấy, theo em, tác giả muốn thể hiện ý nghĩa gì? ? Qua văn bản em thấy lòng yêu nước của người dân nước Pháp được thể hiện rõ nét ở biểu hiện cụ thể nào? **GV:** Đúng vậy! Đó là bài học	- Phrăng: Miêu tả qua diễn biến tâm lý. - Thầy: Miêu tả qua ngoại hình , trang phục, thái độ, lời nói để bộc lộ tâm trạng. - Tình yêu nước có ở tất cả mọi người, mọi lứa tuổi. - Yêu nước trước hết là phải yêu tiếng mẹ đẻ, yêu tiếng nói của dân tộc mình.	- Dân làng Andát , có cả cụ già Bơmen có mặt trong buổi học cuối cùng say sưa, thành kính lắng nghe lời giảng của thầy Hamen

hết sức giản dị mà lại chứa đựng ý nghĩa hết sức sâu sắc. Tình yêu nước có ở mỗi người, biểu hiện có khác nhau. Có khi yêu cái cây trồng trước nhà, yêu cánh đồng lúa chín bao la, yêu lũy tre làng, yêu dòng sông trong mát lưu giữ bao kỉ niệm tuổi thơ, yêu một con phố nhỏ gắn bó ; yêu tiếng nói dân tộc làm cho tiếng nói dân tộc ngày thêm giàu đẹp đó cũng là biểu hiện của tình yêu nước sâu sắc. Nếu một đất nước bị kẻ xâm lược đồng hóa về ngôn ngữ, tiếng nói của dân tộc ấy bị mai một thì dân tộc ấy khó mà có thể giành được độc lập, thậm chí rơi vào nguy cơ diệt vong.	- HS liên hệ thực tế/ **tích hợp liên môn lịch sử**	=> Tình yêu nước có ở tất cả mọi người, mọi lứa tuổi. Yêu tiếng nói của dân tộc mình là biểu hiện sâu sắc, cụ thể của lòng yêu nước.
? Hãy liên hệ với lịch sử dân tộc, em có cảm thấy tự hào về vẻ đẹp sức mạnh, ý nghĩa của tiếng Việt không? **GV**: **Nhìn lại chặng đường lịch sử của dân tộc, chúng ta có quyền tự hào vì trải qua hơn 1000 năm bị phong kiến phương Bắc thống trị, rồi hơn 80 năm trời bị thực dân Pháp đô hộ, nhưng dân tộc ta vẫn đứng vững, tiếng Việt ta không mất đi mà ngược lại vẫn được gìn giữ, phát triển. Trong những năm tháng đen tối đó, muôn triệu trái tim Việt Nam vẫn luôn ấp ủ, gìn giữ và khao khát làm giàu đẹp tiếng nói dân tộc.**	- HS lắng nghe **Tự hào về vẻ đẹp sức mạnh, ý nghĩa của tiếng Việt**	
?Nêu những nét nghệ thuật đặc sắc, nội dung ý nghĩa của văn bản.	**1. Nghệ thuật** + Kể chuyện bằng ngôi thứ nhất. + Xây dựng tình huống truyện độc đáo. Miêu tả tâm lí nhân vật qua tâm trạng, suy nghĩ, ngoại hình. + Ngôn ngữ tự nhiên, sử dụng câu văn biểu cảm, từ	**III. Ghi nhớ/sgk/55**

	cảm thán và các hình ảnh so sánh giàu ý nghĩa. **2. Nội dung :** - Thầy giáo Ha-men là người yêu nước , thầy truyền đến học sinh tình yêu tiếng Pháp, yêu Tổ quốc. -Phrăng là một cậu bé ham chơi nhưng cuối cùng cậu đã hiểu được giá trị, ý nghĩa của tiếng nói dân tộc, biết được yêu tiếng nói dân tộc là một biểu biện của lòng yêu nước.	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập; rèn năng lực tiếp nhận thông tin , định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, chia sẻ...

*** Phương pháp:** gợi mở, vấn đáp, đánh giá

*** Kĩ thuật:** hợp tác, chia sẻ

*** Thời gian:** 5 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
IV Luyện tập Bài 1:Trình bày bài nói của em miêu tả hình ảnh thầy Ha- men Gợi ý: dựa vào các phương diện miêu tả của sgk - Gọi hs trình bày, nhận xét, chữa bài Bài 2: vẽ bản đồ tư duy khái quát nội dung bài học **GV chốt: hệ thống kiến thức bằng bản đồ tư duy.**	**IV Luyện tập.** - Cá nhân HS trình bày/ **tích hợp văn miêu tả** - Hs nhận xét	**Bài 1**: Bài nói văn miêu tả thầy Ha-men

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức để giải quyết tõnh huống thực tiễn; rốn năng lực xử lí tình huống, tích hợp môn lịch sử

*** Thời gian:** 3 phút

*** Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..

*** Kĩ thuật**: tích cực viết

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 2: Qua việc tìm hiểu về vẻ đẹp sức mạnh và ý nghĩa thiêng liêng của tiếng Pháp, em hãy viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp và sức sống tiếng Việt của dân tộc ta. **Gợi ý:** - Tiếng Việt rất giàu và đẹp -Trải qua hàng ngàn năm đô hộ phong kiến phương Bắc, quá trình hội nhập, giao lưu văn hóa (học ngoại ngữ...), tiếng Việt không bị đồng hóa, lai căng, vẫn có sức sống bất diệt -Phải sử dụng chuẩn ngôn ngữ dân tộc để làm cho tiếng ta trong sáng, đẹp; để giữ gìn bản sắc văn hóa	HS viết bài cá nhân/ Rèn năng lực tạo lập văn bản; tích hợp tình yêu tiếng Việt, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	**Bài 2:** Viết đoạn văn**:** vẻ đẹp và sức sống mãnh liệt của tiếng Việt của dân tộc ta.

Việt; -Dùng tiếng Việt như một thứ vũ khí sắc bén để chông lại kẻ thù xâm lược (có thể cho HS về nhà làm bài)		

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu**: rèn năng lực tự học ; tớch hợp liờn mụn nhạc

*** Thời gian:** 3 phút

*** Phương pháp:** Gợi mở, tự học

*** Kĩ thuật**: hợp tác,.

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
Tiếp tục sưu tầm, viết bài, làm thơ về đề tài tiếng Việt. Cho HS nghe bài hát **Thương ca tiếng Việt** của ca sĩ Mĩ Tâm và yêu cầu HS có năng khiếu âm nhạc tập hát bài hát đó	HS viết bài cá nhân/ Rèn năng lực tạo lập văn bản; tích hợp tình yêu tiếng Việt, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	

*** Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà(2`)**

1. Bài cũ

- Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về thầy giáo Ha-men hoặc chú bé Phrăng trong buổi học cuối cùng .

2. Bài mới :

- Soạn bài **Nhân hóa**

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**NHÂN HÓA**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I .MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Nắm được khái niệm nhân hoá, các kiểu nhân hoá.
- Nắm được tác dụng chính của nhân hoá.

2. Kĩ năng:

- Nhận biết và bước đầu phân tích được giá trị của phép tu từ nhân hoá
- Biết dùng các kiểu nhân hoá trong nói và viết.

*** Tích hợp kỹ năng sống**

-Ra quyết định: lựa chọn cách sử dụng phép tu từ nhân hóa phù hợp với thức tiễn giao tiếp.

- Giao tiếp: trình bày suy nghĩ, ý tưởng, thảo luận và chia sẻ những kinh nghiệm cá nhân về cách sử dụng phép tu từ nhân hóa,

3. Thái độ

- Yêu thích, hứng thú học tập bộ môn.

4. Những năng lực cụ thể của HS cần phát triển

***Các năng lực chung**

+ Năng lực làm chủ và phát triển bản thân:Năng lực tự học.Năng lực giải quyết vấn đề Năng lực sáng tạo.Năng lực tự quản bản thân

+ Năng lực xã hội: Năng lực giao tiếp.Năng lực hợp tác

***Các năng lực riêng:** Năng lực giao tiếp Tiếng Việt.Năng lực giao tiếp cảm thu thẩm mĩ.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên.

Bảng phụ. Phiếu học tập.

2. Học sinh

Chuẩn bị bài Ôn lại kiến thức về phép tu từ nhân hóa đã học ở Tiểu học.

Tìm một số câu văn, thơ, câu ca dao có nội dung gọi hoặc tả con vật hoặc cây cối… như con người.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

*** Bước 1. Ổn định lớp.**

*** Bước 2. Kiểm tra bài cũ:** 5’

- **Mục tiêu** : Kiểm tra kiến thức và độ chuyên cần của học sinh.
- **Phương án:** Kiểm tra đầu giờ.

Câu hỏi:

Câu 1/ : So sánh là :

A. đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét gần gũi.
B. đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng.
C. đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương phản.
D. gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó.

Câu 2/ : Trường hợp nào sau đây không sử dụng phép so sánh?

A. Quê hương là chùm khế ngọt,
Cho con trèo hái mỗi ngày.

B. Bóng Bác cao lồng lộng,
Ấm hơn ngọn lửa hồng.

C. Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

D. Cây dừa cao tỏa nhiều tàu
Dang tay đón gió gật đầu gọi trăng.

Đáp án: Câu 1: B
Câu 2: D

*** Bước 3. Bài mới:**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG:

*** Mục tiêu**: tạo hứng thú cho hs học tập; định hướng phát triển năng lực tự tin, giao tiếp.

*** Thời gian**: 2'

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp

*** Kĩ thuật**: động não

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
? Dựa vào kiến thức đã học ở Tiểu học, em hãy cho biết, hai câu thơ ở phần D bài 2, phần kiểm tra bài cũ ở trên, người viết đã sử dụng nghệ thuật gì? Vì sao em biết ? GV vào bài: Để hiểu kĩ, hiểu sâu hơn về nhân hóa, tác dụng, các cách nhân hóa… Cô và các em cùng tìm hiểu bài "Nhân hóa".	- HS nghe và ghi bài	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

(**Đọc**, quan sát và **phân tích**, giải thích các ví dụ, **khái quát** khái niệm)

*** Mục tiêu** :HS nắm được khái niệm, đặc điểm của danh từ; rèn năng lực giải quyết vấn đề, Năng lực giao tiếp,

*** Phương pháp:** Đọc, thuyết trình, vấn đáp, phân tích,

*** Kỹ thuật:** Động não,

*** Thời gian:** 20- 25'.

<table>
<tr><th>Hoạt động của thầy</th><th>Hoạt động của trò</th><th>Chuẩn KTKN cần đạt</th></tr>
<tr>
<td>I/ HDHS tìm hiểu nhân hóa là gì?

+ Chiếu đoạn thơ trong mục I.1 SGK/56.
- Cho Hs Đọc đoạn thơ .
- Kể tên các sự vật được nói đến trong đoạn thơ.
- GV chốt: Trời, cây mía, kiến.
? Bầu trời được Trần Đăng Khoa gọi bằng gì?
? Các sự vật bầu trời, cây mía, kiến được miêu tả với những hoạt động nào?
+ Chiếu bảng liệt kê.

? Các từ ngữ "ông", " mặc áo giáp", "ra trận", "múa gươm", "hành quân" vốn là những từ ngữ dùng để gọi hoặc tả đối tượng nào?
Trong đoạn thơ trên, tác giả đã dùng để gọi, tả đối tượng nào?
GV: Những cách dùng như vậy được gọi là nhân hóa.</td>
<td>Đọc ví dụ.
Kể tên.

Phát hiện.
<table><tr><th>Đối tượng được tả</th><th>Từ ngữ dùng để gọi, tả</th></tr><tr><td>Trời</td><td>Ông mặc áo giáp, ra trận.</td></tr><tr><td>Cây mía</td><td>múa gươm.</td></tr><tr><td>Kiến</td><td>hành quân.</td></tr></table>Suy nghĩ, trả lời.
- Con người
- Cách dùng những từ</td>
<td>I. TÌM HIỂU BÀI.
1. Nhân hóa là gì?
a. Ví dụ/SGK/56
- Đoạn thơ:
Ông trời
…
Đầy đường.
(Trần Đăng Khoa)

b. Nhận xét:
- Cách dùng những từ ngữ vốn để gọi hoặc tả người để gọi, tả sự vật được gọi là nhân hóa.

- Tác dụng: làm cho thế giới loài vật, cây cối..trở nên gần gũi…</td>
</tr>
</table>

? Qua ví dụ một, em rút ra nhận xét gì? **Lấy một ví dụ về nhân hóa?** GV chốt, ghi bảng. + Chiếu bảng so sánh 2 ví dụ I.1 và I.2. ? So sánh 2 cách diễn đạt. Cách nào hay hơn? Hay hơn ở chỗ nào? ? Như vậy nhân hóa có tác dụng gì? - GV nhận xét câu trả lời của HS ? Từ nhận xét trên, em hiểu thế nào là nhân hóa? GV chốt nội dung ghi nhớ trang 57. ***Bài tập: Chỉ ra và nêu tác dụng của phép nhân hóa trong đoạn văn sau:** Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu. Cho ra kiểu cách con nhà võ. Tôi tợn lắm. Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm. (Dế Mèn phiêu lưu kí) - GV nhận xét, cho điểm. **GV chuyển ý sang phần 2: Còn rất nhiều các hình ảnh nhân hóa trong các VB các em đã học. Vậy có các kiểu nhân hóa cơ bản nào, chúng ta cùng tìm hiểu phần II.** **HDHS tìm hiểu các kiểu nhân hóa** + Chiếu ví dụ phần II.1 **L: Đọc ví dụ và nêu yêu cầu 1,2 trong SGK?** **? Xác định sự vật được nhân hóa? dựa vào từ in đậm, cho biết sự vật đó được nhân hóa bằng cách nào?** **? Qua các ví dụ, cho biết có những cách nhân hóa nào?** -GV nhận xét hoạt động, chốt kiến thức: các kiểu nhân hóa thường gặp. ? Hãy nêu ví dụ tương ứng với những kiểu trên. - GV cho HS đánh giá, cho điểm. **- GV nêu tình huống: Có một bạn học sinh hỏi cô : Tương tự như cách nhân hóa trong câu thơ của Trần Đăng Khoa : "Ông trời mặc áo giáp đen, ra trận.", em viết : " Anh trời**	ngữ vốn để gọi hoặc tả người để gọi, tả sự vật được gọi là nhân hóa. - Tác dụng: làm cho thế giới loài vật, cây cối..trở nên gần gũi… Rút ra kết luận./ **tích hợp phần đọc hiểu văn bản, cảm thụ ý nghĩa văn chương** Đọc và nêu yêu cầu và trả lời HS lấy ví dụ. Suy nghĩ, trả lời Lắng nghe. - Lão, bác, cô, cậu -> Dùng những từ vốn gọi người để gọi vật. - Xưng phong, giữ -> Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật. - Trâu ơi -> Trò chuyện,	**2. Các kiểu nhân hóa**. **a. Ví dụ/sgk/57** **b. Nhận xét:** Có 3 kiểu thường gặp: - Dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi sự vật. - Dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hành động, tính chất của vật. - Trò chuyện, xưng hô với vật như với người.

đầy mây đen như mặc một tấm áo giáp đen ra trận." có đúng là có sử dụng nhân hóa không? Và cách nhân hóa như vậy có hợp lí không? Em nào có thể giúp cô trả lời câu hỏi này? **GV chốt. Lưu ý HS phân biệt nhân hóa với so sánh, cách nhân hóa cần hợp lí.** ? Dựa vào các văn bản các em đã biết như "Dế Mèn phiêu lưu kí", em thấy, kiểu nhân hóa nào được dùng nhiều nhất? Nhân hóa thường được dùng trong những loại văn bản nào? **- GV chốt: Kiểu nhân hóa thứ 2 được dùng thông dụng hơn cả.** ? Nhắc lại cho cô kiến thức toàn bài? + Chiếu phần hệ thống kiến thức. **Dùng BĐTD trình bày những kiến thức vừa học về nhân hóa.** 1-2 HS lên bảng, còn lại làm vào giấy. GV cho nhận xét phần trình bày trên bảng cho điểm và thu bài các em khác về chấm.. Chiếu đáp án. **Chiếu BĐTD** Gọi HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, kết luận. - Gọi HS đọc ghi nhớ 2 SGK	xưng hô với vật như với người. Sử dụng từ "anh" không hợp lí, nhầm lẫn nhân hóa với so sánh Nhân hóa thường dùng trong văn miêu tả, tự sự, biểu cảm. Nhất là trong miêu tả, nó giúp cho miêu tả thêm sinh động, hấp dẫn, giúp thế giới loài vật trở nên gần gũi với con người và giúp cho trí tưởng tượng của chúng ta được bay bổng.	**II. Ghi nhớ.** (SGK trang 58)

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức đó học để giải quyết các bài tập; rốn năng lực tiếp nhận thông tin , định hướng phát triển tư duy mở rộng vốn từ, hợp tác, chia sẻ. tích hợp lồng ghép bảo vệ thiên nhiên, môi trường...

*** Thời gian:** 15-17 phút

*** Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..

*** Kĩ thuật**: cá nhân

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài tập 1(trang 58): - Cho hs Đọc và nêu yêu cầu bài tập 1. - Thực hiện bài 1. - GV nhận xét kết quả.	Đọc, nêu yêu cầu. Thực hiện bài tập./ **tích hợp**	**Bài tập 1**(trang 58): -Phép nhân hóa: Đông vui, mẹ, con, anh, em, tíu tít, bận rộn. - Tác dụng: Quang cảnh bến cảng được miêu tả sống động hơn, người đọc dễ hình dung được cảnh

<table>
<tr>
<td>+ Chiếu đáp án.

Bài tập 2: (trang 58)
? Hãy so sánh cách diễn đạt trong đoạn văn ở bài tập 1 và 2?

Bài tập 3: (trang 58)

? Đọc kĩ yêu cầu bài tập 3. Trao đổi nhóm đôi, thực hiện bài tập. Thời gian : 1 phút? Qua 3 bài tập, hãy nhắc lại thế nào là nhân hóa?

Bài tập 4:
L: Nêu yêu cầu đề bài?
- Cho HS trình bày, nhận xét, GV chốt đáp án. (chiếu)
- Phần d cho HS làm ở nhà.
? Qua bài tập, hãy nhắc lại các cách nhân hóa?</td>
<td>kĩ năng làm văn tả cảnh

So sánh, cho nhận xét./ rèn năng lực tư duy, phê phán

Hoạt động cá nhân
.

Trình bày.

Hs Trình bày.</td>
<td>nhộn nhịp, bận rộn của các phương tiện có trên cảng.
Bài tập 2: (trang 58)
<table>
<tr><th>Đoạn 1</th><th>Đoạn 2</th></tr>
<tr><td>đông vui</td><td>rất nhiều tàu xe</td></tr>
<tr><td>tàu mẹ, tàu con</td><td>tàu lớn, tàu bé</td></tr>
<tr><td>xe anh, xe em</td><td>xe to, xe nhỏ</td></tr>
<tr><td>tíu tít nhận hàng về và chở hàng ra.</td><td>nhận hàng về và chở hàng ra</td></tr>
<tr><td>bận rộn.</td><td>hoạt động liên tục</td></tr>
</table>
Đoạn 1 đã sử dụng nhiều phép nhân hóa, nhờ vậy mà sinh động gợi cảm hơn.
Bài tập 3: (trang 58)
<table>
<tr><th>Cách 1</th><th>Cách 2</th></tr>
<tr><td>trong họ hàng nhà chổi</td><td>trong các loại chổi</td></tr>
<tr><td>cô bé Chổi Rơm</td><td>chổi rơm</td></tr>
<tr><td>xinh xắn nhất</td><td>đẹp nhất</td></tr>
<tr><td>có chiếc váy vàng óng</td><td>tết bằng rơm nếp vàng</td></tr>
<tr><td>áo của cô</td><td>tay chổi</td></tr>
<tr><td>cuốn từng vòng quanh người, trông cứ như áo len vậy</td><td>quấn quanh thành cuộn</td></tr>
</table>
- Cách 1, tác giả dùng nhiều phép nhân hóa làm cho việc miêu tả chổi gần với cách miêu tả người. Giúp đoạn văn có tính biểu cảm cao hơn, chổi rơm trở nên gần với con người, sống động hơn.
- Cách 1 cho văn bản biểu cảm; cách 2 cho văn bản thuyết minh.
Bài tập 4: (trang 58)
a) - núi ơi → Trò chuyện, xưng hô với vật như với người.
- Tác dụng: bộc lộ tâm tình, tâm sự của con người.
b) – (cua cá) tấp nập, (cò, sếu, vạc…) cãi cọ om bốn góc đầm
→ dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật.
- họ, anh → dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi vật.
- Tác dụng:
c) – Phép nhân hóa:
(Chòm cổ thụ) dáng mãnh liệt, đứng trầm ngâm, lặng nhìn.
(Thuyền) vùng vằng.
Dùng những từ chỉ hoạt động tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật.
- Tác dụng: Tạo hình ảnh mới lạ, cảnh thiên nhiên hùng vĩ.</td>
</tr>
</table>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

* **Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức để giải quyết tỡnh huống thực tiễn; rèn năng lực tạo lập văn bản. Lồng ghép, tích hợp bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống

* **Thời gian:** 3 phút

* **Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..

* **Kĩ thuật**: hợp tác,

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài tập 5: (chiếu) **L: Quan sát bức tranh, viết đoạn văn miêu tả (3-5 câu) có sử dụng phép nhân hóa.** **Gọi 2-3 HS trình bày.** - GV cho HS nhận xét, cho điểm. **GV kết thúc bài**: Như vậy, thầy và các em vừa tìm hiểu xong về nhân hóa. Đây là một phép tu từ rất hay có thể được dùng trong văn nói và viết, nhất là trong miêu tả. Dùng nhân hóa giúp cho diễn đạt của các em hay hơn, sự tưởng tượng, sáng tạo của các em phong phú hơn, đối tượng được miêu tả trở nên sinh động gợi cảm hơn.	**Lồng ghép, tích hợp bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống**	**Bài 5**: Viết đoạn văn miêu tả (3-5 câu) về đề tài môi trường, có sử dụng nhân hóa.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

* **Mục tiêu**: rèn năng lực tự học; tớch hợp mở rộng cỏc phộp tu từ

* **Phương pháp:** Gợi mở,

* **Kĩ thuật**: hợp tác,

* **Thời gian**: 1’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
* **Về nhà sưu tầm và ghi chép lại** những câu văn, câu thơ hay có sử dụng phép nhân hóa .Trình bày sử cảm nhận về một phép nhân hóa trong 1 VD thơ văn yêu thích, cho người thân và bạn bè nghe. Nghe góp ý bổ sung để thấy được cái hay, cái đẹp trong việc dùng phép nhân hóa trong diễn đạt thơ văn.	**Lồng ghép, tích hợp bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống**	đọc lại các văn bản đã học; các văn bản chưa học trong chương trình văn 6 (Cây tre, Cô Tô, Bức thư của thủ lĩn da đỏ...).

* **Về nhà sưu tầm và ghi chép lại** những câu văn, câu thơ hay có sử dụng phép nhân hóa .Trình bày sử cảm nhận về một phép nhân hóa trong 1 VD thơ văn yêu thích, cho người thân và bạn bè nghe. Nghe góp ý bổ sung để thấy được cái hay, cái đẹp trong việc dùng phép nhân hóa trong diễn đạt thơ văn.

* **Gợi ý:** đọc lại các văn bản đã học; các văn bản chưa học trong chương trình văn 6 (Cây tre, Cô Tô, Bức thư của thủ lĩn da đỏ...)

Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà (3’)

1. Bài cũ:

- Làm các bài tập vở BTNV
- Viết đoạn văn miêu tả cảnh buổi sáng bình minh trên quê hương em trong đó có sử dụng phép nhân hóa.

2. Bài mới:

- Chuẩn bị soạn : **Phương pháp tả người**
- Đọc kĩ các ngữ liệu sgk, nghiên cứu trả lời câu hỏi vào vở soạn văn

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**PHƯƠNG PHÁP TẢ NGƯỜI**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

Cách làm bài văn tả cảnh, bố cục, thứ tự miêu tả; cách xây dựng đoạn văn và lời văn trong bài văn tả người.

2. Kĩ năng:

- Quan sát và lựa chọn các chi tiết cần thiết cho bài văn miêu tả.
- Trình bày những điều đã quân sát về cảnh vật theo một trình tự hợp lí.
- Viết một đoạn văn, bài văn tảe người.
- Bước đầu có thể trình bày miệng một đoạn hoặc một bài văn tả người trước tập thể lớp.

3. Thái độ

- Yêu thích, hứng thú học tập bộ môn.

4. Những năng lực cụ thể của HS cần phát triển

-Năng lực tự học

-Năng lực giải quyết vấn đề

-Năng lực giao tiếp

- Năng lực hợp tác

-Năng lực giao tiếp cảm thu thẩm mĩ.

II. CHUẨN BỊ :

1- Chuẩn bị của giáo viên

Giáo án ĐT, bảng phụ.

2- Chuẩn bị của học sinh

Trả lời câu hỏi SGK, sưu tầm ngữ liệu.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: Ổn định tổ chức (1').

Bước 2. Kiểm tra bài cũ

* **Mục tiêu:** Kiểm tra việc học bài ở nhà và chuẩn bị bài mới của học sinh.

* **Thời gian:** 5'.

*** Phương án:** Kiểm tra trước khi vào tìm hiểu bài mới

H Văn miêu tả là gì? Muốn tả cảnh cần chú ý gì? Bố cục bài văn miêu tả ?

Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp.

* **Phương pháp:** quan sát, vấn đáp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật :** trò chơi, Động não.

* **Thời gian:** 1'.

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
Muốn làm tốt bài văn miêu tả, cần phải biết quan sát, tưởng tượng, nhân hoá, so sánh… vậy khi tả một người nào đó,chung ta cần phải chú ý nhũng gì để miêu tả?... bài học hôm nay chung ta sẽ cùng tìm, hiểu…phương pháp tả người.	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:** HS nắm được những bước cơ bản để làm một bài văn tả người. Bố cục của bài văn tả người,.. rèn năng lực giải quyết vấn đề, Năng lực giao tiếp, Năng lực hợp tác
*** Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.
*** Kỹ thuật:** Động não, hoạt động cá nhân.
*** Thời gian:** 20 -25 phút.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn kiến thức
I. HDTH phương pháp viết một đoạn văn - Chia HS (làm 3 nhóm) tìm hiểu 3 đoạn văn. **Nhóm 1: Đoạn 1** **Nhóm 2: Đoạn 2** **Nhóm 3: Đoạn 3** **?** Mỗi đoạn văn tả ai? ?**N**gười được tả có đặc điểm gì nổi bật? ? Đặc điểm đó được thể hiện ở những từ ngữ hình ảnh nào? - GV nhận xét, tổng kết ý kiến của HS.	**- thảo luận nhóm 6 em, 3'** - Mỗi nhóm trình bày đáp án, vào bảng nhóm - Cử đại diện trình bày - Các nhóm khác nhận xét. **Đoạn 1:** Tả dượng Hương Thư - người chèo thuyền vượt thác: khỏe mạnh, oai phong, dũng mãnh, hiền lành. - Từ ngữ, hình ảnh: + Như một pho tượng đồng đúc. + Các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắm chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa. + Như một hiệp sĩ... + Nói năng nhỏ nhả, tính nết nhu mì. *** Đoạn 2:** Tả chân dung Cai Tứ: gầy nhỏ, quỉ quyệt, xảo trá. Từ ngữ, hình ảnh: Thấp, gầy, má hóp, cặp lông mày lổm chổm, đôi mắt gian hùng, mũi gồ, cái mồm tối om như cửa hang... *** Đoạn 3:** Tả hình ảnh hai người trong keo vật. - Quắm Đen: trẻ trung, nhanh nhẹn. - Từ ngữ, hình ảnh: Lăn xả vào, đánh ráo riết, dùng cái sức lực đương trai lấn lướt, hạ nhanh, vờn tả, đánh hữu. - Cản Ngũ: chậm chạp, khỏe mạnh. - Từ ngữ, hình ảnh: Chậm	**I. TÌM HIỂU BÀI** **1. Phương pháp viết một đoạn văn, bài văn tả người.** **a. Ví dụ: sgk** **b. Nhận xét** *** Đoạn 1:** Tả dượng Hương Thư - người chèo thuyền vượt thác: khỏe mạnh, oai phong, dũng mãnh, hiền lành. *** Đoạn 2:** Tả chân dung Cai Tứ: gầy nhỏ, quỉ quyệt, xảo trá. *** Đoạn 3:** Tả hình ảnh hai người trong keo vật. - Quắm Đen: trẻ trung, nhanh nhẹn. Muốn tả người cần: - Xác định đối tượng: tả chân dung hay tả hành động. - Quan sát, lựa chọn hình ảnh tiêu biểu. - Sắp xếp theo một trình tự.

	chạp, lúng túng, đứng như cây trồng, nắm lấy khố Quắm Đen nhấc bổng nhẹ nhàng.	
? Đoạn văn nào tập trung khắc hoạ chân dung nhân vật? ? Đoạn văn nào tả người với công việc?	- HS trả lời. * Đoạn 2: khắc hoạ chân dung nhân vật. * Đoạn 1, 3: tả người với công việc. -> yêu cầu lựa chọn chi tiết và hình ảnh có khác	
? Có đoạn tả chân dung, có đoạn tả người gắn với hoạt động. Vậy yêu cầu lựa chọn chi tiết và hình ảnh mỗi đoạn có khác nhau không?	- Tả người gắn với công việc: dùng nhiều động từ, tính từ. - Tả chân dung: hình ảnh tĩnh, nhiều danh từ, tính từ.	
Vậy, muốn viết được một bài văn, đoạn văn tả người, chúng ta cần làm gi?		
? Đoạn 3 gần như một bài văn miêu tả hoàn chỉnh có 3 phần. Em hãy chỉ ra và nêu nội dung chính của mỗi phần?	- HS *** Bố cục:** - Mở bài: Từ đầu -> "nổi lên ầm ầm": giới thiệu chung về quang cảnh nơi diễn ra keo vật.	**2. Bố cục của một bài văn tả cảnh.** - Mở bài: Từ đầu -> "nổi lên ầm ầm": giới thiệu chung về quang cảnh nơi diễn ra keo vật.
? Nếu phải đặt tên cho bài văn này em sẽ đặt là gì?	- Thân bài: tiếp theo -> "ngang bụng vậy": miêu tả chi tiết keo vật.	- Thân bài: tiếp theo -> "ngang bụng vậy": miêu tả chi tiết keo vật.
? Muốn tả người cần chú ý điều gì? Bố cục của một bài văn tả người? **- GV chốt nội dung**. ***Lưu ý**: - Tả chân dung thường gắn với hình ảnh tĩnh dùng nhiều danh từ, tính từ - Tả người gắn với hành độngnên dùng nhiều dộng từ ,tính từ	- Kết bài: còn lại: nêu cảm nghĩ và nhận xét về keo vật. - Có thể đặt: Đấu vật, keo vật bất ngờ, keo vật thách đấu; Quắm Đen - Cản Ngũ so tài... - Trả lời cá nhân **Ghi nhớ (sgk).**	- Kết bài: còn lại: nêu cảm nghĩ và nhận xét về keo vật. - Có thể đặt: Đấu vật, keo vật bất ngờ, keo vật thách đấu; Quắm Đen - Cản Ngũ so tài... **II. Ghi nhớ/sgk/61.**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

* **Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức đó học để giải quyết các bài tập; Quan sát lựa chọn chi tiết cần thiết cho bài văn miêu tả. Trình bày những điều quan sát,lựa chọn theo một trình tự hợp

lí. Viết một bài văn, đoạn văn tả người. Bước đầu có thể trình bày miệng một đoạn hoặc một bài văn tả người trước tập thể lớp.
rèn năng lực tiếp nhận thông tin , định hướng phát triển tư duy mở rộng vốn từ, hợp tác, chia sẻ.
*** Thời gian:** 15-17 phút
*** Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..
*** Kĩ thuật**: hợp tác, Vở luyện tập

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
IV. HDHS Luyện tập GV chia lớp thành 3 nhóm hoàn thành bài tập SGK	**IV Luyện tập.** - HS trao đổi làm bài. - Đại diện nhóm trình bày. - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung	**IV Luyện tập.** **Bài 1- 2:** - Tả em bé: Mắt tròn xoe, tóc đen mượt, mũm mĩm đáng yêu, nước da trắng như bột, nhanh nhẹn... - Tả cụ già : tóc bạc, móm mém , da hằn lên vết nhăn thời gian, lưng còng, bước đi chập chạp... - Tả cô giáo đang giảng bài: Giọng nói ấm, nét mặt tươi, ánh mắt long lanh chiếu rọi cho HS, cử chỉ, động tác đi đi, lại lại trên bục giảng; nắn nót ghi bảng... **Bài 3:** HS có thể điền: - Người ông đỏ như đồng tụ. - Nhác trông không khác gì tượng hai ông tướng Đá Rãi... - ông Cản Ngũ được miêu tả trong tư thế chuẩn bị vào xới vật

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG
*** Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống thực tiễn; rốn năng lực xử lí tình huống
*** Thời gian:** 3 phút
*** Phương pháp:** Gợi mở, vấn đáp, đánh giá..
*** Kĩ thuật**: hợp tác,

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- **Bài 4:** Viết đoạn văn miêu tả thầy giáo Ha-men hoặc chú bé Ph-răng trong buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp. *** Gợi dẫn cho HS** - Về thầy giáo Ha-men, chọn một trong các phương diện sau: miêu tả về trang phục; cử chỉ hành động với học sinh; lời nói khi giảng bài; cử chỉ hành động khi kết thúc buổi học. - Về chú bé Ph-răng : miêu tả lại diễn biến tâm trạng trong một mốc thời điểm cụ thể nào đó.	HS có thể về nhà làm	**Bài 4:** Viết đoạn văn miêu tả thầy giáo Ha-men hoặc chú bé Ph-răng trong buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG
*** Mục tiêu**: rèn năng lực tự học; tớch hợp mở rộng chủ đề
*** Phương pháp:** Gợi mở,

*** Kĩ thuật**: hợp tác,
*** Thời gian**: 1’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài tập 1: Sưu tầm, tìm đọc những đoạn văn tả người hay để học tập kinh nghiệm viết văn tả người (**Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả** của Tô Hoài) **Bài tập 2:** Quan sát một người thân trong tư thế làm việc	HS có thể về nhà làm	**Bài 1:** (**Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả** của Tô Hoài). **Bài tập 2:** Quan sát một người thân trong tư thế làm việc - Ghi chép lại những điều đã quan sát được, - Sắp xếp lựa chọn ý tiêu biểu đặc trưng phù hợp với tuổi tác, đặc trưng, tính chất công việc. - Dùng kĩ năng so sánh, liên tưởng, nhận xét diễn đạt thành văn. Đọc cho bạn bè hoặc người thân nghe, nhờ nhận xét rút kinh nghiệm đẻ sử chữa lỗi.

Bước 4: Giao bài về nhà và hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài (3 phút)
1. Bài cũ:
- HS học Ghi nhớ. Làm phần luyện tập viết bài văn tả người.

2. Bài mới:
Soạn bài “**Đêm nay Bác không ngủ”** .
- Đọc thuộc lòng bài thơ, chú ý diễn cảm và cách ngắt nhịp
- Tìm hiểu chú thích về tác giả, tác phẩm
- Trả lời câu hỏi sgk vào vở BTNV
- Sưu tầm những câu văn, câu thơ, bài hát, kí họa chủ để đêm Bác không ngủ.

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	**ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ** Minh Huệ	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Hình ảnh Bác Hồ trong cảm nhận của người chiến sĩ.
- Sự kết hợp giữa yếu tố tự sự, miêu tả với yếu tố biểu cảm và các biên pháp nghệ thuật khác được sử dụng trong bài thơ

2. Kĩ năng.

- Kể tóm tắt diễn biến câu chuyện bằng một đoạn văn ngắn.
- Bước đầu biết cách đọc thơ tự sự được viết theo thể thơ năm chữ có kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm thể hiện được tâm trạng lo lắng không yên của Bác Hồ; tâm trạng ngạc nhiên,xúc động, lo lắng và niềm sung sướng, hạnh phúc của người chiến sĩ.
- Tìm hiểu sự kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm trong bài thơ.
- Trình bày được suy nghĩ của bản thân sau khi học xong bài thơ

3. Thái độ

- Kính yêu Bác Hồ, biết ơn thế hệ cha anh.

4. Những năng lực cụ thể của HS cần phát triển

- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản
- Năng lực đọc hiểu văn bản; cảm thụ, thưởng thức cái đẹp biểu hiện cụ thể
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

*** Lồng ghép, tích hợp** : học tập và làm theo tấm gương đạo đức trong sáng Hồ Chí Minh

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

Chân dung nhà thơ, phiếu học tập,...

2. Chuẩn bị của họ sinh

Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giáo viên

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

*** Bước 1. Ổn định tổ chức: 1'**

*** Bước 2. Kiểm tra bài cũ 5'**

*** Mục tiêu:** Kiểm tra việc học bài ở nhà và chuẩn bị bài mới của học sinh.

*** Phương án:** Kiểm tra trước khi vào bài mới.

Đọc kĩ câu văn sau và trả lời câu hỏi**:**

Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ được tiếng nói của mình thì chẳng khác nào nắm được chìa khóa mở chốn lao tù

a/ Câu văn trích trong văn bản nào? Của ai?

b/ Câu văn có sử dụng phép tu từ gì? Em hiểu ý nghĩa câu văn như thế nào?

Đáp án:

a/ Văn bản **Buổi học cuối cùng** của An phông xơ Đô đê- nhà văn Pháp

b/ Câu văn sau có sử dụng phép tu từ so sánh .

Ý nghĩa:

-Vẻ đẹp sức mạnh của tiếng nói dân tộc: chìa khóa mở chốn lao tù

-Tiếng nói là bản sắc dân tộc còn tiếng nói là còn dân tộc, còn cơ hội để đấu tranh giành tự do

- Thể hiện sâu sắc lòng yêu nước của người dân Pháp thông qua biểu hiện , lòng tự hào ,tình yêu tiếng nói dân tộc

* Kiểm tra đoạn viết cảm nhận về thầy giáo Ha-men hoặc chú bé Phrăng.

***Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới.**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp.
* **Phương pháp:** Định hướng phát triển năng lực giao tiếp, thuyết trình.
* **Kỹ thuật :** Động não.
* **Thời gian:** 1'.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Cho HS quan sát một số hình ảnh về chủ tích Hồ Chí Minh - GV dẫn vào bài: Trong cuộc đời hoạt động cách mạngdầy truân chuyên của Bác, nhiều đêm Bác không ngủ được vì lo cho vận mệnh của nôn sông, đất nước. Cả cuộc đời Người không ngủ- Lẽ sống thường tình mà cao đẹp đó của Người đã trở thành nguồn cảm hứng cho những sáng tác thi ca nhạc họa bất hủ. . Và có một đêm không ngủ như thế của Bác Hồ nơi núi rừng Việt Bắc hồi kháng chiến chống Pháp đã trở thành nguồn cảm hứng chân thật và mãnh liệt cho nhà thơ Minh Huệ viết nên bài " **Đêm nay Bác không ngủ**"	Hs lắng nghe	

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

* **Mục tiêu**: tìm hiểu chi tiết , phân tích hiểu được nội dung, nghệ thuật tác phẩm.

Phân tích làm rõ vẻ đẹp của hình tượngBác Hồ trong bài thơ với tấm lòng yêu thương mênh mông, sự chăm sóc ân cần đối với các chiến sĩ và đồng bào. Thấy được tình cảm yêu quí, kính trọng của người chiến sĩ đối với Bác Hồ. rèn năng lực giải quyết vấn đề, ; cảm thụ, thưởng thức cái đẹp biểu hiện cụ thể qua các chi tiết nghệ thuật đặc sắc; lồng ghép, tích hợp: học tập và làm theo tấm gương đạo đức trong sáng HCM /tích hợp kiến thức lịch sử

***Phương pháp** : Đọc diễn cảm, Thuyết trình, vấn đáp ,

***Kĩ thuật** : Động não,

***Thời gian**: 25 – 30 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
-Gọi HS đọc chú thích * / SGK 66. **Dựa vào chú thích *, hãy giới thiệu đôi nét về tác giả và tác phẩm ?** - GV bổ sung: + Là bài thơ thành công sớm nhất viết về Bác và rất quen với bạn đọc của nhiều thế hệ.	- Đọc. - Dựa vào chú thích * giới thiệu .	**I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH** **1. Tác giả :** Minh Huệ: Tên khai sinh là Nguyễn Thái sinh năm 1927, quê ở Nghệ An. **2. Tác phẩm :** **a. Xuất sứ.**

+ Viết dựa trên sự kiện có thật: Năm 1950, trong chiến dịch Biên Giới, Bác Hồ đã trực tiếp ra trận chỉ huy cuộc chiến đấu. + Đầu năm 1951, M/Huệ ở Nghệ An, gặp người bạn bộ đội từ Việt Bắc trở về. Người bạn đó đã kể cho nhà thơ nghe kỉ niệm gặp Bác trong một đêm trên đường đi chiến dịch Biên Giới. Câu chuyện đã gây xúc động cho Minh Huệ và ông đã dựa vào đó để sáng tác bài thơ.	 - Lắng nghe.	Bài thơ được viết vào năm 1951 dựa trên sự kiện có thật trong chiến dịch Biên giới cuối năm 1950 , Bác Hồ đã trực tiếp ra mặt trận theo dõi và chỉ huy cuộc chiến đấu của bộ đội và nhân dân ta.
- GV hướng dẫn đọc: + Giọng chân tình, chậm rãi, thủ thỉ, ngắt nhịp thay đổi lần lượt 3/2 - 2/3 + Phân biệt ba giọng : • Giọng kể chuyện, miêu tả của tác giả. • Anh đội viên: Giọng lo lắng. • Bác Hồ: giọng trầm ấm, chậm rãi.	- Nghe hướng dẫn đọc.	**b. Chú thích**
- Gọi hs đọc văn bản. - Gọi HS nhận xét việc đọc của bạn. - GV nhận xét, uốn nắn. - GV hướng dẫn tìm hiểu một số chú thích khó.	- Đọc văn bản. - Nhận xét. - Nghe. - Tìm hiểu từ khó.	**c. Bố cục văn bản**
? Xác định bố cục của văn bản? - Gọi HS nhận xét, bổ sung. - GV: "Đêm…ngủ" là bài thơ có sự kết hợp kể chuyện với miêu tả và biểu cảm, em cho biết: **Bài thơ kể về chuyện gì ?** **Trong chuyện ấy xuất hiện những nhân vật nào?** **Nhân vật nào hiện qua sự miêu tả của người kể chuyện? Nhân vật nào**	- Bố cục: 2 phần. + 9 khổ đầu : Hình ảnh của Bác Hồ và tâm trạng của anh đội viên trong lần thức dậy thứ 1. + 7 khổ tiếp : Tấm lòng của Bác Hồ và tâm tư của anh đội viên trong lần thức dậy thứ 3 - Nhận xét, bổ sung. - Nghe. - Kể một đêm dừng chân trong rừng, khi đi chiến dịch, các anh bộ đội ngủ quây quần bên Bác, riêng Bác không ngủ. - Có 2 nhân vật: Bác Hồ và anh đội viên. - HS trả lời:	

trực tiếp bộc lộ suy nghĩ của mình? **Hình tượng Bác Hồ trong bài thơ được miêu tả qua con mắt và cảm nghĩ của ai? Cách miêu tả đó có tác dụng gì?**	+ Bác Hồ: hiện lên qua sự miêu tả của người kể chuyện. + Anh đội viên: trực tiếp bộc lộ suy nghĩ của mình. - Nghe. + Bác Hồ: nhân vật trung tâm + Anh đội viên: vừa là người chứng kiến vừa là người tham gia vào câu chuyện => Hình tượng Bác Hồ hiện lên qua cái nhìn và tâm trạng của anh chiến sỹ, qua cả những lời đối thoại giữa hai người. ->Mặc dù tác giả không sử dụng ngôi kể thứ nhất, nhưng điểm nhìn kể tả đều từ điểm nhìn và tâm trạng của anh đội viên. Bằng việc sáng tạo hình tượng Bác Hồ, anh đội viên vừa là người chứng kiến vừa là người tham gia vào câu chuyện, bài thơ đã làm cho hình tượng Bác Hồ hiện ra một cách tự nhiên, có tính khách quan lại được đặt trong mối quan hệ gần gũi, ấm áp với người chiến sỹ.	**d. Thể loại và ptbđ** Thể loại: thơ 5 chữ (ngữ ngôn) Ptbđ: Tự sự + miêu tả + biểu cảm
Gọi học sinh đọc diễn cảm khổ thơ đầu. **?** Hình tượng Bác Hồ được khắc họa trong hoàn cảnh ,thời gian, địa điểm như thế nào? **GV tích hợp liên môn lịch sử:** cuộc kháng chiến chống Pháp đầy khó khăn, gian khổ , thiếu thốn (... ngủ hầm , mưa dầm, cơm vắt; áo anh rách vai quần tôi có vài mảnh vá; chân không giày.....). Bác là vị tổng chỉ huy, người chéo lái con thuyền cách mạng, trực tiếp ra mặt trận chỉ đạo cuộc kháng chiến đồng cam cộng khổ cùng bộ đội ta... **?** Qua điểm nhìn, suy nghĩ của anh đội viên, hình ảnh Bác hiện ra qua những	**- HS đọc** - HS suy nghĩ trả lời /**tích hợp liên môn lịch sử** + Hoàn cảnh:Trên đường đi chiến dịch; trời mùa đông lạnh giá, mưa phùn lâm thâm +Thời gian: đêm trời khuya, + Địa điểm: trong mái lều tranh xơ xác (lán che tạm của bộ đội) HS phát hiện dùng bút chì gạch chân vào sgk/ trả lời cá nhân -HS tìm hiểu - hs trả lời	**II ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN** **1. Hình tượng Bác Hồ** *** Hoàn cảnh, thời gian, không gian:** - Hoàn cảnh:Trên đường đi chiến dịch; trời mùa đông lạnh giá, mưa phùn lâm thâm - Thời gian: đêm trời khuya, - Địa điểm: trong mái lều tranh xơ xác (lán che tạm của bộ đội) => Cuộc kháng chiến đầy khó khăn, gian khổ thiếu thốn; Bác trực tiếp ra mặt trận, đồng cam cộng khổ... *** Tư thế, dáng vẻ:** + Lần 1: lặng yên, vẻ mặt trầm ngâm, người Cha mái tóc bạc + Lần 3: ngồi đinh ninh, chòm râu im phăng phắc.

phương diện nào? (dáng vẻ, ngoại hình, cử chỉ hành động, lời nói, suy nghĩ ...) như thế nào ? **?** Tìm các chi tiết, hình ảnh miêu tả về ngoại hình , dáng vẻ của Bác? **?** Tìm các chi tiết miêu tả về cử chỉ, hành động của Bác? **?** Tìm các chi tiết miêu tả về lời nói của Bác? - GV định hướnghoạt động của HS - GV tư vấn trả lời câu hỏi khó của HS hoặc có thể đặt câu hỏi phản biện cho nhóm. **? Nhận xét về nghệ thuật tả, kể về ngoại hình, dáng vẻ của Bác? Những chi tiết ấy có tác dụng khắc họa hình ảnh Bác như thế nào?** **Gợi ý hỏi phản biện cho N1**: Cùng là miêu tả dáng vẻ nhưng từ láy trầm ngâm với từ láy đinh ninh có điểm gì khác biệt? **? Nhận xét về nghệ thuật tả, kể về cử chỉ, hành động của Bác? Những chi tiết ấy có tác dụng khắc họa hình ảnh Bác như thế nào?** **Gợi ý hỏi phản biện cho N2:** Bác là một vị Chủ tịch nước, tương đương với một vị vua đầy uy quyền, vậy mà Bác lại đi làm những việc bình thường , nhỏ nhặt như	- hs khác nhận xét đặt câu hỏi phản biện - Đại diện nhóm trả lời hoặc xin sự trợ giúp của nhóm. - Cử đại diện trả lời - Các nhóm nhận xét đặt câu hỏi phản biện - Đại diện nhóm trả lời hoặc xin sự trợ giúp của nhóm. **Tích hợp, lồng ghép học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM** Cùng là miêu tả tư thế ngồi lặng yên, suy nghĩ , nhưng từ láy đinh ninh đã ở mức phát triển hơn: khác họa được tư thế bất động nên chòm râu im phăng phắc, và còn khắc họa cả được chiều sâu , sự nung nấu của sự suy nghĩ. - Cách chọn lọc từ ngữ giàu chất tạo hình, cách miêu tả tinh tế, sâu sắc của nhà thơ) (Không. Vì việc nhỏ , bình dị , đời thường nhưng lại thể hiện nhân cách lớn lao bao dung, đức độ, yêu dân. Nó đã trở thành tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh mà mỗi chúng ta phải học tập và làm theo)	-> từ láy tượng hình, hình ảnh so sánh, ẩn dụ đẹp trong sáng => Bác vừa gần gũi, thân thiết, vừa cao cả thiêng liêng. *** Cử chỉ, hành động**: đốt lửa, dém chăn từng người, từng người..., nhón chân nhẹ nhàng. -> nhiều ĐT, kết hợp điệp từ từng người 2 lần => diễn tả cử chỉ chăm lo, tỉ mỉ, ân cần , chu đáo, đầy tình yêu thương ấm áp như một người cha, người mẹ lo lắng chăm chút cho từng đứa con ruột thịt. *** Lời nói, tâm tư:** + Chú cứ việc ngủ ngon. Ngày mai đi đánh giặc + Bác thương đoàn dân công... càng thương càng nóng ruột, mong trời sáng mau mau. -> động từ kết kết hợp với điệp từ "càng" -> Tình thương yêu bao la rộng lớn của Bác dành cho bộ đội và dân công => Hình ảnh BH, vị lãnh tụ giản dị, gần gũi, chân thực mà hết sức lớn lao - thể hiện sâu sắc tấm lòng yêu thương mênh mông, sâu nặng của BH với chiến sĩ, đồng bào.

vậy với người dân, điều đó có cần thiết không? GV cho HS so sánh từ dém với 1 số từ đồng nghĩa khác: dắt, ghép, vén... **GV:** Cử chỉ của Bác thật nhẹ nhàng để không làm các chiến sĩ thức giấc là một chi tiết đặc sắc, thật giản dị mà giàu xúc động, bộc lộ tấm lòng yêu thương chứa chan, sự tôn trọng, nâng niu của một vị lãnh tụ đối với những người chiến sĩ bình thường, giống như cử chỉ của người mẹ, người cha nâng niu giấc ngủ cho những đứa con. **? Nhận xét về nghệ thuật tả, kể về lời nói, tâm tư của Bác? Những chi tiết ấy có tác dụng khắc họa hình ảnh Bác như thế nào?** **Gợi ý hỏi phản biện cho N3:** Trong bài thơ có hai lời thoại của Bác, bạn hãy chỉ ra sự khác biệt của mỗi lời thoại? **? Qua các chi tiết miêu tả ở trên, em cảm nhận được hình tượng Bác Hồ ntn?** **GV bình giảng: Đó là một tình thương yêu giản dị, sâu sắc đến độ quên mình, một phẩm chất tinh thần cao quý.**	(Lần một Bác chỉ nói vắn tắt: „Chú cứ việc ngủ ngon/ Ngày mai đi đánh giặc“, đến lần sau khi anh đội viên nằng nặc mời Bác đi nghỉ vì trời sắp sáng thì lời nói của Bác đã bộc lộ rõ nỗi lòng tâm tư: Bác ngủ không an lòng, Bác lo lắng cho sức khỏe của bộ đội và dân công. Nên biết rằng lúc đó Bác đã 60 tuổi. Lời nói tâm tư ấy càng làm ta xúc động vì sự hy sinh đến quên mình của Bác- vị Cha già dân tộc kính yêu) HS: - Hình ảnh Bác, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc hiện lên thật giản dị, gần gũi, chân thực, không cách biệt với nhân dân mà rất lớn lao; thể hiện sâu sắc tấm lòng yêu thương mênh mông, sâu nặng của BH với chiến sĩ, đồng bào.	

Đúng như sự khái quát của nhà thơ Tố Hữu về tình yêu thương của Bác: **"Bác ơi tim Bác mênh mông thế.** **Ôm cả non sông mọi kiếp người.** **...** - Gọi HS đọc diễn cảm khổ thơ cuối. **?** Tác giả sử dụng biện pháp NT gì? Tác dụng? GV chiếu máy một số hình ảnh kí họa đêm Người không ngủ. ? Có ý kiến cho rằng, khổ thơ cuối đã nâng ý nghĩa của câu chuyện, của sự việc đêm nay Bác không ngủ lên một tầm cao mới. Em hãy khái quát những ý nghĩa của khổ thơ cuối là gì? **GV bình giảng**: Cái đêm không ngủ trong bài thơ chỉ là một trong số vô vàn đêm không ngủ của Bác. Việc Bác không ngủ để lo cho vận mệnh của dân tộc, lo cho bộ đội và dân công, đó là lẽ thường tình của cuộc đời Bác, vì Bác là Hồ Chí Minh **"Nâng niu tất cả chỉ quên mình"**	-> Điệp ngữ "đêm nay" nhằm nhấn mạnh hình ảnh nhiều đêm Bác đã không ngủ HS: tình yêu thương, sự hi sinh, cống hiến của Bác là lẽ sống tất yếu, rất thường tình của lãnh tụ HCM **"Nâng niu tất cả chỉ quên mình"**	*** Khổ cuối:** - "Đêm nay Bác ngồi đó Đêm nay Bác không ngủ". -> Điệp ngữ "đêm nay" nhằm nhấn mạnh hình ảnh nhiều đêm Bác đã không ngủ => hình ảnh đêm không ngủ của Người đã hóa tượng đài trong lòng người chiến sĩ, trong lòng nhân dân để trở thành nguồn cảm hứng sáng tác cho thi ca. - "...Vì một lẽ thường tình Bác là Hồ Chí Minh" -> Khẳng định tình yêu thương, sự hi sinh, cống hiến của Bác là lẽ sống tất yếu, rất thường tình của lãnh tụ HCM **"Nâng niu tất cả chỉ quên mình"**
-Cho 2 HS đọc diễn cảm bài thơ, mỗi em một phần **?** Tìm chi tiết, hình ảnh kể, tả về tâm tư, cử chỉ, hành động của anh đội viên trong lần thức dậy thứ nhất?	- HS trả lời cá nhân - Đại diện trình bày - Lớp bổ sung + Trời khuya lắm - Bác vẫn thức ->Ngạc nhiên. + Chứng kiến cảnh Bác chăm sóc giấc ngủ cho các chiến sĩ -> Xúc động. - "Bóng Bác cao lồng lộng ấm hơn ngọn lửa hồng".	**2. Tâm tư anh đội viên.** **a. Lần đầu thức dậy:** - Ngạc nhiên, xúc động, anh mơ màng như nằm trong giấc mộng -> So sánh, từ láy

	-> So sánh đẹp - Thổn thức, thầm thì: "Bác có lạnh lắm không"; bồn chồn, bề bộn, nằm lo Bác ốm. -> Từ láy. -> Lo lắng, chan chứa tình cảm yêu thương.	=> Bác vừa lớn lao, vĩ đại (cao lồng lộng) nhưng lại hết sức gần gũi, ấm áp; sự xúc động, tình cảm ngưỡng vọng của anh đội viên **b. Lần thứ ba:**
? Tìm chi tiết, hình ảnh kể, tả về tâm tư, cử chỉ, hành động của anh đội viên trong lần thức dậy thứ ba? **Cho HS thảo luận nhóm 3'** - Cử đại diện trình bày - Các nhóm đặt câu hỏi phản biện - Đại diện giải quyết vấn đề hoặc xin sự trợ giúp của các thành viên trong nhóm. -GV trợ giúp giải quyết câu hỏi khó hoặc dặt câu hỏi định hướng HS phân tích	+ Hốt hoảng, giật mình, vội vàng, nằng nặc => Lo lắng thiết tha, năn nỉ Bác đi nghỉ. - "Mời Bác ngủ Bác ơi! Bác ơi? Mời Bác ngủ!" -> Điệp ngữ, đảo cấu trúc câu , nài nỉ thiết tha. => Diễn tả mức độ tăng dần sự bồn chồn lo cho sức khỏe của Bác, tình cảm lo lắng chân thành của người đội viên với Bác. -> Lòng vui sướng mênh mông/ thức luôn cùng Bác.	- Hốt hoảng giật mình, bồn chồn lo lắng - Ở bên Bác, người chiến sĩ như được tiếp thêm sức mạnh và niềm vui - Được gần Bác, anh thấy lớn lao, anh hạnh phúc vô cùng . **Sự cao cả của Người đã có sức tỏa sáng, nâng đỡ.** -> Điệp ngữ
? Phân tích nghệ thuật kể , tả của tác giả để chỉ ra được diễn biến tâm trạng, tình cảm của anh đội viên đối với Bác trong lần thức dậy thứ nhất.	**Hs nhận xét**. - Lần đầu thức dậy, anh đội viên ngạc nhiên trời khuya lắm mà Bác vẫn chưa ngủ. - Chứng kiến những cử chỉ Bác đốt lửa, dém chăn , nhón chân nhẹ nhàng …cho chiến sĩ, anh xúc động và nhận ra được sự quan tâm, chăm chút, tình cảm ấm áp yêu thương , gần gũi của Bác như của người cha ruột thịt. - Xúc động trào dâng tột độ dẫn đến trạng thái mơ màng như trong giấc mộng, thấy " Bóng Bác cao lồng lộng, ấm hơn ngọn lửa hồng". Hình ảnh so sánh đẹp, vừa diễn tả được sự gần gũi ấm áp như ngọn lửa hồng sưởi ấm lòng anh; sự lớn lao, vĩ đại, thiêng liêng của hình tượng Bác Hồ (bóng cao lồng lộng); vừa	

? Phân tích nghệ thuật kể , tả của tác giả để chỉ ra được sự diễn biến tâm trạng, tình cảm của anh đội viên đối với Bác trong lần thức dậy thứ ba? **GV có thể sử dụng các câu hỏi phụ để định hướng phân tích cho HS** **?** Nhận xét của em về cấu tạo lời thơ sau: Mời Bác ngủ Bác ơi! Bác ơi? Mời Bác ngủ! Điều đó có tác dụng gì trong việc thể hiện tâm trạng người chiến sỹ? **?** Em cảm nhận được gì từ lời thơ: "Lòng vui sướng ... thức luôn cùng Bác". **GV: Đó là sức mạnh của tấm lòng Hồ Chí Minh. Sự cao cả của Người đã có sức tỏa sáng, nâng đỡ người khác thành**	diễn tả được sự xúc động, tình cảm kính yêu, ngưỡng vọng của anh đội viên đối với Bác. - Trong sự xúc động tột độ, anh đội viên thốn thức, thầm thì nhỏ nhẹ hỏi Bác . Những từ láy giàu sức gợi đã bộc lộ được sự yêu thương, quan tâm lo lắng cho sức khỏe của Bác như tình cảm của đứa con lo lắng cho người cha già kính yêu. - Sự lo lắng đã trở thành sự hốt hoảng, nếu lần 1 anh chỉ dám thầm thì hỏi nhỏ thì giờ đây anh đã hết sức năn nỉ. Các từ láy vội vàng, nặng nặng, điệp – đảo cấu trúc câu, "Mời Bác ngủ Bác ơi!" "Bác ơi! Mời Bác ngủ" được láy đi láy lại hai lần thể hiện sự tha thiết, nài nỉ đó. - Khi nghe được nỗi lòng , tâm tư lo cho bộ đội và dân công, anh đã thấm thía được tình thương yêu, đức hy sinh của Bác. - Được tiếp cận, thấu hiểu tình thương và đạo đức cao cả của Bác, anh đội viên đã thấy lòng vui sướng mênh mông, thức luôn cùng Bác. Được gần Bác, anh thấy lớn lao, hạnh phúc vô cùng HS suy nghĩ, trả lời cá nhân. - Học sinh suy nghĩ, trình bày trong 1 phút trước lớp.	=> Lòng kính yêu, lòng biết ơn, niềm hạnh phúc khi nhận được tình yêu thương và sự chăm sóc của BH, là niềm tự hào về vị lãnh tụ vĩ đại mà bình dị.

cao cả. Đúng như một nhà thơ đã nói "Ta bên Người , Người tỏa sáng trong ta/ Ta bỗng lớn ở bên Người một chút" **?** Qua hình ảnh anh đội viên, MH đã thể hiện một cách chân thành tình cảm gì của đồng bào và chiến sĩ đối với Chủ tịch HCM		**III. Ghi nhớ/sgk/67**
HDHS tổng kết, đánh giá **H** . Nêu những nét nghệ thuật đặc sắc và nội dung ý nghĩa nổi bật của bài thơ	**Nghệ thuật** - Thể thơ năm chữ, kết hợp tự sự, miêu tả, biểu cảm. -Lời thơ giản dị, hình ảnh chân thực, tự nhiên, cảm xúc chân thành. - Sử dụng từ láy giàu giá trị gợi hình, biểu cảm. **Nội dung, ý nghĩa :** - Ca ngợi tấm lòng yêu thương bao la của Bác Hồ với bộ đội và nhân dân. - Tình cảm kính yêu, cảm phục, ngưỡng vọng; lòng biết ơn sâu sắc của bộ đội, nhân dân đối với Bác.	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập; rèn năng lực tiếp nhận thông tin , định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, chia sẻ...

*** Phương pháp:** gợi mở, vấn đáp, đánh giá

*** Kĩ thuật:** hợp tác, chia sẻ

*** Thời gian:** 5 phút

HĐ của thầy	HĐ của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
IV Luyện tập **Bài 1:** Đọc diễn cảm một đoạn thơ yêu thích **Bài 2:** Tại sao nhà thơ Minh Huệ không kể tả lần thức dậy thứ hai của anh đội viên mà chỉ dùng dấu(...)?	**IV Luyện tập.** - Cá nhân HS làm bài, trình bày	**IV Luyện tập.** **Bài 1:** Đọc diễn cảm một đoạn thơ yêu thích **Bài 2**: không kể tả lần thức dậy thứ hai ...mà chỉ dùng dấu ...: tránh dài, lặp nhàm chán; Chỉ 2 lần cũng đủ so sánh để thấy rõ dược tâm trạng của anh dội viên...; và ý thơ tập trung hơn làm nổi bật hình tượng Bác Hồ **là sự quan tâm sâu sắc, nỗi lo lắng thực sự của anh.**

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống; rèn năng lực xử lí tình huống, định hướng phát triển năng lực tự học, tích hợp làm văn miêu tả.

* **Phương pháp:** gợi mở, vấn đáp, đánh giá
* **Kĩ thuật:** tích cực viết
* **Thời gian:** 5’ phút

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 2: Gợi ý: - Viết đoạn văn ngắn 8 – 10 câu . - Nội dung miêu tả lại hình ảnh Bác Hồ trong lần thức dậy thứ ba của anh đội viên + Miêu tả khung cảnh rừng đêm, mưa lâm thâm, giá lạnh, mái lều tranh xơ xác + Miêu tả hình ảnh Bác qua các phương diện: tư thế dáng vẻ ngồi đinh ninh, chòm râu im phăng phắc; Lời nói, tâm tư của Bác... -Vận dụng kĩ năng so sánh, liên tưởng, nhận xét trong văn miêu tả (có thể giao trước cho HS về nhà làm và đến lớp trình bày, nghe góp ý rút kinh nghiệm; hoặc Gv định hướng cho HS về nhà làm)	**Rèn năng lực xử lí tình huống /HS tích cực viết/ Rèn kĩ năng tả người**	**Bài 2:** Dựa vào bài thơ “Đêm nay Bác không ngủ”, viết đoạn văn ngắn 8 – 10 câu , miêu tả lại hình ảnh Bác Hồ trong lần thức dậy thứ ba của anh đội viên .

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

* **Mục tiêu** : rèn năng lực tự học, tích hợp mở rộng chủ đề ,tích hợp liên môn, xử lí thông tin
* **Phương pháp:** gợi mở
* **Kĩ thuật:** hợp tác
* **Thời gian**: 1’

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
? Tìm những câu văn, câu thơ nói về cuộc kháng chiến chống Pháp đầy khó khăn gian khổ thiếu thốn • Tham khảo bài thơ **Đồng chí** của Chính Hữu, **Cá nước** của Thôi Hữu; **Ca dao kháng chiến** của Nguyễn Kim - Thương nhau chia củ sắn lùi/ Bát cơm xẻ nửa chăn sui đắp cùng - Ba thằng một cái chăn chiên/ Nằm ngửa cũng dở, nằm nghiêng cũng phiền Đắp dọc thì hở hai bên / Đắp ngang thì lạnh như tiền cái chân... ? Tìm những câu văn, câu thơ có chủ đề về đêm không ngủ của Bác.	**Rèn năng lực xử lí tình huống /HS tích cực viết/ Rèn kĩ năng tả người**	: tìm trong „Nhật kí trong tù“ của Hồ Chí Minh; Cảnh khuya; Rằm tháng giêng, „ Một canh... hai canh....“ „ ...Cảnh khuya như vẽ Người chưa ngủ/ Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà...) „Giữa dòng bàn bạc việc quân/ Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền)

Bước 4: Giao bài về nhà và hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài (3 phút)

1. Bài cũ:

-Đọc thuộc lòng, diễn cảm bài thơ

-Dựa vào bài thơ, em hãy viết bài văn ngắn bằng lời của người chiến sĩ kể về một kỷ niệm được ở bên Bác Hồ một đêm khi đi chiến dịch.

2. Bài mới:

-Soạn bài "**ẩn dụ**"Trả lời các câu hỏi mục 1 vào vở soạn văn, sưu tầm những câu thơ câu văn có sử dụng hình ảnh ẩn dụ trong sgk Văn 6 hoặc sách tham khảo.

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**ẨN DỤ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I- MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Khái niệm ẩn dụ, các kiểu ẩn dụ.
- Tác dụng của phép ẩn dụ.

2. Kỹ năng:

- Bước đầu nhận biết và phân tích được ý nghĩa cũng như tác dụng của phép tu từ ẩn dụ trong thực tế sử dụng tiếng Việt.
- Bước đầu tạo ra được một số kiểu ẩn dụ đơn giản trong viết và nói.

3. Thái độ: có ý thức sử dụng tiếng việt, giữ gìn sựu trong sáng của tiếng Việt

4. Phát triển năng lực cho học sinh:

***Các năng lực chung**

+ Năng lực làm chủ và phát triển bản thân:Năng lực tự học.Năng lực giải quyết vấn đề Năng lực sáng tạo.Năng lực tự quản bản thân
+ Năng lực xã hội:Năng lực giao tiếp.

***Các năng lực riêng:**Năng lực giao tiếp Tiếng Việt.

II. CHUẨN BỊ :

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án, sgk, bài giảng điện tử

2. Chuẩn bị cảu học sinh

Vở ghi, bài soạn

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: Ổn định tổ chức (1').

Bước 2. Kiểm tra bài cũ

* **Mục tiêu:** Kiểm tra việc học bài ở nhà và chuẩn bị bài mới của học sinh.
* **Thời gian:** 5'.

*** Phương án:** Kiểm tra trong qua trình dạy bài mới

Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh.
* **Phương pháp:** Thuyết trình.

*** Kỹ thuật :** Động não.

* **Thời gian:** 1'.

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
Có 1 biện pháp nghệ thuật rất hay được dùng và có giá trị biểu cảm cao, đó là phép ẩn dụ hay còn gọi là so sánh ngầm. ở đó vế A bị ẩn đi, chỉ hiện lên vế B.	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu: nhận diện và bước đầu phân tích được tác dụng ẩn dụ**

*** Thời gian:** 17- 20 phút.

*** Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật:** Động não.

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**

		I. TÌM HIỂU BÀI **1. Ẩn dụ là gì?** **a. Ví dụ/sgk/68**
- Yêu cầu học sinh đọc diễn cảm đoạn thơ. (mục 1.1, sgk tr 68). ? Cụm từ **Người Cha** trong đoạn thơ được dùng để chỉ ai?	- Đọc đoạn thơ. - Cụm từ Người Cha dùng để chỉ Bác Hồ.	
	- Ta biết được điều đó nhờ ngữ cảnh khổ thơ và cả bài thơ.	
- Yêu cầu học sinh khác nhận xét về câu trả lời. - GV: Đưa ra một ví dụ khác để học sinh phân tích so sánh để thấy được khái niệm ẩn dụ. Ví dụ - **Người là Cha**, là Bác, là Anh, Quả tim lớn bọc trăm dòng máu nhỏ.	- Học sinh nhận xét về câu trả lời.	
		b. Nhận xét :
? Cụm từ **Người Cha** trong khổ thơ của Minh Huệ và cụm từ **Người là Cha** trong hai câu thơ trên có những đặc điểm gì giống và khác nhau? (lưu ý cách so sánh). - GV: yêu cầu học sinh khác nhận xét trả lời. - GV: tổng kết ý kiến của học sinh. - **GV chốt: khi phép so sánh có lược bỏ vế A, người ta gọi đó là phép so sánh ngầm (so sánh ẩn kín). Đó là phép ẩn dụ.**	- Học sinh trả lời. - Giống nhau: đều so sánh Bác Hồ và Người Cha. - Khác nhau: Trong đoạn thơ của Minh Huệ:Lược bỏ vế A, chỉ còn vế B. Trong hai câu thơ ví dụ thì không có sự lược bỏ, còn nguyên cả 2 vế A và B.	- Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó - Tác dụng : nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.
- GV: yêu cầu học sinh đọc mục ghi nhớ trong SGK, tr 68.	- Học sinh đọc ghi nhớ.	**2. Các kiểu ẩn dụ.** **a. Ví dụ/sgk/68-69**
- GV: yêu cầu học sinh đọc hai câu thơ, sgk, tr 68. xác định: Đâu là sự vật, hiện tượng được biểu thị? Đâu là sự vật, hiện tượng được nêu ra?	- Học sinh đọc hai câu thơ.	**b. Nhận xét.**
? Trong câu thơ của Nguyễn Đức Mậu, các từ **thắp**, **lửa hồng** dùng để chỉ sự vật và hiện tượng nào? ? Vì sao có thể ví như vậy?	- HS : (râm bụt, hoa nở) - HS thắp, lửa hồng. - Học sinh trả lời câu hỏi.	**- Có bốn kiểu ẩn dụ thường gặp:** + Ẩn dụ về sự tương đồng về hình thức giữa các sự vật hiện tượng (ẩn

	- Từ thắp và từ lửa hồng dùng để chỉ hàng rào hoa râm bụt của nhà Bác Hồ ở làng Sen. - Có thể ví như vậy vì trong câu thơ đã dẫn, lửa hồng chỉ mầu đỏ của hoa râm bụt còn động từ thắp chỉ sự nở hoa. Mầu đỏ được ví với lửa hồng và đây là hai sự vật có hình thức tương đồng. Còn động từ thắp được ví với sự nở hoa vì chúng giống nhau về cách thức thực hiện.	dụ hình thức) VD: lửa hồng và mầu đỏ. +Ẩn dụ dựa vào sự tương đồng về cách thức thực hiện hành động (ẩn dụ cách thức) VD: thắp và nở hoa. + Ẩn dụ dựa vào sự tương đồng về phẩm chất giữa các sự vật hiện tượng (ẩn dụ phẩm chất) VD: Người cha và Bác Hồ.
- GV: yêu cầu học sinh đọc câu văn của Nguyễn Tuân, sgk, tr 69. ? theo em động từ **thấy** có gì đặc biệt? ? theo em cụm từ **Nắng giòn tan** có gì đặc biệt? - GV: yêu cầu học sinh khác nhận xét trả lời. - GV: tổng kết ý kiến của học sinh. - GV tổng kết: đây là một cách so sánh đặc biệt vì đây là sự chuyển đổi từ thính giác sang thị giác. ? Sự chuyển đổi cảm giác đó có tác dụng gì? . - GV tổng kết: Qua các ví dụ đã phân tích ở phần I, II ta thấy có bốn kiểu ẩn dụ thường gặp: - GV: yêu cầu học sinh đọc ghi nhớ, sgk, tr69	- Động từ thấy là động từ chỉ hoạt động của mắt (thị giác). Đối tượng của thị giác là không gian, ánh sáng, mầu sắc, kích thước… - Đây là cách so sánh kì lạ vì giòn tan là từ diễn tả âm thanh. Đây là đối tượng cuả thính giác (tai), nhưng trong ngữ cảnh đây lại dùng cho đối tượng là thị giác. - Sự chuyển đổi cảm giác đó có tác dụng tạo ra sự liên tưởng mới mẻ, thú vị - Học sinh đọc ghi nhớ.	+ Ẩn dụ dựa trên sự tương đồng về cảm giác (ẩn dụ chuyển đổi cảm giác) VD: Nắng và giòn tan. **II. Ghi nhớ/sgk/68-69**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu: Củng cố lí thuyết**

*** Thời gian**: 15- 17 phút.

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp,

*** Kỹ thuật:** Động não, khăn trải bàn, giao việc, chia nhóm, bản đồ tư duy...

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhânLàm trong vở bài tập1	- Học sinh làm bài tập.	**Bài 1**: So sánh đặc biệt và tác dụng của 3 cách diễn đạt: - Cách 1: Miêu tả trực tiếp, có tác dụng nhận thức lí trí. - Cách 2: Dùng phép so sánh, tác dụng định danh lại.

		- Cách 3: Dùng phép ẩn dụ, có tác dụng hình tượng hoá.
GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhânLàm trong vở bài tập 2	-HS thực hiện trên phiếu bài tập	**Bài 2**: Tìm các ẩn dụ và tìm sự tương đồng giữa B và A. a. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây - Ăn quả: thừa hưởng thành quả của tiền nhân, của cách mạng. - Kẻ trồng cây: Tiền nhân, người đi trước, cha ông, các chiến sĩ cách mạng. - Quả: (nghĩa đen có sự tương đồng) với thành quả (nghiã bóng). b. Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng - Mực: đen, khó tẩy rửa - Rạng: sáng sủa, có thể nhìn rộng hơn - Mực (đen) : có sự tương đồng với ni hoàn cảnh xấu, người xấu. - Đèn (rạng): có sự tương đồng với hoàn cảnh tốt, người tốt. c. Đã phân tích d. Mặt trời đi qua trên lăng: mặt trời đã được nhân hoá. - Mặt trời trong lăng: Hình ảnh ẩn dụ, ngầm chỉ BH. - Cơ sở của sự liên tưởng đó là: + BH đã đem lại cho đất nước và dân tộc những thành quả cách mạng vô cùng to lớn, ấm áp, tươi sáng như mặt trời. + Thể hiện lòng thành kính, biết ơn và sự ngưỡng vọng của nhân dân VN đối với BH.
GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhânLàm trong vở bài tập3	-HS thảo luận làm	- Cả mặt trời và BH đều là cội nguồn của ánh sáng, nguồn gốc của sự sống, hạnh phúc cho đồng bào VN. **Bài 3**: Tìm các ẩn dụ chuyển đổi cảm giác và cho biết tác dụng: a. Thấy mùi hồi chín chảy qua mặt - Thấy mùi: từ khứu giác (mũi) chuyển sang thị giác (mắt) - Thấy mùi hồi chín chảy qua mặt: từ xúc giác (Cảm giác khi ta tiếp xúc với vật khác) chuyển qua khứu giác. - Tác dụng: tạo liên tưởng mới lạ. b. ánh nắng chảy đầy vai - Xúc giác ⇒ thị giác- Tác dụng: tạo liên tưởng mới lạ -d. Tiếng rơi rất mỏng - Xúc giác ⇒ thính giác. - Tác dụng: mới lạ, độc đáo, thú vị. d. ướt tiếng cười của bố - Xúc giác, thị giác ⇒ thính giác - Tác dụng: mới lạ, sinh động

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng HD

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài tập Viết đoạn văn ngắn, 3-5 câu, tả lại không khí giờ chào cờ trên sân trường, trong đoạn văn có sử dụng một hình ảnh ẩn dụ ***Lưu ý: Có thể hướng dẫn HS về nhà thực hiện**	HS tích cực viết bài	Bài tập .....

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Sưu tầm những câu văn trong các văn bản đã học và đọc thêm ; trong đời sống hang ngày những câu văn có sử dụng phép ẩn dụ *** Lưu ý: Hướng dẫn HS về nhà thực hiện**	(Các hoạt động của HS: + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, trình bày....)	..... Kiến thức trọng tâm của bài

Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

1. Học bài:

-Viết đoạn văn tả cảnh biển lúc hoàng hôn trong đó có sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ

2. Chuẩn bị bài:

- Luyện nói về văn miêu tả

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**LUYỆN NÓI VỀ VĂN MIÊU TẢ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Phương pháp làm một bài văn tả người.
- Cách trình bày miệng một đoạn (bài) văn miêu tả: nói dựa theo dàn bài đã chuẩn bị.

2. Kỹ năng:

- Sắp xếp những điều đã quan sát và lựa chọn theo một thứ tự hợp lí.
- Làm quen với việc trình bày miệng trước tập thể: nói rõ ràng, mạch lạc, biểu cảm.
- Trình bày trước tập thể bài văn miêu tả một cách tự tin.

4. Phát triển năng lực cho học sinh:

***Các năng lực chung**

+ Năng lực làm chủ và phát triển bản thân:Năng lực tự học.Năng lực giải quyết vấn đề Năng lực sáng tạo.Năng lực tự quản bản thân
+ Năng lực xã hội:Năng lực giao tiếp.Năng lực hợp tác

***Các năng lực riêng:**Năng lực giao tiếp Tiếng Việt.

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án, sgk, tài liệu tham khảo, bài giảng điện tử

2. Chuẩn bị của học sinh

Vở ghi, bài soạn

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

*** Bước 1**: **Ổn định tổ chức**

*** Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

Câu hỏi:

?Muốn tả người thì ta cần những phương pháp nào? Và nêu bố cục của bài văn tả người, nội dung từng bố cục?

***Muốn tả người cần :**

- Xác định được đối tượng cần tả (tả chân dung hay tả người trong tư thế làm việc)
- Quan sát và lựa chọn các chi tiết tiêu biểu
- Trình bày kết quả quan sát theo một thứ tự

Bố cục bài văn tả người thường có 3 phần:

+ Mở bài: Giới thiệu người được tả
+ Thân bài: miêu tả chi tiết (Ngoại hình, cử chỉ, hành động và lời nói…)
+ Kết bài: Thường nhận xét hoặc nêu cảm nghĩ của người viết về người được tả

*** Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới**

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

*** Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
Hôm trước các em đã được học về phương pháp tả người.Hôm nay thầy trò ta cùng nhau bước vào tiết luyện nói	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	**Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình**

về văn miêu tả .Giúp các em có khả năng, kĩ năng diễn đạt, sự tự in vào bản thân khi trình bày một vấn đề nào đó trước lớp		

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:**

- Học sinh nắm được yêu cầu của một tiết luyện nói
- Rèn kỹ năng làm việc cá nhân.

*** Thời gian:** 35- 40 phút.

*** Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật:** Động não.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
		I. TÌM HIỂU BÀI
Nêu yêu cầu của tiết luyện nói. Bài 1: +Thầy Hamen chuẩn bị cho tiết học như thế nào? +Thái độ của học sinh ra sao/ +Điều khi thể hiện lớp im phăng phắc Cho HS thảo luận nhóm 4 em 5’ - GV mời hs dựa vào các câu hỏi gợi ý để trình bày miệng bài tập 2 +Thấy Hamen trong buổi học cuối cùng là người thầy ntn? +Hôm đó thầy mặc có gì khác với ngày thường +Giong nói cử chỉ của thầy khi học trò đến muộn và không thuộc bài +Nét mặt,lời nói và hành động của thầy vào cuối buổi học ntn?? - Cho HS thảo luận theo dàn ý +GV chốt bổ sung dàn ý cho học sinh **Trong phút giây cuối cùng của buổi học này, hình ảnh thầy Hamen thật lớn lao, bởi giây phút này thể hiện rõ nhất nỗi xúc động nghẹn ngào, niềm đau đớn tái tê của thầy khi phải dời bỏ vùng Andát, dời bỏ ngôi trường với những buổi dạy tiếng mẹ để thiêng liêng mà hơn 40 năm trời thầy gắn bó. Và, trong phút giây đau đớn tái tê ấy, tình yêu nước ở thầy đã tỏa sáng rực rỡ chói lòa qua dòng**	- Tác phong: đàng hoàng, chững chạc, tự tin - Cách nói: rõ ràng, mạch lạc, không ấp úng. - Nội dung: + đảm bảo theo yêu cầu của đề. + Có chào hỏi, cảm ơn - HS chia nhóm 4, thảo luận - Đại diện học sinh trình bày HS chia 3 nhóm , thảo luận tìm ý trình bày trước lớp -Các nhóm nhận xét -HS chú ý lắng nghe và thực hiện theo nhiệm vụ	**Bài 1: Tả cảnh lớp học qua đoạn văn trích.** Chú ý: - Những động tác hành động của thầy Ha-men . (- Thái độ của HS . (chăm chú) - Không khí trường, lớp lúc ấy. (khôg khí im phăng phắc) - Âm thanh, tiếng động các sự vật xung quanh (ngoì bút sột soạt tiêng bọ dừa bay, tiếng chim bồ câu gật gù thật khẽ) **Bài 2:Tả chân dung thầy giáo Hamen** *** Gợi ý nội dung** **Những chi tiết tiêu biểu cần tả:** -Thầy hiền lành tận tâm yêu nghề,yêu học trò và yêu nước. -Đó là trang phục trong ngày lễ thật trang trọng - Thái độ: ân cần, dịu dàng hoàn toàn khác ngày thường - Những lời nói thấm thía mong muốn H phải chú trọng học môn tiếng Pháp, đồng thời thể hiện niềm tự hào về ngôn ngữ dân tộc, khẳng định sức mạnh của ngôn ngữ

chữ: Nước Pháp muôn năm khiến thầy vụt trở nên lớn lao đẹp đẽ. Và có lẽ, chính hình ảnh của thầy trong buổi học cuối cùng này cùng với lòng yêu nước sâu sắc của thầy đã tác động tới Frăng khiến cậu trở nên chăm học, yêu tiếng mẹ đẻ và yêu kính thầy vô hạn.		dân tộc. -Những phút cuối cùng: +Mặt tái nhợt,lời nói nghẹn ngào khi nói những lời cuối cùng +Cầm phấn....xúc động dựa đầu vào tường,giơ tay ra hiệu kết thúc buổi học - Một người thầy say mê, yêu nghề dạy học và có tấm lòng yêu nước sâu sắc **II. GHI NHỚ/SGK/**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu: Củng cố lí thuyết**

*** Thời gian**: 15- 17 phút.

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

*** Kỹ thuật:** Động não, khăn trải bàn, giao việc, chia nhóm, bản đồ tư duy...

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
*Bài tập này thực hiện nếu còn thời gian,có thể hướng dẫn học sinh học ở nhà -GV mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận -HS nhận xét bổ sung -GV chốt và chữa bài	* HS thảo luận 5-7 phút -Lập dàn ý cho bài tập -Đại diện nhóm trình bày kết quả -hs nhận xét, bổ sung	**Bài 3** **A-MỞ BÀI** -Lí do đến chúc mừng thầy **B-Thân bài** -Thái độ của thầy khi đón tiếp hai mẹ con(Thầy ra đón tiếp thế nào? Nết mặt thầy hân hoan....) -Hình dáng ,trang phục,mái tóc nụ cười ,độ tuổi... -Những cử chỉ,lời nói của thầy đối với mọi người.đặc biệt đối với mẹ và em.. -Những kỉ niệm của mẹ em và mọi người về thầy.. **C-Kết bài** Suy nghĩ và tình cảm của em về buổi gặp gỡ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng HD

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:**

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
Bài tập Viết đoạn văn ngắn, 3-5 câu, tả lại không khí giờ chào cờ trên sân trường. ***Lưu ý: Có thể hướng dẫn HS về nhà thực hiện**	HS tích cực viết bài	Bài tập .....

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Hãy nói cho bố mẹ nghe về thầy giáo Ha Men trong văn bản "Buổi học cuối cùng" *** Lưu ý: Hướng dẫn HS về nhà thực hiện**	(Các hoạt động của HS: + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, trình bày....)	Bài tập 3 ..... Kiến thức trọng tâm của bài

Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

Bài mới: Chuẩn bị Lượm

-Ôn tập các văn bản đã học từ kì 2 (6 văn bản):

+ Đọc lại để nắm vững tác giả, xuất xứ; nội dung ý nghĩa của văn bản; nghệ thuật và tác dụng của những chi tiết đặc sắc tiêu biểu trong các văn bản

+ Tóm tắt văn bản truyện

+ Cảm thụ về nhân vật yêu thích trong mỗi văn bản.

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	**LƯỢM**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Vẻ đẹp hồn nhiên, vui tươi, trong sáng và ý nghĩa cao cả trong sự hi sinh của nhân vật Lượm.
- Tình cảm yêu mến, trân trọng của tác giả dành cho nhân vật Lượm.
- Các chi tiết miêu tả trong bài thơ và tác dụng của các chi tiết miêu tả đó.
- Nét đặc sắc trong nghệ thuật tả nhân vật kết hợp giữa các yếu tố tự sự và bộc lộ cảm xúc.

2. Kỹ năng:

- Đọc - Hiểu bài thơ có sự kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.
- Phát hiện và phân tích ý nghĩa của các từ láy, hình ảnh hoán dụ và những lời đối thoại trong bài thơ.

3. Thái độ:

- Cảm phục trước sự hi sinh anh dũng của Lượm.

4. Năng lực cần phát triển qua bài học:

+ Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Tự học - Tư duy.
+ Năng lực về quan hệ xã hội: Giao tiếp – hợp tác
+ Năng lực công cụ: Sử dụng nguồn tài nguyên Internet (công nghệ thông tin – Khai thác tài nguyên) – phát triển vốn từ vựng – sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt chuẩn
+Năng lực chuyên biệt: Giải quyết vấn đề, sáng tạo, cảm thụ

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án, sgk, tài liệu tham khảo, bài giảng điện tử

2. Chuẩn bị của học sinh

Vở ghi, bài soạn

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1. Ổn định tổ chức.

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ, ...

Bước 2. Kiểm tra bài cũ:

GV chiếu máy BTTN

1. Bài thơ "Đêm nay Bác không ngủ" ra đời trong hoàn cảnh nào ?

A. Trước cách mạng tháng Tám
B. Trong thời kì chống Mĩ
C. Trong thời kì chống Pháp
D. Chiến tranh biên giới Tây Nam

2. Tại sao **Đêm nay Bác không ngủ** ?

A. Bác là một người khó ngủ
B. Bác đang bận việc
C. Bác lo lắng cho chiến sĩ và cho chiến dịch hiện nay
D.Trời quá rét, Bác không thể ngủ.

3. Đọc thuộc lòng một khổ thơ , những câu thơ yêu thích trong bài thơ? vì sao em thích khổ thơ đó?

Bước 3. Tổ chức dạy học bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu :** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp

* **Phương pháp:** Quan sát, vấn đáp, thuyết trình
* **Kỹ thuật:** động não
* **Thời gian**: 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Đọc "Những người khốn khổ" của Vích to Huy gô, ta sẽ gặp hình ảnh chú bé liên lạc dũng cảm Gavorôt nước Pháp bất chấp hiểm nguy, xông lên trước chiến lũy để nhặt đạn.... Thiếu nhi Việt Nam cũng rất anh hùng. Như nhà thơ Tố Hữu đã viết " Ôi Việt Nam xứ sở lạ lùng/ Đến em thơ cũng hóa anh hùng/ Đến ong dại cũng trở thành dũng sĩ.." Qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, có biết bao những tấm gương thiếu nhi anh hùng, dũng cảm đã tô thắm cho trang sử hào hùng của dân tộc ta như Phạm Ngọc Đa, Lê Văn Tám, Nguyễn Bá Ngọc, Võ Thị Sáu.... Một trong những tấm gương tiêu biểu ấy phải kể đến Lượm, một chú giao liên dũng cảm đã anh dũng hi sinh trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Sự hi sinh cao cả của Lượm đã trở thành nguồn cảm hứng sáng tác của nhà thơ Tố Hữu. Bài thơ Lượm đã ra đời trong niềm xúc động nghẹ ngào của nhà thơ.	Hs nghe	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

* **Mục tiêu**: Phân tích làm rõ hình ảnh Lượm và tình cảm của tác giả dành cho Lượm; rèn kĩ năng làm việc cá nhân và hợp tác nhóm, định hướng phát triển năng lực tự học, giao tiếp, chia sẻ và năng lực cảm thụ tác phẩm truyện ....
* **Phương pháp**: Vấn đáp, Nêu vấn đề, Thuyết trình
* **Kĩ thuật:** Phiếu học tập (Vở bài tập Ngữ văn), /Động não
* **Thời gian:** 25 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Hoạt động 1: Tìm hiểu chung ? Đọc chú thích (*) ? Tác giả?	 Hs đọc Hs tìm hiểu	**I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH** **1. Tác giả** - Tố Hữu (1920-2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành , là nhà cách mạng và nhà thơ lớn của thơ ca hiện đại Việt Nam.
? Hoàn cảnh sáng tác của bài thơ?		**2. Tác phẩm.** **a. Xuất xứ** - Bài thơ được viết năm 1949 trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.
? Giáo viên đọc mẫu, hướng dẫn cách đọc: chú ý giọng điệu, cách ngắt nhịp thích hợp với thể thơ 4 chữ ở từng đoạn.	Hs lắng nghe Hs đọc + Giọng vui tươi sôi nổi nhí nhảnh ở đoạn đầu và đoạn	**b. Chú thích**

? Bài thơ được kể bằng lời của ai?	cuối. + Giọng trầm, lắng lại, xúc động ở phần miêu tả Lượm hy sinh	
? Tìm bố cục của bài thơ?	Hs phát hiện Hs tìm bố cục	**c. Bố cục** 3 phần
Bài thơ được viết theo thể thơ gì và ptbđ là gì?	+ Từ đầu ... "cháu đi xa dần". (Năm khổ thơ đầu): Nhớ lại cuộc gặp gỡ tình cờ giữa nhà thơ và Lượm. + Bảy khổ giữa: Chuyến liên lạc cuối cùng và sự hi sinh của Lượm. + Hai khổ cuối: Hình ảnh Lượm sống mãi.	**d. Thể loại và ptbđ** Thể loại: thớ 4 chữ Ptbđ: tự sự+ miêu tả+ biểu cảm
		II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN **1. Hình ảnh Lượm trong cuộc gặp gỡ tình cờ với nhà thơ**
Cho HS theo dõi khổ đầu của bài thơ. **?** nhà thơ Tỗ Hữu gặp gỡ Lượm trong hoàn cảnh nào? **?** Hình ảnh đổ máu gợi em liên tưởng tới cuộc chiến lúc này như thế nào? **GV tích hợp** đổ máu, phép tu từ hoán dụ, gợi nghĩ đến cuộc chiến cam go, ác liệt, có nhiều tổ thất hy sinh.	HS quan sát, phát hiện chi tiết **- HS** Huế đổ máu -Hoán dụ -> cuộc chiến ác liệt cam go, nhiều tổn thất hy sinh	a. Hoàn cảnh - Cuộc chiến ác liệt cam go, nhiều tổn thất hy sinh b. Hình ảnh Lượm
GV dẫn dắt: Trong cuộc gặp gỡ ấy , hình ảnh Lượm đã để lại những ấn tượng sâu đậm trong lòng nhà thơ. **?**. Hình ảnh Lượm trong cuộc gặp gỡ cuối cùng của 2 chú cháu được miêu tả qua những phương diện nào? **?**. Tìm các chi tiết miêu tả về: - Hình dáng? - Trang phục? - Cử chỉ, hành động? - Lời nói?	* Trang phục - Cái xắc xinh xinh. - Ca lô đội lệch. -> ngộ nghĩnh y như một người lính thực sự. * Dáng vẻ - Bé loắt choắt - má bồ quân. Như con chim chích. Nhảy trên đường vàng. -> nhỏ bé, đáng yêu, tinh nghịch. * Cử chỉ, hành động - chân thoăn thoắt, - đầu nghênh nghênh, - Mồm huýt sáo vang - cười híp mí, -> nhanh nhẹn, tháo vát. * Lời nói : - Đi liên lạc/ Vui lắm chú à.	* Trang phục - Ngộ nghĩnh y như một người lính thực sự. * Dáng vẻ - Nhỏ bé, đáng yêu, tinh nghịch. * Cử chỉ, hành động -Nhanh nhẹn, tháo vát. * Lời nói : - Hồn nhiên, vui tươi, nhí nhảnh. NT :

?. Qua những chi tiết đó, em hãy chỉ ra các biện pháp nghệ thuật đặc sắc được nhà thơ sử dụng miêu tả về hình ảnh Lượm?	- âm điệu lời thơ: nhanh, vui tươi - Từ láy: loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh…giàu sức gợi hình, gợi ra chú bé Lượm nhỏ nhắn, nhanh nhẹn, tháo vát. - Nhịp thơ: 2/2 đều đặn đậm chất vè dân gian, - Hình ảnh so sánh đẹp: Như con chim chích. Nhảy trên đường vàng?	âm điệu lời thơ: nhanh, vui tươi - Từ láy - Nhịp thơ: 2/2 đều đặn đậm chất vè dân gian, Hình ảnh so sánh
? Các yếu tố miêu tả như âm điệu lời thơ, từ láy, nhịp thơ, hình ảnh so sánh ... có tác dụng gì trong việc thể hiện hình ảnh Lượm?	**luận nhóm** 4 em, 2' - Đại diện trình bày, lớp nhận xét bổ sung. + vừa thể hiện được hình ảnh Lượm nhỏ nhắn đáng yêu, vừa thể hiện được dáng vẻ nhanh nhẹn, đồng thời còn gợi ra vẻ đẹp công việc hữu ích của Lượm.	-> vừa thể hiện được hình ảnh Lượm nhỏ nhắn đáng yêu, vừa thể hiện được dáng vẻ nhanh nhẹn, đồng thời còn gợi ra vẻ đẹp công việc hữu ích của Lượm.
? Hình ảnh con đường vàng trongbài thơ gợi cho em những liên tưởng gì?	**- HS:** Đường vàng , hình ảnh giàu chất liên tưởng là con đường trong hồi tưởng là đường cát vàng, đầy nắng vàng, đầy lá vàng rơi, là đồng lúa vàng.... kết hợp với ình ảnh so sánh đẹp, hệ thống từ láy có gía trị gợi hình cao (Tả rất đúng về hình dáng, tính cách của Lượm: Nhỏ nhắn, hiếu động, tươi vui giữa không gian cánh đồng lúa vàng). Ngoài ra nó còn có giá trị biểu cảm thể hiện tình cảm yêu mến của nhà thơ đối với Lượm.	=> **Lượm nhỏ nhắn, nhí nhảnh, hồn nhiên, vui tươi, lạc quan yêu đời, say mê công tác, tình cảm yêu mến của nhà thơ.**
? Nghệ thuật miêu tả đặc sắc ấy dã làm nổi bật hình ảnh chú bé Lượm và tình cảm của nhà thơ như thế nào?		
Hình ảnh Lượm trong chuyến liên lạc cuối cùng và sự hy sinh. Cho HS đọc thầm phần 2		**2. Hình ảnh Lượm trong chuyến liên lạc cuối cùng và sự hy sinh.**
? Những câu thơ nào miêu tả hoàn cảnh cuộc chiến, miêu tả Lượm khi làm nhiệm vụ? ? Theo em, lời thơ nào gây ấn tượng mạnh nhất cho người đọc?	Hoàn cảnh chiến đấu - Vụt qua mặt trận. - Đạn bay vèo vèo. - Động từ "vụt", tính từ "vèo vèo" miêu tả chính xác	a. Hoàn cảnh chiến đấu : sự ác liệt của chiến

Vì sao? Em có nhận xét gì về cách dùng từ của tác giả ở lời thơ này?	hành động dũng cảm của Lượm và sự ác liệt của chiến tranh. - Câu hỏi tu từ: Sợ chi hiểm nghèo? Nói lên khí phách dũng cảm như một lời thách thức với quân thù.	tranh. b. Sự hy sinh của lượm. - Một cái chết dũng cảm, - Một sự mất mát đau thương nhưng nhẹ nhàng, thanh thản.
? Sự hy sinh của Lượm được miêu tả qua các chi tiết thơ nào? Hãy đọc diễn cảm những câu thơ đoạn thơ đó. **?** Em có nhận xét gì về âm điệu lời thơ khi miêu tả sự hy sinh của Lượm? Cái chết có đổ máu, đau thương nhưng lại được miêu tả như một giấc ngủ bình yên của trẻ thơ giữa đồng quê thơm hương lúa. Cái chết ấy gợi cho em những suy nghĩ và liên tưởng gì về sự hy sinh của Lượm, về tình cảm của nhà thơ?	- Một dòng máu tươi. - Cháu nằm trên lúa. Tay nắm chặt bông Lúa thơm mùi sữa Hồn bay giữa đồng. * Âm điệu thay đổi phù hợp, lắng xuống trầm buồn xót xa - Một cái chết dũng cảm, - Một sự mất mát đau thương nhưng nhẹ nhàng, thanh thản. - Cánh đồng lúa của quê hương như một chiếc nôi, như vòng tay ấm áp của mẹ nâng đỡ tâm hồn em. - Lượm đã hóa thân vào thiên nhiên đất nước, còn sống mãi với quê hương. - Tình cảm vừa xót thương, vừa cảm phục.	**3. Hình ảnh Lượm vẫn còn sống mãi.**
Trong bài thơ, có những câu có: Cấu tạo đặc biệt. - Hãy tìm những câu thơ ấy. - Nêu tác dụng của nó trong việc biểu hiện cảm xúc của nhà thơ ?	- Ra thế Lượm ơi !... - Thôi rồi, Lượm ơi ! - Lượm ơi, còn không? Câu thơ có cấu tạo đặc biệt, câu cảm câu hỏi tu từ, tách thành khổ riêng, nhịp thơ bị ngắt quãng. + Đau xót như tiếng nức nở nghẹn ngào, đau xót khi nghe tin Lượm hi sinh. + Câu hỏi tu từ như xoáy sâu vào lòng người đọc nỗi buồn đau nhức buốt, nhà thơ bàng hoàng như không muốn tin vào sự thật nghiệt	Lượm còn sống mãi trong tâm trí nhà thơ, còn mãi với cuộc đời.
Nghệ thuật khổ thơ cuối cùng lặp		

lại hình ảnh Lượm. Điều đó có ý nghĩa gì trong bộc lộ cảm nghĩ nhà thơ. Trong 2 đoạn thơ này, tác giả đã thay đổi cách xưng hô . Tìm từ xưng hô ấy và phân tích tác dụng của sự thay đổi cách gọi này đối với việc biểu hiện thái độ, quan hệ tình cảm của tác giả với Lượm? **ĐÁNH GIÁ, KHÁI QUÁT** **?** Em nhận thức được gì về nghệ thuật thơ ca từ bài Lượm? **? Em cảm nhận được gì về nội dung bài thơ?**	ngã Lượm đã hy sinh. - Khổ cuối: Điệp khúc , nối tiếp một cách hợp lí, trả lời cho câu hỏi tu từ trên ⇒ khẳng định Lượm sẽ sống mãi cùng thời gian, trong lòng nhà thơ, trong tình thương nhớ, cảm phục của đồng bào Huế, trong chúng ta và các thế hệ mai sau. => Khắc ghi mãi hình ảnh một chú bé hồn nhiên, vui tươi, nhí nhảnh trong lòng độc giả. => Ước vọng về một cuộc sống hòa bình để trẻ em mãi được hồn nhiên, vui tươi. - Xưng hô: chú -> đồng chí-> chú + Chú -Lần đầu: quan hệ gắn bó thân mật giữa Lượm và người kể chuyện. + "đồng chí" ->Trân trọng như một người bạn chiến đấu. + Chú – khi miêu tả Lượm hi sinh nằm trên đồng -> Cách xưng hô thân thiết , trìu mến. **1- Nghệ thuật:** - Trong thơ có thể kết hợp miêu tả + biểu cảm. - Thể thơ 4 tiếng, gieo vần cuối câu. - Có thể dùng nhiều từ láy và cầu trúc câu đặc biệt gợi hình biểu cảm. **2- Nội dung ý nghĩa:** Khắc họa hình ảnh đẹp của một em bé liên lạc. - Biểu hiện tình cảm quí mến và cảm phục của tác giả. - Ước vọng hòa bình cho trẻ em.	**III.Ghi nhớ/sgk/77.**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, chia sẻ
*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm,.
*** Kĩ thuật:** Động não, hợp tác.
*** Thời gian:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
*** Dạy học lồng ghép:** Kể chuyện về những tấm gương mưu trí, dũng cảm của thiếu niên Việt Nam trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm. ? Kể tên tấm gương anh hùng nhỏ tuổi trong chiến đấu mà em biết **?** Em có suy nghĩ gì về tuổi trẻ chúng mình?	-Kim Đồng, Vừ A Dính, Lê Văn Tám - HS phát biểu	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG
*** Mục tiêu:**
- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo
*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
*** Thời gian:1'**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về chú bé Lượm qua bài thơ cùng tên của Tố Hữu.	(Các hoạt động của HS: + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, trình bày....)	

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG
*** Mục tiêu:**
- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo
*** Phương pháp:** Dự án
*** Kỹ thuật:** Giao việc
*** Thời gian:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Tìm đọc những bài thơ của Tố Hữu ?Vẽ sơ đồ tư duy	(Các hoạt động của HS: + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, trình bày....)	

Bước 4: Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà
1.Bài cũ
-Học thuộc lòng 2 bài thơ , làm bài tập vận dụng
-Qua bài thơ, em cảm nhận được gì về chú bé liên lạc Lượm?
- Em học tập được gì về nghệ thuật miêu tả cảnh của nhà thơ TĐK qua bài thơ Mưa?

- Tìm đọc tập thơ của TĐK

2.Bài mới: Mưa.

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	**MƯA** **Trần Đăng Khoa**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Nét đặc sắc của bài thơ : sự kết hợp giữa bức tranh thiên nhiên phong phú, sinh động trước và trong cơn mưa rào cùng tư thế lớn lao của con người trong cơn mưa .
- Tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản

2. Kỹ năng:

- Đọc - Hiểu bài thơ có sự kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.
- Trình bày những suy nghĩ về thiên nhiên, con người nơi làng quê Việt Nam sau khi học xong văn bản .

3. Thái độ:

- Yêu quê hương đất nước, con người Việt Nam

4. Năng lực cần phát triển qua bài học:

+ Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Tự học - Tư duy.
+ Năng lực về quan hệ xã hội: Giao tiếp – hợp tác
+ Năng lực công cụ: Sử dụng nguồn tài nguyên Internet (công nghệ thông tin – Khai thác tài nguyên) – phát triển vốn từ vựng – sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt chuẩn
+Năng lực chuyên biệt: Giải quyết vấn đề, sáng tạo, cảm thụ

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án, sgk, tài liệu tham khảo, bài giảng điện tử

2. Chuẩn bị của học sinh

Vở ghi, bài soạn

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1. Ổn định tổ chức.

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ, ...

Bước 2. Kiểm tra bài cũ:

Kiểm tra việc chuẩn bị bài cảu hs

Bước 3. Tổ chức dạy học bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu : Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp

- Phương pháp: Quan sát, vấn đáp, thuyết trình

- Kỹ thuật: động não

- Thời gian: 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Giới thiệu: Con người và cảnh vật trong thế giới thơ của Trần Đăng Khoa...	**Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình** - Nghe, suy nghĩ, trao đổi - 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới	**Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình**

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu** :

- Hs biết được thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.
- Hs hiểu được các giá trị ND, NT của văn bản.
- Định hướng phát triển năng lực tự học, giao tiếp, chia sẻ và năng lực cảm thụ tác phẩm truyện ....

*** Phương pháp:** Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình, phân tích, thảo luận nhóm.

*** Kỹ thuật:** Động não, giao việc,

*** Thời gian:10'**

Hoạt động của thầy	Hoạt động trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Cho 3 HS đ ? Nêu vắn tắt sự hiểu biết của em về nhà thơ Trần Đăng Khoa và hoàn cảnh ra đời bài thơ **Mưa**.? ? Tìm hiểu về thể thơ, nhịp điệu của bài thơ ? Có gì đặc biệt.? ? Bài thơ tả cảnh gì? **?** Bài thơ miêu tả cơn mưa theo trình tự nào ? Dựa vào trình tự miêu tả đó, chia bố cục bài thơ? **?** Cảnh tượng cơn mưa được tác giả miêu tả theo trình tự nào? ? Bức tranh thiên nhiên lúc trời sắp đổ mưa được tác giả miêu tả qua những sự vật nào ? **?** Tìm những nét tiêu biểu về hình dáng hoạt động của sự vật trước cơn mưa ? **?** Nét nghệ thuật nổi bật	3 HS đọc diễn cả - Thể thơ tự do với câu thơ ngắn (phần lớn là 2 tiếng) nhịp nhanh, dồn dập diễn tả từng đợt dồn dập của cơn mưa rào mùa hạ, ít vần chủ yếu là vần cách - Bài thơ tả cảnh thiên nhiên, cảnh trận mưa rào mùa hạ ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. - Từ đầu... trọc lốc: Quang cảnh lúc sắp mưa. - Tiếp... cây lá hả hê: Cảnh trong cơn mưa - Còn lại: Hình ảnh con người trong cơn mưa -DHs dựa vào sgk trình bày. (Trước mưa, trong cơn mưa) HS chia 2 nhóm lớn, mỗi nhóm tìm hiểu một thời điểm - Mối trẻ, mối già - Ông trời/ mặc áo giáp đen ra trận. - Kiến hành quân - Cây mía, múa gươm ... - Nhóm cử đại diện trình bày (Cảnh những đám mây đen che phủ bầu trời như áo giáp, múa gươm, kiến hành quân) =>So sánh, nhân hóa (Tàu dừa	**I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH** **1. Tác giả** - Trần Đăng Khoa: sinh 1958, quê ở huyện Nam Sách, Hải Dương có năng khiếu thơ nảy nở rất sớm 7 tuổi. **2. Tác phẩm** **a. Xuất xứ** - Bài " Mưa" sáng tác năm 1967 rút từ tập " Góc sân và khoảng trời" **b. Chú thích** **c. Bố cục** 3 phần **d. Thể loại và ptbđ** Thể loại: thơ tự do Ptbđ: Miêu tả + BC **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN** 1**- Cảnh vật thiên nhiên lúc trời sắp mưa** - Nhân hóa, tạo cảnh tượng một cuộc ra trận dữ dội với khí thế mạnh mẽ khẩn tr-ương của đoàn quân. - Sự quan sát tinh nhạy + sự tưởng tưởng và khả năng liên tưởng mạnh mẽ của nhà thơ.

trong khổ thơ trên ? Chỉ ra cái hay, cái độc đáo trong phép NT đó? **?** Phép nhân hoá được sáng tạo ở một nhà thơ tuổi thiếu niên nhờ vào yếu tố nào ?	như cánh tay sải rộng... ngọn mùng tơi lòng tràn ngập niềm vui) => Động từ mạnh => mưa to dữ dội ⇒ từng sự vật đều được tả chính xác ở nét nổi bật nhất, rất phù hợp với chúng kể cả về hình dáng và trong hoạt động.	
- Cho HS đọc thầm đoạn 2 **?** Mở đầu trận mưa rào tác giả miêu tả những hiện tượng gì ? **?** Tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào ? ý nghĩa ?	- Sấm - Chớp - Cảnh vật hả hê như được mưa tắm mát - Mưa ù ù như xay lúa -HS phát hiện (cảnh - người) HS: lối ẩn dụ, khoa trương	**2- Cảnh vật thiên nhiên trong cơn mưa** - Sấm - Chớp - Cảnh vật hả hê như được mưa tắm mát - Mưa ù ù như xay lúa -> So sánh, nhân hóa Động từ mạnh -> mưa to dữ dội ⇒ từng sự vật đều được tả chính xác ở nét nổi bật nhất, rất phù hợp với chúng kể cả về hình dáng và trong hoạt động.
? Gần hết bài thơ chỉ miêu tả thiên nhiên đến cuối bài thơ mới xuất hiện hình ảnh con người được đặt trong sự t-ương phản thế nào ? **?** Biện pháp nghệ thuật (ẩn dụ) **?** Em nhận xét ý nghĩa của hình ảnh đó ? (Tư thế con người bao trùm tất cả	=> dựng lên hình ảnh con ngươì có tầm vóc lớn lao và tư thế hiên ngang,	**3- Hình ảnh con người trong cơn mưa** -> Hình ảnh được xây dựng theo lối ẩn dụ, khoa trương => dựng lên hình ảnh con ngươì có tầm vóc lớn lao và tư thế hiên ngang, sức mạnh to lớn có thể sánh với thiên nhiên vũ trụ.
ĐÁNH GIÁ, KHÁI QUÁT **?** Nêu nghệ thuật nổi bật và nhịp điệu bài thơ ? **?** Cảm nhận của em về giá trị nội dung ? **?** Cảm nhận thiên nhiên của TĐK qua bài thơ ntn?		**III. Ghi nhớ/sgk/81**

Bước 4: Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà

1.Bài cũ

-Học thuộc lòng 2 bài thơ , làm bài tập vận dụng
-Qua bài thơ, em cảm nhận được gì về chú bé liên lạc Lượm?
- Em học tập được gì về nghệ thuật miêu tả cảnh của nhà thơ TĐK qua bài thơ Mưa?
- Tìm đọc tập thơ của TĐK
2.Bài mới : Soạn bài Hoán dụ.
So sánh điểm giống và khác giữa ẩn dụ và hoán dụ

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**HOÁN DỤ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1-Kiến thức :

- Khái niệm hoán dụ, các kiểu hoán dụ .
- Tác dụng của phép hoán dụ .

2-Kĩ năng :

- Nhận biết và phân tích được ý nghĩa cũng như tác dụng của phép hoàn dụ trong thực tế sử dụng tiếng Việt .
- Bước đầu tạo ra một số kiểu hoàn dụ trong viết và nói .

*** Tích hợp kĩ năng sống:**

- Ra quyết định lựa chọn sử dụng các phép tu từ hoán dụ phù hợp với thực tiễn giao tiếp.
- Giao tiếp: trình bày suy nghĩ, ý tưởng, thảo luận và chia sẻ những kinh nghiệm cá nhân về cách sử dụng phép tu từ hoán dụ.

3-Thái độ: có ý thức sử dụng các phép tu từ hoán dụ phù hợp với thực tiễn giao tiếp.

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

+ Năng lực làm chủ và phát triển bản thân
- Năng lực tự học
- Năng lực giải quyết vấn đề

+ Năng lực xã hội:
- Năng lực giao tiếp
- Năng lực hợp tác

+ Năng lực chuyên biệt: kĩ năng sử dụng phép tu từ hoán dụ trong giao tiếp; cảm thụ vẻ đẹp của các hình ảnh hoán dụ trong văn chương…...

II. CHUẨN BỊ :

1. ChuẨN bị của giáo viên

+ Soạn bài
+ Đọc sách giáo viên và sách bài soạn.
+ Bảng phụ viết VD

2. **Chuẩn bị của học sinh**

Soạn bài, tra từ điển Tiếng Việt các từ cần dùng trong bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: Ổn định tổ chức (1').

Bước 2. Kiểm tra bài cũ

* **Mục tiêu:** Kiểm tra việc học bài ở nhà và chuẩn bị bài mới của học sinh.

* **Thời gian:** 5'.

*** Phương án:** Kiểm tra trước khi vào tìm hiểu bài mới

1. Hãy tìm ẩn dụ trong câu ca dao sau và nêu ý nghĩa cảu ẩn dụ đó?

Con cò ăn bãi rau răm
Đắng cay chịu vậy, đãi đằng cùng ai?

Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp

* **Phương pháp:** Thuyết trình.

*** Kỹ thuật :** Động não.

* **Thời gian:** 1'.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của	Chuẩn KTKN cần đạt

	trò	
Tiết học trước các em đã được học về biện pháp ẩn dụ và các kiểu ẩn dụ. Trong tiết học ngày hôm nay, cô trò chúng ta cùng nhau tìm hiểu thêm một biện pháp nữa đó chính là hoán dụ. Vậy hoán dụ là gì và được thực hiện bằng những cách nào? Tiết học ngày hôm nay sẽ trả lời câu hỏi đó.	Cả lớp lắng nghe chú ý, nhập vào bài học	- Kĩ năng nghe, chú ý - Có thái độ tích cực xây dựng trong bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:** Phân tích VD, rút ra nội dung kiến thức cần ghi nhớ - Định hướng phát triển năng lực tự học, giao tiếp, chia sẻ và năng lực

*** Thời gian:** 17- 20 phút.

*** Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật:** Động não.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
		I. TÌM HIỂU BÀI **1. Hoán dụ là gì :**
- GV treo bảng phụ có ghi ví dụ ở sgk/82 và gọi HS đọc. **? Hình ảnh "Áo nâu" và "Áo xanh" ở đây dùng để chỉ ai?** **? Dựa vào đâu mà em biết "áo nâu" chỉ người nông dân và "áo xanh" chỉ người công nhân ?** - Gọi HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, kết luận. - GV giảng: Như vậy người nông dân thường mặc áo nâu nên dùng áo nâu để chỉ nông dân và công nhân thường mặc áo xanh khi làm việc nên dùng áo xanh để chỉ người công nhân. Cách nói như vậy là dựa vào dấu hiệu của sự vật để chỉ sự vật. **? Hình ảnh "nông thôn", "thị thành" dùng để chỉ những ai ?** **? Dùng từ " nông thôn" để chỉ "những người sống ở nông thôn" và dùng từ "thị thành" để chỉ "những người sống ở thành thị", vậy theo em vật nào là vật chứa đựng, vật nào**	- Quan sát và đọc ví dụ. - HS trả lời: + Áo nâu → những người nông dân + Áo xanh → những người công nhân. - HS giải thích: Vì người nông dân thường mặc áo nâu. Người công nhân thường mặc áo xanh khi làm việc. - Nhận xét, bổ sung. - Nghe. - Nghe. - HS trả lời: + "nông thôn" → người sống ở nông thôn +"Thị thành" → người sống ở thành thị - HS trả lời: + "nông thôn", "thành thị" là vật chứa đựng.	**a. Ví dụ/sgk/82** - Mối quan hệ gần gũi.

là vật bị chứa đựng ? - GV giảng: Cách nói như vậy là dựa vào quan hệ giữa vật chứa đựng (nông thôn, thị thành) với vật bị chứa đựng (những người sống ở nông thôn, những người sống ở thành thị). Như vậy giữa những sự vật này có quan hệ gần gũi với nhau.Cách nói như vậy gọi là hoán dụ. **? Vậy em hiểu hoán dụ là gì?** **Có thể nói thêm rằng:** Hoán dụ là cách chuyển đổi lâm thời tên gọi ở đối tượng này sang biểu thị một đối tượng khác, dựa trên mối quan hệ khách quan, vật chất hoặc logic có tính chất gần gũi nhau giữa hai sự vật (Vì vậy, nói chung, có bao nhiêu mối quan hệ thì có thể có bấy nhiêu phương thức hoán dụ nhỏ). - GV nhận xét, chốt ý, ghi bảng. - GV ghi ví dụ sau lên bảng: Ví dụ: Mồ hôi mà đổ xuống đồng / Lúa mọc trùng trùng sáng cả đồi nương. "Vì sao? Trái đất nặng ân tình Nhắc mãi tên người Hồ Chí Minh." **? Chỉ ra phép hoán dụ trong câu thơ trên ?** * Gợi ý: Phép hoán dụ thể hiện ở từ ngữ nào ? - Trái đất(vật chứa đựng) biểu thị: "đông đảo những người sống trên trái đất" (vật bị chứa đựng). - GV treo bảng phụ ghi 2 cách diễn đạt sau: (1) Nông dân cùng với công	+ "những người sống ở nông thôn", "những người sống ở thành thị" là vật bị chứa đựng. - Hoán dụ là gọi tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó. - Nghe, ghi bài. - "Mồ hôi" chỉ sức lao động của con người. - HS trả lời. - HS trả lời: + Cách (1) là cách diễn đạt của câu văn xuôi thông báo sự kiện. + Câu thơ của Tố hữu (Cách 2) hay hơn vì cách diễn đạt ngắn gọn, mang tính gợi hình,	**b. Nhận xét.** Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó .

nhân, những người sống ở nông thôn với những người sống ở thành thị đứng lên. (2)"Áo nâu liền với áo xanh… đứng lên". **? Hãy so sánh hai cách diễn đạt trên ?** *** Gợi ý:** Cách diễn đạt nào hay hơn ? Vì sao? - GV nhận xét, kết luận: Cách dùng như câu thơ của Tố Hữu ngắn gọn, tăng hình ảnh và hàm súc cho câu văn, nêu bật được đặc điểm của người được nói đến. **? Vậy hoán dụ có tác dụng gì ?** - GV: Bổ sung, chốt kiến thức. - Gọi hs đọc ghi nhớ sgk/82. - Giáo dục HS ý thức dùng phép hoán dụ trong nói, viết. - GV: Quay lại ví dụ ta vừa phân tích ở trên, sở dĩ nhà thơ Tố Hữu dùng từ "Áo nâu" để chỉ những người nông dân, " Áo xanh" chỉ những người công nhân là đã dựa vào dấu hiệu của sự vật để gọi tên sự vật. Từ đó ta có kiểu hoán dụ là lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật. - Ngoài ra tác giả còn lấy vật chứa đựng (nông thôn, thị thành) để gọi vật bị chứa đựng (những người sống ở nông thôn, những người sống ở thành thị). **? Dựa vào quan hệ như vậy, ta cónhững kiểu hoán dụ nào ?** - GV nhận xét, kết luận. - GV treo bảng phụ ghi ví dụ: a/ **Bàn tay ta** làm nên tất cả Có sức người sỏi đá cũng thành cơm. b/**Một** cây làm chẳng nên non.	gợi cảm hơn. - Làm cho câu văn, câu thơ có sức gợi hình, gợi cảm. - Theo dõi. - Đọc ghi nhớ sgk/82. - Nghe, nhớ. - Thực hiện theo yêu cầu: - Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật. - Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng. - "Bàn tay" dùng để chỉ người lao động. - Quan hệ bộ phận – toàn thể. - Lấy một bộ phận để gọi toàn thể. (Ví dụ: **Đầu**	- Tác dụng làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. **2. Các kiểu hoán dụ:** **a. Ví dụ/sgk/82-83** **b. Nhận xét** Có các kiểu hoán dụ **- Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật:** **- Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng:** **- Lấy một bộ phận để gọi toàn thể:** **- Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.**

Ba cây chụm lại thành hòn núi cao. + **Hình ảnh " bàn tay" trong câu (a) dùng để chỉ ai ?** **- GV:** Bàn tay là một bộ phận trong cơ thể con người được dùng thay cho người lao động nói chung. **? Vậy giữa hai sự vật này có quan hệ với nhau như thế nào ?** **? Vậy ta có thêm kiểu hoán dụ nào nữa ?**	**xanh** có tội tình gì/ **Má hồng** đến quá nửa thì chưa thôi **-** Nguyễn Du + **Đầu xanh**: con người ở độ tuổi trẻ trung, tuổi trẻ, thanh niên. + **Má hồng**: người con gái đẹp, người đàn bà sống kiếp lầu xanh. =>Biểu thị tình cảm nuối tiếc của tác giả gây ấn tượng cho người đọc đối với nàng Kiều.	
? Từ "Một" và "ba" trong câu (b) thuộc từ loại gì mà ta đã học ? - GV: Đây là những số từ chỉ số lượng rất cụ thể. **? Vậy từ "một" và "ba" trong câu ca dao cóý nghĩa gì ?** * Gợi ý: Có chỉ số lượng cụ thể không ? - GV: "Một", "ba"- số lượng cụ thể được dùng thay cho "số ít" và " số nhiều" nói chung. Ít cây, nhiều cây là những sự vật trừu tượng không hình dung rõ là bao nhiêu. **? Từ đó, ta có kiểu hoán dụ nào ?**	- Số từ. - một : chỉ số ít(cá nhân) ba: chỉ số nhiều (tập thể) → không chỉ số lượng cụ thể. - Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng. - Nhận xét, bổ sung. - Nghe.	
- Gọi HS nhận xét, bổ sung. - GV khẳng định và chốt kiến thức. - Gọi HS đọc ghi nhớ ở SGK. - Cho HS thảo luận nhóm : **? Hoán dụ có gì giống và khác với ẩn dụ ?**	- Đọc ghi nhớ ở SGK /83. - Thảo luận, cử đại diện trả lời: * Giống nhau: + Gọi tên sự vật hiện tượng nay bằng tên sự vật hiện tương khác. + Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. * Khác nhau: + Ẩn dụ dựa vào quan hệ tương đồng. + Hoán dụ dựa vào quan hệ	

	tương cận.	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu: Vận dụng kiến thức để làm bài tập**

*** Thời gian**: 15- 17 phút.

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

*** Kỹ thuật:** Động não, khăn trải bàn, giao việc, chia nhóm, bản đồ tư duy...

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
♣ Bài tập 1: -Gọi HS đọc đề và xác định yêu cầu của bài tập1 sgk/84. - GV cho HS thao luận nhóm trong 4 phút : + Nhóm 1+2 : Câu a + Nhóm 3+4 : Câu b + Nhóm 5+6 : Câu c - Gọi HS trình bày . - Gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, treo bảng phụ có ghi kết quả bài tập. (Bổ sung ở phần rút kinh nghiệm).	- HS đọc - Làm việc theo nhóm - thống nhất trong nhóm, thống nhất trong cả lớp - Làm việc độc lập - Nhận xét và sửa	a) Làng xóm – người nông dân → quan hệ vật chứa đựng với**.** b) Mười năm, trăm năm – thời gian trước mắt, thời gian lâu dài → quan hệ giữa cái cụ thể, cái trừu tượng**.** c) Áo chàm – người Việt Bắc → quan hệ giữa dấu hiệu của sự vật với sựu vật d) Trái đất - Người (Nhân loại) quan hệ giữa vật chứa đựng và vật bị chứa đựng

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng HD

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài tập **Hãy đặt 4 câu tương ứng với 4 kiểu hóa dụ đã học** ***Lưu ý: Có thể hướng dẫn HS về nhà thực hiện**	(Các hoạt động của HS: + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, trình bày....)**HS về nhà thực hiện**	Bài tập - Một vai chị gánh vác ả gia đình -> lấy 1 bộ phận để gọi toàn thể - cả nhà ai cũng vui mừng khi Lan được giải nhất -> láy vật chứa đựng đẻ gọi vật bị chứa đựng - Phe tóc dài của lớp cuối cùng đã chiến thắng -> Lấy dấu hiệu cảu sự vật để gọi sự vật - Sau 1 năm không gặp mà thấy suy nghĩ của nó chín chắn hơn hẳn -> Lấy cái cụ thể để gọi csi trừu tượng

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Sưu tầm những câu văn trong các văn bản đã học và đọc thêm ; trong đời sống hang ngày những câu văn có sử dụng phép hoán dụ *** Lưu ý: Hướng dẫn HS về nhà thực hiện**	(Các hoạt động của HS: + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, trình bày....)	Bài tập 3 ..... Kiến thức trọng tâm của bài

Bước 4: Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà

1.Bài cũ:

Viết đoạn văn ngắn, 3-5 câu, tả lại không khí giờ ra chơi trên sân trường, trong đoạn văn có sử dụng một hình ảnh hoán dụ.

2. Bài mới: Tập làm thơ bốn chữ

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1-Kiến thức :

- Một số đặc điểm của thể thơ bồn chữ .
- Các kiểu vần được sử dụng trong thơ nói chung và thơ bốn chữ nói riêng

2-Kĩ năng :

- Nhận diện được thể thơ bốn chữ khi đọc và học thơ ca .
- Xác định được cách gieo vần trong bài thơ thuộc thể thơ bốn chữ .
- Vận dụng những kiến thức về thể thơ bồn chữ vào việc tập làm thơ bồn chữ

*** Tích hợp môi trường sống:**

- làm thơ bốn chữ có chủ đề về môi trường sống; trật tự an toàn giao thông

3-Thái độ: yêu thích thơ văn, có ý thức vận dụng kiến thức về đặc điểm thơ bốn chữ vào việc làm thơ.

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực tự học
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực giao tiếp
- Năng lực hợp tác
- Năng lực chuyên biệt: kĩ năng sử dụng ngôn ngữ trong sáng tác văn chương; cảm thụ vẻ đẹp của các hình ảnh nghệ thuật sáng tạo…...

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án, sgk, tài liệu tham khảo

2. Chuẩn bị của học sinh

Bài soạn

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

*** Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Ở những tiết học trước chúng ta đã được làm quen với các bài thơ 4 chữ,.Để sáng tác được một bài thơ hay chúng ta phải nắm vững đặc điểm của thể thơ...	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	**Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình**

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu: Tìm hiểu đặc điểm thơ 4 chữ**

*** Thời gian:** 17- 20 phút.
*** Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.
*** Kỹ thuật:** Động não.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
H- Ngoài bài thơ Lượm, em còn biết thêm bài thơ, đoạn thơ bốn chữ nào khác? Hãy nêu và chỉ ra những chữ cùng vần với nhau trong bài thơ đó?	- cho 3 HS đọc đoạn thơ, bài thơ - HS trả lời	**I. TÌM HIỂU BÀI** **1. Tìm hiểu ví dụ:** Những chữ cùng vần trong bài thơ Lượm: Máu - cháu, về - bè, loắt choắt - xắc - thoăn thoắt, nghênh nghênh - lệch, vang - vàng, mí - chí, quân - dần - à - cá - nhà.. **2. Đặc điểm cơ bản của thể thơ bốn chữ:** - Mỗi câu gồm bốn tiếng.
Cho HS thảo luận về đặc điểm thể thơ 4 chữ: - Số tiếng trong câu? Số câu? - Nhịp thơ - Thích hợp với hình thức nào trong thơ? - Vần lưng - Vần chân - Gieo vần liền - Gieo vần cách **GV kết hợp, lấy VD để HS phân tích**	- HS trao đổi cặp trong hai phút -HS phân tích một đoạn thơ mẫu	- Số câu trong bài không hạn định, các khổ trong bài được chia linh hoạt tuỳ theo nội dung hoặc cảm xúc. - thích hợp với kiểu vừa kể chuyện vừa miêu tả (về đồng dao, về hát du, ví dặm...) - Nhịp 2/3, chẵn đều - Vần: kết hợp các kiểu vần: chân, lưng, bằng trắc, liền cách. +Vần lưng:Còn gọi là yêu vận ,được gieo vào giữa dòng thơ VD:Lạy trời mưa xuống Lấy nước tôi uống Lấy ruộng tôi cày Lấy đầy bát cơm Lấy rơm đun bếp +Vần chân:Còn gọi là cước vận được gieo vào cuối dòng thơ có đánh dấu sự kết thúc của dòng thơ +Gieo vần liền: Khi các câu thơ có vần liên tiếp nhau VD: Nghé hàng nghé hẹ Nghé chẳng theo mẹ Thì nghé theo đàn Nghé chớ đi càn Kẻ gian nó bắt (Đồng dao) +Gieo vần cách VD:Cháu đi đường cháu Chú lên đường ra... (Tố Hữu) +Gieo vần hỗn hợp :Gieo vần không theo thứ tự nào VD: Chú bé loắt choắt * Phân tích một đoạn thơ mẫu: Chú bé/ loắt choắt (Vần liền, trắc- VL, T) Cái xắc/ xinh xinh (VL,T - VL, B)

		Cái chân/ thoăn thoắt (VL, C, T) Cái đầu/ nghênh nghênh (VC , B) Ca lô đội/ lệch (VL, B) Mồm huýt /sáo vang Như con/ chim chích (VC, T) Nhảy trên/ đường vàng (VC , B **II. GHI NHỚ/SGK/**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

*** Mục tiêu: Củng cố kiến thức làm bài tập**

*** Thời gian**: 15- 17 phút.

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

*** Kỹ thuật:** Động não, khăn trải bàn, giao việc, chia nhóm, bản đồ tư duy...

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt
- Cho HS đọc bài thơ đã chuẩn bị sẵn ở nhà và tự phân tích nhịp thơ đó? - Cho HS thảo luận trong nhóm 4 em, chọn 1 bài thơ hay nhất đọc. - GV cho HS nhận xét chung, sửa chữa những sai sót về vần, chữ. GV tổ chức cho HS trò chơi đố vui: Đây là ai? Bằng những bài thơ 4 chữ. **Bài 2**. GV cho HS tự ra quyết định chọn đề tài	- HS làm theo yêu cầu của GV HS chơi đố vui HS quyết định chọn đề tài/ - HS đọc bài -Lớp sửa chữa - bình những câu hay, giàu ý nghĩa của bạn.	**Bài 1**: Tập làm thơ - đề tài hướng về 8/3 VD: Mùng tám tháng ba Em ra thăm vườn Chọn một bông hoa Xinh tươi, tặng bà (cô / mẹ…) *** Đố vui:** Đây là ai? **Bài 2:** Tập làm một bài thơ bốn chữ với độ dài không quá 10 câu, đề tài: Nhóm a: Môi trường Nhóm b: trật tự an toàn giao thông

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:1'**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
-Làm thơ 4 chữ theo đề tài , nhà trường, cảnh vật, mùa xuân, hạ, thu, đông...	(Các hoạt động của HS: + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, trình bày....)	XUÂN ĐẾN Xuân đến hoa nở Hương tỏa khắp nơi Vạn vật phơi phới Mơ ước niềm vui. (29/2/2016) HÈ VỀ

		Tháng tư hè về Trên cành phượng vĩ Hoa nở đỏ trường. Học trò vui sướng Đón mùa hè sang Rong ruổi muôn nơi Tạm biệt mái trường Xa thầy, xa bạn Vui buồn vấn vương.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
-Tìm đọc thêm một số bài thơ 4 chữ hay và viết cảm xúc về bai thơ đó.	(Các hoạt động của HS: + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, trình bày....)	-Trình bày và nêu cảm xúc.

Bước 4: Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà

1. Hướng dẫn HS học bài: - Nhớ đặc điểm của thể thơ bốn chữ.

- Nhớ một số vần cơ bản. - Nhận diện được thể thơ bốn chữ.

- Sưu tầm một số bài thơ được viết theo thể thơ này hoặc tự sáng tác thêm các bài thơ bốn chữ.

2. Hướng dẫn Hs chuẩn bị trước bài:

- Chuẩn bị bài "Cô Tô" – Trả lời các câu hỏi.

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	**CÔ TÔ** **Nguyễn Tuân**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Hiểu được vẻ đẹp của đất nước ở một vùng biển đảo.
- Hiểu được tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản từ đó vận dụng trong quá trình tạo lập văn bản và cảm hiểu văn chương.

2. Kỹ năng

- Biết đọc - hiểu văn bản ký có yếu tố miêu tả một cách diễn cảm.
- Biết trình bày suy nghĩ cảm nhận của bản thân về vùng đảo Cô Tô sau khi đọc xong văn bản..

*** Tích hợp với môi trường sống:**

- Có ý thức bảo vệ giữ gìn biển đảo quê hương

3. Thái độ

- Giáo dục tình cảm yêu mến một vùng đất của tổ quốc - quần đảo Cô Tô.

4. Các năng lực cần hướng đến cho hs

- Năng lực làm chủ và phát triển bản thân

+ Năng lực tự học

+ Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực xã hội:

+ Năng lực giao tiếp

+ Năng lực hợp tác

+ Năng lực chuyên biệt:Đọc – hiểu văn bản; cảm thụ vẻ đẹp của các hình ảnh nghệ thuật trong văn chương…...

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên.

- Soạn giáo án theo chuẩn kiến thức kỹ năng.
- Tham khảo sách giáo viên, sách bình giảng Ngữ văn 6.
- Máy chiếu, tư liệu về Cô Tô.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc và trả lời các câu hỏi trong mục đọc hiểu văn bản.
- Bảng phụ nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: Ổn định tổ chức lớp

- Giáo viên kiểm tra sĩ số, nhắc nhở khâu tổ chức.

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

1. Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài thơ **Lượm**? Hình ảnh nào trong bài thơ làm em cảm động nhất? Vì sao?
2. Hình ảnh Lượm trong đoạn thơ đầu và đoạn thơ thứ hai có gì giống và khác nhau?

Bước 3. Tiến trình tổ chức các hoạt động

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho học sinh trước khi vào giờ học.

*** Thời gian:** 1 phút

*** Phương pháp:** Thuyết trình

*** Kĩ thuật** : động não

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN đạt

GV : Sau một chuyến tham quan chòm Cô Tô 17 đảo xanh, trong vịnh Bắc Bộ nhà văn Nguyễn Tuân viết bút kí. Tuỳ bút Cô Tô nổi tiếng, bào văn khá dài, tả cảnh thiên nhiên, biển đảo trong giông bão, trong bình minh và trong sinh hoạt hàng ngày của bà con trên đảo. Đoạn trích ở gần cuối bài, tái hiện một cảnh sớm bình thường trên biển và đảo Thanh Luân.	HS nghe	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:**

- Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp của đất nước ở một vùng biển đảo. Tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật.
- Rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản ký có yếu tố miêu tả.

*** Thời gian dự kiến:** 35 - 37 phút.

*** Phương pháp**: Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình, bình giảng.

*** Kỹ thuật**: Động não,

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN đạt
-Gọi HS đọc chú thích * / SGK 90. **Trình bày những nét chính về Nguyễn Tuân ?** - GV bổ sung: Qua các tác phẩm của mình, Nguyễn Tuân thường bộc lộ một vốn hiểu biết phong phú, nhiều mặt và kĩ càng về đời sống, về thiên nhiên đất nước. + Được xem là bậc thầy về ngôn ngữ, một nghệ sĩ tinh tế và tài hoa trong việc phát hiện, sáng tạo cái đẹp. + Cách nhìn thế giới và đời sống của nhà văn là một cách nhìn luôn thiên về thẩm mỹ và văn hóa. **? Giới thiệu đôi nét về tác phẩm?** - GV giải thích thêm một số từ khó. ? Em có nhận xét gì về bức tranh minh hoạ trong SGK? - GV: **Bức tranh minh hoạ toàn cảnh Cô Tô trong trẻo, sáng sủa nhưng chưa tả được các sắc màu cụ thể như lời nhà văn Nguyễn Tuân.**	- Đọc. - Dựa theo chú thích * ở SGK để giới thiệu. - Nghe, nhớ. Đoạn trích ở phần cuối của bài kí **Cô Tô** - Tác phẩm ghi lại những ấn tượng về thiên nhiên, con người lao động ở vùng đảo Cô Tô mà nhà văn thu nhận được trong chuyến ra thăm đảo.	**I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH** **1. Tác giả** Nguyễn Tuân (1910 – 1987) - Quê: Hà Nội. - Là nhà văn có tài năng lớn và độc đáo. - Sở trường: về thể tuỳ bút và kí. - Các t/p luôn thể hiện p/cách độc đáo, tài hoa, sự hiểu biết phong phú nhiều mặt và vốn ngôn ngữ giàu có, điêu luyện. **2. Tác phẩm** **a. Xuất xứ** Đoạn trích ở phần cuối của bài kí **Cô Tô** **b. Chú thích**

? Bài văn có thể chia làm mấy đoạn? Nêu nội dung chính của mỗi đoạn? ? Văn bản thuộc thể loại và ptbđ nào?	a) Từ đầu đến "ở đây" - Toàn cảnh Cô Tô một ngày sau bão (Điểm nhìn miêu tả: trên nóc đồn biên phòng Cô Tô). b) Từ "Mặt trời" đến "nhịp cánh": Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô (vị trí: Nơi đầu mũi đảo). c) Phần còn lại: Cảnh buổi sớm trên đảo Thanh Luân (vị trí từ cái giếng nước ngọt ở rìa đảo).	**c. Bố cục** - Bố cục: 3 phần. **d. Thể loại và ptbđ** Thể loại: Kí Ptbđ: Miêu tả
- Yêu cầu hs đọc thầm đoạn văn 1 và trả lời câu hỏi: **? Vẻ đẹp trong sáng của đảo Cô Tô sau khi trận bão đi qua đã được miêu tả thông qua những chi tiết nào?** **? Ở đây lời văn miêu tả có gì đặc sắc về cách dùng từ ?** - GV giảng:Dùng các tính từ gợi tả sắc màu vừa tinh tế vừa gợi cảm: Tính từ vàng giòn tả đúng sắc vàng khô của cát biển, một thứ sắc vàng có thể tan ra được. Đó là sắc vàng riêng của Cô Tô trong cảm nhận của tác giả...; Dùng cách nói ẩn dụ: Nước biển: đậm đà; Cát: vàng giòn → ẩn dụ chuyển đổi cảm giác… **? Theo em tác giả đứng ở vị trí nào để quan sát quan cảnh Cô Tô? Tác dụng?** **? Qua cái nhìn đó cho em thấy cảnh Cô Tô sau khi trận bão đi qua có vẻ đẹp như thế nào?** **? Tác giả đã có cảm nghĩ gì khi**	- Đọc thầm và trả lời câu hỏi: - Sau cơn bão: + Bầu trời trong trẻo và sáng sủa. + Cây cối thêm xanh mượt. + Nước biển lam biếc, đậm đà. + Cát vàng giòn hơn. + Lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi. - Dùng các tính từ gợi tả sắc màu vừa tinh tế vừa gợi cảm (trong trẻo, sáng sủa, xanh mượt, lam biếc, vàng giòn, đậm đà), dùng cách nói ẩn dụ. NT miêu tả: bao quát từ trên cao thu lấy những hình ảnh chủ yếu đập vào mắt. Qua đó bộc lộ tài quan sát và cách chọn lọc từ ngữ trong vốn từ vựng giàu có của tác giả. - Nghe, nhớ. - Vị trí quan sát: Tại đồn biên phòng – nơi đóng quân của bộ đội → điểm cao có thể nhìn toàn cảnh - Bức tranh phong cảnh biển trong sáng, phóng khoáng, lộng lẫy. -Tác giả thấy: “Càng thấy	**II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN** **1.Vẻ đẹp Cô tô một ngày sau trận bão:** - Bầu trời trong trẻo và sáng sủa. - Cây cối thêm xanh mượt. - Nước biển lam biếc, đậm đà. - Cát vànggiòn hơn. - Lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi. -> Dùng các tính từ gợi tả sắc màu vừa tinh tế vừa gợi cảm => Một bức tranh phong cảnh biển đảo trong sáng, phóng khoáng, lộng lẫy.

ngắm toàn cảnh Cô Tô? **? Em hiểu gì về tác giả qua cảm nhận đó của ông ?** - GV: Tác giả là người sẵn sàng yêu mến, gắn bó với thiên nhiên đất nước.	yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng đẻ ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây" - Yêu cảnh đẹp Cô Tô, thấy nó tươi đẹp và gần gũi như quê hương của chính mình. - Nghe. - T/giả: "Càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng đẻ ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây"	**2. Cảnh mặt trời lên trên biển đảo Cô Tô** a. Vị trí, cách quan sát
- GV: đưa bức tranh lên màn hình **?** Tranh vẽ cảnh gì? Cảnh đó ứng với phần nào của văn bản? **- GV:** Chiếu đoạn văn lên màn hình và yêu cầu học sinh đọc phần 2 của văn bản **?** Tác giả chọn vị trí nào để ngắm cảnh mặt trời lên? **?** Cách đón nhận mặt trời mọc của tác giả diễn ra như thế nào? **?** Em có nhận xét gì về cách đón nhận đó? **- GV:** Giới thiệu: được nhìn cảnh mặt trời mọc trên biển là mong ước của Nguyễn Tuân. Ở đầu bài ký khi còn ở trên đảo Trà Cổ Nguyễn Tuân đã viết: "Đã dậy từ gà gáy canh tư, trước khi xe chạy ra tận đầu bãi Xa Vĩ để xem mặt trời mọc. Mất công rình nửa tiếng mà vẫn cứ nhỡ." **?** Cảnh mặt trời mọc được tác giả miêu tả theo trình tự nào? Tìm chi tiết miêu tả ?	- HS trả lời - HS đọc, nghe - HS trả lời cá nhân - Dậy từ canh tư, ra tận đầu mũi đảo ngồi rình mặt trời lên. (Công phu và trân trọng) HS phát hiện chi tiết - HS thảo luận 1' nhận xét +) Trước lúc mặt trời mọc: - Chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính. +) Trong lúc mặt trời mọc: - Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ... bình minh. +) Sau khi mặt trời mọc: - Vài chiếc nhạn chao đi chao lại ... một con hải âu là là nhịp cánh.	- Công phu và trân trọng. - Tác giả là người yêu mến thiên nhiên đến say đắm và khát vọng khám phá cái đẹp của tự nhiên. * Hình ảnh mặt trời mọc - Trước lúc mặt trời mọc: - Trong lúc mặt trời mọc: Sau khi mặt trời mọc: -> NT: - Dùng hình ảnh so sánh hết sức độc đáo, táo bạo - Phép nhân hoá, ẩn dụ - Ngôn ngữ miêu tả điêu luyện, chính xác (TT chỉ màu sắc, đường nét của mặt trời.) - Trí tưởng tưởng

? Nhận xét về nghệ thuật miêu tả của Nguyễn Tuân trong đoạn văn trên? ? Em có nhận xét gì về những hình ảnh so sánh của Nguyễn Tuân trong đoạn văn? ? Sự kết hợp tài tình giữa những gam màu sắc và đặc biệt là việc sử dụng linh hoạt các biệt pháp tu từ cho em cảm nhận gì về cảnh mặt trời mọc? (**- GV bình: Trong cái sắc màu kỳ diệu của ánh mặt trời dường như nhà văn còn phát hiện ra một ý nghĩa mới, một sự ưu đãi của chúng đối với người dân trên biển cho nên ông đã vừa so sánh, vừa nhân hoá: "Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủơ biển Đông** ? Sự xuất hiện của vài cánh nhạn mùa thu và một con hải âu làm cho bức tranh thiên nhiên có đặc diểm gì? ? Khắc họa được bức tranh cảnh mặt trời mọc đẹp, rực rỡ, tráng lệ, đầy sức sống như vậy, em đánh giá như thế nào về tình cảm cảm xúc và ngòi bút miêu tả của nhà văn? ? Em học được gì về phương pháp tả cảnh qua đoạn văn trên?	- Dùng hình ảnh so sánh hết sức độc đáo, táo bạo - HS hoạt động cá nhân đẹp rực rỡ, tráng lệ, đầy sức sống. - HS nghe - HS trả lời cá nhân HS nhận xét -> thổi thêm sức sống và hương vị của biển khơi vào bức tranh cảnh mặt trời mọc, hoàn tất bức tranh nên thơ, sống động. - Tình yêu thiên nhiên, yêu biển khơi và có niềm say mê trước cảnh đẹp.	phong phú => Cảnh mặt trời mọc trên biển là một bức tranh đẹp rực rỡ, tráng lệ, đầy sức sống. **3. Cảnh sinh hoạt và lao động của con người trên đảo**
- GV : Chiếu đáp án trên màn hình. **- GV:** Chiếu bức tranh trên màn hình ? Bức tranh vẽ cảnh gì ứng với phần nào trong văn bản? **- GV bình chuyển:** Nhà văn không chỉ miêu tả cảnh thiên nhiên, cảnh mặt trời	- HS trả lời -HS : Cảnh sinh hoạt và lao	* Vị trí quan sát - Cái giếng nước ngọt giữa đảo.

mọc trên biển mà ông còn miêu tả nhịp sống của con người nơi đây. **- GV cho HS** đọc đoạn 3 **?** Nhà văn đứng ở vị trí nào để quan sát cảnh? Tại sao? **?** Nguyễn Tuân ví cái giếng với sự vật nào? Gợi liên tưởng gì? **- GV bình: Nói đến bến, đến chợ ai cũng biết đó là nơi đông vui, tụ họp gặp gỡ của mọi người tại một thời điểm nào đó trong ngày, nơi các thông tin trên trời dưới bể rất phong phú và luôn cập nhật. Tác giả ví cái giếng như cái bến, cái chợ giúp ta hiểu nhịp sống diễn ra ở nơi đây.** **?** Trong đoạn văn những đối tượng nào được nhắc đến khi miêu tả, họ làm gì? **?** Tác giả sử dụng nghệ thuật gì khi tả cảnh sinh hoạt? **?** Những việc làm và cử chỉ của họ gợi cho em thấy không khí sinh hoạt và lao động diễn ra như thế nào? **?** Nhà văn đã gửi gắm tình cảm gì đối với người lao động qua bức tranh sinh hoạt này? **?** Kết thúc đoạn trích là hình ảnh: "Chị Châu Hoà Mãn địu con thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớn cá cho lũ con lành" suy nghĩ của em về hình ảnh đó? GV bình: Không chỉ nhấn mạnh vẻ đẹp thanh bình cuộc sống trên đảo mà còn thể hiện sự thanh bình của biển cả sau những ngày bão giông. Khi giông bão kết thúc mặt biển lại lặng sóng, thiên nhiên lại hào phóng ban tặng cho người	động của con người trên đảo - HS trả lời - HS đọc thầm - HS : Cái giếng nước ngọt giữa đảo. - HS : như một cái bến và .... hơn cái chợ đất liền. - Rất đông người: Tắm, múc, gánh, bao nhiêu là thùng gỗ, cong, ang. Các thuyền mở nắp sạp chờ đổ nước ngọt để chuẩn bị ra khơi đánh cá. - Anh hùng Châu Hoà Mãn quấy nước cho thuyền. - Chị Châu Hoà Mãn dịu dàng địu con. HS trả lời cá nhân Yêu con người, yêu những người dân lao động say mê công việc - HS nêu cảm nhận cá nhân - HS làm việc theo nhóm nhỏ 4 em, 1' - cử đại diện trình bày trước lớp	- Vui như một cái bến và .... hơn một cái chợ đất liền. -> Nghệ thuật so sánh, những động từ chỉ hoạt động của con người) => cảnh sinh hoạt của người lao động vừa khẩn trương, tấp nập, đông vui, vừa thanh bình giản dị.

nguồn tài nguyên giàu có của nó. **GV:** Chia lớp thành 3 nhóm + Nhóm 1: Em cảm nhận được những nét độc đáo nào trong nghệ thuật viết văn miêu tả của Nguyễn Tuân? + Nhóm 2: Bài văn cho em hiểu gì về thiên nhiên và con người ở Cô Tô? Cô Tô mười bảy đảo xanh đã đi vào trang viết của Nguyễn Tuân là như thế. Thành công của bút ký giàu chất thơ này vừa khẳng định được tài năng nghệ thuật độc đáo của một cây bút có sở trường viết văn xuôi đồng thời cũng là tình yêu mến ông dành cho thiên nhiên, cho con người vùng đất đảo. **Hướng dẫn học sinh tổng kết.** **1. Giá trị nội dung** Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng và tươi đẹp. Bài văn cho ta hiểu biết và yêu mến một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô **2. Giá trị nghệ thuật** - Ngôn ngữ điêu luyện, độc đáo - Miêu tả tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh và cảm xúc - Sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hóa, ẩn dụ,…		**III. Ghi nhớ** SGK/91)

HOẠT ĐỘNG 3:LUYỆN TẬP
*** Mục tiêu: Vận dung kiến thức đã học để giải quyết bài tập**
*** Thời gian**: 15- 17 phút.
*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...
*** Kỹ thuật:** Động não, khăn trải bàn, giao việc, chia nhóm, bản đồ tư duy...

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 1: Trong đoạn cuối, cảnh sinh hoạt và lao động của người dân trên đảo được miêu tả qua những chi tiết, hình ảnh:Nêu suy nghĩ của	-Suy nghĩ làm bài	Bài 1- Quanh giếng nước ngọt: vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền (sử dụng hình ảnh so sánh); - Chỗ bãi đá, bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sạp (sử dụng lượng từ không xác định); - Thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về

em về cảnh đó		(sử dụng liên từ và điệp từ); Đó là cảnh sinh hoạt và lao động khẩn trương, tấp nập. Đó cũng là khung cảnh của cuộc sống thanh bình sau bão: "Trông chị Châu Hoà Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành". Hình ảnh so sánh liên tưởng độc đáo này thể hiện sự đan quyện trong cảm xúc giữa cảnh và người, đồng thời thể hiện đặc sắc tình yêu Cô Tô của riêng một Nguyễn Tuân - "người đi tìm cái đẹp" toàn bích và hài hoà.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG
*** Mục tiêu:** Củng cố kiến thức
*** Thời gian:** 2 - 3 phút
*** Phương pháp:** Luyện tập
*** Kĩ thuật:** Động não

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
giáo viên yêu cầu học sinh làm bài tập sau: Nêu cảm nhận của em về cái hay cái đẹp trong hai câu văn sau đây: **a. Cái giếng nước ngọt ở ria một hòn đảo giữa bể, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà, mát mẻ hơn mọi cái chợ trong đất liền.** **b. Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả lạ mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành.** Gv hướng dẫn học sinh làm bài tập,	-Suy nghĩ làm bài	a. Để tả cảnh sinh hoạt nơi giếng nước ngọt trên đảo Cô Tô Nguyễn Tuân đã sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh " Vui như một cái bên" và ẩn dụ chuyển đổi cảm giác " đậm đà, mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền". Qua đó ta thấy được sự đông vui, tấp nập trong sinh hoạt Cô Tô cũng như sự hiền hòa, thân thiện thanh bình trong mối quan hệ giữa những con người và cuộc sống nơi đây. b. Hình ảnh so sánh thấm đẫm tình cảm yêu thương trìu mến của Nguyễn Tuân với biển cả và với những con người Cô Tô. Hình ảnh ấy vừa giúp ta hình dung ra được sự dịu dàng, che chở của chị Châu Hòa Mãn với đứa con trong vòng tay của mình vừa cho ta thấy tình mẫu tử thiêng liêng của chị giống như biển cả vẫn nuôi lớn những người dân chài bằng nguồn cá trong lòng mình

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI MỞ RỘNG
*** Mục tiêu:** Củng cố kiến thức
*** Thời gian**: 2 - 3 phút
*** Phương pháp:** Luyện tập
*** Kĩ thuật:** Động não

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
cho hai câu thơ sau: **" Mặt trời đội biển**	-Suy nghĩ làm bài	- Hình ảnh "mặt trời trong mắt cá" là hình ảnh tượng tưởng tuyệt đẹp của Huy Cận. mắt cá sáng

nhô màu mới **Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi"** **(Đoàn thuyền đánh cá- Huy Cận)** **Em hãy so sánh vẻ đẹp của mặt trời lên trong hai câu thơ trên với cảnh mặt trời lên trong bài Cô Tô.** **Tìm hiểu thêm về cuộc đời, sự nghiệp, các sáng tác của nhà văn Nguyễn Tuân**		long lanh trong ánh mặt trời hay trong mỗi mắt cá đều có những mặt trơi bé con. Chính ánh sáng tỏa ra từ mắt cá như ánh sáng chiếu sáng muôn dặm. đây vừa là sự tôn vinh thành quả lao động của con người vừa là sự ca ngợi những con người lao động đã làm nên ánh sáng của một cuộc sống mới. Hai hình ảnh mặt trời lên cùng mang một vẻ đẹp rực rỡ, huy hoàng, gợi lên cho chúng ta có một cuộc sống hạnh phúc, ấm no. đồng thời nó thể hiện được quan hệ gần gũi gắn giữa con người và thiên nhiên. Con người làm chủ thiên nhiên, chinh phục thiên nhiên và thiên nhiên như đang tôn vinh vẻ đẹp của con người.

Bước 4: Giao bài, Hướng dẫn học bài, làm bài ở nhà

Bài cũ:

- Học thuộc phần ghi nhớ, đoạn văn: "Mặt trời nhú lên...là là nhịp cánh"
- Viết đoạn văn tả cảnh mặt trời mọc trên quê hương em
- Viết đoạn văn tả cảnh nhộn nhịp trên đường phố vào buổi sáng

Bài mới: Đọc trước, soạn bài Các thành phần chính của câu

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức.

- Củng cố các kiến thức đã học ở bậc tiểu học về hai thành phần chính của câu.
- Nắm vững khái niệm, đặc điểm và vai trò của vị ngữ, chủ ngữ - hai thành phần chính của câu.

2. Kĩ năng.

- Kĩ năng nhận diện chính xác và phân tích được hai thành phần chủ ngữ, vị ngữ trong câu trần thuật đơn.

3. Thái độ

- Có ý thức dùng đúng từ ngữ trong nói và viết.

4. Rèn năng lực:

- Năng lực tự học
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực giao tiếp
- Năng lực hợp tác

+ Năng lực chuyên biệt: kĩ năng sử dụng câu đúng trong tạo lập văn bản;

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án, sgk, bài giảng điện tử

2. Chuẩn bị của học sinh

Bài soạn.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Hoán dụ là gì?
Có mấy kiểu hoán dụ
Cho ví dụ minh họa.

Trả lời.

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh.

* **Phương pháp:** Thuyết trình.

* **Kỹ thuật :** Động não.

* **Thời gian:** 1’.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Trong câu có hai thành phần chính là CN và VN, để hiểu rõ hơn về các thành phần chính cũng như phân biệt chúng với thành phần phụ bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu.	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	**Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình**

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

(**Đọc**, quan sát và **phân tích**, giải thích các ví dụ, **khái quát** khái niệm)

*** Mục tiêu: Tìm hiểu thành phần chính của câu**

*** Thời gian:** 17- 20 phút.

*** Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật:** Động não.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- GV viết VD lên bảng phụ ? Em hãy xác định các thành phần trong câu văn? ? Thử lược bỏ từng thành phần và rút ra nhận xét? ? Những thành phần nào bắt buộc phải có mặt trong câu để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt một ý trọn vẹn? Những thành phần nào không bắt buộc phải có mặt trong câu? ? Vậy hai thành phần chính của câu là gì? GV: Vậy hai thành phần CN và VN không thể lược bỏ trong câu gọi là thành phần chính của câu. - GV treo bảng phụ đã viết VD - Gọi HS đọc VD H- Xác định các thành phần chính của câu?	- HS lên bảng xác định thành phần câu Chẳng bao lâu, tôi //đã trở thành một TN CN VN chàng dế thanh niên cường tráng. ần câu - HS : Cn và VN - HS : Trạng ngữ - HS là chủ ngữ và vị ngữ	**I. TÌM HIỂU BÀI** **1. Phân biệt thành phần chính với thành phần phụ:** **a. Ví dụ/sgk/92** **b. Nhận xét** - Không thể bỏ Cn và VN vì cấu tạo của câu sẽ không hoàn chỉnh, khi tách khỏi hoàn cảnh giao tiếp câu sẽ trở nên khó hiểu. - Có thể bỏ TN mà ý nghĩa cơ bản của câu không thay đổi (thành phần phụ). **2. Vị ngữ** **a. Ví dụ/sgk/92,93**
a. Một buổi chiều, tôi // ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.(Tô Hoài) TN CN VN1 VN2 b. Chợ Năm Căn// nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui, tấp nập. (Đoàn Giỏi) CN VN1 VN2 VN3 VN4 c. Cây tre// là người bạn thân của nông dân VN (...). Tre, nứa, trúc, mai, vầu// giúp người … CN VN CN CN CN CN CN VN (Thép Mới)		
? VN thường trả lời cho câu hỏi nào? Em hãy đặt một câu hỏi để tìm VN trong các VD trên?	- Trả lời câu hỏi: Làm gì? làm sao? như thế nào?	**b. Nhận xét** Đặc điểm của VN. - Có thể trả lời cho các câu hỏi: làm sao? Như thế nào? Làm gì?

? Từ nào làm VN chính? Từ đó thuộc từ loại nào? Mỗi câu có thể có mấy VN? Cho HS đọc lại các câu vừa phân tích ở phần II ? Cho biết mối quan hệ giữa sự vật nêu ở CN với hành động, đặc điểm, trạng thái nêu ở VN là quan hệ gì? ? CN có thể trả lời cho những câu hỏi như thế nào? ? Phân tích cấu tạo của CN trong các VD trên? - Cho HS đọc ghi nhớ - GV củng cố lại kiến thức bằng bản đồ tư duy	- VN : đứng, xem : động từ. - VN : nằn (ĐT) ồn ào, đông vui, tấp nập (TT) - VN : (là) người bạn (DT kết hợp với từ là), giúp (ĐT) - HS Nêu tên sự vật, hiện tượng, thông báo về hành động, trạng thái, đặc điểm của sự vật, hiện tượng. - CN thường trả lời cho câu hỏi: Ai? Con gì? cái gì? - Phân tích cấu tạo của CN: + Tôi: đại từ làm CN + Chợ Năm Căn: Cụm DT làm CN + Tre, nứa, trúc, mai, vầu: các DT làm CN + Cây tre: Cụm DT làm CN - HS đọc ghi nhớ - HS trả lời	- Cấu tạo của vị ngữ: vị ngữ có thể là : động từ. danh từ, cụm ĐT, cụm TT, danh từ hoặc cụm DT. - Mỗi câu có thể có một hoặc nhiều vị ngữ. - Vị ngữ có thể là một từ. **3. Chủ ngữ** **a. Ví dụ/sgk/ 93** **b. Nhận xét** - Quan hệ giữa chủ ngữ và vị ngữ : Nêu tên sự vật, hiện tượng, thông báo về hành động trạng thái, đặc điểm của sự vật, hiện tượng. - Chủ ngữ thường tả lời cho câu hỏi : ai ? Còn gì ? Cái gì ? Cấu tạo : - Phân tích cấu tạo của chủ ngữ : Chủ ngữ : đại từ, danh từ, cụm danh từ - CN có thể là một từ - Câu có thể có 1 hay nhiều chủ ngữ **II. GHI NHỚ 1,2,3/ SGK/ 92,93**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu: Vận dung kiến thức đã học để giải quyết bài tập**

*** Thời gian**: 15- 17 phút.

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

*** Kỹ thuật:** Động não, khăn trải bàn, giao việc, chia nhóm, bản đồ tư duy...

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Nhận xét cấu tạo của CN trong các câu sau: a. Thi đua là yêu nước. b. Đẹp là điều ai cũng muốn. - CN: Thi đua... là động từ - CN: đẹp... Là tính từ.-	- HS đọc - 3 HS lên bảng, mỗi em làm một câu, cả lớp làm vào giấy nháp	**Bài 1**: xác định CN, VN và phân tích: a. - CN: tôi (đại từ) - VN: đã trở tành (Cụm ĐT) b. - CN: Đôi càng tôi (Cụm ĐT) - VN: mẫm bóng (TT) c.- CN: Những cái vút ở chân, ở khoeo (Cụm DT) VN: Cứ cứng dần(VN1), và nhọn hoắt (VN2)

GV treo bảng phụ đã viết sẵn bài tập - Gv tổ chức cho HS đặt câu	- Giữa các tổ thi đặt câu nhanh theo yêu cầu - HS xác định CN một trong các câu mà tổ khác vừa đặt	(Cụm TT) d.- CN: tôi (Đại từ) - VN: Co cẳng lên (VN1), đạp phanh phách (VN2) (Cụm ĐT) e. - CN: những ngọn cỏ (Cụm DT) - VN: Gãy rạp (Cụm ĐT) **Bài tập** 2: Đặt câu theo yêu cầu a. VN trả lời câu hỏi: Làm gì? - Bạn Lan viết thư chúc Tết các chú bộ đội ở đảo Trường Sa. b. Vn trả lời câu hỏi: Như thế nào? - Bạn Xuân luôn chan hoà với bạn bè trong lớp. c. VN trả lời câu hỏi: Là gì? - Dế Mèn là chàng đê sớm có lòng tự trọng. **Bài 3**: xác định CN cho 3 câu trên a. Bạn Lan b. Bạn Xuân c. Dế Mèn

HOẠT ĐỘNG 4 . VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:**2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài tập 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Gọi 2 HS lên bảng viết . GV nhận xét chung -> cho điểm. **Bài tập 2: các định các thành phần câu.**	HS đọc yêu cầu bài tập 2. HS lên bảng làm.	**Bài 2:** Đặt câu

Tôi rảo bước và truyền đơn cứ từ từ rơi xuống.
CN_1 VN_1 CN_2 VN_2

Chiều chiều, trên triền đê, đám trẻ mục đồng chúng tôi thả diều.
TN_1 TN_2 CN VN

Trưa, nước biển xanh lơ và khi chiều tà, biển đổi sang màu xanh lục.
TN_1 CN_1 VN_1 TN_2 CN_2 VN_2

Rải rác khắp thung lũng, tiếng gà gáy râm ran.
TN CN VN

Ngoài đường, tiếng mưa rơi lộp độp, tiếng chân người chạy lép nhép.
TN CN_1 VN_1 CN_2 VN_2

Học// quả là khó khăn vất vả.
CN VN

Khoảng gần trưa, khi sương tan, đấy là khi chợ náo nhiệt nhất.
TN1 TN2 CN VN
Những chú gà nhỏ như những hòn tơ// lăn tròn trên bãi cỏ.
CN VN
Tiếng cá quẫy// tũng toẵng xôn xao quanh mạn thuyền.
CN VN
Sau tiếng chuông chùa, mặt trăng đã nhô lại, sáng vằng vặc.
TN CN VN
Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí đó không bao giờ thay đổi.
CN1 VN1 CN2 VN2 CN3 VN

HOẠT ĐỘNG 5 . TÌM TÒI MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt	
Bài 3: Viết đoạn văn tả cảnhđề tài tự chọn (5-7 câu) .Chỉ ra các thành phần chính có trong đoạn văn đã viết. * GV nhận xét và yêu cầu HS chỉ ra các thành phần chính có trong đoạn văn đã viết.	+ HS dưới lớp viết ra giấy . + Đọc -> nhận xét.	**Bài 3:** Viết đoạn văn tả cảnh đề tài tự chọn (5-7 câu) .Chỉ ra các thành phần chính có trong đoạn văn đã viết.	

Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

1. Bài cũ:- Học bài, thuộc ghi nhớ.
- Hoàn thiện bài tập.

2. Bài mới:

soạn Tập làm thơ 5 chữ, mỗi em sưu tầm ít nhất 3 bài thơ 5 chữ và làm một bài thơ năm chữ, chủ đề tự chọn.

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6** **VĂN TẢ NGƯỜI**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT
1. Kiến thức:
Vận dụng kiến thức về văn miêu tả đã học để viết bài tả về người thân của em.
2. Kỹ năng:
Viết bài văn kể chuyện có sử dụng ngôi kể sao cho phù hợp.
3. Thái độ:
Nghiêm túc làm bài.
4. Năng lực, phẩm chất:
Năng lực: tư duy, sáng tạo, làm việc hợp tác.
Phẩm chất: tự lực, tự chủ, có ý thức.

II – CHUẨN BỊ
1. Chuẩn bị của giáo viên:
Đề kiểm tra
2. Chuẩn bị của học sinh

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
Bước 1: **Ổn định tổ chức**
Bước 2: Kiểm tra bài cũ
Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh
Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG
Giáo viên ra đề bài:
Đề 1: Em hãy tả hình dáng và tính tình của cô giáo (Thầy giáo) đã dạy em trong những năm học trước mà em nhớ nhất..
Đề 2: Hãy tả hình dáng và những nét tốt của một bạn trong lớp em được nhiều người quí mến nhất.
Học sinh nghiêm túc làm bài
Giáo viên coi kiểm tra nghiêm túc.
Hết thời gian. gv thu bài kiểm tra.
Giáo viên nhận xét giờ làm bài kiểm tra của lớp.

Bước 4: Dặn dò:
Chuẩn bị bài mới: Cây tre Việt Nam

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	**CÂY TRE VIỆT NAM** **Thép mới**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1-Kiến thức :

- Hình ảnh cây tre trong đời sống và tinh thần của nguồi Việt Nam .
- Những đặc điểm nổi bật về giọng điệu, ngôn ngữ của bài ký .

2-Kĩ năng :

- Đọc diễn cảm và sáng tạo bài văn xuôi giàu chất thơ bằng sự chuyển dịch giọng điệu phù hợp.
- Đọc – hiểu văn bản ký hiện đại có nhiều yếu tố miêu tả, biểu cảm .
- Nhận ra phương thức biểu đạt chính : miêu tả kết hợp biểu cảm, thuyết minh, bình luận .
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của các phép so sánh, nhân hóa, ẩn dụ

3- **Thái độ**:

- Yêu mến và hiểu sâu sắc hơn về công dụng vật chất cũng như những giá trị tinh thần mà cây tre mang lại cho cuộc sống của con người trong suốt hành trình lịch sử của dân tộc.

4. Năng lực cần hướng tới

- Năng lực làm chủ và phát triển bản thân

+ Năng lực tự học

+ Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực xã hội:

+ Năng lực giao tiếp

+ Năng lực hợp tác

- Năng lực chuyên biệt: kĩ năng đọc – hiểu văn bản; cảm thụ vẻ đẹp của các hình ảnh nghệ thuật trong văn chương…...

*** Tích hợp môi trường sống:**

- Yêu quý, bảo vệ giữ gìn loài cây gắn bó thân thiết và có nhiều công dụng trong đời sống của con người Việt Nam

II. CHUẨN BỊ :

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Soạn bài , tài liệu về tác giả và tác phẩm.
- Tài liệu giới thiệu về nhà văn Thép Mới.
- Chuẩn bị bảng phụ, phiếu học tập
- Phương pháp : nêu vấn đề, đọc diễn cảm, phân tích cắt nghĩa, vấn đáp, tái hiện..
- Kĩ thuật :động não, kỹ thuật khăn trải bàn, trình bày 1 phút...

2. Chuẩn bị của học sinh

- Soạn bài, đọc tác phẩm, tóm tắt tác phẩm chuẩn bị tài liệu và đồ dùng cần thiết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: Ổn định tổ chức (1').

Bước 2. Kiểm tra bài cũ:

1. Trong bài Cô Tô, em thích câu văn nào nhất? Em hãy đọc diễn cảm câu văn đó và cho biết cái hay, cái đẹp trong đó?
2. Cảnh mặt trời mọc trên đảo Cô Tô có gì hay và độc đáo?

Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới.

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** tạo sự chú ý cho học sinh.

*** Phương pháp :** thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não
*** Thời gian:** 1-2’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Phương án 1: Mỗi đất nước có một loài cây riêng biểu trưng cho nét đẹp của dân tộc mình. Như Nga có cây bạch dương, Nhật là loài hoa Anh đào. ở Việt Nam hoa sen là biểu tượng cao quý cho tâm hồn Việt, nhưng bên cạnh hoa sen cũng có một loài cây khác biểu trưng cho sức sống của dân tộc Việt Nam qua bao thế hệ, nó đã đi vào thơ ca rất đỗi tự nhiên. Đó chính là cây tre.. Đất nước và dân tộc Việt Nam của chúng ta tự bao đời nay đã chọn cây tre là loại cây tượng trưng tiêu biểu cho tâm hồn, khí phách, tinh hoa của dân tộc. Ca ngợi nhân dân Việt Nam anh hùng đạo diễn người Ba Lan cùng các nhà làm phim Việt Nam đã dựa vào bài tuỳ bút Cây tre bạn đường của nhà văn nổi tiếng Nguyễn Tuân để xây dựng bộ phim tài liệu Cây tre Việt Nam năm 1956. Nhà báo lừng danh Thép Mới đã viết bài kí Cây tre Việt Nam để thuyết minh cho bộ phim này. **Phương án 2:** giáo viên dẫn dắt từ bài cây tre Việt Nam của nhà thơ Nguyễn Duy.	Nghe - bổ sung - nhận xét.	- Tình huống có vấn đề - Kĩ năng nghe, chú ý, phân tích tình huống - Kĩ năng trình bày. Có thái độ tích cực xây dựng bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:** tìm hiểu về tác giả, tác phẩm, những vẻ đẹp và phẩm chất của cây tre.
*** Phương pháp :** thuyết trình, vấn đáp, đọc diễn cảm
*** Kĩ thuật:** Động não
*** Thời gian:** 60

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
-Gọi HS đọc chú thích * / SGK **? Dựa vào chú thích * hãy giới thiệu vài nét về tác giả Thép Mới ?** - GV nhận xét, tóm tắt lại. ? **Nêu xuất xứ của tác phẩm?** - GV bổ sung: Là lời bình cho bộ phim tài liệu mang tên “Cây tre Việt Nam”của các nhà điện ảnh Ba Lan thực hiện sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của	- Đọc. - Giới thiệu tác giả dựa theo chú thích * ở SGK. - Nghe, nhớ. - Văn bản là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan - Theo dõi.	**I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH** **1. Tác giả** **Thép Mới**(1925 – 1991) - Tên thật: Hà Văn Lộc. - Quê: Hà Nội. - Thường viết báo, bút kí, thuyết minh phim. **2. Tác phẩm** **a. Xuất xứ** - Là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan.

nhân dân ta kết thúc thắng lợi → phụ thuộc vào kịch bản điện ảnh và hình ảnh trong phim. - GV: Trong văn bản có sự kết hợp giữa miêu tả, thuyết minh với trữ tình và bình luận. - GV hướng dẫn học sinh đọc văn bản và gọi hs đọc văn bản: chú ý đây là bài văn xuôi chính luận giàu chất trữ tình, chất thơ → cần đọc với giọng điệu thích hợp,…Đoạn cuối bài, đọc chậm, giọng chắc, khỏe và ấm áp, tha thiết, rắn rỏi. Chú ý nhấn đúng các điệp từ,… - Gọi HS đọc. - Gọi HS nhận xét và sửa cách đọc của bạn. - GV nhận xét, uốn nắn. - GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu một số từ ngữ khó (theo chú thích). **? Bố cục văn bản được chia ntn?** - Gọi HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, kết luận: Văn bản này tuy chỉ là lời bình cho bộ phim, mặc dù có lượt bỏ đi một số đoạn nhưng có thể xem là một vb có bố cục hoàn chỉnh:Đoạn 1 có thể xem là phần mở bài, nêu ý khái quát cho toàn bài và phát hoạ hình ảnh cây tre với những phẩm chất nổi bật của nó. Đoạn 2 và 3 là phần thân bài, phát triển và làm rõ ý chính được nêu ở phần mở bài.Đoạn 4 là phần kết bài. **? Nêu đại ý của bài?** * Gợi ý học sinh chú ý vào những câu văn mở đầu của bài để nêu đại ý: "Cây tre là bạn…tre, nứa". - GV kết luận.	- Theo dõi. - Nghe hướng dẫn đọc và tham gia đọc văn bản. - Đọc. - Nghe nhận xét và rút kinh nghiệm. - Nghe. - Tìm hiểu từ khó. - Bố cục: 4 phần + Từ đầu …"chí khí như người": giới thiệu chung về cây tre và phẩm chất của cây tre. + Tiếp … "chung thủy": Tre gắn bó với con người trong cuộc sống hàng ngày và trong lao động . + Tiếp …"anh hùng chiến đấu": Tre sát cánh với con người trong chiến đấu bảo vệ đất nước. + Còn lại: Tre là người bạn đồng hành của dân tộc ta trong hiện tại và tương lai. - Nhận xét, bổ sung. - Nghe. - Nêu đại ý: Cây tre là bạn của nhân dân Việt Nam. Tre có mặt ở kắp mọi vùng đất nước; tre đã gắn bó lâu đời và giúp ích cho con người trong đời sống hằng ngày, trong lao động sản xuất, và cả trong chiến đấu chống giặc, trong quá khứ, hiện tại và cả tương	**b. Chú thích** **c. Bố cục** - Bố cục : 4 phần

? Bài văn được viết theo thể loại và ptbđ nào?	lai. - Nghe.	**d. Thể loại và ptbđ** - Thể loại: kí - Ptbđ: sự kết hợp giữa miêu tả, thuyết minh với trữ tình và bình luận. **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN** **1. Vẻ đẹp và phẩm chất của cây tre Việt Nam:**
? Ngay mở đầu văn bản, tác giả đã giới thiệu ntn về cây tre Việt Nam? Theo em dựa vào đâu tác giả lại có thể nhận xét như vậy?	- Tác giả nhận xét : "Tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam" → Sở dĩ tác giả nhận xét như vậy vì: Tre có mặt ở mọi miền đất nước: "Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc....lũy tre thân mật làng tôi...đâu đâu cũng có nứa tre làm bạn".	- Tre mọc xanh tốt ở mọi nơi, - Mầm măng tre mọc thẳng, - Dáng tre vươn mộc mạc, - Màu tre tươi nhũn nhặn, - Tre lớn lên, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc.
? Tác giả gọi tre là "người bạn thân", em có suy nghĩ gì về cách gọi ấy ? - GV: Với tác giả, tre là loại cây độc đáo nhất trong các loài cây. Tác giả đã đặt cây tre trong vùng thiên nhiên nhiệt đới của "muôn ngàn cây lá khác nhau". Cây nào cũng đẹp, cũng quý. Nhưng có quan hệ thân thuộc nhất với con người thì không gì quý bằng nứa, tre.	- Một cách gọi rất đúng. Vì tre gắn bó, gần gũi, thân thuộc từ ngàn đời nay với con người VN. Đồng thời chứng tỏ tác giả đã từng gắn bó với tre, hiểu và quý trọng cây tre. - Theo dõi.	
? Trong đoạn một của bài văn tác giả ca ngợi những vẻ đẹp và phẩm chất của cây tre, em hãy tìm những chi tiết thể hiện những điều đó? - GV minh họa bằng một đoạn thơ "Tre Việt Nam"- Nguyễn Duy.	- Vẻ đẹp và phẩm chất của tre: + Tre mọc xanh tốt ở mọi nơi, + Mầm măng tre mọc thẳng, +Dáng tre vươn mộc mạc, +Màu tre tươi nhũn nhặn, + Tre lớn lên, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc.	- > Dùng nhiều tính từ
? Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ trong đoạn văn này? Tác dụng của cách dùng từ đó ? - Gọi HS nhận xét, bổ sung.	- Theo dõi. - Dùng nhiều tính từ => gợi tả vẻ đẹp và những phẩm chất đáng quý của cây tre Việt Nam: thanh cao, giản dị, chí	=> vẻ đẹp và những phẩm chất đáng quý của cây tre: thanh cao, giản dị, chí khí

- GV nhận xét, kết luận. ? **Ngoài những nét đẹp và những phẩm chất đáng quý trên, tre còn có phẩm chất nào đáng quý nữa ?** - GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 2 . **? Sự gắn bó của cây tre đối với đời sống của con người Việt Nam được tác giả giới thiệu ntn trên các mặt sinh hoạt : Văn hóa, làm ăn, niềm vui, nỗi buồn ?** **(Tiến hành cho HS thảo luận nhóm)** - GV giảng: Dưới bóng tre "trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn" hiện lên toàn bộ đời sống của con người từ ăn, ở, làm việc, tập quán, phong tục, buồn vui; từ dựng nhà, dựng cửa, lấy vợ gả chồng, sinh ra và mất đi "tre với mình sống chết có nhau chung thủy", chia sẻ với con người những buồn vui, nhọc nhằn vất vả.	khí như người. - Nhận xét. - Tre còn có những phẩm chất: + Sống gắn bó, thủy chung với con người trong đời sống hàng ngày và trong lao động; + Anh dũng, kiên cường, sát cánh với con người trong đấu tranh; + Luôn là người bạn đồng hành của con người trong quá khứ, hiện tại và tương lai. - Đọc theo yêu cầu. - Thảo luận, trình bày: Tác giả đã giới thiệu sự gắn bó của tre với đời sống hành ngày của con người: + Văn hóa làng xã được bao bọc trong lũy tre xanh: "Dưới bóng tre của ngàn xưa thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính". + Làm ăn: • Người dân cày VN dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. • Tre giúp người trăm công nghìn việc; ăn ở; vất vả mãi với người; là cánh tay của người nông dân; Cối xay tre nặng nề quay, từ ngàn đời nay, xay nắm thóc. + Niềm vui: • Giang chẻ lạc, buộc mềm, khít chặt như những mối tình quê. • Nguồn vui duy nhất của trẻ thơ đánh chắt, đánh chuyền. • Tuổi già vớ chiếc điếu cày	như người. **2.Sự gắn bó, thủy chung của tre với con người trong đời sống hàng ngày và trong lao động:** - Làm ăn: - Niềm vui: - Nỗi buồn:

	tre là khoan khoái. + Nỗi buồn: Từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay cũng nằm trên giường tre. - Nghe, cảm nhận.	
? Đoạn văn 2 có nét nghệ thuật đặc trưng nào? Tác dụng của những nghệ thật đó? **? Qua phân tích, em cảm nhận được ở tre phẩm chất tốt đẹp nào ?** - GV kết luận.		-> nhân hóa; giọng văn nhẹ nhàng, bay bổng; câu văn trữ tình, giàu nhịp điệu) => gắn bó, tình nghĩa, thủy chung.
- Yêu cầu hs đọc thầm đoạn văn 3 và trả lời các câu hỏi sau: **? Để chứng minh cho sự bất khuất, anh dũng, kiên cường, sát cánh với con người trong đấu tranh, tác giả đã dùng những lời văn nào ?** **- GV liên hệ: Từ xa xưa, tre đã cùng Thánh Gióng đánh giặc Ân,...** **? Em có nhận xét về nghệ thuật của đoạn văn này?**	- tre là đồng chí chiến đấu cùng ta đánh giặc, - ngọn tầm vông dựng thành đồng Tổ quốc, - cái chông tre sông Hồng, - tre chống lại sắt thép quân thù. - tre xung phong vào xe tăng đại bác - tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín, tre hi sinh để bảo vệ con người. - Sử dụng triệt để nghệ thuật nhân hóa; giọng văn nhẹ nhàng, bay bổng; câu văn trữ tình, giàu nhịp điệu. - Giọng văn mạnh mẽ, chắc khỏe, nhịp nhàng thể hiện tình cảm ca ngợi, tự hào của người viết đối với cây tre. Tiếp tục sử dụng triệt để biện pháp nhân hóa, kết hợp với các điệp từ "tre" lặp lại nhiều lần góp phần nhấn	**3. Bất khuất, anh dũng, kiên cường, sát cánh với con người trong đấu tranh của tre:** - Phẩm chất: kiên cường, bất khuất. → Giọng văn mạnh mẽ, chắc khỏe, nhịp nhàng; sử dụng triệt để biện pháp nhân hóa, kết hợp với các điệp từ "tre" lặp lại nhiều lần. => tình cảm ca ngợi, tự hào của người viết đ/v cây tre; nhấn mạnh những phẩm chất tốt đẹp và sự sát cánh của tre với con người trong công cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Tre xứng đáng là "anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!"

	mạnh những phẩm chất tốt đẹp và sự sát cánh của tre với con người trong công cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.	
? Để ca ngợi công lao và phẩm chất của tre, tác giả đã tôn vinh tre bằng những danh hiệu nào ? - Yêu cầu hs đọc kĩ đoạn cuối và trả lời các câu hỏi:	- "Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!" → Tác dụng: tạo cảm giác gần gũi, thân thuộc và bộc lộ rõ cảm xúc của người viết đối với cây tre. - HS bộc lộ	**4. Tre, người bạn đồng hành của của con người:**
? Khúc nhạc đồng quê của tre được tác giả cảm nhận qua những âm thanh nào?	- Đọc đoạn cuối và trả lời các câu hỏi: - Cảm nhận qua âm thanh rung lên man mác trong gió trưa hè nơi khóm tre làng; sáo tre, sáo trúc vang lưng trời.	- tre là âm nhạc của làng quê, - là cái phần lãng mạn của sự sống ở làng quê VN.
- GV giảng: Đó là một nét đẹp văn hóa độc đáo của tre. Cây tre không chỉ sống gắn bó với con người trong đời sống vật chất, trong lao động mà còn gắn bó với đời sống tinh thần, tre là phương tiện để con người biểu lộ những rung động.	- Theo dõi.	
? **Từ hình ảnh măng non trên phù hiệu của các em đội viên, tác giả đã có suy nghĩ gì về tương lai?**	- Suy nghĩ về vai trò của cây tre trong tương lai khi đất nước đi vào sự nghiệp CNH – HĐH.	- Trong tương lai: Sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa, nhưng tre vẫn còn mãi trong tâm hồn của con người VN... → sức sống lâu bền.
? Vậy vị trí của cây tre VN trong tương lai đã được dự đoán ntn?	- Sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa, nhưng tre vẫn còn mãi trong tâm hồn của con người VN (khúc nhạc tâm tình, tiếng sáo diều, những chiếc đu quay, những chiếc cổng chào...)	=> Tre là biểu tượng của đất nước, con người Việt Nam.
? Tác đã dựa vào đâu để dự đoán như thế nào?	- HS trả lời: + Dựa vào sự tiến bộ xã hội; + Dựa vào sự gắn bó của tre với đời sống dân tộc, nhất là tâm hồn, văn hóa dân tộc...	
? Kết thúc văn bản tác gải viết: " Cây tre Việt Nam!	- Tác giả cảm nhận được từ cây tre những phẩm chất cao	

Cây tre xanh nhũng nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm. Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của con người VN", em hiểu gì về cảm nhận đó của tác giả ? * Gợi ý: + Cây tre là hình ảnh tượng tương cho ai ? + Sức sống lâu bền, dẻo dai, kiên cường bất khuất của tre là tượng trưng cho sức sống của ai? **? Em cảm nhận được điều gì về cây tre Việt Nam qua việc tìm hiểu văn bản này ?** - GV nhận xét, kết luận. **? Văn bản có những thành công nào về nghệ thuật ?** - GV kết luận. - Gọi HS đọc ghi nhớ **1. Giá trị nội dung** Cây tre là người bạn thân thiết, lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam. Cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu. Cây tre đã trở thành một biểu tượng của đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam **2. Giá trị nghệ thuật**	quý của con người Việt Nam. Tác giả có lòng tin vào sức sống lâu bền của cây tre VN cũng là sức sống của dân tộc VN. - HS trả lời: Văn bản cho thấy vẻ đẹp và sự gắn bó của cây tre với đời sống dân tộc ta. - HS trả lời: + Kết hợp giữa chính luận và trữ tình. + Xây dựng hình ảnh phong phú, chọn lọc, vừa cụ thể vừa mang tính biểu tượng. + Lựa chọn lời văn giàu nhạc điệu và có tính biểu cảm cao. + Sử dụng thành công các phép so sánh, nhân hoá, điệp ngữ. - Đọc ghi nhớ.	**III. Ghi nhớ** sgk/100
- Sử dụng chi tiết, hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa biểu tượng - Sử dụng rộng rãi và thành công phép nhân hóa - Lời văn giàu cảm xúc và nhịp điệu .		

HOẠT ĐỘNG 3 . LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để giải bài tập

*** Phương pháp :** thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não

*** Thời gian:** 1-2'

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 1: Đọc một đoạn văn trong bài mà em thích .Nêu lí do em thích	-Đọc	-Trình bày lí do sau khi đọc.

HOẠT ĐỘNG 4 . VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:** củng cố kiến thức cho hs

*** Phương pháp :** thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não

*** Thời gian:** 10’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 2: Đọc diễn cảm bài thơ Tre VN của Nguyễn Duy. Học thuộc một đoạn mà em thích nhất trong bài?	HS đọc diễn cảm bài thơ	**Bài 2:** HS đọc diễn cảm bài thơ

HOẠT ĐỘNG 5 . TÌM TÒI MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:** tìm tòi, mở rộng kiến thức

*** Phương pháp :** thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não

*** Thời gian:** 1-2’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 3: Hãy tìm những câu tục ngữ, ca dao, câu thơ, những truyện cổ tích nhắcđến hình ảnh cây tre?	- HS sưu tầm	**Bài 3:** Đọc các câu văn, câu thơ viết về hình ảnh của cây tre

Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học ở nhà :3p

-Giao bài: + Nắm chắc nội dung, nghệ thuật của văn bản

+ Hoàn thành bài tập vận dụng vào vở

- Chuẩn bị : Xem lại các dàn ý đề văn tả người chuẩn bị cho tiết viết bài tập làm văn số

Bài mới: Soạn bài: Câu trần thuật đơn

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Đặc điểm ngữ pháp cả câu trần thuật đơn.

- Tác dụng của câu trần thuật đơn.

2. Kỹ năng: Nhận diện được câu trần thuật đơn trong văn bản và xác định được chức năng của câu trần thuật đơn.

- Sử dụng câu trần thuật đơn trong nói và viết.

3. Thái độ:- Biết vận dụng câu trần thuật đơn trong khi nói và viết.

4. Năng lực cần phát triển qua bài học:

+ Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Tự học - Tư duy.

+ Năng lực về quan hệ xã hội: Giao tiếp – hợp tác

+ Năng lực công cụ: Sử dụng nguồn tài nguyên Internet (công nghệ thông tin – Khai thác tài nguyên) – phát triển vốn từ vựng – sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt chuẩn

+Năng lực chuyên biệt: Giải quyết vấn đề, sáng tạo, cảm thụ

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Soạn bài , SGK , bảng phụ ,

2. Chuẩn bị của học sinh

Chuẩn bị bài dưới sự hướng dẫn của GV như đọc văn bản hoặc ngữ liệu, làm các bài tập, chuẩn bị tài liệu và đồ dùng cần thiết

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

1 Cho câu văn sau: " Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết". Vị ngữ của câu trên có cấu tạo như thế nào?

2 Những từ nào trong câu sau" Cò, sếu, vạc cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi" là chủ ngữ?

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

***Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

*** Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV: Ở tiết học trước, các em đã nắm được các thành phần chính của câu - một trong những cơ sở để hình thành khái niệm câu trần thuật đơn. Vậy câu trần thuật đơn là gì? Chúng ta cùng đi tìm hiểu bài học ngày hôm	Cả lớp lắng nghe chú ý, nhập vào bài học	- Kĩ năng nghe, chú ý - Có thái độ tích cực xây dựng trong bài học

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:** Nắm được câu trần thuật đơn là gì

*** Thời gian:** 15 phút
*** Phương pháp:** Đọc, quan sát; phân tích và giải thích các vấn đề, khái quát khái niệm, hệ thống hóa kiến thức…
*** Kĩ thuật:** Phiếu học tập, bảng phụ.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Gọi HS đọc mục I. 1. **Đoạn văn gồm mấy câu? Mục đích của các câu?** - GV: Các câu 1, 2, 6, 9 → câu trần thuật. **? Vậy em cho biết câu trần thuật là gì?** **?Hãy phân tích cấu tạo của các câu trần thuật vừa tìm**? (Treo bảng phụ ghi dữ liệu) **?Em có nhận xét gì về cấu tạo của các câu trần thuật trên ?** - GV chốt lại vấn đề: + Câu do 1 cặp CN-VN tạo thành → câu TT đơn. + Câu do 2 hoặc nhiều cụm C-V sóng đôi tạo thành → câu trần thuật ghép. **?Qua phân tích ví dụ em cho hiểu câu trần thuật đơn là gì ?** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- Đọc ví dụ. - Có 9 câu : + Câu 1, 2, 6, 9: kể, tả, nêu ý kiến. + Câu 3, 5, 8: Bộc lộ cảm xúc. + Câu 7: Cầu khiến. - Câu trần thuật dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về 1 sự việc, sự vật hay để nêu 1 ý kiến. - HS lên bảng phân tích cấu tạo của các câu trần thuật vừa tìm: Câu 1: Tôi / đã hếch răng lên xì một hơi rõ dài Câu 2: Tôi / mắng Câu 6: Chú mày / hôi, ta / nào chịu được Câu 9: Tôi / về không 1 chút bận tâm. - Câu 1, 2, 9 có một cụm c – v. Câu 6 có 2 cụm c – v. - Suy nghĩ, trả lời. - Theo dõi. - HS nêu khái niệm	**I. TÌM HIỂU BÀI** **Câu trần thuật đơn là gì?** **a. Ví dụ/sgk/101** **b. Nhận xét** Câu trần thuật đơn là loại câu do một cụm C-V tạo thành, dùng để để giới thiệu, tả hoặc kể về 1 sự việc, sự vật hay để nêu 1 ý kiến. **II. GHI NHỚ/SGK/ 101**

HOẠT ĐỘNG 3 . LUYỆN TẬP
*** Mục tiêu:** vận dụng kiến thức để giải bài tập
*** Thời gian:** 15 phút
*** Phương pháp:** thuyết trình, vấn đáp, nhóm
*** Kĩ thuật:** động não, mảnh ghép

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- GV yêu cầu HS đọc bài tập - Gọi HS xác định	- HS đọc bài tập - HS đứng tại chỗ trả lời	**Bài 1: Xác định câu trần thuật đơn và cho biết tác dụng của chúng:** - Câu 1: Ngày thứ năm... sáng sủa ⇒ Dùng để tả cảnh - Câu 2: Từ khi... trong sáng như vậy ⇒ dùng để nêu ý kiến nhận xét. **Bài 2: xác định kiểu câu và nêu tác dụng của**

- Gọi HS đọc -Gọi HS trả lời - Gọi HS đọc - Yêu cầu HS trả lời cá nhân	- HS đọc bài tập - - HS đọc bài tập - HS trao đổi cặp trong 1 phút - HS trả lời cá nhân	**chúng** - Câu a, b, c là câu trần thuật đơn dùng để giới thiệu nhân vật. **Bài 3: Nhận xét về cách giới thiệu nhân vật:** Cả 3 đoạn văn đều: - Giới thiệu nhân vật phụ trước - Miêu tả việc làm, quan hệ của các nhân vật phụ - Thông qua việc làm, quan hệ của các nhân vật phụ rồi mới giới thiệ nhân vật chính. **Bài 4: Nhận xét tác dụng của câu mở đầu** - Giới thiệu nhân vật - Miêu tả hoạt động của các nhân vật

HOẠT ĐỘNG 4 . VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:** vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống thực tế,

*** Thời gian:** 10 phút

*** Phương pháp:** thuyết trình, vấn đáp, nhóm

*** Kĩ thuật:** động não, mảnh ghép, phiếu học tập

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt

Tìm và xác định câu trần thuật đơn trong đoạn văn sau đây.
Vân ngồi yên để sự bình tĩnh thấm vào người. Điếu thuốc lá hút dở để trên đĩa sứ bốc khói lên thành một vệt xanh lam sẽ rung động lên cao dần và lặng lẽ quyện lấy bóng đèn sáng.
Trước mặt chàng, khói hương nghi ngút trên bàn thờ lộng lẫy. Những chữ vàng của hai vế câu đối hai bên nổi bật trên nền sơn đen. Qua chiếc màn the hồng, Vân đưa mắt nhìn chiếc đỉnh đồng ám khói, chiếc ngai màu đỏ ối, mấy cây đèn nến cổ, và hai lọ sứ cắm hai cành đào, hoa đỏ thắm như môi người.
	Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình
	- Nghe, suy nghĩ, trao đổi
	- 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới
		Vân //ngồi yên để sự bình tĩnh thấm vào người
		CN(DT) VN(Cụm ĐT)
		Trước mặt chàng,// khói hương //nghi ngút trên bàn thờ lộng lẫy.
		TN CN (dt) VN (TT)
		Những chữ vàng của hai vế câu đối hai bên// nổi bật trên nền sơn đen.
		CN (Cụm DT) VN (tt)

HOẠT ĐỘNG 5 . TÌM TÒI MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức cho hs

*** Thời gian:** 10 phút

*** Phương pháp:** thuyết trình, vấn đáp, nhóm

*** Kĩ thuật:** cá nhân

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 4: Viết một đoạn văn miêu tả chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng câu trần thuật đơn. Gạch chân	HS thực hành viết đoạn văn	**Bài 4:** Viết một đoạn văn miêu tả chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng câu trần thuật đơn. Gạch chân

Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà

Bài cũ: - Học bài, thuộc ghi nhớ.

- Hoàn thiện bài tập.

Bài mới: Soạn bài: Thi làm thơ năm chữ

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**HOẠT ĐỘNG NGỮ VĂN** **THI LÀM THƠ NĂM CHỮ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức :

- Đặc điểm của thơ năm chữ; Các khái niệm về vần được củng cố lại

2. Kĩ năng :

- Vận dung kiến thức về thơ 5 chữ vào làm thơ ; tạo lập văn bản bằng thơ năm chữ.

3. Thái độ :

- Tạo được không khí vui vẻ, kích thích tinh thần sáng tạo, mạnh dạn trình bày miệng những gì mình làm được.

4. Năng lực cần phát triển qua bài học:

+ Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Tự học - Tư duy.

+ Năng lực về quan hệ xã hội: Giao tiếp – hợp tác

+ Năng lực công cụ: Sử dụng nguồn tài nguyên Internet (công nghệ thông tin – Khai thác tài nguyên) – phát triển vốn từ vựng – sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt chuẩn

+Năng lực chuyên biệt: Giải quyết vấn đề, sáng tạo, cảm thụ

5. Nội dung tích hợp

Ma túy: Làm thơ 4,5 chữ về đề tài phòng chống tệ nạn ma túy và chất gây nghiện

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Nghiên cứu sgk, sgv, soạn giáo, bảng phụ, phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

Soạn bài theo hướng dẫn của SGK và định hướng của giáo viên.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

***Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

* **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

* **Kĩ thuật:** Động não.

* **Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV: Thi làm thơ 5 chữ là một hoạt động giúp các em nắm chắc hơn về đặc điểm thể thơ đã được học, tạo không khí vui vẻ, hứng thú và các em mạnh dạn trình bày một vấn đề trước đám đông. Tiết học ngày hôm nay cô trò chúng ta cùng tham gia cuộc thi làm thơ 5 chữ.	Cả lớp lắng nghe chú ý , nhập vào bài học	- Kĩ năng nghe, chú ý - Có thái độ tích cực xây dựng trong bài học

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

(**Đọc**, quan sát và **phân tích**, giải thích các ví dụ, **khái quát** khái niệm)

*** Mục tiêu: Tìm hiểu đặc điểm của thể thơ**

*** Thời gian:** 17- 20 phút.

*** Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật:** Động não.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Gọi HS đọc 3 đoạn thơ trong SGK H. Hãy rút ra đặc điểm của thể thơ năm chữ (Khổ, vần, cách ngắt nhịp..) H. Hãy đọc một bài thơ hoặc đoạn thơ năm chữ và nhận xét về đặc điểm của chúng? - GV bổ sung hoàn chỉnh	- HS đọc - HS trả lời - Số chữ: Mỗi câu thơ gồm 5 chữ (năm tiếng); - Số câu trong bài không hạn định. Cách chia khổ, đoạn tuỳ theo ý định của người viết. - Nhịp: 3/2 hoặc 2/3 - Vần: kết hợp giữa các kiểu vần: chân, lưng, liền cách, bằng trắc. - HS đọc - HS đọc ghi nhớ	**I. TÌM HIỂU BÀI** **Một vài đặc điểm cơ bản của thể thơ năm chữ:** - Số chữ: Mỗi câu thơ gồm 5 chữ (năm tiếng); - Số câu trong bài không hạn định. Cách chia khổ, đoạn tuỳ theo ý định của người viết. - Nhịp: 3/2 hoặc 2/3 - Vần: kết hợp giữa các kiểu vần: chân, lưng, liền cách, bằng trắc. - Thích hợp với lối thơ vừa kể chuyện vừa miêu tả. * Đoạn thơ mẫu minh hoạ: Mỗi năm/ hoa đào nở (V,C,T) lại thấy/ ông đồ già (V, C, B) Bày mực Tàu, /giấy đỏ (V, C, T) bên phố/ đông người qua (V,C, B) (Trích Ông Đồ- Vũ Đình Liên) **II. GHI NHỚ/SGK/105**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu: Củng cố kiến thức để làm bài tập**

*** Thời gian**: 15- 17 phút.

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

*** Kỹ thuật:** Động não, khăn trải bàn, giao việc, chia nhóm, bản đồ tư duy...

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- GV nêu một số điểm cần lưu ý khi làm thơ	- HS lắng nghe - HS chữa bài thơ năm chữ đã được chuẩn bị ơ nhà đọc cho lớp nghe. - Lớp nhận xét chữa.	* Lưu ý: Khi mô phỏng hoặc bắt chước cần chú ý: - Nhịp: 2/3 hoặc 3/2 - Vần: + Cách, trắc: tò - cò + Cách , bằng, lưng: vàng - càng + Liền bằng, chân: Xanh – lanh

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để tự sáng tác các bài thơ theo từng chủ đề**

*** Thời gian**: 15- 17 phút.

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

*** Kỹ thuật:** nhóm

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- GV giao đề tài - GV nhận xét chung - Công bố giải nhất, nhì, ba	- Nhóm lựa chon đề tài - Tập viết bài thơ 15' - Cử đại diện đọc một bài thơ hay nhất trong nhóm - Các nhóm, tổ khác nhận xét, đánh giá	**III. Thi tập làm thơ năm chữ tại lớp:** Viết 1 bài thơ năm chữ có thể lựa chọn các đề tài sau: + Hoa mùa xuân + Chiều trên sông quê + Quả mùa hè + Người bạn mới quen + Lá mùa thu…

HOẠT ĐỘNG 5 . TÌM TÒI MỞ RỘNG

*** Mục tiêu: Mở rộng kiến thức cho hs: tìm tòi, sáng tạo**

*** Thời gian**: 15- 17 phút.

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

*** Kỹ thuật:** nhóm

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Tích hợp Ma túy: Làm thơ 4,5 chữ về đề tài phòng chống tệ nạn ma túy và chất gây nghiện -Tìm đọc thêm một số bài thơ năm chữ hay về đề tài ma túy và viết cảm xúc về bài thơ đó.		-Trình bày và nêu cảm xúc.

Bước 4. Giao bài và hướng dẫn chuẩn bị bài ở nhà

1. Hướng dẫn HS học bài:

- Nắm vững đặc điểm của thể thơ năm chữ.
- Về nhà: Tập làm một bài thơ năm chữ với độ dài không quá mười câu, đề tài: tự chọn

2. Hướng dẫn Hs chuẩn bị trước bài:

- Soạn bài: Hướng dẫn đọc thêm: Lòng yêu nước
- Đọc kĩ văn bản và trả lời đầy đủ câu hỏi phần đọc hiểu trong sgk

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM **LÒNG YÊU NƯỚC** **I-li-a Ê-ren-bua**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. **MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

1.Kiến thức :

- Lòng yêu nước bắt nguồn từ lũng yòu những gỡ gần gũi, thõn thuộc của quờ hương và được thể hiện rừ nhất trong hoàn cảnh gian nan, thử thỏch. Lòng yêu nước trở thành sức mạnh, phẩm chất của người anh hùng trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc .
- Nét chính về nghệ thuật của văn bản .

2.Kĩ năng :

- Đọc diễn cảm một văn bản chính luận giàu chất trữ tình : giọng đọc vừa gắn rỏi, dứt khoát, vừa mềm mại, dịu dàng, tràn ngập cảm xúc
- Nhận biết và hiểu vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm .
- Đọc – hiểu văn bản tùy bút có yếu tố miêu tả kết hợp với biểu cảm .
- Trình bày được suy nghĩ, tình cảm của bản thân về đất nước mình .

3. Thái độ

Có tình yêu quê hương đất nước

4. Năng lực cần hướng tới

- Năng lực làm chủ và phát triển bản thân

+ Năng lực tự học

+ Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực xã hội:

+ Năng lực giao tiếp

+ Năng lực hợp tác

+ Năng lực chuyên biệt: rèn kĩ năng tự học; cảm thụ vẻ đẹp của các hình ảnh nghệ thuật trong văn chương…...

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên : Nghiên cứu sgk, sgv, soạn giáo án; Bảng phụ .
2. Học sinh: Soạn học bài theo hướng dẫn.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

Bước 1. ổn định tổ chức lớp (1').

Bước 2. Kiểm tra bài cũ (3'- 5')

Bước 3. Bài mới (37' - 39')

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

***Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

*** Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV: Lòng yêu nước là một thứ tình cảm đẹp nhất của mỗi công dân mỗi DT từ xưa tới nay. Các nhà văn, nhà thơ đều có một cách nói riêng về lòng yêu nước. Trong ca dao có câu: Đường vô xứ Huế quanh quanh Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ	**HS nghe**	

Hay Nguyễn Trãi có câu: Ngẫm thù lớn há đội trời chung Căm giặc nước thề không cùng sống Cũng nói về lòng yêu nước nhưng nhà văn Nga lại có cách nói riêng. Ta xem nhà văn Nga I-li-a Ê-ren-bua thể hiện tình yêu nước của mình như thế nào qua bài Lòng yêu nước		

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

(**Đọc**, quan sát và **phân tích**, giải thích)

*** Mục tiêu:** nội dung bài

*** Thời gian:** 17- 20 phút.

*** Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật:** Động não.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
-Gọi HS đọc chú thích * / SGK trang 107. **? Hãy nêu vài nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn Ê-ren-bua ?** - GV nhận xét, bổ sung thêm. **? Nêu xuất xứ của tác phẩm** - GV bổ sung: Đây là thời kì khó khăn nhất của cuộc chiến tranh vê quốc của nhân dân Liên Xô chống phát xít Đức xâm lược. - GV hướng dẫn hs đọc văn bản và gọi hs đọc văn bản: Giọng trữ tình, vừa tha thiết vừa sôi nổi. - Gọi HS nhận xét và sửa cách đọc của bạn. - GV nhận xét, uốn nắn. - GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số từ ngữ khó (theo chú thích). - Cho hs nhận xét, bổ sung. - GV bổ sung, chốt kiến thức. **? Văn bản này có thể chia làm mấy phần ? Nêu nội dung của từng phần ?** **? Bài được viết theo thể loại**	- Đọc. - Giới thiệu tác giả dựa theo chú thích * / SGK trang 107. - Trích từ bài báo "Thử lửa" của Ê – ren – bua viết cuối tháng 6/1942. - Nghe hướng dẫn đọc và đọc văn bản. - Nhận xét việc đọc bài của bạn. - Nghe nhận xét và rút kinh nghiệm. - Tìm hiểu từ khó. - Có thể chia làm 2 phần: + Phần 1: Từ đầu ..." lòng yêu Tổ quốc → Những biểu hiện của lòng yêu nước. + Phần 2: còn lại → Sức mạnh của lòng yêu nước.	**I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH** **1. Tác giả** **I.Ê-ren-bua** (1891 – 1962) Là nhà văn nổi tiếng, nhà báo lỗi lạc của Liên Xô trước đây. **2.Tác phẩm** **a. Xuất xứ** - Trích từ bài báo "Thử lửa" của Ê – ren – bua viết cuối tháng 6/1942. **b. Chú thích** **c. Bố cục** 2 phần

gì? Ptbđ? **? Hãy nêu đại ý của bài?** - Gọi HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, kết luận.	- Nhận xét, bổ sung. - Theo dõi. - Lý giải ngọn nguồn của lòng yêu nước. Lòng yêu nước bắt nguồn từ tình yêu những gì thân thuộc gần gũi; tình yêu gia đình, xóm làng, miền quê. Lòng yêu nước được thể hiện và thử thách trong cuộc chiến đấu chống ngoại xâm. - Nhận xét, bổ sung. - Theo dõi.	**d. Thể loại và ptbđ** - Thể loại : tuỳ bút. - Ptbđ: Miêu tả + BC
- Yêu cầu HS đọc: từ đầu … "lòng yêu tổ quốc" **+? Mở đầu văn bản là câu văn nêu nhậnxét khái quát về lòng yêu nước, đó là câu văn nào ?** **? Tại sao lòng yêu nước lại bắt đầu từ lòng yêu những vật tầm thường đó?** **? Biểu hiện lòng yêu nước của những con người Xô Viết gắn liền với nỗi nhớ vẻ đẹp các làng quê yêu dấu của họ, đó là những vẻ đẹp nào**? ? **Em hãy nhận xét về cách chọn lọc và miêu tả những vẻ đẹp ấy của tác giả** - GV: Nói về vẻ đẹp riêng biệt của từng vùng trên đất nước Liên Xô rộng lớn, tác giả đã lựa chọn miêu tả vẻ	- Đọc. - "Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất…hơi rượu mạnh". - Vì đó là những biểu hiện của sự sống đất nước được con người tạo ra. Chúng đem lại niềm vui, hạnh phúc và sự sống cho con người. - HS trả lời: + Cảnh rừng bên sông Vi-na, cây mọc là là trên mặt nước. + Những đêm tháng sáu sáng hồng. + Bóng thùy dương tư lự bên đường, trưa hè vàng ánh, tiếng ong bay. + Khí trời của núi cao, dòng suối óng ánh bạc, vị mát của nước đóng băng, rượu vang rót từ túi da dê. + Sương mù và dòng sông Nê-va, những pho tượng tạc những con chiến mã. + Những phố cũ ngoằn ngoèo, điện Krem-li, tháp cổ,… **- HS trả lời:** + Chọn những cảnh tượng mang vẻ đẹp tiêu biểu cho từng vùng đất nước. + Đó là những gì thân thuộc nhất đối với sự sống của con người trên mỗi vùng đất Xô	**II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN** **1. Ngọn nguồn của lòng yêu nước.** - Yêu bằng những cái rất gần gũi hàng ngày quanh ta, có thể cảm giác được. ⇒ Tác giả chọn những cảnh tượng mang vẻ đẹp tiêu biểu cho từng vùng đất nước. Đó đều là những gì thân thuộc nhất đối với sự sống con người trên mỗi vùng đất Xô Viết, từ thiên nhiên đến văn hoá, lịch sử.

đẹp ở nhiều vùng khác nhau, từ cực Bắc nước Nga đến vùng núi phía Tây Nam thuộc nước CH Gru-di-a, những làng quê êm đềm của xứ U-crai-na, từ thủ đô Mat-xcơ-va cổ kính đến thành phố Lê-nin-grát đường bệ và thơ mộng… mỗi nơi tác giả chọn miêu tả một vài hình ảnh tiêu biểu cho vẻ đẹp riêng biệt độc đáo của nó… → tuy gợi tả qua nỗi nhớ nhung nhưng vẫn làm nổi rõ được vẻ đẹp riêng và tất cả đều thấm đượm tình cảm yêu mến, tự hào của con người.	Viết, từ thiên nhiên đến văn hóa, lịch sử. - Nghe, cảm nhận.	
? Em có nhận xét gì về tác giả qua những lời văn miêu tả lòng yêu nước ấy ?	- Tác giả là người am hiểu và có tình cảm sâu sắc với các miền đất nước của ông. Ông như đang tự bày tỏ lòng yêu nước của chính mình.	
? Em nhận thấy ý nghĩa sâu sắc nào trong câu văn đoạn kết: " Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêuTổ quốc"?	- Chân lí phổ biến và sâu sắc về lòng yêu nước: Lòng yêu nước thiêng liêng được nâng lên từ lòng yêu nhà, yêu xóm, yêu quê bình thường, giản dị. Lòng yêu nước là thứ tình cảm có thật, từ trong lòng người chứ không hư ảo trừu tượng.	- " Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc" → Chân lí phổ biến và sâu sắc về lòng yêu nước: Lòng yêu nước thiêng liêng được nâng lên từ lòng yêu nhà, yêu xóm, yêu quê bình thường, giản dị.
		2.Sức mạnh của lòng yêu nước:
- Gọi HS đọc đoạn văn còn lại của văn bản. ? **Tác giả cảm nhận được sức mạnh của lòng yêu nước trong hoàn cảnh nào? (Lời văn nào diễn tả điều đó?)**	- Đọc. - Sức mạnh của lòng yêu nước được thử thách trong chiến tranh. "Có thể nào quan niệm được sức mãnh liệt của tình yêu mà không đem nó vào lửa đạn gay go thử thách".	- Sức mạnh của lòng yêu nước được thử thách trong chiến tranh. "Có thể nào quan niệm được sức mãnh liệt của tình yêu mà không đem nó vào lửa đạn gay go thử thách".
- Cho HS trao đổi trong bàn: **? Tại sao khi kẻ thù "giơ tay khả ố động đến Tổ quốc của chúng ta" thì ta mới hiểu lòng yêu nước**	- Trao đổi, trả lời cá nhân: Vì khi nguy cơ mất nước (mất nhà, mất xóm, mất quê)	→ lòng yêu nước là giá trị tinh thần có thể nhìn thấy được.

của mình lớn đến dường nào? - GV kết luận. **? Theo em lòng yêu nước của những người dân Xô Viết được phản ánh trong văn bản này có gì gần gũi với lòng yêu nước của người dân VN chúng ta ?** - GV nhận xét, kết luận.	thì lòng yêu nước sẽ trỗi dậy (nếu cần sẽ đổ máu, hi sinh để giữ lấy nó…). Như vậy lòng yêu nước là giá trị tinh thần có thể nhìn thấy được. - Có rất nhiều điểm gần gũi: + Mọi người VN đều sẵn có lòng yêu nhà, yêu xóm, yêu quê: "Anh đi anh nhớ quê nhà….hôm nao", yêu quê hương vì có chim có bướm, có những ngày trốn học bị đòn roi, yêu làng quê nơi có người bà yêu dấu, có những ổ trứng hồng tuổi thơ (Cháu chiến đấu hôm nay/ Vì lòng yêu Tổ quốc Vì xóm làng thân thuộc/ Bà ơi cũng vì bà/ Vì tiếng gà cục tác/ Ổ trứng hồng tuổi thơ),… + Lòng yêu nước của chúng ta luôn được thử thách trong chiến tranh. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ, đã chứng minh rằng "Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, lòng yêu nước đã kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ. Nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước"...	
? Em cảm nhận được những điều đáng quý nào về lòng yêu nước từ bài văn này ? **? Là một bài báo, những văn bản này có sức gợi xúc động cho người đọc vì cách diễn đạt mang tính nghệ thuật. Em hãy chỉ ra những điều đó?** - GV nhận xét, kết luận. - Gọi HS đọc ghi nhớ sgk/109.	- HS trả lời: + Lòng yêu nước bắt đầu từ lòng yêu những thứ bình thường nhất, yêu nhà, yêu xóm, yêu quê. + Lòng yêu nước trở nên mãnh liệt trong chiến tranh. + Lòng yêu nước giản dị mà sâu sắc của Ê-ren-bua. -HS trả lời: + Lời văn giàu hình ảnh, thấm đượm những cảm xúc, suy tư chân thành của tác giả về lòng yêu nước. + Lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục. - Đọc ghi nhớ.	**III. Ghi nhớ/sgk/109**

HOẠT ĐỘNG 3 . LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:** vận dụng kiến thức để làm bài tập

*** Thời gian:** 7 phút.

*** Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật:** Động não.

.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Em có nhận xét gì về những dẫn chứng nói lên lòng yêu nước của người dân Xô Viết? Trong các dẫn chứng đó, hình ảnh nào để lại cho em nhiều ấn tượng nhất? Vì sao?	-Đọc	Tác giả sử dụng 5 dẫn chứng, mỗi dẫn chứng đều chỉ ra được những nét đặc trưng của từng vùng miền => Hình ảnh gợi ra một đất nước Liên Xô rộng lớn. Hình ảnh trong mỗi câu văn đẹp rực rỡ, lấp lánh ánh sáng : « Đêm tháng sáu sáng hồng…….của công viên mùa hè » => Thiên nhiên phong phú, tươi đẹp, hấp dẫn. Các dẫn chứng còn gợi lên một đất nước LX có bề dày lịch sử, văn hóa : nước Nga đường bệ, những tượng bằng đồng tạc…. ánh sao đỏ của ngày mai. Đi kèm với những hình ảnh đó, người dịch cũng rất chú ý đến cách dùng các động từ thể hiện những cung bậc tình cảm dành cho quê hương : nghĩ đến (2 lần), nhớ (5 lần) Dằng sau mỗi câu văn là lòng yêu nước nồng nàn và niềm tự hào của người dân Xô Viết.

HOẠT ĐỘNG 4 . VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống

*** Thời gian:** 5 phút.

*** Phương pháp**: vấn đáp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật:** Động não.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 2: Cảm nhận về đất nước , cuộc sống và con người qua truyện , kí:	HS nêu ý kiến cá nhân	**Bài 2:** Cảm nhận về đất nước , cuộc sống và con người qua truyện , kí: - Các tuyện kí hiện đại đã học giúp ta hình dung được cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, phong phú, giàu có của đất nước Việt Nam ta từ Bắc đến Nam, từ biển đảo đến rừng núi. Qua đó thể hiện cuộc sống tươi đẹp của con người Việt Nam trong lao động và trong chiến đấu, trong học tập và trong mơ ước, thật giản dị, khiêm tốn, thông minh, tài hoa và rất anh hùng. - Ngoài ra một số truyện kí hiện đại nước ngoài cũng mở rộng tầm hiểu biết cho chúng ta về lòng yêu nước của nhân dân Pháp, Liên Xô trong những năm chiến

		đấu bảo vệ Tổ quốc (Thế kỉ 19)?

HOẠT ĐỘNG 5 . TÌM TÒI MỞ RỘNG
*** Mục tiêu: Mở rộng kiến thức cho hs**
*** Thời gian:** 3 phút.
*** Phương pháp**: nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.
*** Kỹ thuật:** Động não.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 3: Muốn thể hiện tình yêu với thành phố Hải Phòng em dự định sẽ nói gì? Bài 4: Tìm các văn bản cùng đềtài	-Suy nghĩ trình bày	Bài 3: -Yêu những hàng câyphương vĩ khi hè về, con đường nơi em đến, ngôi chùa cổ kính em qua… Bài 4: -

Bước 4. Giao bài, hướng dẫn làm bài tập về nhà
1. Hướng dẫn học bài:
- Học thuộc ghi nhớ sgk.
- Viết đoạn văn ngắn nêu tình cảm của em về thành phố biển thân yêu.
2. Hướng dẫn chuẩn bị trước bài ở nhà.
Chuẩn bại bài: Lao xao

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	**LAO XAO** **Tricgs: tuổi thơ im lặng** **Duy Khán**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1.Kiến thức. Thế giới các loài chim đã tạo nên vẻ đẹp đặc trưng của thiên nhiên ở một làng quê miền bắc.

- Tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật khi miêu tả các loài chim ở làng quê trong bài văn.

2.Kĩ năng : Đọc - hiểu bài hồi kí tự truyện có yếu tố miêu tả.

- Nhận biết được chất dân gian được sử dụng trong bài văn và tác dụng của những yếu tố này.

3.Thái độ : -Yêu quê hương.

4. Năng lực cần phát triển qua bài học:

+ Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Tự học - Tư duy.

+ Năng lực về quan hệ xã hội: Giao tiếp – hợp tác

+ Năng lực công cụ: Sử dụng nguồn tài nguyên Internet (công nghệ thông tin – Khai thác tài nguyên) – phát triển vốn từ vựng – sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt chuẩn

+Năng lực chuyên biệt: Giải quyết vấn đề, sáng tạo, cảm thụ

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Soạn bài , Tài liệu, ảnh chân dung giới thiệu về nhà văn Duy Khán

2. Chuẩn bị của học sinh

- Soạn bài, đọc tác phẩm, tóm tắt tác phẩm chuẩn bị tài liệu và đồ dùng cần thiết.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Trong bài văn tác giả đã miêu tả những phẩm chất nổi bật gì của cây tre?

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

*** Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV: Trong những truyện viết về thiếu nhi, viết cho thiếu nhi, Tuổi thơ im lặng của Duy Khán là một tác phẩm đặc sắc. Kỉ niệm tuổi thơ, cảnh sắc làng quê, cuộc sống và hình ảnh con người hồn hậu,chất phác nơi xóm thôn... được tác giả kể lại với bao tình quê vơi đầy. Bài Lao xao trích trong tuổi thơ im lặng nói về vườn quê chớm hè và thế giới loài chim trong bầu trời và tâm hồn bầy trẻ nhỏ. Hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu bài văn.	**Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình** - Nghe, suy nghĩ, trao đổi - 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới	**Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình**

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu**:

+ Học sinh nắm được các giá trị của văn bản.(Sự phong phú thiên nhiên ở làng quê...)

+ Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác...

*** Phương pháp:** Đọc diễn cảm, thuyết trình, vấn đáp, phân tích, giảng bình, thảo luận nhóm.

*** Kỹ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 15- 18'.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
		I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH
Nêu những hiểu biết cảu em về tác giả tác phẩm?	ghe -HS nêu	**1. Tác giả, tác phẩm** - Tác giả: Duy Khán (1934 – 1995) ở huyện Quốc Võ-bắc Ninh.
GV nêu cách đọc - GV đọc mẫu - Gọi HS đọc	- HS lần lượt đọc tiếp	- Tác phẩm Lao xao trích từ tác phẩm Tuổi thơ im lặng của Duy Khán, tác phẩm được giaI thưởng Hội nhà văn 1987
		2. Đọc – chú thích
- Cho HS đọc thầm phần giải nghĩa từ		**3. Bố cục văn bản**
- Nêu bố cục của bài?	HS đọc - Bố cục: 2 đoạn + Đoạn1: Cảnh buổi sớm chớm hè ở làng quê.	2 phần
- Tác giả miêu tả theo trình tự nào?	+ Đoạn2: Thế giới các loài chim ⇒ Cách miêu tả của tác giả đi từ khái quát đến cụ thể – tả chọn lọc và cụ thể một vài loài chim tiêu biểu	
- Bài viết theo thể loại và phương thức biểu đạt nào?	- Thể loại : Kí – Hồi tưởng của bản thân tác giả.	**4. Thể loại và phương thức biểu đạt** - Thể loại: Kí - Ptbđ: Miêu tả
		II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN
- Gọi HS đọc đoạn mở đầu - Tác giả đã miêu tả thế giới loài hoa ntn?	- HS trao đổi cặp trong 1 phút -Mỗi loài hoa có một nét đẹp	**1. Cảnh một buổi sáng sớm chớm hè ở làng quê** - Cảnh vật : cây cối um tùm,

GV: Bức tranh mùa hè không chỉ có màu sắc của các loài hoa mà còn hiện lên thế giới đầy hương thơm. - Bức tranh buổi sớm chớm hè ở làng quê không chỉ có màu sắc và hương thơm mà còn được điểm xuyết những hoạt động và âm thanh nào nữa? - Âm thanh nào khiến tác giả chú ý nhất? Vì sao? H- Đọc đoạn văn: "Sớm... râm ran" hãy nhận xét về số tiếng của mỗi câu? Các câu ấy thể hiện dụng ý nghệ thuật gì của tác giả? - Nêu cảm nhận của em về cảnh này? - Nhận xét về cách miêu tả thế giới loài chim của tác giả? * GV: Dụng ý cách phân loại này là để cho phù hợp với tâm lí trẻ thơ và chịu ảnh hưởng của văn hoá dân gian? ? Tác giả đã kể đến các loài chim hiền nào? ? Chúng có quan hệ ntn với con người? ? Trong số các loài chim mang vui đến cho trời đất, t/g tập trung kể về loài chim nào? ? Chim sáo và tu hú được miêu tả ntn? ? Cây tu hú ở đây là cây gì? ? Các loại chim này được miêu tả trên những phương	riêng,một tiếng nói riêng (Những loài hoa hào phóng đấy đã đem đến cho làng quê một không gian đậc quánh mùi thơm) - Âm thanh Lao xao - HS : Những câu văn ngắn, chỉ có một từ-dụng ý nói các loài chim sẽ được miêu tả qua cái nhìn và cảm nhận của trẻ thơ, vui vẻ, hồn nhiên, rất ngây thơ. - sức sống dạt dào nơi vườn hè và còn thể hiện một cách hồn nhiên cuộc tranh giành mưu sinh và tồn tại của thiên nhiên tạo vật mà tác giả đã nghe được và cảm nhận được - HS theo hai nhóm: chim hiền và chim ác. - HS trả lời - Chim sáo và tu hú -> Chúng được kể về đặc điểm hoạt động (hót, học nói, kêu mùa vải chín) - Chúng được kể về đặc điểm hoạt động (hót, học nói, kêu mùa vải chín) - M/t trên phương diện đặc điểm hoạt động: hót, học nói,	hoa lan, hoa giẻ, hoa móng rồng. - Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau…đuổi bướm…rủ nhau lặng lẽ bay đi. - âm thanh: lao xao nghe nhẹ nhàng và rất rõ. ->: Phép nhân hoá, so sánh => cảnh vật hiện lên sinh động . **2. Thế giới các loài chim** **a. Nhóm chim hiền.** - bồ các, chim ri, sáo, tu hú, chim ngói, chim nhạn, bìm bịp-> gần gũi với con người, mang vui đến cho trời đất - Chim sáo: Đậu cả trên lưng trâu mà hót: tọ toẹ học nói, bay đi ăn, chiều lại về với chủ. - Tu hú: Báo mùa tu hú chín, đỗ trên ngọn tu hú mà kêu -> phép nhân hoá, miêu tả; âm thanh, tiếng hót xen vào những câu hát đồng dao, câu chuyện cổ tích => thế giới loài chim hiện lên sinh động, gần gũi .

diện nào? ? Tại sao t/g gọi chúng là các loài chim mang vui đến cho trời đất? ? T/g đã dùng BPNT nào để miêu tả các loài chim? Tác dụng của nó?	kêu mùa vải chín. - Vì tiếng hót của chúng mang niềm vui đến cho con người, cho mùa màng… - NT được sử dụng: Nhân hoá (Chị Điệp, cậu Sáo, em Tu hú); Từ láy tượng thanh: các các, chéc chéc, bịp bịp, tu hú - phù hợp với tâm lí trẻ thơ	
? Những loài chim dữ, ác được tác giả giới thiệu là những loài nào ? ? Nhóm chim này được miêu tả cụ thể như thế nào? Về hình dáng, lai lịch và hoạt động ? Diều hâu có những điểm xấu nào? ? Chèo bẻo là loài chim ntn? ? Điểm xấu nhất của quạ là gì? ? Chim cắt ác ở điểm nào? ? Hãy kể thêm các loài chim dữ, ác khác mà em biết? - Chim ưng, đại bàng... ? Tác giả đã dùng nghệ thuật gì để tả các loài chim này ? ? Qua đó ta thấy, ông là người ntn? ? Nếu đánh giá các loài chim bằng cái nhìn dân gian, em sẽ đặt tên cho những con chim ác này ntn? ? Tại sao t/g lại gọi chúng là chim ác, chim xấu?	- Đánh nhua như một tên đao phủ, chưa có loài chim nào trị được nó. Nhưng có một đàn chèo bẻo đã trị được nó -> quy luật của tự nhiên cuộc đấu tranh sinh tồn . - Quạ: chim ăn trộm; Diều hâu: chim ăn cướp; Cắt: chim đao phủ. - Cách gọi kèm thái độ yêu, ghét của dân gian, chỉ các loại động vật ăn thịt	**b. Nhóm chim ác** - Diều hâu: mắt tinh, mũi khoằm, tai thính, hay bắt gà, vừa lượn vừa ăn . - Quạ: kém cỏi, hèn hạ, chuyên ăn trộm trứng, nhâng nháo, láu táu. - Chim cắt: cánh nhọn, đánh nhau xỉa bằng cánh, vụt đến, vụt biến như quỷ -> Kết hợp tả, kể với nhận xét, bình luận => tác giả có vốn hiểu biết phong phú về các loài chim và tình cảm yêu mến gắn bó với thiên thiên.
Tại sao tác giả gọi chim chèo bẻo là chim trị ác? H- Chèo bẻo đã chứng tỏ là chim trị ác qua những đặc điểm nào về hình dáng và hoạt động?	- HS Loại chim dám đánh lại các loài chim ác, chim xấu HS thảo luận - Chim kết đoàn - Chim hảo hán - Chim dũng sĩ	**c. Chim trị ác:** Loại chim dám đánh lại các loài chim ác, chim xấu (chèo bẻo). - Hình dáng: như những mũi tên đen hình đuôi cá. - Hoạt động: + Lao vào đánh diều hâu túi bụi khiến diều hâu phải nhả con mồi, hú vía.

H- ng kể chuyện chèo bẻo diệt kẻ ác, tác giả viết: "Chèo bẻo ơi, chèo bẻo !" Điều đó có ý nghĩa gì?	HS ca ngợi hành động dũng cảm của chèo bẻo.	+ Vây tứ phía đánh quạ. Có con quạ chết đến rũ xương. + Cả đàn vây vào đánh chim cắt để cứu bạn, khiến cắt rơi xuống ngắc ngoải. ⇒ Tác giả muốn thể hiện thiện cảm của mình đối với loại chim này; ca ngợi hành động dũng cảm của chèo bẻo.
H- Tại sao tác giả miêu tả cảnh chim cắt xỉa chết chèo bẻo... trước sự chứng kiến của lũ trẻ làng như thế nào?	- Chim cắt xỉa chết chèo bẻo - bị đàn chèo bẻo đánh tập kích con chim cắt khác, khiến cho nó ngấp ngoải rơi xuống...	- Chim cắt xỉa chết chèo bẻo - bị đàn chèo bẻo đánh tập kích con chim cắt khác, khiến cho nó ngấp ngoải rơi xuống...
- Và có ý mghĩa gì?	+ Dù mạnh giỏi đến đâu mà gây tội ác thì nhất định sẽ bị trừng trị.	⇒ Cách miêu tả sống động, gửi gắm vào đó bài học nhẹ nhàng sâu sắc: + Dù mạnh giỏi đến đâu mà gây tội ác thì nhất định sẽ bị trừng trị. + Nói đến sức mạnh của tinh thần đoàn kết cộng đồng sẽ làm nên sức mạnh gấp bội
* **GV**: Đó là qui luật của tự nhiên, của loài chim mà cũng là của chính loài người. Một lần nữa triết lí dân gian lại thấp thoáng hiện lên âm thầm trầm, thấm thía		**3.Chất văn hoá dân gian trong bài**
? Chất văn hoá dân gian được thể hiện ntn trong bài?	- Chú ý các câu hát dân gian được thể hiện bằng các câu thành ngữ và sự tích về loài chim bìm bịp.	- Đồng dao: Bồ các là bác chim ri . - Thành ngữ: Dây mơ, rễ má; kẻ cắp gặp bà già, lia lia láu láu như quạ vào chuồng lợn . - Truyện cổ tích : sự tích chim bìm bịp, chim chèo bẻo.
? Em hãy tìm các chi tiết dân gian được thể hiện trong văn bản?	- Cách nhìn và cảm nhận về thế giới các loài chim của tác giả thể hiện mối quan hệ với con người, với công việc nhà nông là những thiện cảm hay ác cảm đối với các loài chim. Trong những quan niệm dân gian, bên cạnh nét hồn nhiên, còn có những hạn chế của cách nhìn mang tính định kiến, thiếu căn cứ khoa học như cách gọi chèo bẻo là kẻ cắp…	- Trong cách nhìn và cảm nhận của tác giả về thế giới các loài chim .
		III. GHI NHỚ/SGK/113
Gv hướng dẫn hs tổng kết	**1. Giá trị nội dung** Bằng sự quan sát tinh tường,	

	vốn hiểu biết phong phú và tình yêu thiên nhiên, quê hương của tác giả bài văn vẽ nên những bức tranh cụ thể, sinh động, nhiều màu sắc về thế giới các loài chim ở đồng quê **2. Giá trị nghệ thuật** - Sử dụng dày đặc từ láy - Nghệ thuật nhân hóa, so sánh - Miêu tả chi tiết, cụ thể, độc đáo - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa kể và tả - Chất liệu dân gian	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:** Tổng kết giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm

*** Phương pháp:** Vấn đáp, Nêu vấn đề, Thuyết trình

*** Kĩ thuật:** Phiếu học tập (Vở bài tập Ngữ văn), Khăn trải bàn, Động não

*** Thời gian:** 3 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
H- Em hiểu biết gì thêm về thế giới tự nhiên và con người qua văn bản Lao xao? H- Tình cảm nào được khơi dậy trong em khi tiếp xúc với thế giới các loài vật trong văn bản Lao xao? H- Em học tập được gì từ NT miêu tả và kể chuyện của tác giả trong văn bản? - Gọi HS đọc ghi nhớ	- Hiểu biết thêm về một số loài chim ở làng quê nước ta. - HS Yêu quí các loài vật quanh ta, yêu làng quê, yêu DT. + Quan sát tinh tường đối tượng miêu tả + Vốn sống rất cần khi miêu tả. - HS đọc ghi nhớ	**-Nội dung** Hiểu biết thêm về một số loài chim ở làng quê nước ta. Qua đó thấy được sự quan tâm của con người với loài vật. - Yêu quí các loài vật quanh ta, yêu làng quê, yêu DT. **2- Nghệ thuật:** + Quan sát tinh tường đối tượng miêu tả + Vốn sống rất cần khi miêu tả. + Miêu tả, kể chuyện cần được lồng trong cảm xúc.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:** Củng cố, khắc sâu kiến thức bài học

*** Phương pháp:** Vấn đáp, Nêu vấn đề

*** Kĩ thuật:** Phiếu học tập (Vở bài tập Ngữ văn), Động não

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
-GV hướng dẫn học sinh thảo luận	- HS trao đổi nhóm trong 3 phút Gợi ý: - Nhan đề vừa nói đến thế giới loài chim. - Gợi nghĩ đến buổi sáng mùa hè ở làng quê.	1. Giải thích cái hay của nhan đề Lao xao?

2. Có ý kiến cho rằng: "Cảm nhận về các loài chim trong bài đậm chất dân gian". Em có đồng ý với ý kiến đó không? Hãy chỉ ra chất dân gian đó? Gv hướng dẫn học sinh làm bài tập,	Hs suy nghĩ làm bài, Gv nhận xét kết luận.	2. Đồng ý: - Đồng dao: Bồ các là bác chim ri . - Thành ngữ: Dây mơ, rễ má; kẻ cắp gặp bà già, lia lia láu láu như quạ vào chuồng lợn . - Truyện cổ tích : sự tích chim bìm bịp, chim chèo bẻo. - Trong cách nhìn và cảm nhận của tác giả về thế giới các loài chim .

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu :** Củng cố, khắc sâu kiến thức bài học

*** Phương pháp:** Vấn đáp, Nêu vấn đề

*** Kĩ thuật:** Phiếu học tập (Vở bài tập Ngữ văn), Động não

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Trong truyện cổ tích dân gian, em đã gặp hình ảnh loài chim thần kì. Hãy tưởng tượng và miêu tả lại một hình ảnh loài chim mà em yêu thích nhất. Gv hướng dẫn học sinh làm bài tập,	Hs suy nghĩ làm bài	

Bước 4. Giao bài và hướng dẫn chuẩn bị bài ở nhà

1. Hướng dẫn học bài:

- Học thuộc ghi nhớ sgk.

2. Hướng dẫn chuẩn bị trước bài ở nhà.

- Soạn bài: Câu trần thuật đơn có từ là

Yêu cầu: Trả lời đầy đủ các câu hỏi trong sgk.

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN CÓ TỪ LÀ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ là.
- Các kiểu câu trần thuật đơn có từ là.

2. Kỹ năng:

- Nhận diện được câu trần thuật đơn có từ là và xác định được các kiểu cấu tạo câu trần thuật đơn có từ là trong văn bản.
- Xác định được chủ ngữ và vị ngữ trong câu trần thuật đơn có từ là.
- Đặt được câu trần thuật đơn có từ là.

3. Thái độ: Biết vận dụng câu trần thuật đơn có từ là trong khi nói và viết.

4. Năng lực cần phát triển qua bài học:

+ Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Tự học - Tư duy.
+ Năng lực về quan hệ xã hội: Giao tiếp – hợp tác
+ Năng lực công cụ: Sử dụng nguồn tài nguyên Internet (công nghệ thông tin – Khai thác tài nguyên) – phát triển vốn từ vựng – sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt chuẩn
+Năng lực chuyên biệt: Giải quyết vấn đề, sáng tạo, cảm thụ

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Soạn bài , SGK , bảng phụ ,

2. Chuẩn bị của học sinh

Chuẩn bị bài dưới sự hướng dẫn của GV như đọc văn bản hoặc ngữ liệu, làm các bài tập, chuẩn bị tài liệu và đồ dùng cần thiết.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

*** Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV: Sách giáo khoa phân loại câu trần thuật đơn thành 2 kiểu chính: Câu trần thuật đơn có từ là và câu trần thuật đơn không có từ là. Vậy câu trần thuật đơn có từ là là gì ? kiểu câu ấy có vai trò như thế nào? Trong tiết học ngày hôm nay cô trò	Cả lớp lắng nghe chú ý, nhập vào bài học	- Kĩ năng nghe, chú ý - Có thái độ tích cực xây dựng trong bài học

chúng ta cùng nhau tìm hiểu		

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:** Đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ là, các kiểu câu trần thuật đơn có từ là

*** Thời gian:** 15 phút

*** Phương pháp:** Đọc, quan sát; phân tích và giải thích các vấn đề, khái quát khái niệm, hệ thống hóa kiến thức…

*** Kĩ thuật:** Phiếu học tập, bảng phụ.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
		I. TÌM HIỂU BÀI **1. Đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ là.**
- Gv treo bảng phụ ghi ví dụ sgk/114, gọi hs đọc vd và thực hiện các yêu cầu sau: **? Hãy xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu ở bảng phụ ?**	- Quan sát, đọc ví dụ và thực hiện theo yêu cầu : - HS trả lời: a, Bà đỡ Trần / là Người huyện CN VN Đông Triều. b, Truyền thuyết / là loại truyện CN VN …kì ảo. c, Ngày thứ năm trên đảo Cô CN Tô / là một … sáng sủa. VN d, Dế Mèn trên chị Cốc / là dại. CN VN	**a. Ví dụ/sgk/114** **b. Nhận xét** Trong câu trần thuật đơn có từ " là" : - Vị ngữ thường do từ"là" kết hợp với danh từ (hoặc cụm danh từ) tạo thành. Ngoài ra, tổ hợp giữa từ "là" với động từ (cụm động từ), hoặc tính từ (cụm tính từ) cũng có thể làm vị ngữ. Ví dụ: Mẹ em là giáo viên. - Khi vị ngữ biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các cụm từ không phải, chưa phải
- Gọi HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, kết luận. ? **Vị ngữ của các câu đã cho do những từ hoặc cụm từ loại nào tạo thành ?** - GV: Những câu trần thuật trên có vị ngữ do từ "**là**" kết hợp với…→ câu trần thuật đơn có từ "**là**" (câu luận – biểu thị một quá trình suy luận nhằm xác định đặc trưng của sự vật). **? Em hãy chọn những từ hoặc cụm từ phủ định thích hợp sau đây vào trước vị ngữ của các câu trên: không,**	- Nhận xét, bổ sung. - Nghe. - HS trả lời: + là + danh từ - câu a + là + cụm danh từ - câu b, c, d. + là + tính từ - câu e. - Theo dõi. - HS thêm từ (cụm từ) phủ định vào trước vị ngữ → nhận xét: Khi vị ngữ biểu thị ý phủ định: kết hợp với các cụm từ không phải, chưa phải.	

không phải, chưa, chưa phải? Nêu nhận xét? **? Qua ví dụ em cho biết câu trần thuật đơn có từ "là" có đặc điểm gì ?** - GV chốt kiến thức. - GV yêu cầu HS cho ví dụ về câu trần thậut đơn có từ "là".	- HS nêu đặc điểm - Theo dõi. - Đọc ghi nhớ. - HS có thể đặt câu: Mẹ em là giáo viên	**2. Các kiểu câu trần thuật đơn có từ là.**
GV: Yêu cầu HS đọc lại các câu vừa phân tích ở phần I. Em hãy đặt câu hỏi để tìm VN cho các VD trên? a. Là người ở đâu? - với ý nghĩa giới thiệu quê quán. b. Là loại truyện gì? - Với ý nghĩa trình bày cách hiểu biết. c. Là một ngày như thế nào? - Với ý nghĩa miêu tả đặc điểm. d. Là làm sao? - Với ý nghĩa đánh giá.	HS đặt câu hỏi HS dựa vào các ví dụ trả lời	**a. Ví dụ/sgk/115** **b. Nhận xét** Có 4 kiểu câu trần thuật đơn có từ là: + Câu giới thiệu + Câu định nghĩa + Câu miêu tả + Câu đánh giá
Quan sát các ví dụ, em hãy cho biết có mấy kiểu câu trần thuật đơn có từ là?	HS đọc ghi nhớ 1, 2 SGK/ 115	**II. GHI NHỚ 1, 2 /SGK/ 114,115**

HOẠT ĐỘNG 3 . LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:** củng cố kiến thức

*** Thời gian:** 8 phút

*** Phương pháp :** Thuyết trình, vấn đáp, dạy học theo nhóm.

*** Kĩ thuật :** Động não, các mảnh ghép, phiếu học tập.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 1: GV cho HS đọc yêu cầu của bài tập 1? Gọi HS xác định CN-VN - Yêu cầu HS xác định câu trần thuật đơn có từ là GV: nhận xét, bổ sung	HS đọc yêu cầu của bài tập. HS chơi trò chơi tiếp sức (5')	**Bài 1:** a. Hoán dụ// là gọi tên sự vật hiện tượng... C V b. Người ta// gọi chàng là Sơn Tinh. C V →Đây không phải là câu trần thuật đơn có từ là c. Tre// là cánh tay của người nông dân. C V →Đây là câu trần thuật đơn có từ là. - Tre// còn là nguồn vui duy nhất của tuổi thơ. C V →Đây là câu trần thuật đơn có từ là. - Nhạc của trúc, nhạc của tre //là khúc nhạc của đồng C V

		quê. →Đây là câu trần thuật đơn có từ là. d. Bồ các// là bác chim ri Chim ri// là dì sáo sậu Sáo sậu// là cậu sáo đen Sáo đen// là em tu húTu hú là// chú bồ các → 4 câu trên là câu trần thuật đơn có từ là. đ. Vua nhớ công ơn// phong là... → Đây không phải là câu trần thuật đơn có từ là. e. Khóc //là nhục Và dại khờ// là những lũ người câm → Đây là câu trần thuật đơn có từ là.

HOẠT ĐỘNG 4 . VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để làm bài tập

*** Thời gian:** 8 phút

*** Phương pháp :** Thuyết trình, vấn đáp, dạy học theo nhóm.

*** Kĩ thuật :** Động não, các mảnh ghép, phiếu học tập.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 2: HS đọc yêu cầu bài tập 2.	Cá nhân học sinh làm bài HS nhận xét bài làm của bạn, bổ sung	**Bài 2:** Gọi tên các kiểu câu trần thuật đơn có từ là a. Câu định nghĩa b. Câu 1,2,3 câu miêu tả d. Câu giới thiệu e,g . Câu đánh giá

HOẠT ĐỘNG 5 . TÌM TÒI MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:** mở rộng kiến thức cho học sinh

*** Thời gian:** 4 phút

*** Phương pháp :** Thuyết trình, vấn đáp, dạy học theo nhóm.

*** Kĩ thuật :** Động não, các mảnh ghép, phiếu học tập.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 3: Viết đoạn văn tả về người bạn của em có sử dụng câu trần thuật đơn có từ là - Độ dài: 5-7 câu - Nội dung: tả một người bàn của em - Kĩ năng: Sử dụng câu trần thuật đơn có từ là để giới thiệu, miêu tả, đánh giá	HS thực hành viết đoạn văn	**Bài 3:** Viết đoạn văn tả về người bạn của em có sử dụng câu trần thuật đơn có từ là - Độ dài: 5-7 câu - Nội dung: tả một người bàn của em - Kĩ năng: Sử dụng câu trần thuật đơn có từ là để giới thiệu, miêu tả, đánh giá

Bước 4. GIAO BÀI VÀ HƯỚNG DẪN HỌC BÀI, CHUẨN BỊ BÀI Ở NHÀ-3 phút

a. Hướng dẫn học bài: Nhớ được khái niệm câu trần thuật đơn

- Nhận diện câu trần thuật đơn và tác dụng của câu trần thuật đơn
- Làm hoàn chỉnh các bài tập vào vở.

b. Hướng dẫn HS chuẩn bị trước bài.

Ttrả bài văn số 6

Tuần:	**TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6**	Ngày soạn:

Tiết: TẬP LÀM VĂN	**VĂN TẢ NGƯỜI**	Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Đánh giá được bài Kiểm tra văn và bài TLV của mình theo yêu cầu của bài văn tả người

2. Kĩ năng:

- Nhận ra những lỗi sai về hình thức, nội dung và cách chữa lỗi.

3. Thái độ:

- Có ý thức sửa chữa những lỗi sai khi làm bài.

4. Năng lực, phẩm chất:

Năng lực: tư duy, sáng tạo, làm việc hợp tác.

Phẩm chất: tự lực, tự chủ, có tinh thần, trách nhiệm

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bài kiểm tra, đáp án

2. Chuẩn bị của học sinh

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

Hoạt động trả bài

- Giáo viên nhận xét chung tất cả các bài làm của học sinh.
- Nhận xét, tuyên dương những bài kiểm tra đạt điểm cao.
- Đọc mẫu cho hs một vài bài kiểm tra đạt điểm cao để tham khảo.
- Nhận xét những bài kiểm tra đạt điểm thấp.
- Chữa lỗi những bài kiểm tra có điểm thấp.
- Trả bài kiểm tra cho học sinh.
- Học sinh ý kiến thắc mắc, giáo viên giải đáp.
- Giáo viên gọi tên, ghi điểm.
- Giáo viên thu bài kiểm tra.

Dặn dò:

Chuẩn bị bài mới: Ôn tập truyện và kí

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	**ÔN TẬP TRUYỆN VÀ KÍ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nội dung cơ bản và những nét đặc sắc về nghệ thuật của các tác phẩm truyện, kí hiện đại đã học.
- Điểm giống nhau và khác nhau giữa truyện và kí.

2. Kỹ năng:

- Hệ thống hoá, so sánh, tổng hợp kiến thức về truyện và kí đã được học.
- Trình bày được những hiểu biết về cảm nhận mới, sâu sắc của bản thân về thiên nhiên, đất nước, con người qua các truyện, kí đã học.

3. Thái độ :

Yêu thích môn học, thể loại truyện

4. Năng lực, phẩm chất:

Năng lực: tư duy, sáng tạo, làm việc hợp tác.

Phẩm chất: tự lực, tự chủ, có trách nhiệm

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án, SGK,

Bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh

Sách vở, đồ dùng học tập

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

***Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Trong chương trình học kỳ II, các em đã học về các thể truyện, ký. Tiết học hôm nay giúp các em ôn tập lại các kiến thức về nội dung, nghệ thuật của từng văn bản .	**Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình** - Nghe, suy nghĩ, trao đổi - 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới	**Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình**

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu :** HS nắm được nội dung cơ bản những truyện kí hiện đại đã học:

*** Phương pháp ;** Dạy học theo nhóm, vấn đáp .

*** Kĩ thuật :** Động não, khăn phủ bàn.

*** Thời gian:** 10 -15’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
* GV yêu cầu mỗi tổ trình bày bài của nhóm mình theo mẫu .- Đại diện một vài nhóm trình bày bài? - Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung? GV đưa bảng tổng kết lên bảng phụ- HS theo dõi trên bảng phụ, đối chiếu và bổ sung	**I. Hệ thống hoá nội dung cơ bản những truyện kí hiện đại đã học:** - thực hiện hoạt động kĩ thuật khăn phủ bàn	**I. Hệ thống hoá nội dung cơ bản những truyện kí hiện đại đã học:**

Bảng hệ thống hoá kiến thức

Tác phẩm	Tác giả	Năm sáng tác	Thể loại	Nội dung	Nghệ thuật
Bài học đường đời đầu tiên - (trích Dế Mèn phiêu lưu kí)	Tô Hoài	1941	Truyện đồng thoại	Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng nhưng tính tình xốc nổi, kiêu căng. Trò đùa của chú trêu chị Cốc gây ra cái chết cho Dế Choắt. Dế Mèn ân hận và đã rút ra bài học đường đời đầu tiên.	- Tả loài vật cụ thể sinh động . - truyện được kể theo ngôi thứ nhất trình tự tự nhiên, ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình .
Sông nước Cà Mau- (trích Đất rừng Phương nam)	Đoàn Giỏi	1957	Truyện dài (Trích)	Cảnh sông nước Cà Mau có vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã và hình ảnh cuộc sống tấp nập, trù phú ở vùng đất Cà Mau – vùng tận cùng của phía nam tổ quốc	- Tả bao quát đến cụ thể . - Dùng từ ngữ giàu hình ảnh .
Bức tranh của em gái tôi	Tạ Duy Anh		Truyện ngắn	Tài năng hội hoạ, tâm hồn trong sáng và lòng nhân hậu ở người em gái đã giúp cho người anh vượt lên lòng tự ái và sự mặc cảm. đồng thời nhận ra được những hạn chế của bản thân mình.	- Tả diễn biến tâm lý nhân vật qua cách kể theo ngôi thứ nhất rất tinh tế . Ngôn ngữ chính xác, giàu cảm xúc.
Vượt thác (Quê nội)	Võ Quảng	1974	Truyện dài	Tả cảnh vượt thác của con thuyền do dượng Hương Thu chỉ huy trên sông Thu Bồn.	- Phối hợp tả cảnh thiên nhiên và tả người lao động

				làm nổi bật vẻ đẹp hùng dũng và sức mạnh của người lao động .	
Buổi học cuối cùng	An-phông-xơ-Đô-đê	1870-1871	Truyện ngắn	Buổi học tiếng pháp cuối cùng của lớp học trường làng vùng An-dát bị quân phổ đức chiếm đóng, và hình ảnh thầy giáo Ha-men qua cái nhìn và tâm trạng cảu cậu học trò Phrang. Truyện thể hiện lòng yêu nước trong một biểu hiện cụ thể là tình yêu tiếng nói của dân tộc	- Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí của nhân vật, miêu ngoại hình, cử chỉ lời nói nhân vật . Truyện được kể theo ngôi thứ nhất. Ngôn ngữ dản dị, giàu hình ảnh, cảm xúc.
Cô Tô (trích)	Nguyễn Tuân	4/1976	Ký	Vẻ đẹp tươi sáng, phong phú của cảnh sắc thiên nhiên vùng đảo Cô Tô và nét sinh hoạt của người dân trên đảo.	- Miêu tả tinh tế ngôn ngữ điêu luyện chính xác, giàu hình ảnh và cảm xúc .
Cây tre Việt nam (trích)	Thép Mới	1955	Ký	Ca ngợi những phẩm chất quý báu của cây tre. Cây tre-người bạn thân thiết cảu nhân dân VN, anh hùng trong lao động, anh hùng trong chiến đấu, Cây tre trở thành biểu tượng của đất nước và dân tộc Việt Nam.	- Chi tiết, hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa biểu tượng . - Lời văn giàu cảm xúc . Kết hợp nhuần nhuyễn giữa thơ và văn.
Lòng yêu nước (Thử lửa)	I-li-a-Ê-ren-bua	6/1942	Tuỳ bút chính luận	Ca ngợi tinh thần yêu nước tha thiết, sâu sắc của tác giả và những người dân xô viết trong cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc.	- Hình ảnh chọn lọc dẫn chứng cụ thể thuyết phục .
Lao xao (Trích: Tuổi thơ im lặng)	Duy Khán	1986	Hồi kí tự truyện	Bức tranh cụ thể, sinh động về thế giới các loài chim ở đồng quê và tình cảm yêu mến cảnh sắc quê hương của tác giả	- Sử dụng yếu tố văn hoá dân gian: đồng dao, cổ tích, thành ngữ…. - Kết hợp tả, kể nhận xét, bình luận

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gọi HS trình bày phần bài đã chuẩn bị ở nhà, cử đại	**II. Hệ thống hoá đặc điểm về hình thức và thể loại của**	**II. Hệ thống hoá đặc điểm về hình thức và thể loại**

diện trong tổ. - Gọi HS nhận xét, bổ sung GV đưa bảng chuẩn kiến thức	**truyện và kí** - Đại diện HS trình bày phần chuẩn bị của tổ mình ở nhà. - HS nhận xét, bổ sung.	**của truyện và kí**

Tên tác phẩm hoặc đoạn trích	**Thể loại**	**Cốt truyện**	**Nhân vật**	**Nhân vật kể truyện, ngôi kể**
Bài học đường đời đầu tiên	Truyện đồng thoại (trích)	Có: kể theo trình tự thời gian	Nhân vật chính: Dế Mèn Nv phụ: Dế choắt, chị Cốc	Dế Mèn Ngôi thứ nhất
Sông nước Cà Mau	Truyện dài (trích)	Không có vì đâychủ yếu là đoạn văn tả cảnh, cảnh vật được miêu tả theo sự di chuyển của điểm nhìn	Ông hai, thằng An, thằng Cò…. Xung chúng tôi	Thằng an Ngôi thứ nhất
Bức tranh của em gái tôi	Truyện ngắn	Có: kể theo trình tự thời gian	Ngừi anh Kiều phương	Người anh trai Ngôi thứ nhất
Vượt thác	Truyện dài	Không có vì đây là một đoạn trích tả cảnh vượt thác ngược dòng sông.	Dương Hương Thư cùng các bạn chèo	Chú bé Cục và Cù Lao Ngôi thứ nhất
Buổi học cuối cùng	Truyện ngắn	Có: kể theo trình tự thời gian	Chú bé Ph răng và thầy Ha men	Chú bé Ph răng Ngôi thứ nhất
Cô Tô	Kí (tùy bút)	Không.	Anh hùng Châu Hòa Mãn	Tác giả Ngôi thứ nhất
Cây tre VN	Kí – thuyết minh	Không	Cây tre và họ hàng cảu cây tre	Giấu mình Ngôi thứ ba
Lòng yêu nước	Bút kí – chính luận	Không	Nhân dân các dân tộc các nước cộng hòa trong đất nước Liên Xô	Giấu mình Ngôi thứ ba
Lao xao	Hồi kí – tự truyện	Không	Các loài hoa, ong bướm, chim	Tác giả Ngôi thứ nhất

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu :** HS luyện tập, củng cố bài.

*** Phương pháp ;** Dạy học theo nhóm, vấn đáp .

*** Kĩ thuật :** Động não, cặp đôi chia sẻ.

*** Thời gian:** 5 -7’

Hoạt động của thầy	**Hoạt động của trò**	**Chuẩn KTKN cần đạt**
Yêu cầu: HS trao đổi cặp sau đó trình bày. Đại diện một vài cặp trình bày, các em khác nghe và nhận xét, bổ sung GV bổ sung: Như vậy những gì được tả và kể trong truyện không phải là	**III. Phân biệt truyện và kí** HS trao đổi cặp sau đó trình bày. Đại diện một vài cặp trình bày, các em	**III. Phân biệt truyện và kí-** **- Giống nhau**: Đều thuộc loại hình tự sự **- Khác nhau**: + Truyện phần lớn dựa vào sự tưởng tượng của tác giả.

hoàn toàn xảy ra, còn kí là những gì xảy ra đúng như thực tế. + Truyện: Có cốt truyện + Kí: Không có cốt truyện Lưu ý: Thực tế không có thể loại nào hoàn toàn riêng biệt, các thể loại truyện thường pha trộn, thâm nhập vào nhau.	khác nghe và nhận xét, bổ sung - HS nghe.	+ Kí: Chú trọng ghi chép theo sự cảm nhận, đánh giá của tác giả.

HOẠT ĐỘNG 4 . VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:** vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập

*** Thời gian:** 15 phút

*** Phương pháp :** Thuyết trình, vấn đáp, dạy học theo nhóm.

*** Kĩ thuật :** Động não, các mảnh ghép, phiếu học tập.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Những tác phẩm truyện, kí đã học để lại cho em những cảm nhận gì về đất nước, về cuộc sống và con người?	HS trình bày ý kiến cá nhân	* Cảm nhận về đất nước , cuộc sống và con người qua truyện , kí: - Các tuyện kí hiện đại đã học giúp ta hình dung được cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, phong phú, giàu có của đất nước Việt Nam ta từ Bắc đến Nam, từ biển đảo đến rừng núi. Qua đó thể hiện cuộc sống tươi đẹp của con người Việt Nam trong lao động và trong chiến đấu, trong học tập và trong mơ ước, thật giản dị, khiêm tốn, thông minh, tài hoa và rất anh hùng. - Ngoài ra một số truyện kí hiện đại nước ngoài cũng mở rộng tầm hiểu biết cho chúng ta về lòng yêu nước của nhân dân Pháp, Liên Xô trong những năm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc (Thế kỉ 19)

HOẠT ĐỘNG 5 . TÌM TÒI MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:** mở rộng kiến thức cho hs

*** Thời gian:** 15 phút

*** Phương pháp :** Thuyết trình, vấn đáp, dạy học theo nhóm.

*** Kĩ thuật :** Động não, các mảnh ghép, phiếu học tập.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Nhân vật nào em yêu thích và nhớ nhất trong các truyện đã học? Em hãy phát biểu cảm nhận về nhân vật ấy?	HS trình bày cảm nhận cá nhân	-Hình thức ;Đoạn văn Nội dung: Nêu xuất xứ nhân vật trong văn bản -Cảm nhận :Vẻ đẹp, hành động, tác động đến em bài học gì?

Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà (3 phút)

1. Hướng dẫn học bài:

- Nhớ nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm truyện, kí hiện đại đã học
- Nhớ điểm giống và khác nhau giữa truyện và kí
- Nhận biết được truện và kí

2. Hướng dẫn chuẩn bị trước bài ở nhà.

- Soạn bài: Câu trần thuật đơn không có từ là

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN KHÔNG CÓ TỪ LÀ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nắm được 2 đặc điểm của kiểu câu trần thuật đơn không có từ *là*
- Nắm được đặc điểm của câu tồn tại và câu miêu tả.

2. Kĩ năng :

- Biết tạo câu tồn tại trên câu miêu tả.
- Biết dùng 2 loại câu một cách linh hoạt khi tạo lập văn bản
- Rèn kĩ năng so sánh, đối chiếu các đơn vị kiến thức có quan hệ với nhau

3. Giáo dục :

- Có ý thức giữ gìn và sử dụng các kiểu câu đa dạng trong Ngữ pháp tiếng Việt.

4. Năng lực cần phát triển qua bài học:

- Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Tự học - Tư duy.
- Năng lực về quan hệ xã hội: Giao tiếp – hợp tác
- Năng lực công cụ: – phát triển vốn từ vựng – sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt chuẩn
- Năng lực chuyên biệt: Giải quyết vấn đề, sáng tạo, cảm thụ

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Soạn bài , SGK , bảng phụ ,

2. Chuẩn bị của học sinh

- Chuẩn bị bài dưới sự hướng dẫn của GV như đọc văn bản hoặc ngữ liệu, làm các bài tập, chuẩn bị tài liệu và đồ dùng cần thiết.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Câu văn " Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam" có phải là câu trần thuật đơn có từ là không?

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

*** Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV: Giờ trước các em đã biết đặc điểm và các kiểu câu trần thuật đơn có từ là . Giờ học hôn nay chúng ta cùng đi tìm hiểu một kiểu câu trần thuật đơn nữa đó là câu trần thuật đơn không có từ là	Cả lớp lắng nghe chú ý, nhập vào bài học	- Kĩ năng nghe, chú ý - Có thái độ tích cực xây dựng trong bài học

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:** đặc điểm và các kiểu câu trần thuật đơn không có từ là

*** Thời gian:** 15 phút

*** Phương pháp:** Đọc, quan sát; phân tích và giải thích các vấn đề, khái quát khái niệm, hệ thống hóa kiến thức…

*** Kĩ thuật:** Phiếu học tập, bảng phụ.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
		I. TÌM HIỂU BÀI **1. Đặc điểm cảu câu trần thuật đơn không có từ là**
GV chiếu ví dụ trên bảng phụ gọi HS đọc ví dụ. * GV nêu câu hỏi - Xác định CN - VN trong hai ví dụ trên - Vị ngữ ở hai câu này do những từ hoặc cụm từ nào tạo thành? - Chọn những từ hoặc cụm từ phủ định thích hợp điền vào trước vị ngữ của các câu trên: không, không phải, chưa, chưa phải? - Theo em câu trần thuật đơn không có từ là có những đặc điểm gì ?	- HS đọc ví dụ trên bảng phụ - Cá nhân HS trả lời a. Đằng cuối bãi, hai cậu bé TN CN con// tiến lại. VN b. Đằng cuối bãi, tiến lại// TN VN hai cậu bé con. CN HS lựa chọn và điền. + Câu a: VN do cụm tính từ tạo thành. + Câu b: VN do cụm động từ tạo thành. - HS nhận xét - Cá nhân HS trả lời	**a. Ví dụ/sgk/118** **b. Nhận xét** - Câu a: VN do cụm tính từ tạo thành. - Câu b: VN do cụm động từ tạo thành. - Vị ngữ do động từ, cụm động từ; tính từ hoặc cụm tính từ tạo thành. - Khi vị ngữ biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các từ không, chưa. *** Ghi nhớ 1: SGK/119**
GV chiếu ví dụ trên bảng phụ - Đọc và phân tích cấu tạo ngữ pháp của 2 ví dụ trên? - Hai câu trên giống và khác nhau ở điểm nào?	- HS đọc và phân tích ví dụ - h/s làm việc cá nhân. a. Đằng cuối bãi, hai cậu bé TN CN con// tiến lại. VN b. Đằng cuối bãi, tiến lại// TN VN hai cậu bé con. CN - HS so sánh. + Giống nhau: Đều là câu trần thuật đơn không có từ là. + Khác nhau: a. Câu này miêu tả hành	**2. Câu miêu tả và câu tồn tại** **a. Ví dụ/sgk/119** **b. Nhận xét** - Giống nhau: Đều là câu trần thuật đơn không có từ là. - Khác nhau: a. Câu này miêu tả hành động được nêu ở chủ ngữ. Cấu tạo CN- VN b. Thông báo sự xuất hiện của sự vật được nêu ở chủ ngữ. Cấu tạo VN- CN

- Em có nhận xét gì về vị trí của vị ngữ trong câu b? GV: Những câu như ví dụ (a), gọi là câu miêu tả. Những câu như ví dụ (b), gọi là câu tồn tại - Qua tìm hiểu các ví dụ, em hãy cho biết câu trần thuật đơn không có từ là được chia thành mấy kiểu câu? - Em hiểu thế nào là câu miêu tả và câu tồn tại? - Đọc ví dụ sau và biến ví dụ đó thành câu tồn tại? - Làm thế nào để biến câu miêu tả thành câu tồn tại?	động được nêu ở chủ ngữ. Cấu tạo CN- VN b. Thông báo sự xuất hiện của sự vật được nêu ở chủ ngữ. Cấu tạo VN- CN - HS nhận xét - HS nhận xét + Có 2 kiểu câu Trên giường thất bảo, một bà// TN CN ngồi trên VN -> Câu miêu tả Trên giường thất bảo, ngồi TN VN trên// một bà CN -> Câu tồn tại - HS đọc ví dụ và biến đổi câu + Đảo CN xuống sau VN	Có 2 kiểu câu trần thuật đơn không có từ là: • Câu miêu tả • Câu tồn tại **II. GHI NHỚ/SGK/118,119**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:** củng cố kiến thức cho hs

*** Thời gian:** 7 phút

*** Phương pháp** : Thuyết trình, vấn đáp, dạy học theo nhóm.

*** Kĩ thuật** : Động não, phiếu học tập

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 1: GV cho HS đọc yêu cầu của bài tập 1? H. Xác định CV- VN trong các câu văn sau và cho biết câu nào là câu miêu tả, câu nào là câu tồn tại GV: nhận xét,	HS đọc yêu cầu của bài tập. HS thảo luận nhóm (3')	**Bài 1:** a. Bóng tre/ trùm lên âu yếm làng CN VN bản, xóm thôn.-> Câu miêu tả - Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng/ mái đình, mái chùa cổ kính. VN CN -> Câu tồn tại - Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một C VN nền văn hoá lâu đời -> Câu miêu tả

bổ sung		b. Bên hàng xóm tôi có cái hang V CN của Dế Choắt .-> Câu tồn tại Dế Choắt/ là tên tôi đã đặt cho nó CN VN một cách chế giễu và trịch thượng thế. -> Câu miêu tả c. Dưới gốc tre tua tủa/ những mầm VN CN măng mọc thẳng. -> Câu tồn tại Măng /trồi lên nhọn hoắt như một CN VN mũi gai khổng lồ xuyên qua luỹ đất mà trỗi dậy. -> Câu miêu tả

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để giải bài tạp

*** Thời gian** dự kiến: 10 phút

*** Phương pháp:** Vấn đáp, phân tích

*** Kĩ thuật:** Động não

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài 2: Viết đoạn văn (từ 5-7 câu) tả cảnh trường em trong đó có sử dụng câu trần thuật đơn không có từ là, kiểu câu tồn tại	HS thực hành viết đoạn văn	**Bài 2:** Viết đoạn văn Viết đoạn văn (từ 5-7 câu) tả cảnh trường em trong đó có sử dụng câu trần thuật đơn không có từ là, kiểu câu tồn tại Gợi ý + Độ dài: 5 - 7 câu + Nội dung: Tả cảnh trường em + Kĩ năng: có sử dụng các kiểu câu: + Câu trần thuật đơn không có từ là. + Câu tồn tại.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức cho hs

*** Thời gian** dự kiến: 3-5 phút

*** Phương pháp:** Vấn đáp, phân tích

*** Kĩ thuật**: Động não

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Em hãy tìm trong một số văn bản đã học những câu trần thuật đơn không có từ là. Chỉ rõ nó là câu miêu tả hay câu tồn tại.	HS tự tìm tòi, mở rộng	Em hãy tìm trong một số văn bản đã học những câu trần thuật đơn không có từ là. Chỉ rõ nó là câu miêu tả hay câu tồn tại.

Bước 4. Giao bài, hướng dẫn học bài và làm bài về nhà (3 phút)

a. Hướng dẫn học bài

- Nhớ đặc điểm của câu trần thuật đơn không có từ là
- Nhận diện câu trần thuật đơn không có từ là và các kiểu cấu tạo
- Làm hoàn chỉnh các bài tập vào vở.

b. Hướng dẫn HS chuẩn bị trước bài.

- Soạn bài: Ôn tập văn miêu tả

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**ÔN TẬP VĂN MIÊU TẢ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1.Kiến thức

- Hệ thống kiến thức về các phương thức biểu đạt đã học .
- Đặc điểm và cách thức tạo lập các kiểu văn bản .
- Bố cục của các loại văn bản đã học .

2.Kĩ năng

- Nhận biết các phương thức biểu đạt trong các văn bản cụ thể .
- Phân biệt được 3 loại văn bản : tự sự, miêu tả, hành chính-công vụ (đơn từ) .
- Phát hiện lỗi sai và sửa về đơn .

3. Thái độ

- HS hiểu và cảm thụ được vẻ đẹp của một số hình tượng văn học tiêu biểu, tư tưởng yêu nước và truyền thống nhân ái trong các văn bản đã học.

4. Năng lực dạy học cần hướng tới

- Năng lực chung: Năng lực tư duy, năng lực sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực sáng tạo

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án, sgk, bài giảng điện tử

2. Chuẩn bị của học sinh

Vở ghi, sgk, chuẩn bị theo hd của gv

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

*** Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Phân 1 GV hướng dẫn HS dẫn ra một số bài văn đã học theo các phương thức biểu đạt chính : Tự sự, miêu tả, biểu cảm và nghị luận ….. - Từ phần trình bày của HS, dẫn vào bài mới.	**Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình** - Nghe, suy nghĩ, trao đổi - 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới	**Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình**

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu :** ôn tập lại kiến thức về văn miêu tả

*** Thời gian** :47 phút

*** Phương pháp :** thuyết trình, quan sát, hệ thống...

*** Kĩ thuật:** thảo luận nhóm, vấn đáp

*** Phát triển năng lực** tư duy sáng tạo, năng lực giao tiếp và năng lực sử dụng ngôn ngữ….)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Thế nào là văn miêu tả? ***Văn miêu tả có những đặc điểm gì?*** ***Khi viết văn tả cảnh, tả người thì chúng ta cần chú ý điều gì?*** ***Khi làm văn miêu tả, chúng ta cần làm theo những bước nào?*** ***? Điểm giống và khác giữa văn tả cảnh và văn tả người ? Điểm giống nhau giữa văn miêu atr và văn tự sự là gì?***	HS đọc yêu cầu của bài tập. HS thảo luận nhóm (3') HS đọc yêu cầu của bài tập. HS thảo luận nhóm (3')	**I. TÌM HIỂU BÀI**

1. Khái niệm văn miêu tả.

Văn miêu tả là loại văn giúp người đọc người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của sự việc, con người, phong cảnh...làm cho những sự vật đó hiện lên trước mắt người đọc, người nghe như có thật.

Khi làm văn miêu tả năng lực quan sát của người nói, người viết thường được bộc lộ rõ nhất.

Muốn làm được một bài văn hay trước hết phải biết quan sát, rồi từ đó nhận xét, liên tưởng, tưởng tượng ví von, so sánh... để làm nổi bật những đặc điểm tiêu biểu của sự vật.

2. Đặc điểm của văn miêu tả

Căn cứ vào hành động chính mà tác giả dùng trong đoạn văn (Hành động kể hay tả).

- Hành động kể thường trả lời các câu hỏi: Kể về việc gì? Kể về ai? Việc đó diễn ra như thế nào? Ở đâu? Kết quả ra sao?
- Hành động tả thường trả lời các câu hỏi: tả về cái gì? Tả về ai? Cảnh hoặc người đó như thế nào? Có gì đặc sắc, nổi bật? (Bằng hình ảnh nào?).

3. Chú ý khi viết văn tả cảnh, tả người.

a. Văn tả cảnh.

- Xác định đối tượng cần tả.
- Quan sát, lựa chọn những hình ảnh tiêu biểu.
- Trình bày những điều quan sát theo một trình tự hợp lí.

b. Văn tả người.

- Xác định đối tượng cần tả:
- Tả chân dung hay tả hành động
- Quan sát, lựa chọn những chi tiết quan trọng.
- Trình này kết quả quan sát theo một trình tự đã chọn.

4. Cách làm bài văn miêu tả.

B1: Tìm hiểu đề, tìm ý.

B2: Chuẩn bị chất liệu cho bài văn.

B3: Lập dàn ý theo mô hình.

B4: Viết bài và hoàn thiện bài.

B5: Đọc lại bài và sửa chữa.

MÔ HÌNH DÀN Ý BÀI VĂN MIÊU TẢ

STT	Bố cục	Văn miêu tả	
		Tả cảnh	Tả người

1	Mở bài	Dẫn dắt vào cảnh được tả. Giới thiệu cảnh được tả	Dẫn dắt vào người được tả Giới thiệu người được tả
2	Thân bài	Chọn trình tự tả. Từ xa đến gần. Trừ trên xuống dưới. Từ trong ra ngoài. Cần kết hợp các biện pháp tu từ, Cần kết hợp với các năng lực: Quan sát, so sánh, nhận xét, đánh giá, bình luận.	Xác định đối tượng tả (tả chân dung hay hành động) Lựa chọn hình ảnh tiêu biểu Tả chân dung: chân tay, tai, mắt, mũi miệng Tả hành động: Hình thức (bên ngoài: hình dáng, hành động...) Tính tình (bên trong: tính cách, suy nghĩ...) Cần kết hợp các biện pháp tu từ, Cần kết hợp với các năng lực: Quan sát, so sánh, nhận xét, đánh giá, bình luận.
3	Kết bài	Cảm nghĩ về cản được tả	Cảm nghĩ về người được tả

5. Điểm giống và khác giữa văn tả cảnh và văn tả người

* Giống nhau: cùng xác định đối tượng tả, tả chi tiết theo trình tự, có nhận xét, cảm nghĩ về đối tượng mình tả.

* Khác nhau:

- Tả cảnh: tả bao quát đến tả từng bộ phận
- Tả người: tả hình dáng đến tính tình qua lời nói, cử chỉ, thái độ…

6. Điểm giống và khác giữa văn tự sự và văn miêu tả

* Giống nhau: Có đối tượng (kể và tả)

* Khác nhau:

- Tự sự: hành động chính mà tác giả sử dụng là hành động kể: có sự việc, diễn biến, kết quả…
- Miêu tả: Sử dụng hành động tả: có đặc điểm riêng của đối tượng qua hình ảnh, chi tiết…

HOẠT ĐỘNG 3 . LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:** củng cố kiến thức cho hs

*** Thời gian:** 2 phút

*** Phương pháp :** Thuyết trình, vấn đáp, dạy học theo nhóm.

*** Kĩ thuật** : Động não, các mảnh ghép, phiếu học tập.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv yêu cầu hs làm bài tập1,2,3 sgk/ 120 *Gv hd hs làm bài tập.* ***Bài tập 1: Theo em, điều gì đã tạo nên cái hay, cái đẹp và độc đáo cho đoạn văn ?*** Gọi học sinh lên làm bài tập. Gv nhận xét, bổ xung. ***Bài 2 : Miêu tả đầm sen***	**Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình** - Nghe, suy nghĩ, trao đổi - 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới	***Bài tập 1: Theo em, điều gì đã tạo nên cái hay, cái đẹp và độc đáo cho đoạn văn ?*** - Lựa chọn nhựng chi tiết, hình ảnh đặc sắc, thể hiện được linh hồn của tạo vật. - Có những so sánh liên tưởng mới lạ, độc đóa và rất thú vị.(lòng đỏ quả trứng…, y như mâm lễ phẩm…) - Ngôn ngữ phong phú, biết diễn đạt một cách sinh động,

		sắc sảo. - Tình cảm và thái độ rõ ràng đối với cảnh vật.

Bài 2 : Miêu tả đầm sen

1 MB

Giới thiệu quang cảnh đầm sen vào mùa hoa nở

2 TB

* tả thiên nhiên

- trời
- mây
- gió ...

* tả bao quát: mùa hè đã đến, hoa sen bắt đầu nở. Đầm sen quê em không rộng lắm , nhưng nhìn từ xa nó như 1 tấm thảm hoa thật đẹp

* tả chi tiết

- lá sen : che kín mặt đầm, có cái lá xoè rộnh như cái mâm nằm trên mạt nước , có những chiếc lá vươn cao như chiếc dù màu xanh
- búp sen: vươn cao khỏi tầm lá xanh thẫm như 2 bàn tay úp vào nhau
- hoa : xoè những cánh hồng tao nhã thấp thoáng trong đám lá xanh mượt còn đọng long lanh những giọt sương đêm. cánh hoa sen rất mềm và mịn. từng lớp cánh được khéo léo sắp sen kẽ , chụm lại với nhau như ánh lửa bập bùng. hoa sen đẹp, một vẻ đẹp giản dị mà đằm thắm.
- tả 1 vài bông hoa sen đã tàn, để lộ đài sen màu xanh ngọc bích và nhị sen vàng óng

* hoạt đọng con người

- hái sen

* giá trị của sen

-lá sen gói xôi ,....làm vị thuốc

-tâm sen dùng làm thuốc chữa bệnh mất ngủ.

- với người dân quê em thì đầm sen còn góp phần tăng thu nhập cho gia đình.

-hoa sen tượng trưng cho sự cao quý , thanh khiết của con người vn.

* kỉ niệm với đầm sen

-đi hái sen cùng mẹ

- đi ăn trộm sen

Kb : cảm nghĩ của em và nhân xét về đầm sen.

HOẠT ĐỘNG 4 . VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:** vận dụng kiến thức để giải bài tập

*** Thời gian:** 2 phút

*** Phương pháp :** Thuyết trình, vấn đáp, dạy học theo nhóm.

*** Kĩ thuật** : Động não, các mảnh ghép, phiếu học tập.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Đọc lại "Bài học đường đời đâu tiên" và bài " Buổi học cuối cùng" sau đó hãy tìm ở mỗi bài một đoạn văn miêu tả và một đoạn văn tự sự. Căn cứ vào đâu để em nhận ra điều đó?	**Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình** - Nghe, suy nghĩ, trao đổi - 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới	- Bài học đường đời đầu tiên + đoạn văn miêu tả: Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực....khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu + đoạn văn tự sự: Mấy hôm nọ, trời mưa lớn.... mà suy nghĩ việc đời như

Chỉ ra một vài liên tưởng ví von so sánh mà em cho là độc đáo thú vị cảu hai tác giả trong bài văn trên.		thế - Buổi học cuối cùng + đoạn văn miêu tả: Tôi bước qua ghế dài....đặt ngang trang sách + đoạn văn tự sự: Tôi đang suy nghĩ mông lung...phần đáng tự chê trách → Căn cứ vào kiến thức văn miêu tả và văn tự sự cùng nội dung của đoạn văn mà nhận ra - Một và liên tưởng, so sánh, ví von thú vị + Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện + Có chăng những chiếc ghế dài, những bàn học dùng nhiều đã nhẵn bóng, những cây hồ đào ngoài sân đã lớn và cây hu-blong tự tay thầy trồng giờ đây quấn quýt quanh các khung cửa sổ lên tận mái nhà .....

HOẠT ĐỘNG 5 . TÌM TÒI MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức cho hs

*** Thời gian:** 2 phút

*** Phương pháp :** Thuyết trình, vấn đáp, dạy học theo nhóm.

*** Kĩ thuật** : Động não, cá nhân

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
giáo viên yêu cầu học sinh làm bài tập sau **Viết 1 đoạn văn miêu tả nhân vật Lượm trong bài thơ cùng tên của Tố Hữu.** *Gv hướng dẫn học sinh làm bài tập,*	*Hs suy nghĩ làm bài,* *Gv nhận xét kết luận.*	Cần nêu được các ý sau: -Nhìn Lượm- ta thấy cái gì cũng nhỏ, cũng nhanh: từ cái xác đựng tài liệu đeo bên người, đôi chân đi nhanh nhanh, đến cái miệng huýt sáo và cả đôi má bồ quân căng mọng(nhận xét). -Nhìn dáng vẻ của Lượm trong phút ngã xuống đồng lúa quê hương, ta có cảm giác Lượm như thiên thần đang ngủ. -Trong không gian đầy hương lúa mới, nghe đâu đây có âm điệu buồn của làng quê đưa tiễn người chiến sĩ nhỏ (so sánh, tưởng tượng). -Xa xa, trên con đường trải đầy nắng vàng, Lượm vẫn còn kia, đang thoăn thoắt đi vì nhiệm vụ đưa tin vẫn đang chờ ở phía trước…(tưởng tượng)

Bước 4. Giao bài, hướng dẫn học bài và làm bài về nhà (3 phút)

a. Hướng dẫn học bài

- Làm hoàn chỉnh các bài tập vào vở.

b. Hướng dẫn HS chuẩn bị trước bài.

- Soạn bài: Đọc thêm

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7** **VĂN MIÊU TẢ SÁNG TẠO (làm tại lớp)**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

Biết được thế nào là văn miêu tả sáng tạo

Vận dụng kiến thức về văn miêu tả đã học để viết bài văn miêu tả sáng tạo

2. Kỹ năng:

Viết bài văn kể chuyện có sử dụng ngôi kể sao cho phù hợp.

3. Thái độ:

Nghiêm túc làm bài.

4. Năng lực, phẩm chất:

Năng lực: tư duy, sáng tạo, làm việc hợp tác.

Phẩm chất: tự lực, tự chủ, có ý thức.

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

đề bài kiểm tra, đáp án, hướng dẫn chấm.

2. Chuẩn bị của học sinh

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

Giáo viên ra đề bài:

Đề 1:

Đề 2:

Học sinh nghiêm túc làm bài

Giáo viên coi kiểm tra nghiêm túc.

Hết thời gian. gv thu bài kiểm tra.

Giáo viên nhận xét giờ làm bài kiểm tra của lớp.

Dặn dò:

Chuẩn bị bài mới: cầu Long Biên, chứng nhân lích sử

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	**CẦU LONG BIÊN – CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức :

Khái niệm văn bản nhật dụng .

Cầu Long Biên là "chứng nhân lịch sử" của thủ đô, chứng kiến cuộc sống đau thương mà anh dũng của dân tộc ta .

Tác dụng của những biện pháp nghệ thuật trong bài .

2. Kĩ năng :

- Biết đọc diễn cảm một văn bản nhật dụng có yếu tố thuyết minh kết hợp với biểu cảm theo dịng hồi tưởng .
- Bước đầu làm quen với kỹ năng dọc – hiểu văn bản nhật dụng có hình thức l một bi bt ký mang nhiều yếu tố hồi ký .
- Trình bày những suy nghĩ, tình cảm, lịng tự ho của bản thn về lịch sử ho hng, bi trng của đất nước .

3. Thái độ :

Tự hào về cây cầu - chứng nhân lịch sử của dân tộc, tự hào về lịch sử dân tộc.

Yêu mến quê hương, đất nước

Biết giữ gìn những di tích lịch sử, văn hoá của dân tộc

4. Năng lực, phẩm chất:

Năng lực: tư duy, sáng tạo, làm việc hợp tác.

Phẩm chất: tự lực, tự chủ, yêu quê hương, đất nước

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án, SGK,

Bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh

Chuẩn bị theo sự hướng dẫn của gv

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

*** Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Trên khắp đất nước Việt Nam ta lắm sông, nhiều suối và đã có biết bao cây cầu được xây dựng. Những cây cầu đó dù có từ ngày xưa, hay mới được xây dựng đều là những công trình hiện đại, là những nhân chứng	**Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình** - Nghe, suy nghĩ, trao đổi - 1 HS trình bày, dẫn	**Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình**

của một thời đại không thể nào quên. Một trong số đó là cây cầu Long Biên bắc qua sông Hồng. Bài bút kí" Cầu Long Biên chứng nhân lịch sử" đã viết về cây cầu nổi tiếng này.	vào bài mới	

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu :** HS đọc văn bản, nắm được một số nét chính về tác giả, tác phẩm

*** Phương pháp :** Đọc diễn cảm, vấn đáp, Thuyết trình, dạy học theo nhóm .

*** Kĩ thuật** : Động não,khăn trải bàn.

*** Thời gian:** 5’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
		I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH
Gv hướng dẫn hs tìm hiểu khái niệm văn bản nhật dụng	- Cá nhân HS trả lời **- Nội dung**: Có nội dung gần gũi, bức thiết với cuộc sống của con người và cộng đồng xã hội hiện đại như: thiên nhiên, môi trường, năng lượng, dân số, quyền trẻ em, ma tuý...	**1. Khái niệm văn bản nhật dụng/sgk/125** .
- Nêu xuất xứ của văn bản?		**2. Tác giả, tác phẩm** Thuý Lan: nhà báo Trích báo **“Người Hà Nội”**, thuộc kiểu văn bản nhật dụng.
	- Về hình thức: Thường là những bài báo, thường được viết theo thể bút kí trong đó có sự kết hợp giữa các phương thức kể, tả, biểu cảm... **- Tác dụng**: Văn bản nhật dụng có giá trị thông tin tuyên truyền, phổ biến, cập nhật một vấn đề văn hoá, xã hội nào đó là chủ yếu.	
Theo em văn bản này nên đọc với giọng như thế nào cho hợp lý? GV đọc mẫu một đoạn văn bản. - Gọi 2 HS đọc tiếp văn bản?	- HS + Đọc chầm rãi, tình cảm như thể đang tâm tình, trò chuyện với cây cầu. - HS nghe và theo dõi trong sgk - 2 HS đọc tiếp văn bản - HS nhận xét bạn đọc bài	**3. Đọc – chú thích**
* GV nêu câu hỏi và tổ chức cho HS trao đổi trong bàn (1') - Giải nghĩa một số từ khó: 1, 3, 8, 15, 18?	- HS thực hiện kĩ thuật khăn trải bàn bàn (3'). Đại diện một vài bàn trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	

- Bố cục mấy phần? Nêu nội dung từng phần?	- Từng cặp HS dựa vào sgk giải nghĩa một vài từ khó + Phần 1 : từ đầu đến của thủ đô Hà Nội => Giới thiệu khái quát về cầu Long Biên. + Phần 2 : tiếp đến dẻo dai, vững chắc => Minh chứng, khẳng định cầu Long Biên là nhân chứng sống động của dân tộc. + Phần 3 : còn lại => Ý nghĩa của câu cầu trong hiện tại và tương lai.	**4.Bố cục văn bản**
- Văn bản này được viết theo thể loại nào? Phương thức biểu đạt đặc sắc?		**5. Thể loại và phương thức biểu đạt** - Thể loại : Bút kí mang nhiều yếu tố hồi kí. - PTBĐ: Miêu tả **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN** **1. Giới thiệu khái quát về cầu Long Biên**
- Đọc đoạn lại phần đầu của văn bản? (Từ đầu đến Hà Nội) Nhắc lại nội dung của đoạn văn bản đó? - Dựa vào sgk, cho biết tác giả giới thiệu cầu Long Biên bằng những chi tiết nào? - Giờ đây còn có cầu Thăng Long, cầu Chương Dương hiện đại bắc qua sông Hồng, song cầu Long Biên vẫn có ý nghĩa như thế nào? - Giải thích từ "chứng nhân"? Tại sao tác giả lại đặt nhan đề như vậy? Em có nhận xét gì về cách trình bày của tác giả?	- Cá nhân HS đọc, cả lớp nghe và theo dõi vào sgk. - Cá nhân HS suy nghĩ trả lời. - HS dựa vào sgk, tìm chi tiết. - HS dựa vào sgk giải nghĩa và nêu rõ lí do. + Vì cầu Long Biên đã chứng kiến một chặng đường dài lịch sử của thủ đô Hà Nội và đất nước. Trải qua bao thăng trầm và thay đổi, cầu Long Biên vẫn sát cánh cùng nhân dân thủ đô. Trong thời bình cầu Long Biên đã rút về vị trí khiêm nhường.	+ Cầu Long Biên bắc qua sông Hồng. + Khởi công 1898 - 4 năm sau hoàn thành. + Kiến trúc sư người Pháp thiết kế. + Nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng của thủ đô Hà nội. -> Cách giới thiệu ngắn gọn, khái quát đầy đủ, thuyết phục. Hình ảnh nhân hoá trở thành nhan đề rất phù hợp với nội dung của bài viết.
- Đọc thầm đoạn 2 của văn	- HS dựa vào sgk trả lời.	**2. Giá trị nhân chứng lịch sử của cây cầu.** *** Sau 1945:** - Cầu được đổi tên là cầu Long Biên.

bản và nêu rõ nội dung? **Trong mỗi giai đoạn, cây cầu đã chứng kiến những gì? Từ đó nhận xét về giá trị của cây cầu ?** + Nhóm: Sau 1945. + Nhóm: Những năm hoà bình sau 1954 + Nhóm: Những năm kháng chiến chống Mĩ. +Nhóm: Những ngày tháng lũ lụt. - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung. - GV KL, bình và chốt ý. - GV giới thiệu hình ảnh thực dân Pháp rút khỏi Hà Nội và quân ta tiến về Hà Nội tháng 10/1954; - GV chiếu hình ảnh nhân dân ta chiến đấu bảo vệ cầu. - GV chiếu hình ảnh cây cầu trong mùa lũ lụt. - HS thảo luận nhóm bàn : **Qua phần tìm hiểu, em hãy cho biết cầu Long Biên đã chứng kiến những sự việc lịch sử gì của dân tộc ?** - GV HD HS tìm hiểu vai trò, vị trí của cây cầu trong hiện tại và tương lai. ***- Hiện tại và tương lai cầu***	Học sinh thảo luận nhóm Đại diện các nhóm trả lời Hs trình bày Hs trình bày suy nghĩ. Hs thảo luận trả lời. Hs trình bày	- Cầu chứng kiến người dân thủ đô cùng trung đoàn yêu dấu của mình ra đi bí mật. - Chứng kiến cảnh đất trời bốc lửa, thành đô nghi ngút cháy. => Cầu lặng lẽ chứng kiến sự tàn phá của chiến tranh và lòng người Hà Nội anh dũng sắt son bảo vệ đô thành. *** Hoà Bình sau chống Pháp :** - Cầu chứng kiến màu xanh của bãi mía, nương dâu, bãi ngô vườn chuối. - Chứng kiến những ánh đèn mọc lên như sao sa. => Cầu chứng kiến sự hồi sinh của Hà Nội tươi đẹp, trù phú, yên bình, quyến rũ và thơ mộng. *** Những năm KC chống Mĩ :** - Cầu bị bom Mĩ đánh phá nhiều lần. - Cầu rách nát giữ trời, tả tơi như ứa máu. - Nhân dân ta hàn cầu, bảo vệ cầu. => Cầu oằn mình chịu đựng sự oanh tạc dã man của giặc Mĩ, cảm nhận sâu sắc tình yêu thương của thủ đô và dân tộc với mình. *** Những năm tháng lũ lụt:** => cầu dẻo dai, vững chắc chứng kiến con người chống chọi với sự tàn phá của thiên nhiên. **=> Cây cầu chứng kiến sự trưởng thành của một dân tộc anh hùng, bất khuất, dũng cảm, cần lao.** **3. Cầu Long Biên - hôm nay và mai sau.** - Hiện tại : cầu Long Biên đã rút về vị trí khiêm nhường. - Tương lai : Trở thành điểm dừng chân của du khách năm châu khi đến thăm đất nước Việt Nam. - Biện pháp nhân hoá. Tác

Long Biên có vị trí như thế nào trong sự phát triển của đất nước? ***- Vì sao ở tiêu đề văn bản tác giả không gọi là cây cầu mà gọi là "chứng nhân lịch sử" ? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng ở đây và có tác dụng gì ?*** ***- Ngày nay ta có cầu Thăng Long, Chương Dương, Thanh Trì… vắt qua sông Hồng nhưng sao vẫn không phá bỏ cầu Long Biên ?*** ***- Ở đoạn kết văn bản tác giả mong ước điều gì ? Điều đó có ý nghĩa như thế nào ?*** ***- Vậy trong hiện tại và tương lai cầu Long Biên có giá trị gì ?*** GV KL- HS ghi vở.	Hs trình bày suy nghĩ. Hs thảo luận trả lời. Hs trình bày Hs trình bày suy nghĩ. Hs thảo luận trả lời.	dụng coi cây cầu như một con người chứng kiến lịch sử đồng thời đem lại sự sống linh hồn cho cây cầu. - Ta không phá bỏ nó vì nó đã trở thành cây cầu lịch sử, thành nhân chứng. => Cầu vẫn có giá trị tinh thần vô giá. - Mong ước làm nhịp cầu nối giữa trái tim.
- Em học tập được những nét nghệ thuật tiêu biểu nào của tác giả ý Lan qua văn bản này? - Nêu nội dung cơ bản của văn bản và ý nghĩa văn bản?	- Làm việc cá nhân tổng kết nghệ thuật - Nhận xét, bổ sung - Làm việc cá nhân tổng kết nội dung, nêu ý nghĩa. - Nhận xét, bổ sung	**1-Nghệ thuật:** +Bài bút kí có nhiều yếu tố hồi kí. + Đa dạng về thể loại - Kết hợp thuyết minh với miêu tả, tự sự và biểu cảm. + Nêu số liệu cụ thể. + Sử dụng so sánh nhân hóa. **2.Nội dung**: a) Lịch sử Cầu Long Biên. b) Cầu Long Biên đã chứng kiến bao sự kiện lịch sử; -Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất cua Thực dân Pháp. - Độc lập , hòa bình ở thủ đô sau 1954. -Kháng chiến chống Pháp Mĩ c) Trong cuộc sống hiện nay, cầu Long Biên là nhịp cầu của tình hòa bình, hữu nghị và thân thiện. **3. ý nghĩa;** -ý nghĩ trọng đại của cầu Long Biên: Chứng nhân đau thương và anh dũng của dân tộc ta trong chiến tranh và sức

		mạnh vươn lên của đất nước trong thời kì đổi mới. - Là chưng nhân cho tình yêu sâu nặng của tác giả đối với cầu Long Biên cũng như với thủ đô Hà Nội, **III. Ghi nhớ: SGK/128**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu :** HS luyện tập, củng cố bài**.**

*** Phương pháp** : Vấn đáp, gợi tìm

*** Kĩ thuật** : Động não.

*** Thời gian:** 2-3,

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv hd hs làm bài tập. ***Tìm hiểu đoạn văn: năm 1945 …. Nhưng vẫn dẻo dai, vững chắc"*** ***Em hãy cho biết vì sao ở đoạn văn này các sự kiện được tác giả nói tới không theo trình tự thời gian? (những sự kiện năm tháng hoà bình rồi đến sự kiện năm 1947)***	*Hs suy nghĩ làm* *Hs làm bài tập, trình bày kết quả* *Hs khác nhận xét, bổ sung*	Các sự kiện ở đây không được kể theo trình tự thời gian mà được kể theo dòng cảm xúc tuôn trào. Khi đứng bên cầu, những cảm xúc say mê, thư thái do sự thanh bình của cuộc sống hiện tại đem lại, sẽ dễ gợi cho tác giả liên tưởng tới những ngày ra đi chiến đấu hào hùng của những con người Hà Nội. Như vậy đối với cầu Long Biên-một chứng nhân lịch sử ta hiểu hơn về giá trị cuộc sống hiện tại. Hơn nữa ta hiểu thêm về đặc điểm của thể loại bút kí : Ngoài việc tôn trọng tính chính xác của các sự kiện còn chịu sự chi phối mạnh mẽ của những cảm nghĩ của tác giả.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
yêu cầu học sinh làm bài tập sau: ***So sánh câu văn: " những nhịp cầu tả tơi như ứa máu nhưng cả cây cầu vẫn sừng sững giữa mênh mông trời nước"*** ***Với câu văn không sử dụng phép nhân hoá:*** ***" Những nhịp cầu rách nát nhưng cả cây cầu vẫn sừng***	**Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình** - Nghe, suy nghĩ, trao đổi - 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới	- Câu " những nhịp cầu rách nát nhưng cả cây cầu vẫn sừng sững giữa mênh mông trời nước" chỉ miêu tả được trạng thái bị tàn phá của cây cầu thông qua từ rách nát. Còn câu văn " " những nhịp cầu tả tơi như ứa máu nhưng cả cây cầu vẫn sừng sững giữa mênh mông trời nước" với biện pháp nhân hoá và từ gợi tả " Tả tơi như ứa máu" vừa gợi cho ta hình dung được sự đau thương của cây cầu dưới

sững giữa mênh mông trời nước” ***Từ đó em hãy cho biết tác dụng của phép nhân hoá ở đây***		nàn bom đạn của Mĩ vừa gửi gắm được tình cảm đau đớn, xót xa của tác giả. Hơn thế nữa với các từ chỉ trạng thái đối lập” tả tơi như ứa máu” và từ” sừng sững” ta còn thấy cây cầu hiện lên như một hiệp sĩ mang vẻ đẹp “ đau thương mà anh dũng” . tình cmar của tác giả và cây cầu là tình cmar gắn bó ruột thịt như những người thân,

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
giáo viên yêu cầu học sinh tìm hiểu. *Em hãy tìm hiểu ở quê hương em có chứng nhân lịch sử nào không? Nếu có hãy viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về chứng nhân đó.*	**HS suy nghĩ, làm bài**	**Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình**

Bước 4: Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà

1.Bài cũ :

-Học bài và thực hiện bài tập trên.

-Học thuộc ghi nhớ.

2.Bài mới :Chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**CHỮA LỖI VỀ CHỦ NGỮ VÀ VỊ NGỮ**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức :

Lỗi do đặt câu thiếu chủ ngữ, thiếu vị ngữ .

Cch chữa lỗi về chủ ngữ vị ngữ .

2. Kĩ năng :

- Phát hiện ra các lỗi do đặt câu thiếu chủ ngữ, thiếu vị ngữ .
- Sửa được lỗi do đặt câu thiếu chủ ngữ, thiếu vị ngữ .

3. Thái độ :

Có ý thức sử dụng câu văn có đủ chủ ngữ và vị ngữ

4. Năng lực, phẩm chất:

Năng lực: tư duy, sáng tạo, làm việc hợp tác.

Phẩm chất: tự lực, tự chủ,

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án, sgk, bài giảng điện tử

2. Chuẩn bị của học sinh

Bài soạn, sgk, vở ghi

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

***Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV dẫn vào bài: Khi nói và viết, phải biết chú ý đặt câu sao cho đúng ngữ pháp. Câu đúng ngữ pháp cần có đầy đủ 2 thành phần nòng cốt: CN và VN. Tuy nhiên, trong những hoàn cảnh sử dụng cụ thể, có thể sử dụng câu đặc biệt (Câu không phân định thành phần) như: mưa, mùa xuân... hoặc câu có thành phần bị tỉnh lược (rút gọn). Song đôi khi chúng ta vẫn mắc một số lỗi đáng kể . Vậy đó là những lỗi nào và sửa chữa ra sao chúng ta tìm hiểu bài hôm nay.	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	Hướng HS vào nội dung bài học

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:** Học sinh nhận biết được câu thiếu chủ ngữ, vị ngữ và cách sửa câu thiếu chủ ngữ, vị ngữ

*** Phương pháp:** phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm,vấn đáp…

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác, chia sẻ.

*** Thời gian:** 15- 17 phút.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
		I. TÌM HIỂU BÀI **1. Câu thiếu chủ ngữ:** **a. Ví dụ/sgk/129**
GV chiếu ví dụ trên bảng phụ. - Đọc và xác định chủ ngữ, vị ngữ trong mỗi ví dụ trên	- HS quan sát ví dụ. - HS đọc và lên bảng xác định chủ ngữ, vị ngữ. - HS nhận xét.	**2. Nhận xét:** b. Qua truyện "Dế Mèn phiêu TN lưu kí", em thấy Dế Mèn biết CN VN phục thiện.
? Nhận xét bài của bạn? ? Em có nhận xét gì về 2 ví dụ trên? ? Tìm nguyên nhân và cách sửa lỗi cho câu thiếu chủ ngữ?	- HS suy nghĩ trả lời. *** nguyên nhân và sửa lỗi.** + Lầm TN là CN Thêm CN: Tác giả (hoặc viết như câu b) +Biến TN thành CN bằng cách bỏ từ "qua": Truyện "Dế Mèn phiêu lưu kí" CN cho thấy Dế Mèn biết phục VN thiện.	+ Ví dụ (a) thiếu thành phần chủ ngữ -> Câu sai. + Ví dụ (b) có đầy đủ cả CN và VN -> Câu đúng. **c. nguyên nhân và sửa lỗi.** + Lầm TN là CN Thêm CN: Tác giả (hoặc viết như câu b) +Biến TN thành CN bằng cách bỏ từ "qua":
		2. Câu thiếu vị ngữ. **(Trọng tâm)** **a. Ví dụ/sgk/129**
GV chiếu ví dụ trên bảng phụ ? Đọc và tìm chủ ngữ, vị ngữ trong các ví dụ trên? - Nhận xét bài của các bạn ? Em có nhận xét gì về các ví dụ trên và chỉ ra nguyên nhân, cách sửa lại cho đúng?	- HS theo dõi ví dụ trên bảng phụ. a. Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, CN VN1 vung roi sắt, xông thẳng vào VN2 VN3 quân thù. b. Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi CN ngựa sắt, vung roi sắt, xông	**b. Nhận xét:** + Câu b, c thiếu VN **c. Nguyên nhân và cách sửa** + Nguyên nhân mắc lỗi: - Câu b: Lầm ĐN với VN - Câu c: Lầm phụ chú với VN Cách sửa: + Câu b: Thêm bộ phận VN ...đã để lại trong em niềm kính phục.

	thẳng vào quân thù. c. Bạn Lan, người học giỏi CN nhất lớp 6A d. Bạn Lan là người học giỏi CN VN nhất lớp 6A.	...là một hình ảnh hào hùng và lãng mạn. + Câu c: .Thêm VN: ...là bạn thân của tôi. ... đang phổ biến kinh nghiệm học tập cho chúng tôi. Thay dấu phẩy bằng từ là để viết như câu d. **II. Ghi nhớ/**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.

*** Mục tiêu:** HS luyện tập, củng cố bài .

*** Phương pháp :** Đàm thoại, nêu và giải quyết vấn đề.

*** Kĩ thuật** : Động não.

*** Thời gian:** 12-15’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
* GV chiếu bảng phụ bài tập 1 - Từng HS đứng tại chỗ đặt câu hỏi để kiểm tra các thành phần câu? - Đọc các câu văn và phát hiện câu nào viết sai và chỉ rõ nguyên nhân? - Đọc yêu cầu của bài tập? GV gọi 4 HS lên bảng làm bài	- HS đọc yêu cầu của bài tập - HS đứng tại chỗ đặt câu hỏi. - HS đọc, phát hiện và chỉ rõ nguyên nhân - HS đọc yêu cầu của bài tập. - 4 HS lên bảng làm bài, dưới lớp làm bài vào vở. - Nhận xét bài của bạn.	**Bài tập 1:** a. Ai? (Bác Tai) Như thế nào? (Không làm gì nữa) ⇒ Có đủ CN và VN b. Con gì? (Hổ) Làm gì? (Đẻ) ⇒ Có đủ CN và VN c. Ai? (Bác tiều) Làm sao? (Già rồi chết) ⇒ Có đủ CN và VN **Bài tập 2:** a. Cái gì? (Kết quả học tập của năm học) Như thế nào? (Đã động viên) ⇒ Có đủ CN và VN b. Cái gì? (Không có) Như thế nào? (Đã động viên) ⇒ Câu thiếu CN Cách chữa: bỏ từ "với" c. Câu thiếu VN Thêm bộ phận VN: ...đã đi theo tôi suốt cuộc đời. **Bài tập 3 - 4:** Điền CN thích hợp vào chỗ trống: a. Chúng em... b. Chim hoạ mi... c. Những bông hoa... d. Cả lớp... Điền VN thích hợp vào chỗ trống

		a. ...rất hồn nhiên. b. ....vô cùng ân hận. c.....bừng lên thật là đẹp. d...đi du lịch ở miền Nam.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:**2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV giao bài tập - Biến đổi câu ghép thành câu đơn? *GV: Muốn biết được câu có đủ CN hay VN thì phải đặt câu hỏi để tìm CN- VN trong câu.	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, viết bài, trình bày....	a. Hổ đực mừng rỡ đùa với con. Còn hổ cái tì nằm phục xuống, dáng mệt mỏi lắm. b. Mấy hôm nọ, trời mưa lớn. Trên những hồ ao quanh bĩa trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. c. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước. Trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cai ngất như hai dãy trường thành vô tận.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV giao bài tập Bài tập : Về nhà em hãy sưu tầm thêm những lỗi sai cơ bản em mắc phải.	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, trình bày....	

Bước 4: Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà

- Làm hoàn chỉnh các bài tập vào vở.

2. Hướng dẫn HS chuẩn bi bài: Viết đơn.

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**VIẾT ĐƠN**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I.MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1.Kiến thức.

- Các tình huống cần viết đơn.
- Các loại đơn thường gặp và nội dung không thể thiếu trong đơn.

2.Kĩ năng :

- Viết đơn đúng qui cách.
- Nhận ra và sửa chữa những sai sót thường gặp khi viết đơn.

3. Thái độ

- Sử dụng đúng ngôn ngữ trong nói và viết

II.CHUẨN BỊ

1. Giáo viên :

Nghiên cứu sgk, sgv, soạn giáo án; Bảng phụ .

2. Học sinh:

Soạn học bài theo hướng dẫn.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1. ổn định tổ chức lớp (1').

Bước 2. Kiểm tra bài cũ (3'- 5')

Bước 3. Bài mới (37' - 39')

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

***Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Giới thiệu bài: Mỗi khi cần thiết phải nghỉ học em phải nhờ bố mẹ làm gì? Vậy thế nào là văn bản đơn từ, cách viết như thế nào, bài học hôm nay giúp các em hiểu được	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	Hướng HS vào nội dung bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

*** Mục tiêu:**

- Học sinh hình thành được kiến thức về phép liệt kê

*** Phương pháp:** phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm,vấn đáp…

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác, chia sẻ.

*** Thời gian:** 15- 17 phút.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV chiếu các tình huống trên bảng phụ. - Đọc các tình huống trên bảng phụ?	- HS theo dõi các tình huống trên bảng phụ **Tình huống 1:** - Trong cuộc sống, rất cần	**I. TÌM HIỂU BÀI** **1. Khi nào cần viết đơn?** **a. Ví dụ/Sgk/131** **b. Nhận xét.**

- Nhận xét khi nào thì cần viết đơn?	phải viết đơn, khi có nguyện vọng, yêu cầu nào đó cần được giải quyết.	- Trong cuộc sống con người rất nhiều khi cần phải viết đơn, khi có nguyện vọng, yêu cầu nào đó cần được giải quyết.
- Đọc các tình huống sau và nêu rõ trường hợp nào cần phải viết đơn, viết gửi cho ai? Vì sao?	**Tình huống 2:** a. Bị mất chiếc xe đạt khi đến thăm bạn ⇒ Viết đơn trình báo cơ quan công an nhờ giúp đỡ tìm lại chiếc xe đạp. b. Muốn theo học lớp nhạc hoạ ⇒ Viết đơn xin nhập học.	- Đơn từ là loại văn bản hành chính không thể thiếu được trong cuộc sống hàng ngày.
- Từ 2 bài tập trên em có thể rút ra kết luận gì?	c. Cãi nhau ⇒ Viết bản tường trình hay kiểm điểm. d. Muốn học ở nơi mới ⇒ Đơn xin chuyển trường, Đơn xin học.	
GV chiếu 2 lá đơn trên bảng phụ, yêu cầu HS đọc. * GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm bàn (3'). - Hãy so sánh và tìm những chỗ giống và khác nhau trong hai lá đơn từ đó rút ra những nội dung nhất thiết cần phải có trong 1 lá đơn, giải thích lí do?	- HS đọc 2 lá đơn trên bảng phụ. - HS thảo luận trong nhóm bàn (3'). Đại diện một vài nhóm bàn trả lời, các nhóm khác nghe, nhận xét, bổ sung. **Các loại đơn:** **Nhận xét:** a. Đơn viết theo mẫu in sẵn: + Người viết đơn chỉ cần điền những từ, câu thích hợp vào những chỗ có dấu ...	**2. Các loại đơn và những nội dung không thể thiếu trong đơn.** **a. Ví dụ/Sgk/132,133** **b. Nhận xét.** - Có hai loại đơn: đơn theo mẫu và đơn không theo mẫu.
GV: Đơn có thể viết tay hoặc đánh máy nhưng chữ kí thì nhất thiết phải tự kí.	b. Viết đơn không theo mẫu: + Người viết phải tự nghĩ nội dung và trình bày. **2. Nội dung không thể thiếu được trong đơn.** - Quốc hiệu, để tỏ ý trang trọng. - Tên của đơn: để người đọc biết được mục đích của người viết đơn. - Tên người viết đơn. - Nơi (tên người) nhận đơn. - Lí do viết đơn và những yêu cầu, đề nghị của người viết đơn. - Ngày tháng năm và nơi viết	- Nội dung không thể thiếu: + Quốc hiệu, tiêu ngữ. + Trên đơn. + Tên người viết + Nơi nhận. + Lí do, yêu cầu trong đơn. + Ngày tháng năm + Chữ kí.

- Dựa vào mẫu các loại đơn, em hãy nêu cách viết đơn theo mẫu? - Nêu cách viết đơn không theo mẫu? - Rút ra cách trình bày một lá đơn?	đơn. - Chữ kí của người viết đơn. HS **Viết theo mẫu:** Điền vào chỗ trống những nội dung cần thiết. **Viết đơn không theo mẫu:** + Người viết phải tự nghĩ nội dung và trình bày - HS rút ra cách trình bày. + Tên đơn phải viết chữ to, chữ hoa hoặc chữ in. + Phần quốc hiệu, tên đơn phải viết giữa trang giấy.	**3. Cách thức viết đơn.** **a. Viết theo mẫu:** Điền vào chỗ trống những nội dung cần thiết. **b. Viết đơn không theo mẫu:** + Người viết phải tự nghĩ nội dung và trình bày + Nhất thiết phải theo thứ tự các đề mục sau: 1. Quốc hiệu, tiêu ngữ: Cộng hòa…. 2. Địa điểm làm đơn và ngày tháng năm 3. Tên đơn: Đơn xin… 4. Nơi gửi: Kính gửi.. 5. Họ tên, nơi công tác hoặc nơi người viết đơn 6. Trình bày lí do nguyện vọng (đề nghị … 7. Cam đoan và cám ơn 8. Kí tên 9. Xác nhận và đóng dấu của địa phương (nếu có, nếu cần) **c. Cách trình bày:** + Tên đơn phải viết chữ to, chữ hoa hoặc chữ in. + Phần quốc hiệu, tên đơn phải viết giữa trang giấy. + Lời văn: gọn gàng, sáng sủa, dễ đọc, nhất là phần yêu cầu, đề nghị phải viết thành thực, chính xác, không viết dài dòng. **II. Ghi nhớ/sgk/134**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:** HS **luyện tập, củng cố bài .**

*** Phương pháp** : vấn đáp.

*** Kĩ thuật :** Động não

*** Thời gian:** 10 15’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv cho hs làm bài tập 1/ Quê em mới có điện, em hãy thay bố mẹ viết đơn gửi	Hs làm bài: tập viết đơn	

ban quản lý của địa phương em để xin bán điện. 2/ trường em thành lập đội tình nguyện tuyên truyền và bảo vệ moi trường xanh sạch đẹp. Em hãy viết đơn để tham gia đội tình nguyện đó	Hs làm bài: tập viết đơn	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:**2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV giao bài tập - Tập viết đơn xin nghỉ học và đơn xin chuyển trường	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, viết bài, trình bày....	.....

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV giao bài tập Sưu tầm nhiều lá đơn khác nhau sử dụng trong đời sống	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, trình bày....	Bài tập : Về nhà em hãy sưu tầm thêm

Bước 4: Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà

1. Hướng dẫn HS học bài:

- Học thuộc ghi nhớ sgk.

2. Hướng dẫn chuẩn bị bài:

Bức thư của thủ lĩnh da đỏ

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	**BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ** **Xi - át - tơn**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1.Kiến thức.

- ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường.
- Tiếng nói đầy tình cảm và trách nhiệm đối với thiên nhiên, môi trường sống của vị thủ lĩnh Xi- át-tơn.

2.Kĩ năng :

- Biết cách đọc, tìm hiểu nội dung văn bản nhật dụng.
- Cảm nhận được tình cảm tha thiết với mảnh đất quê hương của vị thủ lĩnh.
- Phát hiện và nêu được tác dụng của một số phép tu tư trong văn bản.

.3. Thái độ : - Bồi dưỡng ý thức bảo vệ môi trường.

4. Phát triển năng lực cho học sinh:

***Các năng lực chung**

+ Năng lực làm chủ và phát triển bản thân:Năng lực tự học.Năng lực giải quyết vấn đề .Năng lực sáng tạo.Năng lực tự quản bản thân

+ Năng lực xã hội:Năng lực giao tiếp.Năng lực hợp tác

***Các năng lực riêng:** Năng lực giao tiếp cảm thu thẩm mĩ.

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Nghiên cứu sgk, sgv, soạn giáo án.
- Tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

* **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

* **Kĩ thuật:** Động não.

* **Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV dẫn vào bài: " Bức thư của thủ lĩnh da đỏ" được nhiều người xem là một trong những văn bản hay nhất về thiên nhiên và môi trường. Dù ra đời đã gần 150 năm, bức thư vẫn có ý nghĩa thời sự đối với cuộc sống con người hôm nay trong việc bảo vệ và gìn giữ sự trong sạch của thiên nhiên môi trường….	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	Hướng HS vào nội dung bài học

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:**
- Học sinh hình thành được kiến thức về phép liệt kê

*** Phương pháp:** phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm,vấn đáp…

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác, chia sẻ.

*** Thời gian:** 15- 17 phút.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
		I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH
- Gọi HS đọc chú thích (*) sgk/138.	- Đọc chú thích .	
? Nêu xuất xứ của văn bản ?	- Là bức thư nổi tiếng của thủ lĩnh Xi-át-tơn viết gửi cho Tổng thống thứ 14 của Mỹ - văn bản hay nhất về thiên nhiên và , môi trường.	**1. Xuất xứ:** - Là bức thư nổi tiếng của thủ lĩnh Xi-át-tơn viết gửi cho Tổng thống thứ 14 của Mỹ - văn bản hay nhất về thiên nhiên và môi trường.
- GV bổ sung: Đây là bức thư có nội dung chính trị sâu sắc trong hình thức chính luận, khi mỉa mai kín đáo…	- Nghe.	
		2. Đọc – giải thích từ khó
- GV hướng dẫn đọc văn bản	- Nghe hướng dẫn đọc.	
- Gọi HS đọc văn bản.	- Đọc văn bản.	
- Gọi HS nhận xét và sửa cách đọc của bạn.	- Nhận xét việc đọc bài của bạn.	
- GV nhận xét, uốn nắn.	- Nghe nhận xét, rút kinh nghiệm.	
- GV hướng dẫn HS tìm hiểu các từ khó: 1, 3, 4, 9, 10, 11.	- Tìm hiểu các từ khó theo yêu cầu .	
? Văn bản này có thể chia bố cục làm mấy phần?	- Bố cục 3 phần: + Phần 1: Từ đầu…"tiếng nói của cha ông chúng tôi": Những điều thiêng liêng trong kí ức của người da đỏ. + Phần 2: Tiếp theo… "đều có sự ràng buộc": Những lo âu của người da đỏ về đất đai, môi trường, thiên nhiên sẽ bị tàn phá bởi người da trắng. + Phần 3: Phần còn lại: Những kiến nghị của người da đỏ về việc bảo vệ môi trường, đất đai.	**3. Bố cục:** 3 phần.
- GV kết luận.		**II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN.** **1. Những điều thiêng liêng trong kí ức của người da đỏ:**
? Trong kí ức của người da đỏ luôn luôn hiện lên những điều tốt đẹp nào?	- Trong kí ức của người da đỏ luôn luôn hiện lên những điều tốt đẹp: + Đất đai: mỗi tấc đất thiêng liêng... + Cây lá: mỗi lá thông óng ánh + Mỗi bờ cát,	- Người da đỏ đối xử với đất đai bằng tình yêu bền chặt.

	+ Hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, + Mỗi bãi đất hoang và tiếng côn trùng thì thầm. + Những dòng nhựa chảy trong cây cối...	-> nhân hóa, so sánh, điệp từ ngữ
? Tại sao thủ lĩnh da đỏ nói đó là "những điều thiêng liêng"?	- Vì đó là những điều đẹp đẽ, cao quý không thể tách rời với sự sống của người da đỏ (là máu thịt của tổ tiên...là chị, là em, là gia đình) → không thể mất, cần được tôn trọng và giữ gìn.	→ Mối quan hệ gắn bó máu thịt của nguwoif da đỏ với đất đai và môi trường.
? Những điều thiêng liêng đó phản ánh cách sống nào của người da đỏ?	- Phản ánh cách sống gắn bó với đất đai, với môi trường và thiên nhiên.	
? Hãy chỉ ra những phép so sánh, nhân hoá đã được dùng ở phần tìm bức thư?	- HS trả lời: + Đất là bà mẹ. + …Hoà là chị, là em. + Dòng sông, con suối là máu của tổ tiên, anh em, nuôi lớn con cháu. + Tiếng thì thầm của dòng nước là tiếng nói của cha ông…	
? Các phép so sánh, nhân hoá đó nói lên thái độ, tình cảm của người da đỏ đối với thiên nhiên, môi trường và đặc biệt là đất đai như thế nào?	- Có quan hệ gắn bó và biết ơn đối với đất đai, thiên nhiên, có tình cảm đối với đất đai, thiên nhiên: hài hoà và thân yêu, thiêng liêng mà gần gũi như trong một gia đình: bà mẹ, người chị, người em, gia đình, tổ tiên, cha ông …	
- GV: Tình yêu tha thiết, máu thịt của người da đỏ đối với đất nước, quê hương, đất là mẹ nên không dễ gì đem bán.	- Nghe.	
- Gọi HS đọc đoạn 2. **? Người da đỏ lo lắng điều gì trước khi bán đất cho người da trắng ?**	- Đọc đoạn 2. - Đất đai, môi trường thiên nhiên sẽ bị người da trắng tàn phá.	**2. Những lo âu của người da đỏ về đất đai, môi trường tự nhiên:**
? Những lo âu đó được thủ lĩnh da đỏ bày tỏ ntn trên các phương diện: Về đạo đức, về cách cư xử	- Những lo âu đó được thủ lĩnh da đỏ bày tỏ trên các phương diện: + Đạo đức: Mảnh đất này không phải anh em của họ, mà là kẻ thù của họ; mồ mả của họ, họ còn	- Đất đai, môi trường sẽ bị người da trắng tàn phá

đối với đất đai, môi trường ?	quên. + Về cách cư xử đối với đất đai, môi trường: • Họ lấy từ lòng đất những gì họ cần; • Họ cư xử với đất mẹ và anh em bầu trời như những vật mua được bán đi; • Lòng thèm khát của họ sẽ ngấu nghiến đất đai, để lại đằng sau những bãi hoang mạc; • Họ hít thở không khí nhưng chẳng để ý gì đến bầu trời mà họ hít thở; • Cả ngàn con trâu rừng bị người da trắng bắn mỗi khi tàu chạy qua.	- Cách sống vật chất thực dụng > < cách sống tôn trọng các giá trị tinh thần.
? Những lo âu đó đã phản ánh sự đối lập nào giữa cách sống của người da trắng với cách sống của người da đỏ?	- Đó là sự đối lập giữa cách sống vật chất thực dụng với cách sống tôn trọng các giá trị tinh thần.	- Dùng biện pháp: so sánh, đối lập, nhân hóa, điệp từ → Nêu bật sự khác biệt về cách sống; thể hiện t/độ tôn trọng đất đai, bảo vệ môi trường; bộc lộ những lo âu;
? Đoạn văn lôi cuốn bạn đọc bởi các biện pháp nghệ thuật: so sánh, đối lập, nhân hóa, điệp từ. Hãy chỉ ra các biện pháp nghệ thuật ấy trong đoạn văn? **? Những biện pháp nghệ thuật ấy có tác dụng gì?** - GV bổ sung thêm: bằng Phép đối lập, dùng điệp ngữ tác giả cho ta thấy tác giả khẳng định tầm quan trọng của đất, của thiên nhiên đối với con người . **? Những lo âu về đất đai, môi trường tự nhiên bị xâm hại cho em hiểu gì về cách sống của người da đỏ?** - GV chuyển ý: cuối cùng, thủ lĩnh Xi – át –	- Các biện pháp nghệ thuật: + So sánh, đối lập giữa cách sống khác biệt của người da trắng, người da đỏ; giữa các ngài và chúng tôi + Nhân hóa: "Lòng thèm khát của họ sẽ ngấu nghiến đất đai…"; "con ngựa sắt nhả khói…" + Điệp từ: Ngài phải nhớ…; tôi là kẻ hoang dã..; người da trắng…; người da đỏ… - Nêu bật sự khác biệt giữa cách sống của người da trắng với cách sống của người da đỏ. Thể hiện thái độ tôn trọng đất đai, bảo vệ môi trường. Bộc lộ những lo âu của người da đỏ về môi trường và thiên nhiên khi đất đai của họ thuộc về người da trắng. - Sống tôn trọng, hòa hợp với tự nhiên; yêu quý và đầy ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình.	=> Sống tôn trọng, hòa hợp với tự nhiên; yêu quý và đầy ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình.

Tơn đã kiến nghị với người da trắng điều gì ? Ta tiếp tục tìm hiểu phần cuối bức thư.		**3. Kiến nghị của người da đỏ:** - "Phải biết tôn trọng đất đai". - "Hãy khuyên bảo chúng: đất là mẹ". - "Điều gì xảy ra với đất đai… tức là xảy ra với đứa con của đất".
- Gọi HS đọc đoạn cuối. **? Những lời kiến nghị nào được nhắc tới ở phần cuối bức thư của thủ lĩnh da đỏ?**	- HS đọc đoạn cuối. - Những lời kiến nghị: + Phải biết tôn trọng đất đai. + Hãy khuyên bảo chúng: đất là mẹ. + Điều gì xảy ra với đất đai…tức là xảy ra với đứa con của đất.	
- Cho HS thảo luận: **? Em hiểu ntn về câu nói: "Đất là mẹ" ?**	- HS thảo luận , trả lời : Đất là mẹ: + Đất là nơi sinh ra muôn loài, là nguồn sống của muôn loài. + Cái gì con người làm cho đất đai là làm cho ruột thịt của mình. + Con người cần phải sống hòa hợp với môi trường, đất đai và phải biết cách bảo vệ nó. - Giọng điệu vừa tha thiết, vừa đanh thép, vừa hùng hồn.	- Giọng điệu vừa tha thiết, vừa đanh thép, vừa hùng hồn. => Khẳng định sự cần thiết phải bảo vệ đất đai, môi trường sống; dạy cho người da trắng biết cách cư xử đúng đắn với đất đai và môi trường.
? Em có nhận xét gì về giọng điệu của vị thủ lĩnh ở phần cuối bức thư này? **? Giọng điệu ấy có tác dụng gì trong việc thể hiện những yêu cầu của người da đỏ đối với người da trắng?**	- Khẳng định sự cần thiết phải bảo vệ đất đai, môi trường sống; dạy cho người da trắng biết cách cư xử đúng đắn với đất đai và môi trường. Qua cách lập luận chặt chẽ, cách so sánh cụ thể, bức thư có ý nghĩa sâu sắc. Tác giả cho ta thấy : Khẳng định mối quan hệ giữa đất, thiên nhiên đối với con người. Nếu người da đỏ buộc phải bán đất thì người da trắng phải đối xử với đất như người da đỏ .Lời cảnh báo: Nếu không thì người da trắng cũng bị tổn hại	
? Thủ lĩnh da đỏ đã đặt ra vấn đề nào đối với toàn nhân loại qua bức thư của mình gửi cho Tổng thống Mĩ ?	- HS trả lời: - Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên, phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình.	

? Bức thư của thủ lĩnh da đỏ đã gây được sự xúc động và đồng cảm của mọi người là nhờ đâu? - Gọi hs đọc ghi nhớ. - GV nhấn mạnh một số điểm cần ghi nhớ.	+ Nhờ giọng văn đầy sức truyền cảm. + Sử dụng phép so sánh, nhân hóa, điệp ngữ và thủ pháp đối lập đã được sử dụng phong phú, đa dạng tạo nên sức phong phú, hấp dẫn cho bức thư. - Đọc ghi nhớ sgk/140.	**III. Ghi nhớ/sgk/140**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.

1. Mục tiêu : HS luyện tập, củng cố bài.
2. Phương pháp : vấn đáp .
3. Kĩ thuật : Động não,khăn trải bàn.
4. Thời gian: 2-3’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Tìm trong bài một số câu hay nói về không khí, ánh sáng, đất, nước, thực vật… học thuộc lòng - Dựa vào cái nhìn đầy tiến bộ và sâu xa của thủ lĩnh Xi-at-tơn, em hãy sáng tác bài thơ viết về môi trường theo các thể thơ bốn chữ, năm chữ đã học.	- HS tìm và học thuộc các câu văn hay - HS sáng tác thơ về môi trường	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo
- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

*** Phương pháp:**Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc.

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác, bản đồ tư duy....

*** Thời gian**: 5 phút .

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về thủ lĩn da đỏ - Vẽ sơ đồ tư duy ch bài học	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày. Hoàn thành bài tập ở nhà	Bài tập

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn.
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo
- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

*** Phương pháp:**Dự án.

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian**: 5 phút .

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Tìm hiểu xem ở thành phố em có những di tích lịch sử nào có thể coi là chứng nhân lịch sử	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu , trao đổi, trình bày.	Bài tập Kiến thức trọng tâm của bài

Bước 4. Hướng dẫn HS học tập ở nhà (2')

1. Hướng dẫn HS học bài:

- Học thuộc ghi nhớ sgk.
- Học thuộc lòng những câu văn hay nói về không khí, ánh sáng, đất, nước, thực vật

2. Hướng dẫn HS chuẩn bị bài:

Chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ (tt)

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**CHỮA LỖI VỀ CHỦ NGỮ VÀ VỊ NGỮ (TT)**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1.Kiến thức.

- Các loại lỗi do đặt câu thiếu cả chủ lẫn vị ngữ và lỗi về quan hệ ngữ nghĩa giữa chủ ngữ và vị ngữ.
- Cáchs chữa lỗi do đặt câu thiếu cả chủ ngũ lẫn vị ngữ và lỗi về quan hệ ngữ nghĩa chủ ngữ và vị ngữ.

2.Kĩ năng :

- Phát hiện các lỗi do đặt câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ và lỗi về quan hệ ngữ nghĩa giữa chủ ngữ và vị ngữ.
- Chữa được các lỗi trên, bảo đảm phù hợp với ý định diễn đạt của người nói.

3. Thái độ

-Tích hợp ở phần văn ở phần văn bản nhật dung "Cầu Long Biên" chứng nhân lịch sử, với phần tập làm văn ở phần viết đơn

4. Năng lực dạy học cần hướng tới

- Năng lực chung: Năng lực tư duy, năng lực giao tiếp, tự học....
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực giao tiếp Tiếng Việt

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Nghiên cứu sgk, sgv, soạn giáo án; Bảng phụ .

2. Chuẩn bị của học sinh

Soạn học bài theo hướng dẫn.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

* **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

* **Kĩ thuật:** Động não.

* **Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ thường là những câu mới chỉ có một thành phần phụ nào đó (trạng ngữ…). Cách thông thường để chữa lại câu sai này là phải thêm một cụm chủ - vị.	**Hình thành kĩ năng q/sát nhận xét, thuyết trình** - Nghe, suy nghĩ, trao đổi - 1 HS trình bày, dẫn vào bài mới	**Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình**

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

* **Mục tiêu:** HS nắm được cách chữa lỗi câu thiếu cả chủ ngữ vị ngữ.

*** Phương pháp :** Đàm thoại, dạy học theo nhóm.
*** Kĩ thuật :** Động não.
*** Thời gian:** 7-10’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
		I. TÌM HIỂU BÀI **3. Câu thiếu cả chủ và vị ngữ.** **(trọng tâm)** **a. Ví dụ/sgk/141**
GV chiếu ví dụ trên bảng phụ, yêu cầu HS đọc các ví dụ. ? Xác định chủ và vị trong hai ví dụ (a) và (b) và nhận xét?	.- HS theo dõi và đọc các ví dụ trên bảng phụ. - HS đứng tại chỗ xác định, nêu nhận xét. a) Mối khi qua cầu Long TN Biên. -> Câu thiếu CN, VN b) Bằng khối óc sáng tạo TN và bàn tay lao động của mình, chỉ trong vòng sáu tháng. -> Câu thiếu CN, VN	**b. Nhận xét:** + Hai câu trên đều không có CN-VN, chỉ có trạng ngữ -> Mắc lỗi thiếu CN-VN.
? Hai câu trên mắc lỗi gì? Nguyên nhân? Cách sửa chữa?	- h/s làm việc cá nhân * Sửa lại: a. Mỗi khi đi qua cầu Long Biên,	
? Em hãy sửa lại câu văn cho đúng?	TN tôi// đều thấy lòng mình bồi hồi.. CN VN b. Bằng khối óc sáng tạo TN và bàn tay lao động của mình, chỉ trong vòng 6 tháng, nhà điêu khắc// đãbiến khối đá vô tri thành bức tượng vô cùng sinh động.	**c. Nguyên nhân và cách sửa** + Nguyên nhân: Chưa phân biệt được trạng ngữ và CN-VN. - Cách sửa: Bổ sung nòng cốt câu CN-VN.
		4. Câu sai về quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần câu **(trọng tâm)**
GV chiếu ví dụ trên bảng phụ, yêu cầu HS đọc ví dụ. - Cách viết như phần in đậm có thể gây ra hiểu lầm như thế nào? Nêu cách sửa của em?	- HS theo dõi và đọc ví dụ + **Sai:** Cách sắp xếp như trong câu đã làm cho người đọc hiểu phần in đậm trước dấu phẩy (hai hàng…nảy lửa) miêu tả hành động của chủ ngữ trong câu (ta) **Sửa** : ta thấy dượng Hương Thư // ghì trên ngọn sào hai hàng răng cắn chặt, quai hàm	**a. Ví dụ/sgk/141** **b. Nhận xét.** Cách sắp sếp từ ngữ không hợp lý, làm câu văn diễn đạt không logic. **c. Cách sửa** **Hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra,**

	bạnh ra, cặp mắt nảy lửa, giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh, hùng vĩ.	TN **cặp mắt nảy lửa, ta**// thấy CN VN dượng Hương Thư ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. **II. GHI NHỚ/SGK/**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

* **Mục tiêu:** HS luyện tập, củng cố bài.

* **Phương pháp :** vấn đáp, gợi tìm.

* **Kĩ thuật :** Động não.

* **Thời gian:** 10’-15’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Đọc yêu cầu của bài tập? - Thêm chủ và vị ngữ tạo thành câu hoàn chỉnh? - Hãy nêu ra chỗ sai và nêu cách sửa?	**III. Luyện tập-** HS đọc yêu cầu của bài tập. Làm việc cá nhân - HS đọc các câu văn và thêm chủ ngữ, vị ngữ. - HS đọc và chỉ ra chỗ sai, nêu cách sửa	**III. Luyện tập** **Bài tập 1:** a) Năm 1945, cầu// được đổi tên thành cầu Long Biên CN VN b) Cứ mỗi lần ngẩng lên nhìn bầu trời Hà nội trong TN xanh, lòng tôi// lại nhớ những năm tháng chống đế quốc VN CN Mĩ oanh liệt và oai hùng. c) Đứng trên cầu, nhìn dòng sông Hồng đỏ rực nước cuồn cuộn chảy với sức mạnh không ngăn nổi, nhấn TN chìm bao màu xanh thân thương, bao làng mạc trù phú đôi bờ, tôi// cảm thấy chiếc cầu như chiếc cầu như chiếc CN VN võng đung đưa, nhưng vẫn dẻo dai, vững chắc. **Bài tập 2:** a) Mỗi khi tan trường, học sinh // ùa ra đường. b) Ngoài cánh đồng, nước// ngập mênh mông c) Giữa cánh đồng lúa chín, các cô bác nông dân/ đang thi nhau gặt lúa d) Khi chiếc ô tô về đến đầu làng, chúng tôi thấy những người ra đón// đã tụ tập đông đủ. **Bài tập 3:** a) Giữa hồ, nơi có một toà tháp cổ kính. -> Thiếu chủ ngữ, vị ngữ. => Giữa hồ, nơi có một toà tháp cổ kính, cụ Rùa// đang nổi lên b) - Thiếu chủ ngữ, vị ngữ. - Sửa: ..., chúng ta nên xây dựng một nhà bảo tàng

		cầu Long Biên.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng văn bản đề nghịvà văn bản báo cáo.

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập Bài tập: Tìm lỗi sai thường ặp khác	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày....	

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập Vẽ sơ đồ tư duy	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày....	

Bước 3: Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà

1. Hướng dẫn HS học bài:
- Hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Tự đọc các bài kiểm tra và chọn các câu viết sai để sửa lại.

2. Hướng dẫn HS chuẩn bị bài:
- Soạn bài: Luyện tập cách viết đơn và sửa lỗi về đơn.

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**LUYỆN TẬP CÁCH VIẾT ĐƠN VÀ SỬA LỖI**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1.Kiến thức.

- Các tình huống cần viết đơn.
- Các loại đơn thường gặp và nội dung không thể thiếu trong đơn.

2.Kĩ năng :

- Viết đơn đúng qui cách.
- Nhận ra và sửa chữa những sai sót thường gặp khi viết đơn.

3. Thái độ

- Có ý thức viết đơn đúng

4. Năng lực cần hướng tới

- Năng lực chung: Năng lực tư duy , hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực giao tiếp Tiếng Việt

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Nghiên cứu sgk, sgv, soạn giáo án; Bảng phụ .

2. Chuẩn bị của học sinh

Soạn học bài theo hướng dẫn.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

*** Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Giáo viên đặt câu hỏi : khi nào em viết đơn ? cách viết đơn theo mẫu và không theo mẫu ? các phần quan trọng trong đơn ? Hôm nay, các em sẽ được thực hành về viết đơn cũng như chữa lỗi khi viết đơn.	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	Hướng HS vào nội dung bài học

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:** HS **nắm các lỗi thường mắc khi viết đơn .**

*** Phương pháp :** Đàm thoại, dạy học theo nhóm.

*** Kĩ thuật** : Động não.

*** Thời gian**: 10-15’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
		I. TÌM HIỂU BÀI **Các lỗi thường gặp khi viết đơn** **a. Ví dụ/sgk/142**

GV chiếu các lá đơn trên bảng phụ, yêu cầu HS đọc các lá đơn đó. GV chia nhóm để HS làm việc(5') + Nhóm 1: Tìm hiểu lá đơn số 1. + Nhóm 2: tìm hiểu lá đơn số 2. + Nhóm 3 và 4 tìm hiểu lá đơn số 3.	- HS theo dõi và đọc các lá đơn trên bảng phụ.. - HS thảo luận nhóm(5'). Đại diện một vài nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	**b. Nhận xét** **Bài tập 1**: Lá đơn 1 mắc các lỗi: - Thiếu quốc hiệu - Thiếu ngày tháng, nơi viết đơn, họ và tên người viết đơn. - Người, nơi nhận đơn không rõ. - Thiếu chữ kí của người viết đơn. - Cách sửa: Bổ sung những phần thiếu. **Bài tập 2:** Lá đơn thứ hai mắc lỗi: - Thừa phần viết về bố, mẹ vì không cần thiết phải khai trong đơn. - Lí do trình bày trong đơn chưa rõ ràng, xác đáng. - Thiếu thời gian, lời cam đoan, chữ kí của người viết đơn. - Cách sửa: Bổ sung những phần thiếu, bỏ phần chữ viết thừa. **Bài tập 3**: Các lỗi mắc phải: - Lí do viết đơn không xác đáng (đang sốt không thể viết đơn) mà phải do phụ huynh viết. - Cách sửa: Thay người viết bằng tên và cách xưng hô của một phụ huynh. - Trình bày lại phần lí do cho thích hợp. **II. GHI NHỚ/SGK/**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:** HS luyện tập, củng cố bài.

*** Phương pháp :** Đàm thoại, dạy học theo nhóm.

*** Kĩ thuật :** Động não.

*** Thời gian:** 18-20’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Đọc yêu cầu của bài tập? - GV chia lớp thành 2 nhóm thảo luận (10') + Nhóm 1: Chuẩn bị lá đơn ở bài tập 1. + Nhóm 2 : Chuẩn bị lá đơn ở bài tập 2.	**II. Luyện tập.** - HS đọc yêu cầu của bài tập. - HS thảo luận theo nhóm(10'). Đại diện một vài nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	**II. Luyện tập.** **Bài tập 1 và 2:** 1. Đơn xin cấp điện cho gia đình. Yêu cầu: Nhất thiết phải có lời cam kết tuân thủ nghiêm túc qui chế dùng điện, yêu cầu đóng góp về đường dây, công tơ... 2. Đơn xin vào đội tình nguyện bảo vệ môi trường. - Có thể gửi người đội trưởng hoặc hiệu trưởng nhà trường và phải có sự đồng ý của giáo viên chủ nhiệm lớp.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Viết đơn xin vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh . - Viết đơn xin học lớp võ thuật do nhà trường tổ chức.	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày....	

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Với sự giúp đỡ của người thân, tìm thêm một số đơn theo mẫu và đơn không theo mẫu	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày....	.....

Bước 4: Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà

1. Hướng dẫn HS học bài:

- Viết đơn xin vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh .
- Viết đơn xin học lớp võ thuật do nhà trường tổ chức.

2. Hướng dẫn HS chuẩn bị bài:

Soạn bài: Động Phong Nha.

Yêu cầu:- Đọc kĩ văn bản, tìm tài liệu giới thiệu về động Phong Nha.

- Trả lời đầy đủ các câu hỏi phần đọc hiểu trong sgk.

Tuần: Tiết: VĂN BẢN	**ĐỘNG PHONG NHA**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1.Kiến thức.

Vẻ đẹp và tiềm năng phát triển du lịch của động Phong Nha.

2.Kĩ năng :

- Đọc - hiểu văn bản nhật dụng đề cập đến vấn đề bảo vệ môi trường.
- Tích hợp với phần Tập làm văn để viết bài văn miêu tả.

3. Thái độ : - Bồi dưỡngý thức bảo vệ danh lam thắng cảnh.

4. Năng lực cần hướng tới

- Năng lực chung: Năng lực tư duy , hợp tác, tự học, sử dụng ngôn ngữ
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực giao tiếp Tiếng Việt

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Nghiên cứu sgk, sgv, soạn giáo án; Bảng phụ .

2. Chuẩn bị của học sinh

Soạn học bài theo hướng dẫn.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

*** Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Giới thiệu bài mới: Chiếu một vài cảnh đẹp của động Phong Nha, sau đó chuyển ý vào bài : Vẻ đẹp lộng lẫy, kì ảo của Động Phong Nha. Vị trí vai trò của nó trong cuộc sống của nhân dân Quảng Bình, nhân dân Việt Nam hôm nay và mai sau, bài học ...	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	**Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình**

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu :** HS đọc văn bản, nắm được một số nét chính về tác giả, tác phẩm

*** Phương pháp** : Đọc diễn cảm, vấn đáp, Thuyết trình, dạy học theo nhóm .

*** Kĩ thuật :** Động não,khăn trải bàn.

*** Thời gian:** 20-25’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, phấn khởi như lời mời gọi du khách.	**I.Tìm hiểu chung** - HS nghe. - HS nghe và theo dõi vào sgk. - 2 HS đọc tiếp văn bản.	**I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH** **1. Đọc – chú thích**

GV đọc mẫu một phần đầu của văn bản - Gọi 2 HS đọc tiếp văn bản? - Xuất xứ? - Dựa vào sgk, em hãy giải nghĩa một số từ khó? - Tìm bố cục của văn bản và nêu rõ nội dung từng phần? - Văn bản này được viết theo hình thức nào? - Em hiểu thế nào về câu nói " Đệ nhất kì quan Phong Nha"? - Cảnh sắc của động Phong Nha đã được miêu tả theo trình tự nào? - Nếu em được lựa chọn để đi thì em sẽ chọn lói đi nào? Vì sao? - Vẻ đẹp của động Phong Nha được giới thiệu theo mấy cảnh? Đáng chú ý nhất là cảnh nào? - Dựa vào sgk, hãy tóm tắt các chi tiết giới thiệu Động khô Phong Nha? - Tại sao lại gọi là Động	- HS nhận xét bạn đọc bài. - HS Sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Tung Trung Bộ. + Xuất xứ:Sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Tung Trung Bộ. + Từ khó: Động: nơi núi đá bị mưa, nắng gió, hàng nghìn năm bào mòn, đục khoét ăn sâu vào trong thành hang, vòm. - Động Phong Nha: động răng nhọn (Phong: nhọn; nha: răng Bố cục: 2 phần: + Phần 1: Từ đầu..."đất Bụt": Giới thiệu toàn cảnh đẹp động Phong Nha + Phần 2: Còn lại: giá trị của động Phong Nha Văn bản nhật dụng đề cập đến vấn đề bảo vệ môi trường, danh lam thắng cảnh. Hs trả lời, giáo viên nhận xét Trình tự miêu tả động Phong Nha : • Từ ngoài vào trong, từ tổng quát đến chi tiết cụ thể. • Vị trí của quần thể động. • Hai đường thủy - bộ cùng vào động. • Hai bộ phận chính của động Phong Nha: Động khô và Động nước. • Đặc tả vẻ đẹp kì ảo, độc đáo trong từng cảnh sắc của động. GV cho học sinh xem hình ảnh: con đường thủy - bộ cùng vào động 3 cảnh: Động khô, Động nước, và cảnh ngoài động. + Đáng chú ý là Động nước - HS dựa vào sgk tóm tắt. + Nằm ở độ cao 200m, nhiều vòm đá	**SGK** **2. Bố cục văn bản** 2 Phần **3. Thể loại và phương thức biểu đạt** - Thể loại: vb nhật dụng - Ptbđ: Miêu tả **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN** **1. Giới thiệu chung về động Phong Nha** - Vị trí: Nằm trong một quần thể hang động thuộc núi đá nôi Kẻ Bàng miền Tây Quảng Bình. - Đường vào hang động Phong Nha: đường thủy và đường bộ. **2. Vẻ đẹp của động Phong Nha**

khô? - Từ các chi tiết trên gợi cho em hình dung gì về Động khô Phong Nha? - Cảnh Động khô Phong Nha gợi cho em liên tưởng đến những hang động nổi tiếng nào mà em biết? - Dựa vào sgk, em hãy cho biết động nước Phong Nha được kể và tả qua những chi tiết nào? - Em có nhận xét gì về trình tự tả và kể? - Nhận xét gì về lời văn? Em hình dung đó là cảnh tượng như thế nào? ? Hãy đọc lại lời phát biểu của ông trưởng đoàn thám hiểm Hội địa lí Hoàng gia Anh? ? Nhà thám hiểm đã nhận xét và đánh giá động Phong Nha như thế nào?	vân nhũ, nhiều cột đá xanh ngọc bích. + Xưa vốn là một dòng sông, nay kiệt nước thành hang. Gọi theo đặc điểm của động. + Là hang động lớn nằm trên núi cao; nhiều nhũ đá, cột đá đẹp; rất hấp dẫn khách tham quan. - HS + Động Hương Tích (Chùa Hương), động Thiên Cung(Hạ Long + **Quy mô:** Là một con sông dài chảy suốt ngày đêm; khi vào phải đi bằng thuyền; động chính chứa nhiều buồng, trần buồng thấp nhất là 10m, cao nhất là 40m; có nhiều điều bí mật chưa được khám phá. + **Cảnh sắc**: Lỗng lẫy, kì ảo, thạch nhũ đủ hình khối, màu sắc(con gà, con cóc, đốt trúc, mâm xôi, cái khánh, tiên ông đánh cờ...) lóng lánh như kim cương; vavhs động rủ xuống những nhánh phong lan xanh biếc; có bãi cát, bãi đá để thuyền ghé vào. -> Từ khái quát (kể những nét chung về quy mô của động) đến cụ thể (tả cảnh sắc cụ thể trong động) => Khiến người đọc dễ hình dung cảnh của Động nước Phong Nha. + Lời văn vừa chứa thông tin tài liệu, vừa gợi hình, vừa biểu hiện cảm xúc. - Cảnh ngoài của động Phong Nha được tác giả cảm nhận như một" thế giới của của Tiên cảnh". + HS đọc. + Lời phát biểu của nhà thám hiểm: Động Phong Nha là hang động dài nhất, cửa hang cao và rộng nhất, bãi cát, bãi đá rộng và đẹp nhất, có những hồ ngầm đẹp nhất, hang khô rộng và đẹp nhất,	 - Vẻ đẹp "lộng lẫy và kì ảo" của Động khô và Động nước. + Các khối thạch nhũ. + Bãi cát, bãi đá. + Âm thanh: tiếng nước => Đẹp, lộng lẫy, kì ảo thần tiên, hoang sơ. **3. giá trị của động Phong Nha** - Trong nước : với một vẻ đẹp đặc sắc, độc đáo riêng, động Phong Nha được xem là "Kì quan đệ

	thạch nhũ tráng lệ và kì ảo nhất, sông ngầm dài nhất. . Trong nước : với một vẻ đẹp đặc sắc, độc đáo riêng, động Phong Nha được xem là "Kì quan đệ nhất động của Việt Nam". . Ngoài nước: "Phong Nha là hang động dài nhất và đẹp nhất thế giới"	nhất động của Việt Nam". - Ngoài nước: "Phong Nha là hang động dài nhất và đẹp nhất thế giới
? Em có cảm nghĩ gì trước lời đánh giá đó?	+ Cảm nghĩ của em : - Trước những lời đánh giá đó, em cảm thấy rất tự hào vì nước ta có thắng cảnh đẹp nhất thế giới. - Từ đó chúng ta cần ý thức tham gia bảo vệ những danh lam thắng cảnh của đất nước. Chốt ý : *Tháng 4-1997, một cuộc hội thảo khoa học về di tích danh thắng Phong Nha-Xuân Sơn được tổ chức ở Quảng Bình. Kết quả nghiên cứu khảo sát cho biết Phong Nha có 7 cái nhất :* *1.Hang động dài nhất* *2.Cửa hang cao và rộng nhất* *3.Bãi cát và đá rộng đẹp nhất* *4.Hồ ngầm đẹp nhất* *5.Thạch nhũ tráng lệ và kì ảo nhất* *6.Dòng sông ngầm dài nhất Việt Nam (13969m)* *7.Hang khô rộng và đẹp nhất.*	- Sớm trở thành địa điểm du lịch thám hiểm và nghiên cứu khoa học.
?Vậy tương lai của động Phong Nha như thế nào***?*** ****Tích hợp giáo dục môi trường :***	+ Những triển vọng về mặt kinh tế du lịch của Động Phong Nha thu hút sự quan tâm lớn của nhiều nhà khoa học, nhà thám hiểm về khách du lịch. Động Phong Nha đang được đầu tư và khai thác để trở thành một địa điểm du lịch thám hiểm và nghiên cứu khoa học của cả nước ta.	
?Từ sự cảm nhận vẻ đẹp của động, hãy nêu suy nghĩ của em về những vấn đề mà cuộc sống đang đặt ra một cách bức thiết ? ? Trước cảnh đẹp của quê hương, em phải làm gì để bảo vệ, giữ gìn và phát triển những cảnh đẹp của quê hương mình	+ Bảo vệ môi trường thiên nhiên, bảo vệ danh lam thắng cảnh, đầu tư khai thác nguồn lợi của thiên nhiên nhằm phát triển kinh tế du lịch.	**III. Ghi nhớ/sgk/148**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu :** HS luyện tập, củng cố bài.

*** Phương pháp** : vấn đáp .

*** Kĩ thuật :** Động não, trình bày một phút.

*** Thời gian:** 7’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Em hãy đóng vai người hướng dẫn viên du lịch giới thiệu cho khách tham quan về quần thể động Phong Nha?	**III. Luyện tập.** - HS dựa vào sgk hướng dẫn cho khách tham quan về động Phong Nha	**III. Luyện tập.**

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng văn bản đề nghịvà văn bản báo cáo.

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập -viết bài giới thiệu về Đồ Sơn, nhóm 3 và 4 về Đền chùa Nhân Lí, độ dài khoảng 300 chữ, yêu cầu Hs tham quan, quan sát, tìm hiểu tư liệu.	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày....	……

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Sưu tầm tranh ảnh về động Phong Nha và các động khác trong đất nước Việt Nam	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày....	Bài tập :Sưu tầm

Bước 4: Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà

1. Hướng dẫn HS học bài:

- Học bài, thuộc ghi nhớ.

2. Hướng dẫn HS chuẩn bị bài.

Ôn tập dấu câu

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU** **(Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than)**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức

- Cụng dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu chấm phảy

2.Kĩ năng

- Lựa chọn và sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu chấm phảy trong khi viết
- Phát hiện và sửa đúng một số lỗi thường gặp về dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu chấm phảy

3. Thái độ

- Có ý thức cao trong việc dùng các dấu kết thúc câu.

4. Năng lực dạy học cần hướng tới

- Năng lực chung: Năng lực tư duy , hợp tác, tự học
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực sử dụng ngôn ngữ

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Nghiên cứu sgk, sgv, soạn giáo án; Bảng phụ .

2. Chuẩn bị của học sinh

Soạn học bài theo hướng dẫn.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

*** Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV dẫn vào bài: Các dấu câu được phân thành 2 loại: dấu đặt cuối câu và dấu đặt trong câu. Các dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than là các dấu đặt cuối câu**.**	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	Hướng HS vào nội dung bài học

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức về công dụng của các dấu dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than .

*** Phương pháp :** Đàm thoại, dạy học theo nhóm.

*** Kĩ thuật :** Động não.

*** Thời gian:** 10-15’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
		I. TÌM HIỂU BÀI **1. Công dụng của các dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than .**
GV treo bảng phụ đã viết sẵn bài tập để HS điền vào - Đọc yêu cầu của bài tập - Nhận xét bài làm của bạn? GV nhận xét, đánh giá	- HS theo dõi và đọc ví dụ trên bảng phụ. - HS đọc yêu cầu của bài tập. - Mỗi HS điền 1 câu. - HS nhận xét bài của bạn. - HS nghe rút kinh nghiệm	**1. Tìm hiểu ví dụ:** **Bài tập 1.** Điền dấu câu vào chỗ thích hợp: a. Câu cảm thán (!) b. Câu nghi vấn (?) c. Câu cầu khiến (!) d. Câu trần thuật (.)
? Gọi HS đọc bài tập 2 và nêu tên câu 2 và câu 4 ở trên? ? Tại sao người viết lại đặt dấu các dấu chấm than và chấm hỏi sau hai câu ấy? - Yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ	a. Câu 2 và câu 4 đều là câu cầu khiến. - Đây là cách dùng dấu câu đặc biệt. b. Câu trần thuật. Đây là cách dùng dấu câu đặc biệt để tỏ ý nghi ngờ hoặc mỉa mai.	**Bài tập 2**: Tìm hiểu cách dùng dấu câu trong trường hợp đặc biệt: a. Câu 2 và câu 4 đều là câu cầu khiến. - Đây là cách dùng dấu câu đặc biệt. b. Câu trần thuật. Đây là cách dùng dấu câu đặc biệt để tỏ ý nghi ngờ hoặc mỉa mai.
		2. Chữa một số lỗi thường gặp.
GV chiếu ví dụ trên bảng phụ và yêu cầu HS đọc ví dụ. - So sánh cách dùng dấu câu trong từng cặp câu trên?	- HS theo dõi và đọc ví dụ trên bảng phụ + a1: Dùng dấu chấm(.) sau Quảng Bình là hợp lí. + a2: Dùng dấu phẩy sau Quảng Bình là không hợp lí, vì: Biến câu a2 thành câu ghép có hai vế, nhưng ý nghĩa của 2 vế này rời rạc, không liên quan chặt chẽ với nhau. Câu dài, không cần thiết. + b1: Dùng dấu chấm sau bí hiểm là không hợp lí, vì: Tách vị ngữ 2 ra khỏi chủ ngữ. Cắt đôi cặp quan hệ từ: vừa..vừa… b2: dùng dấu chấm phẩy(;) là hợp lí	BÀI 1/ SGK./ 150. Câu a : - Dùng chấm dấu câu sau từ Quảng Bình là hợp lí - Dùng dấu phẩy sau từ quảng Bình là không hợp lí : vì : biến câu a2 thành câu ghép có hai vế nhưng ý nghĩa của 2 vế này không rời rạc, không liên quan chặt chẽ với nhau. Làm cho câu dài quá, không cần thiết Câu b b1 : dùng dấu chấm sau từ bí hiểm là không hợp lí vì : Tách VN2 khỏi CN Cắt đôi cặp quan hệ vừa … vừa.

GV chiếu ví dụ trên bảng phụ, yêu cầu HS đọc ví dụ. - Em có nhận xét gì về cách dùng dấu chấm hỏi, dấu chấm than trong các ví dụ trên?	- HS + Dùng dấu chấm là hợp lí vì đây là câu trần thuật chứ không phải là câu nghi vấn	BÀI 2/ SGK./ 151. - a/ dùng dấu chấm, vì đây là câu trần thuật chứ không phải là câu nghi vấn. - b/ dùng dấu chấm **II. Ghi nhớ/sgk/150**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, chia sẻ và năng lực sử dụng thành thạo các phép biến đổi câu và các biện pháp tu từ

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm,.

*** Kĩ thuật:** Động não, hợp tác.

*** Thời gian:** 20- 22 phút.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Đọc yêu cầu của bài tập? - Phát hiện dấu chấm hỏi dùng chưa đúng trong đoạn hội thoại sau? - Đọc yêu cầu của bài tập? - Đọc đoạn văn và điền dấu câu thích hợp vào chỗ có dấu ngoặc đơn?	- HS đọc yêu cầu của bài tập và làm bài cá nhân. - HS xác định cách dùng dấu chấm hỏi. - HS đọc yêu cầu của bài tập và làm bài cá nhân. - HS đọc đoạn văn và điền dấu câu vào chỗ thích hợp	**Bài tập 1:** Điền dấu chấm(.) -…sông Lương. -….đen xám. - ….đã đến. -….toả khói. -….trắng xoá. **Bài tập 2:** Dùng dấu chấm hỏi(?) - Bạn đã đến động Phong Nha chưa?(đúng) - Chưa?(Sai) - Thế còn bạn đã đến chưa?(Đúng) - Có tới đó, bạn mới hiểu vì sao mọi người lại thích đến động như vậy?(Sai) **Bài tập 3:** a) . Câu cảm thán, dùng dấu chấm than. b. Câu cầu khiến dùng dấu chấm than. c. Câu trần thuật không dùng dấu chấm than. **Bài tập 4:** - Mày nói gì? - Lạy chị, em có nói gì đâu? Rồi Dế Choắt lui vào. - Chối hả? Chối này! Chối này! Mỗi câu chối này , chị Cốc lại giáng một mỏ xuống.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng các phép biến đổi câu và các biện pháp tu từ

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
H. Chính tả (nghe - viết): Bức thư của thủ lĩnh da đỏ (Từ Đối với đồng bào tôi...kí ức của người da đỏ)	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày....	.....

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Khi nào có thể sử dụng dấu chấm để kết thúc câu cảm thán ? Cho ví dụ ?	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày....	**.....**

Bước 4. Hướng dẫn HS về nhà (2')

1. Hướng dẫn HS học bài:
- Làm hoàn chỉnh các bài tập vào vở.
- Biết cách dùng dấu câu cho phù hợp.

2. Hướng dẫn HS chuẩn bị bài: Kiểm tra tiếng việt

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7** **Văn miêu tả sáng tạo**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Đánh giá được bài TLV của mình theo yêu cầu của bài miêu tả

2. Kĩ năng:

- Nhận ra những lỗi sai về hình thức, nội dung và cách chữa lỗi.

3. Thái độ:

- Có ý thức sửa chữa những lỗi sai khi làm bài.

II. Năng lực, phẩm chất:

Năng lực: tư duy, sáng tạo, làm việc hợp tác.

Phẩm chất: tự lực, tự chủ, có tinh thần, trách nhiệm

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bài kt, đáp án, biểu điểm

2. Chuẩn bị của học sinh

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

Hoạt động trả bài kiểm tra văn số 7:

- Giáo viên nhận xét chung tất cả các bài làm của học sinh.
- Nhận xét, tuyên dương những bài kiểm tra đạt điểm cao.
- Đọc mẫu cho hs một vài bài kiểm tra đạt điểm cao để tham khảo.
- Nhận xét những bài kiểm tra đạt điểm thấp.
- Chữa lỗi những bài kiểm tra có điểm thấp.
- Trả bài kiểm tra cho học sinh.
- Học sinh ý kiếm thắc măc, giáo viên giải đáp.
- Giáo viên gọi tên, ghi điểm.
- Giáo viên thu bài kiểm tra.

Dặn dò:

Chuẩn bị bài mới: Tổng kết phần văn

Tuần: Tiết:	**TỔNG KẾT PHẦN VĂN**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức :

- Nội dung và nghệ thuật của các văn bản .
- Thể loại, phương thức biểu đạt của các văn bản .

2. Kĩ năng :

- Nhận biết ý nghĩa, yêu cầu và cách thực hiện bài tổng kết .
- Khái quát, hệ thống văn bản trên các phương diện cụ thể .
- Cảm thụ và phát biểu cảm nghĩ cá nhân .

3. Thái độ :

- Nghiêm túc học tập

4. Năng lực, phẩm chất:

Năng lực: tư duy, sáng tạo, làm việc hợp tác.

Phẩm chất: tự lực, tự chủ,

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Tài liệu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

Bài soạn

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

***Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

***Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Trong chương trình Ngữ Văn 6 (phần văn) có hai loại hình bài học : bài học tác phẩm và bài tổng kết. - Bài tổng kết có ý nghĩa rất quan trọng : đảm bảo kết quả học tập của chương trình.Nó giúp HS nắm vững những trọng tâm, trọng điểm của chương trình, không để kiến thức vào tình trạng lộn xộn, rời rạc .	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	Hướng HS vào nội dung bài học

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:** h/s

- Hệ thống hóa kiến thức cơ bản về các văn bản đã học.
- Thể loại, phương thức biểu đạt của các văn bản đã học.

*** Phương pháp :** Hệ thống hóa.
*** Kĩ thuật** : Động não.
*** Thời gian:** 30-35’
NỘI DUNG 1: THỐNG KÊ LẠI TẤT CẢ CÁC NHAN ĐỀ VĂN BẢN ĐÃ HỌC TRONG CẢ NĂM HỌC THEO THỂ LOẠI
1. Truyện truyền thuyết: Con Rồng, Cháu Tiên, bánh chưng, bánh giầy, Thánh gióng, sự tích Hồ Gươm.
2. Truyện cổ tích: Sọ Dừa, Thạch Sanh, Em bé thông minh, Cây bút thần, ông lão đánh cá và con cá vàng.
3. Truyện ngụ ngôn: Ếch ngồi đáy giếng, thầy bói xem voi, đeo nhạc cho mèo.
4. Truyện cười: Treo biển, Lợn cưới áo mới.
5. Truyện trung đại: Con hổ có nghĩa, Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng, Mẹ hiền dạy con.
6. Văn học hiện đại. Bài học đường đời đầu tiên, sông nước Cà Mau, Bức tranh của em gái tôi, Vượt thác, Đêm nay Bác không ngủ, Lượm, Cô Tô, Cây tre Việt Nam, Lòng yêu nước, Lao xao
7. Văn bản nhật dụng: Cầu Long Biên-chứng nhân lịch sử, Bứ thư của thủ lĩnh da đỏ, Đông Phong Nha

NỘI DUNG 2: HỆ THỐNG HOÁ CÁC KHÁI NIỆM, ĐỊNH NGHĨA
1. Truyền thuyết: Truyền thuyết là những truyện kể truyền miệng kể lại truyện tích các nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong vật địa phương theo quan điểm của nhân dân, biện pháp nghệ thuật phổ biến của nó là khoa trương, phóng đại, đồng thời nó cũng sử dụng yếu tố hư ảo, thần kỳ như cổ tích và thần thoại.
2. Truyện cổ tích: Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật như:
+ Nhân vật bất hạnh.
+ NV dũng sĩ và nhân vật có tài năng kì lạ.
+ NV thông minh và nv ngốc nghếch.
+ NV là động vật.
+ truyện cổ tích thường có yếu tố hoang đường.
+ truyện thể hiện ước mơ, niềm tin, của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện với cái ác, cái tốt với cái xấu, sự công bằng với sụ bất công.

3. **Truyện ngụ ngôn là**:
+ Truyện kể bằng văn vần hoặc văn xuôi.
+ Mượn truyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng, nói gió, kín đoa truyện con người
+ Khuyên nhủ, răn dạy người ta một bài học nào đó trong cuộc sống.

4. **Truyện cười** là truyện kể về những việc đáng cười trong cuộc sống, nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.
5. Truyện trung đại là khái niệm dùng để chỉ những truyện ngắn, vừa, dài… được các tác giải sáng tác trong thời kì xã hội phong kiến (ở VN, từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX) bằng chữ Hán, Nôm.
Thể loại này có một số đặc điểm sau:
- Chủ yếu là kể việc cho nên gần giũ với thể loại kí.
- Có khi kể về người, việc có thật cho nên gần gũi với sử.
- Mang tính chất giáo huấn đạo đức rõ nét nên gần gũi với truyện ngụ ngôn.
- Cốt truyện đơn giản, kể theo trật tự thời gian.
- Nhân vật thể hiện qua ngôn ngữ và hành động, tâm lí, tâm trạng còn đơn giản, sơ sài.

6. **văn bản nhật dụng.**

- Nội dung: có nội dung gần gũi, bức thiết với cuộc sống của con người và cộng đồng xã hội hiện đại như: thiên nhiên, môi trường, năng lượng, dân số, quyền trẻ em, ma túy…
- Về hình thức: thường là những bài báo, thường được viết theo thể bút kí, trong đó có sự kết hợp giữa các phương thức kể, tả, biểu cảm…
- Tác dụng: có giá trị thông tin tuyên truyền, phổ biến, cập nhật một vấn đề văn hóa, xã hội nào đó chủ yếu.

NỘI DUNG 3: LẬP BẢNG THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN TRUYỆN

STT	**Tên văn bản**	**Nhân vật chính**	**Tính cách, vị trí, ý nghĩa của nhân vật chính**
1	Con Rồng, cháu tiên	Âu Cơ, LLQuân	- Kì lạ, lớn lao, đẹp đẽ, sinh ra dân tộc Việt Nam -> đề cao nguồn gốc dân tộc
2	Bánh chưng, bánh giầy	Lang Liêu	- Chăm chỉ, cần cù, gần gũi dân , đề cao lao động. - Là người đầu tiên làm ra bánh chưng bánh giầy
3	Thánh gióng	Thánh Gióng	- Người anh hùng mang sức mạnh của cộng đồng.
4	Sơn Tinh, Thuỷ Tinh	Sơn Tinh, Thuỷ Tinh	- Sức mạnh chống trả , chế ngự thiên nhiên
5	Sự tích Hồ Gươm	Lê Lợi	- Tướng tài, gây thanh thế cho cuộc kháng chiến.
6	Thạch sanh	Thạch sanh	- Thật thà, tốt bụng, dũng cảm, tài năng, đề cao lòng nhân đạo và yêu hoà bình.
7	Em bé thông minh	Em bé	- Thông minh, đề cao tài trí.
8	Cây bút thần	Mã Lương.	- Tài giỏi, giúp đỡ người nghèo, trừng trị kẻ ác.
9	Ông lão ...	Ông lão và mụ vợ	- Nhu nhược - Tham lam, bội bạc -> ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác.
10	Ếch ngồi đáy giếng	Ếch	Tính cách huênh hoang, hiểu biết nông cạn, hạn hép Truyện khuyên chúng ta phải biết mở rộng tầm hiểu biết, không đươc chủ quan kiêu ngạo
11	Thầy bói xem voi	Năm ông thầy bói	Thái độ chủ quan, phiến diện Phủ nhận ý kiến của người khác Truyện khuyên: muốn hiểu biết sự việc phải xem xét một cách toàn diện
12	Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng	Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng	So bì với lão miệng, mới chỉ nhìn thấy vẻ bề ngoài mà chưa nhìn được thấy sự chặt chẽ bên trong. Truyện khuyên: mỗi thành viên phải biết nương tựa vào nhau, gắn bó với nhau để tồn tại
13	Treo biển	Chủ nhà hàng	Không hiểu biết đã viết lên bảng Không có chủ kiến của chính mình
14	Lợn cưới áo mới	Hai anh khoe của	Thích khoe khoang đến mức kệch cỡm Ghanh đua trong việc khoe khoang

15	Con hổ có nghĩa	Con hổ	- Đề cao ân nghĩa.
16	Mẹ hiền dạy con	Người mẹ	- Thương con, tấm gương sáng về cách dạy con
17	Thầy thuốc	Thái y họ phạm	- Giỏi, có lòng nhân đức-> Đề cao đức tính cao đẹp của bậc lương y.
18	Bài học đường đời...	Dế Mèn	- Kiêu căng, xốc nổi-> Rút ra được bài học.
19	Bức tranh của em gái tôi	Người anh Người em	- Tự ái , ghen tị - Tài năng,, vị tha, nhân hậu.
10	Buổi học cuối cùng	Phrăng Ha Men	- Mải chơi, lườihọc-> Muốn được học tập - Yêu tiếng nói dân tộc -> Yêu nước.

NỘI DUNG 4: CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT MÀ EM THÍCH NHẤT

Hs tự viết cảm nhận của mình

NỘI DUNG 5: SỰ GIỐNG NHAU VÀ KHÁC NHAU VỀ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT GIỮA TRUYỆN DÂN GIAN VÀ TRUYỆN TRUNG ĐẠI

- Đều có cốt truyện
- Nhân vật: đều có sự phát triển về tính cách và diễn biến tâm lí.
- Lời kể: có lời kể của tác giả

NỘI DUNG 6: LIỆT KÊ NHỮNG VĂN BẢN THỂ HIỆN TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC VÀ THỂ HIỆN LÒNG NHÂN ÁI CỦA DÂN TỘC TA

Văn bản thể hiện truyền thống yêu nước

Thánh gióng
Sự tích Hồ Gươm
Em bé thông minh
Thạch Sanh
Lượm

Văn bản thể hiện tinh thần nhân ái

Con rồng cháu tiên
Bánh chưng bánh giầy
Thạch sanh
Đêm nay Bác không ngủ

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Mục tiêu: h/s làm bài tập củng cố kiến thức.
Phương pháp : Vấn đáp.
Kĩ thuật : Động não.
Thời gian: 10 -15’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Nêu y/c bài tập - Lưu ý: Không nên dập khuôn hoàn toàn, cần mô phỏng kết hợp với tưởng tượng sáng tạo. - Tương tự làm bài tập 2.	**III. Luyện Tập** Nêu y/c bài tập 1 - Làm việc cá nhân	**III. Luyện Tập** **Bài tập. 1:** Từ bài thơ: Đêm nay Bác không ngủ của Minh Huệ , Hãy tưởng tượng mình là anh bộ đội được chứng kiến câu chuyện kể lại bằng một bài văn

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng văn bản đề nghịvà văn bản báo cáo.

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Bài học cuộc sống rút ra từ các văn bản kí	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày....	Làm về nhà

Bài học cuộc sống rút ra từ các văn bản kí

1. Cây tre Việt Nam – Thép Mới

- Mỗi chúng ta phải thấy được vai trò to lớn của cây tre VN: người bạn gần gũi, gắn bó, thủy chung với con người VN, dân tộc VN trong đời sống hàng ngày, trong chiến đấu và trong lao động sản xuất; mang nhiều phẩm chất đáng quý như con người VN.
- Cuộc sống hiện đại có sắt thép có thể thay thế cho tre nứa, nhưng cây tre vẫn mãi là người bạn đồng hành với nhân dân VN: nhiều đồ dùng tre nứa vẫn được người dân VN sử dụng; nhiều mặt hàng mĩ nghệ làm từ tre nứa có giá trị xuất khẩu kinh tế cao
- Yêu quý, bảo vệ những rừng tre nứa; trồng thêm nhiều rừng tre tạo cảnh quan môi trường mang đậm nét đẹp văn hóa làng quê Việt.

2. Cô Tô- Nguyễn Tuân

- Phải yêu mến, bảo vệ thiên nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên biển đảo.
- Đảo Cô Tô đẹp trong sáng, giàu nguồn lợi có thể phát triển ngành kinh tế du lịch biển để giới thiệu với bạn bè trong và ngoài nước
- Có ý thức bảo vệ môi trường biển xanh sạch đẹp
- Kẻ thù Trung Quốc đang có mộng xâm chiếm nhiều biển đảo VN; mọi người phải có ý thức cảnh giác , kiên quyết giữ vững chủ quyền biển đảo quê hương
- Học tập cách quan sát tỉ mỉ , kì công; cách trải nghiệm cuộc sống để có vốn sống , có kĩ năng trong làm văn miêu tả

3. Lòng yêu nước (I-li-a Ê-ren-bua)

- Lòng yêu nước phải bắt nguồn từ yêu những sự vật bình thường nhất quanh ta
- Lòng yêu nước của mỗi người ngày nay phải được phát huy một cách mạnh mẽ trong những tình huống đất nước gặp khó khăn thử thách: thiên tai, địch họa, dịch bệnh..
- Phải được vận dụng thực hành vào trong những việc làm cụ thể , thiết thực: như mua gói tăm ủng hộ người mù, góp đồng tiền lẻ nuôi lợn siêu trọng ủng hộ bạn nghèo; ủng hộ đồng bào bị thiên tai, áo ấm tặng bạn, hiến máu nhân đạo, vì một trái tim cho em...
- Lòng yêu nước của HS phải được biểu hiện trong hành động thi đua học tốt.

4. Lao xao – Duy Khán

- Yêu thiên nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên làng quê
- Bảo vệ thiên nhiên, môi trường làng quê
- Trải nghiệm cuộc sống để có vốn hiểu biết về thế giới thiên nhiên: thế giới loài chim, loài hoa...
- Học tập vốn văn hóa dân gian: ca dao, vè, tục ngữ, thành ngữ dân gian để làm văn được sinh động, hấp dẫn.

*** Chú ý**: - Khái niệm kí là gì?

(Ghi chép những sự việc có thật xảy ra trong đời sống- không có yếu tố tưởng tượng kì ảo hoang đường ; bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người viết.; kí có nhiều thể: tùy bút, bút kí, hồi kí...)

- Phân biệt điểm giống và khác nhau giữa truyện và kí (**học theo bảng ôn tập**)

Bài học cuộc sống rút ra từ các văn bản nhật dụng

1. Bức thư của thủ lĩnh da đỏ (Xi-at-tơn)

- Phải yêu mến , sống hòa hợp với thiên nhiên môi trường.
- Phải biết bảo vệ đất đai, vì nó là tổ ấm của con người; điều gì xảy ra với đất đai là xảy ra với chính mạng sống của con người.
- Phê phán gay gắt những hành vi hủy hoại môi trường;
- Đừng làm bà mẹ thiên nhiên nổi giận gây hậu quả tiêu cực cho con người

2. Cầu Long Biên chứng nhân lịch sử (Thúy Lan)

- Phải biết tự hào và giữ gìn những nét đẹp văn hóa, lịch sử của quê hương đất nước
- Ngày nay bắc qua sông Hồng có nhiều cây cầu hiện đại như cầu Thăng Long, cầu Chương Dương, cầu Vĩnh Tuy, cầu Thanh Trì... nhưng chúng ta vẫn phải có trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn cầu Long Biên vì nó là cây cầu lịch sử, là chứng nhân lịch sử cách mạng, kháng chiến và xây dựng gian khổ , là viện bảo tàng sống động của đất nước về cầu sắt Việt Nam.
- Nếu có thể, có thể tu sửa nâng cấp cầu Long Biên để nó được trẻ lại, mới lại , hiện đại hơn, tiện lợi hơn đồng thời nó trở thành điểm tham quan du lịch hấp dẫn của thủ đô; nối nhịp cầu yêu thương của bạn bè du khách nước ngoài với đất nước Việt Nam bé nhỏ mà anh hùng.

3. Động Phong Nha (Trần Hoàng)

- Tự hào, yêu mến những danh lam thắng cảnh của đất nước
- Động Phong Nha đã và đangtrở thành điểm tham quan du lịch nổi tiếng, nơi thám hiểm và nghiên cứu khoa học thu hút nhiều du khách, nhà thám hiểm và nhà nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước vì thế mỗi người dân VN phải có trách nhiệm giữ gìn môi trường sống của cảnh quan nơi đây.
- Phải bảo vệ , giữ gìn nguyên vẹn vẻ đẹp quần thể Phong Nha, đầu tư thích đáng, và có kế hoạch dài hơi để điểm lí tưởng này trở thành kì quan đệ nhất của thế giới, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
H. Vẽ một bức tranh minh họa cho một tác phẩm mà em thích	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày....	....

Bước 4: Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà

1.Bài cũ :

Học bài, hoàn thiện bài tập

2.Bài mới :Soạn bài Tổng kết phần tập làm văn

Tuần: Tiết: TẬP LÀM VĂN	**TỔNG KẾT PHẦN TẬP LÀM VĂN**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức :

-Hệ thống kiến thức về các phương thức biểu đạt đã học .

- Đặc điểm và cách thức tạo lập các kiểu văn bản .

- Bố cục của các loại văn bản đã học .

2. Kĩ năng :

- Nhận biết các phương thức biểu đạt trong các văn bản cụ thể .

- Phân biệt được 3 loại văn bản : tự sự, miêu tả, hành chánh-công vụ (đơn từ) .

- Phát hiện lỗi sai và sửa về đơn .

3. Thái độ :

- Nghiêm túc học tập

4. Năng lực, phẩm chất:

Năng lực: tư duy, sáng tạo, làm việc hợp tác.

Phẩm chất: tự lực, tự chủ,

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Tài liệu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

Bài soạn

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

***Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

***Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Trong chương trình Ngữ Văn 6 (phần văn) có hai loại hình bài học : bài học tác phẩm và bài tổng kết. - Bài tổng kết có ý nghĩa rất quan trọng : đảm bảo kết quả học tập của chương trình.Nó giúp HS nắm vững những trọng tâm, trọng điểm của chương trình, không để kiến thức vào tình trạng lộn xộn, rời rạc .	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	Hướng HS vào nội dung bài học

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:**

- Hệ thống hóa kiến thức cơ bản về phần tập làm văn

- Thể loại, phương thức biểu đạt của các văn bản đã học.

*** Phương pháp :** Hệ thống hóa.
*** Kĩ thuật :** Động não.
*** Thời gian:** 30-35’

<table>
<tr><th>Hoạt động của thầy</th><th>Hoạt động của trò</th><th>Chuẩn KTKN cần đạt</th></tr>
<tr><td>Gv kẻ bảng để trống, h/s huy động trí nhớ điền nội dung vào ô trống.</td><td>- Làm việc cá nhân. Học sinh điền vào bảng theo yêu cầu
- Nhận xét, bổ sung.</td><td>I. Các loại văn bản và những phương thức biểu đạt đã học.
Câu 1.Thống kê các văn bản và phương thức biểu đạt :
<table>
<tr><th>TT</th><th>PTBĐ</th><th>Văn bản</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Tự sự</td><td>Thánh Gióng,Bức tranh của em..</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Miêu tả</td><td>Vượt thác</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Biểu cảm</td><td>Đêm nay Bác không ngủ</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Nghị luận</td><td>Lòng yêu nước</td></tr>
</table>
Câu 2.Xác định PTBĐ trong các văn bản:</td></tr>
<tr><td>Gv kẻ bảng để trống, h/s huy động trí nhớ điền nội dung vào ô trống.</td><td>- Làm việc cá nhân. Học sinh điền vào bảng theo yêu cầu
- Nhận xét, bổ sung.</td><td>
<table>
<tr><td>TT</td><td>Tên văn bản</td><td>PTBĐ chính</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Thạch Sanh</td><td>Tự sự</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Lượm</td><td>Thơ</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Mưa</td><td>Thơ</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Bài học...</td><td>Tự sự</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Cây tre VN</td><td>TH, MT, Bc</td></tr>
</table>
II. Đặc điểm và cách làm
Câu 1. So sánh mục đích, nội dung, hình thức trình bày của ba loại vb:</td></tr>
<tr><td>Gv kẻ bảng để trống, h/s huy động trí nhớ điền nội dung vào ô trống.</td><td>- Làm việc cá nhân. Học sinh điền vào bảng theo yêu cầu
- Nhận xét, bổ sung.</td><td>
<table>
<tr><th>Tt</th><th>văn bản</th><th>Mục đích</th><th>Nội dung</th><th>Hình thức</th></tr>
<tr><td>1</td><td>tự sự</td><td>giải thích, nhận thức</td><td>NV, sv,diễn biến , kết quả</td><td>văn xuôi, tự do</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Miêu tả</td><td>Hình dung, cảm nhận</td><td>Đặc điểm, thuộc tính, trạng thái</td><td>Văn xuôi , tự do</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Đơn từ</td><td>Đề đạt y/c</td><td>Lí do, Y/C</td><td>Theo mẫu</td></tr>
</table>
- Làm việc cá nhân. Học sinh điền vào bảng theo yêu cầu
- Nhận xét, bổ sung.</td></tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>Hướng dẫn h/s làm các câu hỏi sgkt157</td>
<td>- Làm việc cá nhân. Học sinh điền vào bảng theo yêu cầu
- Nhận xét, bổ sung.

h/s làm việc cá nhân các câu hỏi sgkt157</td>
<td>
Câu 2.Dàn ý bài văn miêu tả:
<table>
<tr><th>Tt</th><th>các phần</th><th>Tự sự</th><th>Miêu tả</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Mở bài</td><td>Gt nv</td><td>gt đt mt</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Thân bài</td><td>Kể diễn biến sự việc</td><td>Miêu tả chi tiết , cụ thể theo trình tự</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Kết bài</td><td>Kết thúc sv, suy nghĩ</td><td>Cảm xúc về đối tượng mt</td></tr>
</table>
3. Mối qua hệ giữa sự việc, nhân vật, chủ đề.
- Sự việc phải do nhân vật làm ra. Nếu không có nhân vật thì sự việc trở lên vụn nát ngược lại nếu không có sự việc thì nhân vật trở lên nhạt nhẽo.
- Sự việc và nhân vật phải cùng tập chung thể hiện một chủ đề

4. Nhân vật trong văn tự sự thường được kể và miêu tả qua những yếu tố:
- Chân dung và ngoại hình
- Cử chỉ, hành động suy nghĩ
- Lời nhận xét cảu các nhân vật khác
5. Thứ tự kể và ngôi kể
a. Thứ tự kể
- Theo trình tự thời gian: làm cho câu truyện mạch lạc, rõ ràng.
- Theo trình tự không gian: làm cho cảnh vật trở lên có thứ tự.
- Kết hợp: tạo sự bất ngờ, lí thú
b. Ngôi kể
- Ngôi thứ nhất: làm cho câu truyện trở lên như thật
- Ngôi thứ 3: làm cho câu truyện có tính khách quan.
</td>
</tr>
</table>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt

So sánh mục đích, nội dung, hình thức trình bày của ba loại văn bản thông qua một số văn bản cụ thể đã học	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày....	Làm về nhà

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
H. Vẽ sơ đồ tưu duy khái quát toàn bộ nội dung chương trình tập làm văn	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày....	....

Bước 4: Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà

1.Bài cũ :

-Học bài và thực hiện bài

2.Bài mới :Soạn bài: ôn tập về dấu câu (dấu phẩy)

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU (dấu phẩy)**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Kiến thức :

Công dụng của dấu phảy

2. Kĩ năng :

Phát hiện và sửa đúng một số lỗi thường gặp về dấu phẩy .

Lựa chọn và sử dụng đúng dấu phẩy trong kho viết để đạt được mục đích giao tiếp .

3. Thái độ :

Tích cực học tập

Có ý thức sử dụng dấu câu trong nói và giao tiếp

II. Năng lực, phẩm chất:

Năng lực: tư duy, sáng tạo, làm việc hợp tác.

Phẩm chất: tự lực, tự chủ,

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án, sgk, bài giảng điện tử

2. Chuẩn bị của học sinh

Chuẩn bị theo hướng dẫn của gv

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

* **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
* **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.
* **Kĩ thuật:** Động não.
* **Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV dẫn vào bài: Các dấu câu được phân thành 2 loại: dấu đặt cuối câu và dấu đặt trong câu. Các dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than là các dấu đặt cuối câu. ở tiết trước chúng ta đã học về dấu kết thúc câu rồi, hôm nay chúng ta cùng đi tìm hiểu tiếp về dấu ngăn cách các bộ phận của câu.	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	Hướng HS vào nội dung bài học

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

* **Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức về công dụng của dấu phẩy
* **Phương pháp :** Đàm thoại, dạy học theo nhóm.
* **Kĩ thuật :** Động não.
* **Thời gian:** 10-15’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
		I. TÌM HIỂU BÀI **1. Công dụng của dấu**

Gv cho hs đọc ví dụ	Gv hướng dẫn hs làm bài	**phảy** **a. Ví dụ/sgk/157,158** **b. Nhận xét**

a/ Vừa lúc đó//, sứ giả// đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến.

ĐT BN BN BN

TN CN VN

⇨ **Dấu phảy có tác dụng ngăn cách các từ có cùng chức vụ Bổ ngữ**

Chú bé// vùng dậy,/ vươn vai một cái,/bỗng biến thành một tráng sĩ.

CN VN1 VN2 VN3

⇨ **Dấu phảy có tác dụng ngăn cách các từ có cùng chức vụ VN**

b/ Suốt một đời người,// từ thủa lọt lòng đến khi nhắm mắt xuôi tay, //tre với mình sống chết có nhau, chung thủy.

⇨ **Dấu phảy có tác dụng chú thích cho trạng ngữ, ngăn cách giwuax trạng ngữ và chủ ngữ.**

c/ Nước// bị cản bọt văng tứ tung, thuyền //vùng vằng cứ chực trụt xuống

C1 V1 C2 V2

⇨ **Dấu phảy có tác dụng ngăn cách vế của các câu ghép**

Giáo viên phân tích ví dụ Rút ra kết luận	Hs rút ra nhận xét	Dấu phảy dùng để đánh dấu danh giới giữa các bộ phần của câu : + Giữa các thành phần phụ với chủ ngữ và ngữ + Giữa các từ có cùng chức vị trong câu + Giữa các từ với một bộ phần chú thích cảu nó + Giữa các vế cảu câu ghép **2. Chữa một số lỗi thường gặp** **a. Ví dụ/sgk/158**
Gv yêu cầu hs làm ví dụ 1/sgk/158 Gv hd hs tìm hiểu nội dung	Hs suy nghĩ làm Hs làm bài tập, trình bày kết quả Hs khác nhận xét, bổ sung	**b. Nhận xét**

đặt dấu phẩy vào đúng chỗ của nó

a. Chào mào (,) sáo sậu (,) sáo đen… Đàn lũ lũ bay đi bay về (,) lượng lên lượn xuống.

=> Dùng giữa các từ ngữ có cùng chức vụ ngữ pháp trong câu- cùng là chủ ngữ

Chúng nó gọi nhau (,) trò chuyện (,) trêu ghẹo và tranh cãi nhau (,) ồn ào mà vui không thể tưởng được.

=> Dùng giữa các từ ngữ có cùng chức vụ ngữ pháp trong câu- cùng là vị ngữ

b. Trên những ngọn cơi già nua cổ thụ (,) những chiếc lá vàng còn sót lại cuối cùng đang khua lao xao trước khi từ giã thân mẹ đơn sơ.

=> Dấu phảy dùng giữa trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ

Nhưng những hàng cau làng Dạ thì bất chấp tất cả sức mạnh tàn bạo của mùa đông (,) chúng vẫn còn y nguyên những tàu lá, vắt vẻo, mềm mại như cái đuôi én

=> Dùng giữa các vế câu ghép

Giáo viên phân tích ví dụ Rút ra kết luận	Hs rút ra nhận xét	**II. GHI NHỚ/SGK/** 158

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (kkhs tự làm)

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, chia sẻ và năng lực sử dụng thành thạo các phép biến đổi câu và các biện pháp tu từ

*** Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm,.

*** Kĩ thuật:** Động não, hợp tác.

*** Thời gian:** 20- 22 phút.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Đọc yêu cầu của bài tập1	- HS đọc yêu cầu của bài tập và làm bài cá nhân.	**1. Đặt dấu phẩy** a. Từ xưa đến nay (,) Thánh Gióng luôn là hình ảnh rực rỡ về lòng yêu nước (,) sức mạnh phi thường và tinh thần sẵn sàng chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam ta. b. Buổi sáng (,) sương muối phủ trắng cành cây, bãi cỏ. Gió bấc hun hút thổi. Núi đồi (,) thung lũng (,) làng bản chìm trong biển mây mù. Mây bò trên mặt đất (,) tràn vào trong nhà (,) quấn lấy người đi đường.
- Đọc yêu cầu của bài tập?	- HS đọc yêu cầu của bài tập và làm bài cá nhân.	**2. Điền chủ ngữ** a. Vào giờ tan tầm, xe ô tô, (xe máy, xe đạp) đi lại nườm nượp trên đường phố. b. Trong vườn, (hoa cúc, hoa mẫu đơn), hoa hồng đua nhau nở rộ. c. Dọc theo bờ sông, những (vườn ổi, vườn mận, vườn nhãn) xum xuê, trĩu quả.
- Đọc yêu cầu của bài tập?	- HS đọc yêu cầu của bài tập và làm bài cá nhân.	**3. Điền vị ngữ.** a. Những chú chim bói cá (lao thẳng xuống mặt nước bắt cá). b. Mỗi dịp về quê, tôi đều (được bà cho ăn ngon, được ông dẫn đi thăm họ hàng). c. Lá cọ dài, (thẳng, xòe ra như cánh quạt). d. Dòng sông quê tôi (thơ mộng, hiền hòa).

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng các phép biến đổi câu và các biện pháp tu từ

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Trong bài cây tre Việt Nam, nhà văn Thép Mới có viết: ***" Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc"*** ***Cách dùng dấu phẩy cảu tác giả trong câu trên tạo ra nhịp điệu như thế nào cho câu văn? Nhịp điệu ấy góp phần tạo nên điều gì?*** *Gv hướng dẫn học sinh làm bài tập,*	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày....	.Câu văn có cách ngắt nhịp ngắn, khá đều đặn 3/3/4/3 vần lưng " ay" láy 4 lần đã gọi cho người đọc hình dung phần nào sự nghèo khổ vất vả, lam lũ quanh quẩn nặng nề của đời sống nhân dân VN chúng ta qua bao thế kỉ. Hình ảnh cối xay lúa đã trở thành một hoán dụ.

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án

*** Kỹ thuật:** Giao việc

*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Khi nào có thể sử dụng dấu chấm để kết thúc câu cảm thán ? Cho ví dụ ?	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày....	**.....**

Bước 4. Hướng dẫn HS về nhà (2')

1. Hướng dẫn HS học bài:

- Làm hoàn chỉnh các bài tập vào vở.
- Biết cách dùng dấu câu cho phù hợp.

2. Hướng dẫn HS chuẩn bị bài: Ôn tập tổng hợp

Tuần: Tiết:	**ÔN TẬP TỔNG HỢP**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1.Kiến thức:

- Giúp học sinh hệ thống lại kiến thức và những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện và kí
- Rèn kỹ năng tổng hợp kiến thức
- Điểm giống và khác nhau giữa truyện và kí

2.Kĩ năng:

-Hệ thống , so sánh , tổng hợp kiến thức về truyện và kí đã được học .

-Trình bày những hiểu biết và cảm nhận mới của bản thân về thiên nhiên, đất nước, con người qua những truyện, kí đã học.

3. Thái độ:

Nghiêm túc ôn tập.

4. Định hướng phát triển năng lực:

Giúp học sinh phát triển một số năng lực:

- Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực cảm thụ thẩm mĩ.
- Năng lực xã hội: Năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.
- Năng lực công cụ: Năng lực sử dụng ngôn ngữ

II – CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Sử dụng SGK, SGV, Bài giảng, tranh minh họa, bảng phụ , chuẩn khtn

2. Chuẩn bị của học sinh

Chuẩn bị bài soạn.

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: **Ổn định tổ chức**

Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

*** Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

*** Kĩ thuật:** Động não.

*** Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
GV dẫn vào bài:	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	Hướng HS vào nội dung bài học

HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức về công dụng của dấu phẩy

*** Phương pháp :** Đàm thoại, dạy học theo nhóm.

*** Kĩ thuật :** Động não.

*** Thời gian:** 10-15’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- GV nêu những nội dung cần ôn tập chuẩn bị cho kiểm tra học kì II ở ca ba phân môn : Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn. * Văn bản: + Đặc điểm thể loại. + Tên tác giả, nội dung, nghệ thuật, xuất xứ ...của các tác phẩm đã học. + Nhân vật, cốt truyện. + Một số chi tiết tiêu biểu. + Vẻ đẹp của các trang văn miêu tả. + Cách kể chuyện của tác giả. + Cách dùng và tác dụng của một số biện pháp tu từ đã vận dụng. * Tiếng Việt : Từ và Cụm từ. Phép tu từ Câu và các kiểu câu. Dấu câu * Tập làm văn : a. Tự sự: ngôi kể, lời kể, thứ tự kể, dàn bài và cách làm một bài văn tự sự. b. Miêu tả: - Khái niệm. - Các thao tác làm văn miêu tả. - Phương pháp miêu tả: tả cảnh, tả người.	- Nghe, ghi chép.	**I. Những nội dung cơ bản cần chú ý:** **1/ Văn bản:** - Đặc điểm thể loại. - Tên tác giả, nội dung, nghệ thuật, xuất xứ ...của các tác phẩm đã học: - Nhân vật, cốt truyện. - Một số chi tiết tiêu biểu. - Vẻ đẹp của các trang văn miêu tả. - Cách kể chuyện của tác giả. - Cách dùng và tác dụng của một số biện pháp tu từ đã vận dụng. **2/ Tiếng Việt :** a. Từ loại: (từ và cụm từ) Từ loại: DT, ĐT, TT, ST, LT, CT, PT Cụm từ: CDT, CĐT, CTT b. Các phép tu từ đã học: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ, hoán dụ. c. Các kiểu câu - Các thành phần chính của câu. - Câu trần thuật đơn và các kiểu câu trần thuật đơn.. **3/ Tập làm văn :** a. Tự sự: ngôi kể, lời kể, thứ tự kể, dàn bài và cách làm một bài văn tự sự. b. Miêu tả: - Khái niệm. - Các thao tác làm văn miêu tả. - Phương pháp miêu tả: tả cảnh, tả người.
- GV yêu cầu HS nhắc lại một số nội dung kiến thức đã học. **? Nêu các thành phần chính của câu?** **? Thế nào là câu trần**	- Thực hiện theo yêu cầu. - HS nhớ lại kiến thức, trả lời cá nhân. - Trả lời cá nhân.	**II. Luyện tập:**

thuật đơn và các kiểu câu trần thuật đơn? **? Nhắc lại các phép tu từ đã học?** - Cho HS nhắc lại 2 phương thức biểu đạt chính đã học. - GV cho HS hoạt động theo nhóm để cùng làm thử một đề kiểm tra học kì II do GV ra đề. - GV phát đề cho các nhóm làm bài, gọi học sinh trả lời . - Gọi HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, kết luận.	- Trả lời cá nhân. - Tự sự và miêu tả. - Nhận đề kiểm tra và làm việc theo nhóm. - Trả lời cá nhân trước lớp theo yêu cầu của GV. - Nhận xét, bổ sung. - Nghe.	

Bước 4: Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà

- Học bài, học ghi nhớ.
- Chuẩn bị bài mới: tổng kết phần tiếng việt

Tuần: Tiết: TIẾNG VIỆT	**TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT**	Ngày soạn: Ngày dạy:

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức

- Danh từ, động từ, tính từ, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ .
- Các thành phần chinh của câu .
- Các kiểu câu .
- Các phép tu từ : Nhân hóa, so sánh, ẩn dụ, hoán dụ .
- Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy .

2.Kĩ năng

- Nhận ra từ loại và các phép tu từ .
- Chữa các lỗi về câu và dấu câu .

3. Thái độ

- Có ý thức trình bày bài viết của mình

4. Năng lực dạy học cần hướng tới

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực sử dụng ngôn ngữ
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực sử dụng giao tiếp Tiếng Việt

III. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: - Nghiên cứu sgk, sgv, soạn giáo án.
   - Bảng hệ thống để trống một số ô
2. Học sinh: Soạn bài theo hướng dẫn.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1. ổn định tổ chức lớp (1')

Bước 2. Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra sự chuẩn bị của h/s

Bước 3. Bài mới (82')

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

*** Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp

*** Phương pháp:** Quan sát, vấn đáp, thuyết trình.

*** Kỹ thuật :** Động não.

*** Thời gian:** 1'.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Trong chương trình Ngữ Văn 6 (phần văn) có hai loại hình bài học : bài học tác phẩm và bài tổng kết. - Bài tổng kết có ý nghĩa rất quan trọng : đảm bảo kết quả học tập của chương trình.Nó giúp HS nắm vững những trọng tâm, trọng điểm của chương trình, không để kiến thức vào tình trạng lộn xộn, rời rạc .	- Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	Hướng HS vào nội dung bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

*** Mục tiêu:** h/s hệ thống hóa kiến thức cơ bản về các từ loại đã học.

*** Phương pháp :** Hệ thống hóa.

*** Kĩ thuật :** Động não.

*** Thời gian:** 7-10'

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt

GV treo bảng phụ vẽ sơ đồ từ loại - h/s nhìn vào sơ đồ trình bày định nghĩa lấy ví dụ minh họa, đặt câu, viết đoạn văn xác định các từ loại đó.	**I.Các từ loại đã học** - Làm việc cá nhân	**I. Các từ loại đã học** - Danh từ - Động từ -Tính từ - Số từ - Lượng từ - Chỉ từ - Phó từ
GV treo bảng phụ vẽ sơ đồ các phép tu từ - h/s nhìn vào sơ đồ trình bày định nghĩa lấy ví dụ minh họa, đặt câu, viết đoạn văn có sử dụng phép tu từ.	**II, Các phép tu từ đã học-** Làm việc cá nhân	**II, Các phép tu từ đã học** - So sánh - Nhân hóa - ẩn dụ - Hoán dụ
GV treo bảng phụ vẽ sơ đồ câm về các kiểu câu đã học, y/c học sinh điền vào sơ đồ và lấy ví dọ minh họa - h/s nhìn vào sơ đồ trình bày định nghĩa lấy ví dụ minh họa, đặt câu, viết đoạn văn có sử dụng phép tu từ	**III.Các kiểu câu đã học-** Làm việc cá nhân	**III. Các kiểu câu đã học:** - Câu đơn, câu ghép - Câu trần thuật đơn - Câu trần thuật đơn có từ là - Câu trần thuật đơn không có từ là
Kể tên và nêu công dụng của các loại dấu câu đã học.	**IV.Các loại dấu câu đã học** Làm việc cá nhân	**IV.Các loại dấu câu đã học** + Dấu kết thúc câu: - Dấu chấm - Dấu chấm hỏi - Dấu chấm than + Dấu phân cách các bộ phận câu: - dấu phẩy

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu:** h/s làm bài tập củng cố kiến thức.

*** Phương pháp** : Vấn đáp.

*** Kĩ thuật :** Động não.

*** Thời gian:** 10 -15’

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Nêu y/c bài tập - Yêu cầu h/s viết ra giấy, lên bảng trình bày, nhận xét, bổ sung.	III. Luyện Tập Nêu y/c bài tập 1 - Làm việc cá nhân lên bảng trình bày, nhận xét, bổ sung	**Bài tập. 1:** Viết đoạn văn tự sự kể về một người bạn , sử dụng các từ loại đã học. **Bài tập 2.** Viết một đoạn văn miêu tả loài hoa em yêu, trong đoạn có sử dụng phép so sánh , nhân hóa.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
-Dùng sơ đồ tư duy để khái quát lại những kiến thức Tv trong học kì 2.	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày....	Làm về nhà

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG
*** Mục tiêu:**
- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

*** Phương pháp:** Dự án
*** Kỹ thuật:** Giao việc
*** Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Trao đổi với các bạn để tìm thêm các công dụng khác của dấu hỏi chấm.	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày....	....

Bước 4: Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà
1.Bài cũ :
2.Bài mới :Chuẩn bị viết bài kiểm tra tổng hợp cuối năm